

Nguyễn Bích Lan

Tự truyện

hạt giống
tâm hồn

Không gục ngã

Đêm tối đến
để lại trong ta
những vì sao



Nhà Xuất Bản Hội Nhà Văn

KHÔNG GỤC NGÃ

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

[Lời giới thiệu](#)

[Vì sao tôi viết tự truyện này?](#)

[PHẦN I CHUYỆN ĐỜI TÔI](#)

[1 - Nhà có ba chị em](#)

[2 - Mê chơi](#)

[3 - Lời của cánh đồng](#)

[4 - Phố và làng](#)

[5 - Tai ương](#)

[6 - Mặc kệ trong bệnh tật](#)

[7 - Vái tứ phương](#)

[8 - Tìm ánh sáng trong đường hầm tối](#)

[9 - Hai tay nâng một viên phấn](#)

[10 - Thử thách mới của số phận](#)

[11 - Một cánh cửa khác mở ra](#)

[12 - Từ căn phòng nhỏ đến bảo tàng lớn](#)

[13 - Cập nhật cuộc sống](#)

[14 - Nick Vujicic, tôi và “Cuộc sống không giới hạn”](#)

[15 - Hạnh phúc nho nhỏ, hạnh phúc lớn lao](#)

[PHẦN 2 NHỮNG CHIÊM NGHIỆM CUỘC SỐNG](#)

[1 - Không đổ lỗi](#)

[2 - Bắt đầu từ những gì còn lại](#)

[3 - Khi buồn hãy nghĩ đến những người còn buồn hơn mình](#)

[4 - Không sợ khó](#)

[5 - Học để đổi đời](#)

[6 - Bài học từ những vết sẹo](#)

[7 - Cho và nhận](#)

[8 - Hãy đọc nhiều sách](#)

[9 - Hãy dám sống với đam mê](#)

[10 - Tự gieo mầm hy vọng](#)



“Đêm tối đến để lại trong ta những vì sao.”

- Victor Hugo

“Có những cuộc đời, những thân phận sống trên thế gian này như để thức tỉnh bản ngã con người.

Có những câu chuyện của người khác dường như được viết ra cho chính mình.”

- Nguyễn Văn Phước

GD First News - Trí Việt

LỜI GIỚI THIỆU

Đã 18 năm cầm bút, rong ruổi đây đó, gặp biết bao số phận buồn, vui kiếp người, riêng Bích Lan đã để lại trong tôi nhiều xúc cảm sâu sắc, lắng đọng mãi. Đó là một chiều thu, trên con đường ngược sông Hồng chảy qua đoạn Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, tôi đã lặng nhìn Bích Lan phải dùng cả hai tay mới nâng được ca nước nhỏ, tưới chậu lan treo trước mảnh sân quê cô. Nhìn mầm xanh lẫn người gieo sự sống đều có vẻ như yếu đuối, không biết sẽ gục ngã lúc nào, tôi lại thấu cảm có mạch nguồn sự sống mãnh liệt đang ẩn sâu trong sự mong manh đó. Ngọn lửa nội sinh không thể hiện qua lời nói ồn ã, cũng chẳng thấy được trên cơ thể mạnh khỏe, mà từ chính trái tim, tâm hồn cô!

Suốt buổi chiều hôm đó sang cả ngày sau, tôi đã ngồi nhìn sâu vào ánh mắt luôn nhìn thẳng và lắng nghe giọng nói chậm nhẹ, nhưng rõ ràng, chắc chắn của Bích Lan. Rồi tôi chợt nhận ra rằng ý tưởng ban đầu viết một bài ký nhân vật của mình hơi hợt quá. Chuyện đời cô có biết bao nỗi niềm để thấu cảm, sẽ chia cho những phận người đang mò mẫm trong khổ đau, bất hạnh tin rằng dù đêm có dài đen, kiếp nhân sinh có xoay vần giông tố thế nào, thì bầu trời vẫn luôn có những vì sao lấp lánh, và rồi mỗi người cũng sẽ tìm được một con đường tốt đẹp cho chính mình!

Loạt bài “Không gục ngã” sáu kỳ đăng trên Tuổi Trẻ đã nhận được sự phản hồi, sẽ chia rất nhiều của bạn đọc. Có người hỏi tôi địa chỉ Bích Lan để động viên cô. Có người còn bày bài thuốc này nọ để hy vọng cô vượt qua được bệnh tật. Nhưng cảm động nhất là nhiều người muốn kết bạn tâm giao với Bích Lan, cô gái lúc ấy vẫn còn trầm lặng, âm thầm vượt qua bệnh tật để tìm niềm vui trong viết lách và dạy học ở làng quê nghèo.

Tôi nhớ mãi hình ảnh hai cha con tìm đến tận cơ quan tôi ở TP.HCM để hỏi thăm thêm chuyện Bích Lan. Người cha có gương mặt ưu tư, khắc khổ xúc động tâm sự: “Cả đời tôi mãi mê làm ăn, có thể cho con nhà lầu, ô tô hay những chuyến du học đắt tiền, nhưng không thể nào truyền cho con được nghị lực sống. Tôi đã rất buồn phiền, lo âu con không nên người. Nhưng câu chuyện cảm động của Bích Lan hình như đã làm cháu tỉnh lại. Nó đã cắt những bài báo này dán ở bàn học, và khóc nói với tôi rằng chính con mới là kẻ yếu đuối hơn cô gái này rất nhiều!”. Lặng nghe tâm sự của họ, rồi chính tôi lại ứa nước mắt khi người con trai nói lên nỗi lòng: “Em đọc đi đọc lại chuyện đời chị Lan, cảm nhận hình như chị đã vượt qua được tất cả bất hạnh, khổ đau là nhờ có niềm tin vào điều tốt đẹp vẫn luôn tồn tại trên cõi đời này”.

Vâng! Đó chính là điều tôi đã thấu cảm, để có niềm tin cho mực chảy ra từ trái tim mình và trở thành người bạn phương xa của Bích Lan...

Vì sao tôi viết tự truyện này?

Nguyễn Bích Lan

Một con người có thể làm gì ở tuổi mười ba? Chưa, có lẽ ở cái tuổi đó người ta chưa thể làm được gì cả, thậm chí còn chưa biết nghĩ đến tương lai. Nếu một tai họa bất ngờ ập đến với bạn ở tuổi mười ba, bạn sẽ làm gì? Vùng vẫy, đấu tranh để thoát khỏi hoàn cảnh đó bằng bản năng sống còn của mình?

Nói cách khác, đó là sức mạnh được Tạo hóa “lập trình” cho mỗi con người. Từ khi còn trong bụng mẹ, chúng ta đã đấu tranh bằng cách cựa quậy để báo hiệu với mẹ rằng ta vẫn đang ở đó. Vừa chào đời, ta đã khóc, biết giãy đạp để thoát khỏi chiếc tã bẩn, thoát khỏi cơn đói, thoát khỏi sự cô đơn. Rồi chúng ta đấu tranh với hệ thống cơ gân chưa hoàn thiện của mình để cất cổ lên, để bò, ngồi, và tự đi bằng hai chân. Cứ thế chúng ta tiếp tục những cuộc đấu tranh vô thức cho tới khi đủ lớn để có thể đấu tranh một cách có ý thức trước vô vàn thách thức giăng mắc trong cuộc sống.

Nhưng bạn có thể vùng vẫy được bao lâu khi những vòng vây của số phận nghiệt ngã không những không nói lỏng ra mà ngày càng siết chặt hơn? Bạn sẽ thoát khỏi sự vây siết riết róng đó bằng cách nào?

Tôi từng là đứa trẻ khỏe mạnh, xinh xắn, vô tư, ham chơi, hễ chạm chân xuống đất là ríu rít nhảy chân sáo. Tuổi thơ tôi miên man trong gió đồng và những trò chơi thơ dại. Những ngày cắp sách tới trường của tôi đầy bóng chữ và cả một thế giới văn chương lung linh mà tôi tự đắp xây bằng những quãng thời gian đọc vụng trộm tủ sách của ông nội. Chưa có gì trong cuộc sống khiến tôi phải nghĩ ngợi. Tôi hồn nhiên đi qua tuổi thơ đến mức chưa kịp nuối tiếc khoảng thời gian thần tiên ấy. Rồi tôi chạm vào cánh cửa tuổi thanh xuân, nhìn thấy bóng dáng mình ở thời thiếu nữ. Tất cả những cảm xúc xốn xang, những thoáng xáo động chỉ vừa chớm nở, hé mở trong tâm hồn trong veo.

Nhưng bỗng chốc sự bình yên sụp đổ, chôn vùi cả nét hồn nhiên. Cả những cảm xúc mới mẻ, đẹp đẽ cũng vụt mất. Bánh xe cuộc đời tôi khựng lại trước những hướng đi đầy hy vọng, quay ngoắt 180 độ, rẽ vào lối dẫn tới vực thẳm của sự tuyệt vọng. Tôi chới với. Trống rỗng. Vô vọng.

Sự nghiệt ngã của số phận lắm lúc dồn ép tôi khủng khiếp đến mức tôi nghĩ rằng mình sẽ không còn nhìn thấy ánh mặt trời của những ngày phía trước, sẽ nằm yên đợi cái giới hạn cuối cùng của đời người. Có những lúc cảm giác tuyệt vọng xâm chiếm toàn bộ thế giới của tôi, xô

ngã hết những điểm tựa sức mạnh mà tôi tìm thấy trong cuộc sống. Có những lúc toàn bộ thế giới mơ ước của tôi teo tóp lại, chỉ còn duy nhất một ao ước: có thể thở bình thường, dù chỉ một phút. Chỉ thế thôi!

Tôi ghét cay ghét đắng những đau đớn. Tôi không thể quen với đau đớn, nỗi buồn và sự cô đơn. Tôi không lựa chọn những thứ đáng ghét đó cho cuộc sống của mình, càng không đại gì tìm đến chúng. Ngược lại, chúng hăm hờ tiến về phía tôi. Tôi nhắm mắt đợi chúng trôi qua, nhưng điều ấy chẳng bao giờ xảy ra. Tôi đã đợi, đợi đủ lâu chỉ để thấy chúng càng ngày càng hăm hĩnh, càng đắc thắng sẵn tới, thâm hiểm rình rập, chờ chực thời điểm tôi buông xuôi. Tôi không được phép lựa chọn kẻ thù, chỉ có thể chọn thái độ đầu hàng hay không. Trong những lúc đấu tranh cam go nhất để giữ lấy sự sống của mình, tôi phải dựa vào một mệnh lệnh nghiêm khắc và thiết tha nhất từ sâu trong trái tim mình: không được gục ngã!

Những người theo dõi hành trình tôi đấu tranh với số phận nghiệt ngã đều nói rằng tôi đã chiến thắng. Có thể còn quá sớm để khẳng định đó là kết quả chung cuộc của trận đấu dai dẳng với đối thủ nặng ký mang tên số phận. Khi cuốn sách này đến tay bạn, tôi có thể khẳng định rằng chí ít tôi đã chiến thắng từng chặng và chiến thắng nhiều chặng quan trọng trong hành trình đấu tranh ấy. Chí ít, tôi đã sống đến ngày hôm nay để có thể khẳng định với các bạn về sự cần thiết của thái độ đấu tranh, sự gian nan của hành trình vượt lên số phận, cũng như những phần thưởng vô giá dành cho sự kiên trì, bền bỉ, mãnh liệt giành quyền sống.

Những ai từng trải qua cuộc đấu tranh tương tự như tôi đã và đang trải qua có thể dễ dàng đồng ý rằng, phần thưởng lớn lao nhất của quá trình vượt lên nghịch cảnh chính là ý thức sâu sắc về giá trị của sự sống hay còn gọi là lòng yêu đời.

Trong cuốn sách này, với tất cả chân thành, tôi kể với các bạn về hành trình vượt khó của mình. Cuộc sống luôn ẩn chứa những thách thức, bất trắc khó lường. Nếu cuộc sống của bạn đang trôi đi êm ả, bình yên, thì việc đọc cuốn sách này có thể chỉ là cách giết thời gian không hơn không kém. Nhưng vào một ngày nào đó, nếu số phận từ chối ban tặng cho bạn những điều tốt lành, tước đi của bạn hạnh phúc, sự lạc quan, niềm tin và cả hy vọng, thì câu chuyện của tôi có thể sẽ mang lại cho bạn điều gì đó cao hơn sự an ủi.

“Không gục ngã” là câu chuyện của tôi và tôi thật lòng mong khi bạn khép lại cuốn sách này, bạn cũng sẽ bắt đầu viết lên những câu chuyện không gục ngã trong hành trình sống có một không hai của mỗi người.

- Nguyễn Bích Lan

PHẦN 1

CHUYỆN ĐỜI TÔI

1

Nhà có ba chị em

Tôi không phải là con đầu lòng của bố mẹ. Nếu là con đầu lòng, có lẽ tôi đã là một đứa trẻ bị đẻ rơi, chào đời trong một cái bọc. Mọi người kể lại rằng mẹ tôi sinh chị cả của tôi khi mẹ chưa kịp vào phòng hộ sinh. Chị tôi lọt lòng mẹ, rơi ngay xuống bậc thềm trạm xá xã trong lúc y tá trực không có ở đó. Mẹ tôi hoảng hốt gọi. Những người sống gần trạm xá chạy đến. Một lớp màng vẫn bao quanh cơ thể chị tôi, người ta phải cẩu lớp màng ấy ra chị tôi mới bắt đầu cất tiếng khóc. Sau đó, mẹ phải chịu những cơn đau cùng cực vì bị sót nhau.

Cứ như thể muốn mình “an toàn” hơn chị, đến tận 29 Tết, tôi mới giã đạp quyết liệt đòi ra khỏi bụng mẹ. Năm ấy không có ngày 30 Tết và tính theo dương lịch thì đã là ngày 29/1 của năm kế tiếp. Ngày tôi chào đời, bà tôi nói: “Chỉ hưởng 1 ngày mà nó phải chịu 1 tuổi”.

“*Phải chịu*” có nghĩa là thiệt thòi. Sự thiệt thòi thứ nhất tôi phải chịu liên quan đến cái đói. Suốt thời gian mang thai tôi và nuôi tôi bằng sữa mẹ, mẹ hầu như không biết đến cảm giác no. Có ngày mẹ phải ăn cơm nấu từ những hạt gạo đỏ đi vay của một người họ hàng mang từ miền núi về. Những người xung quanh chúng tôi cũng chung cảnh đói. Nghe nói năm đó ở cái chợ cách nhà tôi không xa, có người mang bán những chiếc bánh làm bằng đất gói trong lá chuối. Cái đói đã riết róng vây bủa đến mức có người phải lừa người khác để cứu lấy mình.

Sự thiệt thòi thứ hai liên quan đến cảm giác thất vọng của bố. Sau khi đã có con gái đầu lòng và bắt đầu chịu áp lực từ chính sách sinh đẻ có kế hoạch, áp dụng trước nhất với cán bộ công nhân viên Nhà nước, bố hy vọng sẽ có một cậu con trai. Vì thế, khi biết tin mẹ lại sinh con gái, bố thất vọng đến nỗi không buồn đặt tên cho tôi. Tên khai sinh của tôi do mẹ đặt cho. Bà nội không ưng cái tên đó lắm nên đã đặt một cái tên khác, và việc có đến hai cái tên gây cho tôi không ít phiền phức về sau. Vài ngày sau khi đặt tên cho tôi, bà bị bệnh cảm, đột ngột qua đời vào giữa trưa. Sự thiệt thòi của tôi lẫn trong màu tang tóc của gia đình.

Chẳng lâu sau, mẹ sinh em trai. Bố mãi nguyện vì có đàn con vừa đủ số lượng, vừa đủ “nếp,

tẻ”. Riêng tôi vừa phải làm em của một người chị lớn hơn mình chỉ 1 tuổi, vừa làm chị của đứa em chỉ kém mình 1 tuổi. Chưa biết nể sợ chị thì tôi đã phải học cách nhường nhịn em.

Nhà tôi còn giữ được một tấm ảnh duy nhất chụp ba chị em tôi ở cái thuở chúng tôi còn “bé như ba cái kẹo” - như cách mẹ ví von. Trong tấm ảnh đó, ba chị em mỗi đứa một tư thế, ngồi sát nhau ở bậc cửa. Bức ảnh đó đã ố vàng, những đường nét trên gương mặt chúng tôi không còn rõ ràng. Tôi không biết hồi bé mình trông thế nào. Ông tôi thường ngâm nga như thể đọc về mỗi khi tả tôi “đứa trẻ trán dô, mũi tẹt, mặt gãy lưởi cày”. Tả xong, ông nheo mắt cười, đợi tôi lên cơn tức; biết thế nên tôi không tin mình xấu xí như lời ông.

Hồi bé tôi hay nhảy chân sáo trên đường làng. Thỉnh thoảng đang nhảy, tôi lại được một người nào đó trong họ hàng hoặc chẳng họ hàng gì ôm choàng lấy thơm vào má. Có một bà bán hàng xén mỗi lần gánh hàng đi qua làng, gặp tôi, bà lại cười, khen tôi xinh và cho tôi món quà nhỏ nào đó, hôm thì con sâu bằng bột vàng thơm, hôm thì một quả nhót đỏ chót.



Bức ảnh chụp chị em Bích Lan đã được phục chế. Bích Lan ngồi bên trái.

Ba chị em tôi đều lớn lên trong căn nhà do ông bà tôi tự tay đóng từng viên gạch để xây cất từ những năm 50 của thế kỷ trước. Nhà tôi ở trong một làng nhỏ, có đồng lúa bao quanh, có những cây đa ngoảnh mặt ra cánh đồng vẫy gió. Ngôi nhà ấy không rộng cũng không chật, sau vài lần được coi nói, sửa chữa, chấp vá đã trở thành ngôi nhà ngói năm gian có hiên tây. Nhà tôi hướng nam, nằm trên nền đất cao, nhìn ra những ngọn cây cao ở cuối làng. Trước nhà tôi, bầu trời trải ra vừa đủ rộng để chị em tôi ngồi bên thềm, ngửa cổ mỗi mắt nhìn những đám mây lững lờ trôi, những đàn chim chao nghiêng, những cánh diều lộng gió...

Ông tôi yêu quý tất cả những gì ông phải đổ mồ hôi sôi nước mắt mới tạo dựng được, đặc biệt là ngôi nhà. Ông truyền tình yêu dành cho nhà cửa, vườn tược sang chúng tôi bằng những cách rất lạc quan. Vào những ngày oi bức, ông cháu tôi ngồi bên hiên nhà. Vừa phe phẩy quạt cho chúng tôi, ông vừa cười khà khà: “Hiên nhà mình mát thế!”. Chuyện ấy cũng giống như khi ông hái cam trong vườn nhà, vắt lấy nước, bỏ hai, ba thìa đường vào cốc, khuấy lên nếm thử rồi nheo mắt tấm tắc: “Cam nhà mình ngọt cực!”.

Chị em tôi yêu căn nhà theo cái cách ông tôi truyền cho và cả theo cách riêng của trẻ con. Chúng tôi sung sướng khi phát hiện ra một bầy ong vàng làm tổ trên vòm cây trong vườn. Chúng tôi đợi tổ ong to dần lên. Khi không thể đợi thêm, chúng tôi quấn giẻ rách vào một đầu gậy, đốt thành mồi lửa, chọc tổ ong cho ong bay hết rồi đập tổ ong xuống, gỡ nhộng ong ra đem bỏ vào chảo rang, chia nhau từng con ong non thơm ngậy.



Ngôi nhà nơi Bích Lan lớn lên. Ảnh chụp năm 2007.

Ông nội tôi vốn gốc nông dân; có căn nhà, ao cá, có vườn cam ngon ngọt thế là phong lưu lắm. Bố mẹ tôi là cán bộ Nhà nước, sống cùng ông bà, chỉ có những tấm tem phiếu. Thời ấy, tem phiếu có thể dùng mua thịt, gạo nhưng chỉ được mua vào đúng những ngày Nhà nước quy định các cửa hàng hoạt động chứ không phải bất cứ lúc nào người dân cần. Những thực phẩm mua được từ tem phiếu chẳng bao giờ là thứ ngon và việc xếp hàng chờ đến lượt mua quả thật là việc nhàm chán nhất trên đời.

Chín tuổi, tôi được mẹ “phái” đi xếp hàng mua gạo. Đến tận bây giờ, tôi vẫn nhớ cảnh chờ chực ở cửa hàng gạo: chờ xếp số, chờ gọi tên, chờ cân gạo, chờ lấy xe. Mỗi khi phải chờ chực đóng gạo, tôi thấy những đứa trẻ đi mót gạo rơi ở kho gạo còn sướng hơn chúng tôi - những đứa trẻ ăn gạo từ tem phiếu.

Bà nội mất khi tôi mới được vài ngày tuổi. Nhưng tôi còn có một bà nội khác mà người làng gọi là “bà hai” của ông tôi. Làng tôi ngày ấy không hiếm những đứa trẻ có hai bà nội hoặc hai bà ngoại. Bà hai vốn người gốc Hà Nội, được sinh ra vào thời Pháp thuộc. Những bi kịch gia đình đẩy bà vào cuộc sống tự lập và phiêu dạt từ rất sớm. Bà không đến trường ngày nào nhưng vốn hiểu biết về các vùng đất và phong tục cổ truyền của bà luôn khiến người khác ngạc nhiên. Đặc biệt, bà là cả một kho tàng sống về ca dao tục ngữ mà chị em tôi chưa bao giờ khám phá được đến tận cùng.

Tôi không nhớ rõ thời mình còn được ẵm ngửa nhưng chắc chắn rằng, cũng giống như chị gái và em trai tôi, những ngày đó tôi luôn trôi vào giấc ngủ bằng những lời ru ấm đượm hơi thở ca dao của bà. Ngoài hai mươi tuổi, tôi vẫn không khỏi ngạc nhiên trước những câu tục ngữ mà tôi chưa từng nghe lại được thốt ra từ khuôn miệng còn rất duyên của bà tôi.

Chị em tôi lớn lên khỏe mạnh là nhờ tình yêu lớn lao và bàn tay chăm sóc, đảm đang phi thường của bà. Mẹ tôi bước vào nghề dạy học khi đất nước còn chìm trong chiến tranh. Không có điều kiện để học trước khi ra nghề, mẹ phải vừa đi dạy vừa đi học để bổ sung chuyên môn, nâng cao trình độ. Vì vậy, phần lớn thời gian tuổi thơ của chị em tôi gắn bó với bà nội.



Năm tuổi, tôi bắt đầu đi học. Nói chính xác là tôi đấu tranh để được đi học. Trong ngày tuyển sinh vào lớp 1, thấy mình không được gọi tên như các bạn đang tập trung ở lớp mẫu giáo lớn, tôi chạy một mạch từ lớp mẫu giáo lên trường tiểu học, vào ngồi trong lớp một cách đàng hoàng, hãnh diện hệt như những đứa trẻ sáu tuổi cùng xóm.

Cô giáo dỗ dành bảo tôi về nhà nhưng tôi kiên quyết ngồi lì như “đổ bê-tông”. Cô đành đi nói chuyện với mẹ tôi. Mẹ bảo tôi đã thuộc hết bảng chữ cái, đã biết đếm số, bây giờ không cho học lớp 1 thì chẳng biết làm gì với tôi. Cuối cùng, mẹ và cô giáo quyết định cho tôi đi học trước tuổi, nếu không học theo kịp các bạn thì năm sau cho học lại lớp 1. Tôi không biết dự tính ấy, cứ hồn nhiên học, hồn nhiên chơi và điểm số luôn thuộc tốp đầu lớp.

Tôi rất thích khám phá thế giới chữ. Có lẽ ngay từ khi bắt đầu đi học tôi đã có cảm giác chữ cứ ùa vào tôi như những cơn gió mát rượi giữa trưa hè. Khi biết đọc, tôi đọc ngẫu nhiên tất cả những chữ tôi nhìn thấy ở bất cứ đâu. Tôi đọc chữ trên những mẫu báo cũ dùng gói đồ, chữ dập nổi trên những đôi dép lê. Tôi đọc đi đọc lại những chữ in trong các cuốn sách giáo khoa như một thú vui. Nhờ thú vui đó mà tôi thuộc lòng tất cả bài thơ, bài tập đọc trong sách trước khi cô giáo dạy những bài đó cho cả lớp. Bà tôi kể rằng có hôm trống tan trường đã điểm từ lâu mà bà vẫn chưa thấy tôi về nhà. Lo có chuyện không hay xảy ra với tôi, bà liền đi tìm và cuối cùng thấy tôi đang đứng trước bức tường của ủy ban xã, mãi mê đánh vần những con chữ trên bảng thông báo của hợp tác xã.

Hồi tôi học lớp 1, lớp 2, nhà tôi chưa có giá sách. Cô ruột tôi ở Hà Nội thường xuyên gửi sách về biếu ông. Ông cẩn thận cất những cuốn sách đó trong ngăn rộng nhất của chiếc tủ gỗ như giữ một kho báu của gia đình. Chị em tôi không được tự tiện mở ngăn tủ ấy, chỉ thỉnh thoảng được ông đọc cho nghe một đoạn thơ trong cuốn “*Truyện Kiều*” dày cộp hoặc những bài thơ trong những cuốn sách khác mỏng hơn vào những lúc ông rảnh rỗi. Đọc xong, ông cất sách vào tủ và cẩn thận đóng cửa tủ lại.

Cái thế giới sách nghiêm mật ấy khiến tôi tò mò, bứt rứt lắm. Tôi thường tranh thủ lúc ông đi vắng, mở tủ tìm sách đọc. Tôi sà vào những chồng sách, gần như lọt nửa người vào trong ngăn tủ. Tôi mở cuốn sách bất kỳ, đọc những con chữ trong bóng tối ngăn tủ, khi thì vài trang cuốn

“Tắt đèn” của Ngô Tất Tố, khi thì cuốn “*Iliad*” của đại thi hào Homer hay “*Phủ biên tạp lục*” của Lê Quý Đôn. Tôi đọc mà hầu như chẳng hiểu gì nên cứ mãi miết lục tung các chồng sách. Dấu vết của những vụ tự ý mở tủ sách khiến ông nổi giận. Chẳng cần nhọc công tra khảo, ông cũng dễ dàng biết ai là thủ phạm.

Cô tôi bắt đầu gửi cho chị em tôi những tập truyện thiếu nhi. Từ đó, trong cặp tôi hầu như lúc nào cũng có một quyển truyện. Vào những giờ giải lao, và thỉnh thoảng cả khi trong những tiết học buồn tẻ, khi cả lớp theo dõi cô giáo đọc hoặc chép những dòng chữ trong sách giáo khoa lên bảng thì tôi lén lôi cuốn truyện từ trong cặp ra, đút vào ngăn bàn và lén đọc. Có lần đang say sưa với cuốn truyện thì tôi bị cô bắt quả tang đang “làm việc riêng” trong giờ học. Cô phạt bằng cách bắt tôi trả lời câu hỏi nào đó chẳng liên quan mấy đến bài học hoặc đọc thuộc lòng cả bài thơ dài. Khi tôi trả lời được câu hỏi hoặc đọc vanh vách bài thơ như con vẹt (chuyện ấy chẳng có gì khó với tôi) thì tôi thấy cô có chút lúng túng. Cô chẳng biết phải làm gì ngoài tịch thu quyển truyện của tôi.

Để có truyện đọc quanh năm, tôi lén lấy sách trong tủ của ông đem đi đổi lấy những cuốn truyện khác của bạn học cùng trường và của cả người lớn trong làng. Với các tập của bộ truyện “*Tam quốc diễn nghĩa*”, tôi có thể đổi được bất cứ cuốn truyện được cất kỹ ở đáy hòm nào trong làng hoặc trong những ngăn tủ nghiêm cẩn bằng hoặc hơn cả ngăn tủ của ông. Chỉ riêng với tội lấy trộm sách đi đổi sách, tôi đã đáng bị ăn đòn rồi.

Bảy tuổi, tôi đọc cuốn “*Không gia đình*” của Hector Malot - cuốn sách tôi có được nhờ đổi sách với một đứa con trai cùng xã. Tôi thấy nhân vật xưng “tôi” trong cuốn truyện còn nhỏ như tôi mà khóc suốt vì cuộc sống quá nhiều chuyện buồn, vì phải đi bộ nhiều quá, vì bị đói triền miên và khắc khoải trong niềm khao khát có mẹ. Thế là tôi khóc. Khi đem trả sách, tôi hỏi thẳng bạn: “Mày đọc quyển này có khóc không?”. Nó nhìn tôi vài giây rồi nói: “Mày khóc à? Đúng là đồ con gái!”.

Vào đầu những năm 80, làng tôi chưa có điện. Sau bữa cơm tối, ba chị em tôi thường leo lên giường nằm cạnh ông nội, hóng từng tiếng người phát ra từ cái đài chạy bằng những cục pin to cỡ đầu cán chổi. Cái đài ấy là thế giới, à không, nó phải gấp năm, gấp mười lần thế giới ấy chứ! Nó dẫn trí tưởng tượng của chúng tôi đến những nơi thật xa, thật khác với những gì chúng tôi thấy ở cái làng nhỏ của mình.

Không buổi tối thứ bảy nào ông cháu tôi bỏ sót chương trình “*Kể chuyện cảnh giác*”. Cảm giác nghe những câu chuyện ấy chẳng khác gì khi ta xem phim 3D kinh dị bây giờ. Chúng tôi nằm im thín thít bên ông, nghe những vụ điều tra tội phạm gay cấn, nghe cả tiếng thở hồi hộp của nhau và chờ xem những tên trộm, những kẻ lừa đảo trong câu chuyện ấy cuối cùng có bị bắt không.

Người kể có lúc cho biết kẻ gian sa lưới pháp luật, cũng có lúc bỏ lửng kết quả như thể muốn bảo với người nghe rằng: “Thấy chưa, mất của rồi nhé! Lần sau chớ có nhẹ dạ!”.

Những câu chuyện cảnh giác hấp dẫn là thế nhưng với tôi, chúng vẫn không sánh được với những vở kịch trong chương trình “*Sân khấu truyền thanh*”. Năm tuổi, tôi đã biết hết các vở kịch “*Lưu Bình Dương Lễ*”, “*Quan Âm Thị Kính*”, “*Trương Chi*”... Ông bà và chị em tôi thích nghe từ kịch nói, chèo, đến cải lương, tuồng. Tôi nhớ được nhiều tình tiết của các vở kịch nổi tiếng không chỉ vì lâu lâu đài phát lại mà còn vì sau khi nghe, ông bà tôi cứ nhắc đến thế giới trong kịch và liên hệ với đời thường hay ví người này người kia như các nhân vật trong kịch.

Ông tôi cũng hay nghe chương trình “*Tiếng thơ*”. Vì hay rúc vào vách ông mỗi tối nên chúng tôi “lây” cả sở thích nghe thơ của ông. Tôi mến những người ngâm thơ trên đài và muốn bắt chước họ ngâm sao cho nghe thật ngọt, thật trong, thật êm, thật buồn. Nhưng là trẻ con, chị em tôi không ngâm thơ, chúng tôi chỉ hát nghêu ngao.

Ông tôi có thể ngâm thơ bất cứ lúc nào, trong lúc đan rổ, cuốc đất, tưới cây, lúc cầm quạt nan đi thông thả trong sân những đêm sáng trăng... Ông ngâm những bài thơ chúng tôi biết, ngâm cả những bài ông thuộc từ những chương trình “*Tiếng thơ*” phát trước cả khi đám cháu chào đời. Tôi cảm thấy ông tôi yêu thơ nhiều như một người biết làm thơ vậy. Một trong những điều ông mãi nguyện trong đời là sinh ra một cô con gái sau này trở thành nhà thơ được nhiều người yêu thơ cả nước biết đến. Tôi không rõ vì ông yêu thơ mà cô ruột của tôi - Nguyễn Thị Hồng - trở thành nhà thơ, hay ngược lại.



Cô ruột của Bích Lan - nhà thơ Nguyễn Thị Hồng.

Năm nào cũng vậy, cứ sáng mừng 1 Tết, ông tổ chức cuộc thi thơ cho mấy chị em tôi. Ông vừa ra đề thơ, vừa là giám thị, giám khảo, vừa là người trao giải. Trước khi ra đề, ông thường thắp một tuần hương lên bàn thờ tổ tiên. Ba chị em tôi diện quần áo Tết, chải tóc gọn ghẽ, ngồi đung đưa chân trên những chiếc ghế, tì tay vào mép bàn, vất óc nghĩ và viết những dòng chữ ngây ngô mà giờ đây, dù nhớ lại được, tôi cũng khó có thể gọi đó là thơ.

Được cái, ông tôi chỉ yêu chữ, yêu thơ chứ không hay chữ, giỏi thơ nên chủ đề các cuộc thi

thơ ông nghĩ ra thường không phức tạp, như: làm thơ về cây táo to nhất trong vườn nhà, về cảnh đào Tết... Có năm không biết có thật vì quên không mà ông lại ra đề của Tết năm trước khiến ba chị em tôi cùng tiếc hùi hụi vì không nhớ nổi năm trước mình đã viết những câu thơ gì để... chép lại cho nhanh.

Nhưng không dễ gì mà đánh lừa ông tôi. Có năm cô tôi đưa con gái về quê ăn Tết. Em họ tôi rất thích những con cào cào rang muối trong những ngày mùa gặt, những chùm hoa khế tím tím bên bờ ao ngày hè, những đàn én lượn qua khoảng trời phía trên mảnh sân nhà chúng tôi vào chiều xuân, nhưng nó không hề thích cuộc thi thơ sáng mừng 1 Tết. Ghét của nào trời trao của nấy, em họ tôi “được” - hay nói đúng hơn là “bị” ông tôi bắt tham gia cuộc thi thơ cùng chúng tôi. Bị ép uống phải ngòi “rặn” thơ, nó tức tối, khó chịu đến mức bắt đầu mếu máo. Sợ nó khóc vào sáng mừng 1 Tết sẽ làm cả nhà xui xẻo quanh năm nên cô tôi nghĩ thật nhanh mấy câu thơ và giúi cho nó. Ông phát hiện trò “gian lận” và “lì xì” hai mẹ con cô một trận mắng. Từ đó trở đi, mỗi lần nghe ai nhắc đến cuộc thi thơ của ông, em họ tôi lại nguýt một cái rõ dài.

Mê chơi

Hồi học tiểu học, tôi không nghe ai kêu ca vì phải học quá nhiều. Không biết những đứa bạn cùng trang lứa cảm thấy chuyện học thế nào, riêng tôi thì thấy khá nhàn nhã. Ở lớp, chỉ cần lắng nghe thầy cô giảng bài là tôi có thể trả lời được các câu hỏi, kiếm những điểm 10 chẳng mấy khó khăn. Tôi thường xử lý hết bài tập về nhà ngay sau khi ở trường về, trong lúc chờ cơm. Thời gian ấy, ngoài một buổi học chính thức ở trường, tôi không đi học thêm, cũng chẳng phải làm bài tập nâng cao nên ngày nào trong tuần tôi cũng có hẳn một buổi chiều và một buổi tối để chơi và để người lớn sai vặt.

Trong ba chị em, tôi mê chơi nhất. Không hiểu sao khi còn bé tôi lại khao khát được tự do vui chơi mãnh liệt đến thế. Đã có lúc trên cánh cửa bếp, dọc bức tường bao quanh sân, trên nắp bể nước ở nhà tôi... luôn có những chữ “lười” kèm tên tôi. Đó là những bản cáo trạng mà chị gái tôi âm ỨC viết ra trước hoặc sau khi chị phải làm những phần việc vặt mà tôi đã vô tư đẩy cho chị để chuồn đi chơi.

Vào những mùa gặt, trong lúc người lớn bận tối mắt tối mũi, tôi đầu têu lũ trẻ con lau nhau thi thố khả năng nghịch ngợm quanh mấy đồng rơm. Chúng tôi vật nhau giữa những cọng rơm được phơi tái, đã mềm mềm, còn nồng mùi đồng nội. Chúng tôi oằn tù tì để chia cả bọn thành hai phe. Phe thắng ngồi trên ngọn đồng rơm (bất kể đồng rơm ấy của nhà ai), phe thua phải đẩy đồng rơm đi. Chúng tôi lộn, trượt, nhảy từ ngọn đồng rơm xuống đất, và ngược lại. Chúng tôi kéo, giật làm rơm đổ xuống, rồi tung chẳng còn ra đồng xá gì nữa. Người lớn sẽ khó biết được chúng tôi có thể chơi bao nhiêu trò với rơm rạ nếu không có một đứa trong bọn bị rách áo, bị rơm chọc vào mắt hay bị trật khớp tay, trật chân, gãy răng...

Có lần, bà tôi đã phải đền 3 đồng cho một đứa trẻ hàng xóm để nó thôi không đứng đầu ngõ nhà tôi réo tên tất cả người lớn trong nhà tôi ra chửi bằng giọng chanh chua, ầm ỨC. Chuyện có gì đâu! Chỉ là tai nạn nhỏ thế này: trong lúc chúng tôi nô đùa trên đồng rơm thì một cái hoa tai của đứa ấy biến mất và nó khẳng khẳng rằng chính tôi phải chịu trách nhiệm về sự mất mát đó. Người lớn muốn biết đầu đuôi sự việc và thế là những đứa bạn chơi của tôi với sự ngây thơ, chân thật trời cho, đã tranh nhau kể lại tường tận các trò đã chơi. Dù có chuyện mất hoa tai hay không, tôi vẫn cần phải nhận một bài học. Mà với những bài học như thế, tôi là đứa cực kỳ chậm hiểu.



Tôi không hiểu, đúng là tôi không hiểu thật. Tôi không hiểu tại sao ăn trưa xong phải lên giường ngủ ngay. Tại sao cứ nhất thiết phải như vậy khi tôi đầy năng lượng và không hề muốn ngủ? Tại sao phải nằm yên một chỗ trong khi ở một con ngõ được đắp bằng đất sét, lũ bạn của tôi đang say sưa chọc những nõi măng xuống những cái lỗ nhỏ li ti - nơi có những con côn trùng nhỏ xíu đang lấp ló như thể vừa muốn chui lên khỏi mặt đất để được con người đặt cho cái tên, vừa muốn vĩnh viễn ở lại lòng đất để làm điều bí ẩn của tạo hóa. Và trong con ngõ khác, có những đứa trẻ ngồi chụm đầu với nhau, xâu những dây hoa dành dành trắng, hoa giun hồng hồng, dâm bụt đỏ thắm, cùng vô số những bông hoa dại tím tím, xanh xanh... thành những chuỗi hoa trang điểm cho cô dâu trong trò chơi đám cưới.

Thời gian bỗng bình trôi trong yên tĩnh. Gió trời như con rồng vô hình, hết phi lên những ngọn thông già lại nhào xuống những rặng tre, luồn qua những cụm lá khô xào xạc, uốn lượn dọc các con ngõ, vờn qua những giọt mồ hôi, góp thêm chút mát mẻ vào những trò chơi tinh nghịch của con trẻ. Được tụ tập với chúng bạn vào những buổi trưa như thế thật thú vị không tả nổi, thú vị hơn gấp nghìn lần một giấc ngủ trống rỗng. Bởi thế tôi luôn tìm cách trốn ngủ trưa để đi chơi.

Hồi tôi còn bé, làng tôi có những con ngõ dài tít tắp được viền hai bên bằng những hàng giậu tre hoặc hàng rào được ken bằng củi đay. Có con ngõ bắt nguồn từ đầu làng, xuyên vào giữa làng, chạy ngoằn ngoèo ra bờ sông hoặc rìa đồng bở và một khúc lửng lơ ở đó, rồi lại rúc vào trong làng, luồn qua những hông nhà, nối vào một con ngõ khác, thông đến tận cuối làng. Đi hết một con ngõ, tôi có thể dễ dàng gom được cả chục đứa bạn chơi cùng.

Những con ngõ như thế cũng tiện cho chúng tôi lắm, nhất là mỗi khi chúng tôi bị người lớn đi tìm bắt về. Nếu có ông bố hoặc bà mẹ nào cầm roi đi tìm con đang chơi trong một con ngõ thì nhiều khả năng chúng tôi sẽ được mục kích cảnh đuổi bắt thú vị, hồi hộp. Khó mà tóm được một đứa nhóc trong một con ngõ ngoằn ngoèo, dài tít tắp, lại thông thôn với những con ngõ khác nếu đứa nhóc ấy quyết tâm chạy trốn. Có khi người đuổi còn luẩn quẩn ở cuối ngõ thì kẻ đào tẩu đã yên tâm ở trong con ngõ khác - cũng ngoằn ngoèo, cũng dài tít tắp chẳng kém - và bắt đầu nhập cuộc vui với đám trẻ khác. Các cuộc tìm kiếm, réo gọi, đuổi bắt nhiều khi bị bỏ lửng vì người lớn nản lòng. Những cây roi được dịp “ém quân”, chuẩn bị cho hình phạt tăng dần theo mỗi phút giây mà kẻ đào tẩu còn chưa về nộp mình.

Tôi chẳng bao giờ dám giở trò đuổi bắt đến hết hơi ấy với ông tôi dù tôi có gan trốn ngủ trưa đi chơi. Tôi thường co chân chạy về nhà ngay khi nghe thấy tên mình vang lên trong tiếng gầm như sấm rền của ông. Ông chẳng cần dõng gót đến tận cái ngõ tôi đang chơi mà chỉ cần đứng

trước hiên nhà truyền lệnh như thế. Khi tôi đã cun cút chạy về đến nhà, ngoan ngoãn trèo lên giường, nằm úp sấp đợi chịu tội thì trước khi phết vào mông tôi roi đầu tiên, ông luôn hỏi: “Tội đáng mấy roi?”. Tội không ngủ trưa cũng nghiêm trọng như tội đánh đổ mực ra sách vở, làm mất dép, ăn đồ em bé, đầuêu những trò đại dột...; mỗi tội ba roi. Thành khẩn nhận tội có thể được giảm nhẹ. Song tôi không biết phải nhận tội thế nào nên bao giờ cũng lãnh đủ ba roi.

Tôi đã bắt chấp rủi ro để được vui chơi thỏa thích. Một dạo, đám trẻ làng tôi rộ lên trò chơi thối dây thun. Những sợi dây thun khoanh tròn, mỏng tang nhiều màu sắc ấy có một sức hút kỳ lạ. Một nhóm chơi gồm năm-sáu đứa. Mỗi đứa góp vào ba-bốn sợi dây thun rồi kẻ những vạch trên nền đất, thay phiên nhau nằm sóng soài trên đất, tập trung toàn bộ hơi sức để thối đám thun đó qua vạch. Thối thành công bao nhiêu sợi thun thì được “ăn” bấy nhiêu. Thật là vui hết cỡ!

Quần áo, mặt mũi bị bắn - điều ấy có hề gì. Bụi đất bay vào phổi - chúng tôi không hay biết, mà có biết thì chắc cũng chẳng bận tâm. Chúng tôi chỉ quan tâm làm sao sau mỗi buổi chơi, chúng tôi có thể phủi sạch ngực áo để người lớn không biết chúng tôi đã làm hại quần áo, làm tổn xà phòng của nhà vì mấy sợi dây thun ấy. Chúng tôi cũng cố giấu đám dây thun thật kỹ để khỏi bị người lớn tịch thu.

Tôi mê thối dây thun bao nhiêu thì ông nội tôi ghét trò đó bấy nhiêu và đã nhiều lần ông tuyên bố cấm tiết ba chị em tôi dính vào trò này. Thật xui xẻo, một hôm ông bắt quả tang tôi đang nằm úp bụng trên mảnh sân đất nhà hàng xóm, phùng má thối một nắm thun. Đợi tôi thối xong và thu những sợi dây thun đã thối được đeo vào cổ tay, ông tôi mới găm lên, ra lệnh tôi về nhà ngay lập tức. Tôi không sợ ăn đòn, chỉ sợ ông thu mất mớ thun thì lần sau mất chơi. Tôi chạy thật nhanh về nhà. Nhưng thay vì lên giường nằm chờ ba roi như thường lệ, tôi chạy tuốt ra sau nhà, trèo tót lên cây nhãn to nhất, ngồi trên cái chạc ba vững chắc, nín thở chờ phản ứng của ông. Ông chạy qua gốc nhãn, lăm bắm: “Nó đâu rồi? Nó đâu rồi?”. Tôi ngờ rằng ông biết tôi đang trốn trên cây nhưng cứ vờ không biết. Ông giả vờ như thế vì ông chẳng bao giờ dám trèo lên cây bởi nhờ đâu sẽ làm tôi luống cuống tìm cách trốn và ngã xuống đất. Nhưng chẳng lẽ ông lại để tôi thấy rằng ông biết tổng tôi ở trên cây mà đành bất lực?

Làng tôi có vài ngôi nhà bỏ hoang. Có cái ẩn sâu trong xóm nhỏ, lẻ loi, sâu hút. Có cái chông chênh bên bờ sông vắng, trầm ngâm trong cuộc trò chuyện không lời với cái bóng của chính mình in trên mặt nước. Lại có ngôi nhà hoang chơ vơ bên rìa đồng, bị bao vây bởi những khoảnh đất nhỏ được người ta tận dụng gieo cấy, trồng vùng, trồng đậu đen theo cái cách một người thợ may ghép vải thừa may tấm áo cho con.

Những ngôi nhà ấy hoang tàn đến nỗi chẳng còn cổng, chẳng còn cửa chính, cửa sổ hay tường

giấu bao quanh, ai muốn ra vào theo hướng nào cũng được. Thời gian, nắng mưa, gió bão đã làm lỏng lẻo, han rỉ những cặp bản lề, nứt bở những thớ gỗ. Cộng thêm những cái húc mồm, cọ sừng của trâu bò thả rông, hay con lợn nào xông chuồng là những cánh cửa đổ sập như lời tuyên bố dứt khoát về sự bỏ ngỏ, hoang tàn tuyệt đối. Với lũ trẻ nghịch ngợm chúng tôi, một ngôi nhà hoang không còn cửa nẻo là lời mời mọc cực kỳ hấp dẫn.

Bọn trẻ chúng tôi thích tìm đến những ngôi nhà hoang để vui chơi mê tơi. Ở nơi ấy, chúng tôi có thể hò hét thoải mái, chơi mọi trò có thể nghĩ ra, đặc biệt là trò chơi gia đình. Chúng tôi giả vờ rằng cả bọn là một gia đình lớn hoặc là nhiều gia đình nhỏ. Đứa lớn nhận vai làm bố, làm mẹ; những đứa nhỏ hơn phải đóng vai con. Bố thì đi làm đồng, đi kiếm cá, đi họp đội. Mẹ nấu cơm, giặt giũ, trồng rau, đi chợ và sinh em bé. Các con thì đi học và làm những việc vặt mà bố mẹ giao.

Chúng tôi làm ra vẻ mình bận rộn, phải tiếp xúc với người này người kia, mãi vội và rất được việc. Cuộc sống gia đình tưởng tượng ấy thật vui vẻ, chan hòa.

Trong số chúng tôi có một đứa luôn nhận làm bố. Nó biết xấn quần rất gọn cho một buổi đi cày ruộng tượng, biết nằm vắt chân chữ ngũ rất oai và biết phát ra những tiếng “khà” khoan khoái khi giả vờ nhâm nhi cốc rượu sau một ngày làm đồng mệt nhọc. Mỗi khi nó - tức là bố - nhắm mắt ngủ, chúng tôi nhón chân chạy qua chỗ nó nằm, vừa chạy vừa cười khúc khích. Nó trở mình, ậm ề mấy cái rồi nằm im, không có vẻ gì đang phải nén cười. Nó hay nói “Không sao!” với tất cả chúng tôi, ra điều nó là ông bố rộng lượng.

Nó cao và gầy như một cây tre hóp nhưng lần nào chơi trò gia đình, nó cũng công từng đứa chúng tôi trên lưng. “Ra bố công đi chơi nào!” - nó nói rồi cúi người xuống, chúng tôi tranh nhau chạy tới ôm cổ nó để được công đi chơi.

Một lần chơi trò gia đình, nó bảo “bố xung phong đi bộ đội”. Nó đeo một tàu lá chuối trên lưng giả làm ba-lô. Chúng tôi đứng trơ mắt ếch, nhìn nó vừa đi vừa ngoái lại vẫy tay tạm biệt. Chúng tôi đoán nó đi bộ đội chỉ một chốc như... đi cày thôi. Thế nhưng nó đi rất lâu. Quá sốt ruột, chúng tôi đổ đi tìm, tìm khắp các bụi chuối, tìm quanh các đồng rơm, quanh bể nước và những đồng gạch vỡ mà chẳng thấy tăm hơi “bố” đâu.

Tìm chán chê, chúng tôi phát hiện “bố” ở dưới một con máng cạn ngoài rìa đồng. Nó nằm dưới lòng máng, gối đầu lên búi cỏ mần trầu. Chúng tôi gọi, nó không thưa, cũng không nhúc nhích. Đứa lười chân, đứa lười tay, đứa giật tóc, đứa bê đầu nó, nó vẫn không cử động. Cơ thể nó mềm oặt như tấm chăn, mắt nhắm nghiền, cổ ngoẹo sang một bên. Chúng tôi gọi nó bằng tất cả những cái tên quen thuộc của nó. Nó vẫn im lặng. Chúng tôi bắt đầu hoảng hốt. Chúng tôi

không biết nó còn thở hay không.

Tâm trí chúng tôi thoát khỏi trò chơi, đảo dác nhìn quanh tìm bóng dáng người lớn để cầu cứu. “Ông Cẩn kia, gọi đi!” - một đứa thốt lên khi trông thấy bóng người coi đồng ở phía xa. Đúng lúc chúng tôi đồng thanh gọi: “Ông Cẩn ơi!”, thì nó ngồi bật dậy. Nó quắc mắt quát: “Ngu thế! Bố mày đi chiến đấu bị hy sinh!”. Chúng tôi ngây người vài giây mới sực nhớ ra trò chơi đang chơi dở. Những trận cười nổ ra giòn giã khiến người đứa nào đứa nấy rung lên dữ dội như thể trong lồng ngực mỗi đứa có đến cả trăm quả tim đang cùng đập.

Những ngôi nhà hoang chẳng còn gì nhiều để mà phá phách. Thế mà có một hôm, chúng tôi đang chơi bỗng có một bà già xuất hiện, đổ vấy cho chúng tôi đã làm cho nhà của con bà ấy ra nông nổi này, nông nổi nọ. Bà ấy đứng trước sân, dậm chân thành thịch, những ngón tay xương xẩu thoát chỉ lên trời, thoát chỉ xuống đất, thoát xiên sang trái, thoát dí sang phải. Bà ấy đã già, người gầy quắt queo nhưng giọng nói lại rõ to, vang đến chói tai. Bà tru tréo: “Ồi ông giời ơi là ông giời! Ông xuống đây mà xem này, tinh những đồ chết tử chết tiệt nó phá nhà con tôi. Ối những ông bố, những bà mẹ ra đây mà xem này, tinh những đồ mất dạy ăn tàn phá hại này...”.

Bà ấy chửi khỏe đến mức kinh động cả xóm, khiến chúng tôi đứa nào đứa nấy sợ rúm người. Bố mẹ chúng tôi chẳng đại gì xuất hiện ngay lúc ấy để rồi mang tiếng là không biết dạy con. Họ nén cơn bực trong lòng, ở yên trong nhà đợi chúng tôi về. Hôm sau, chúng tôi tụ tập ở chỗ khác, vạch áo, vén quần, chìa cho nhau xem những vết roi. Chao ôi, vì một ngôi nhà hoang và một bà già chua ngoa mà vài đứa nhóm tôi bị đánh đến tứa máu!

Chúng tôi bỏ những ngôi nhà hoang ra chơi ở khu đất ngập nước của làng. Khu đất đó nằm ở cuối cánh đồng, trước đây là đầm nuôi cá. Một dạo, cả làng bỏ công định lấp nó thành ruộng nhưng rồi công việc bị bỏ dở, và thế là nó chẳng ra ruộng cũng chẳng ra đầm. Chúng tôi gọi khu đó là “khu úng”. Suốt mùa hè, khu úng chìm trong nước. Sang thu, nước rút ra sông và cạn dần theo những cơn gió heo may, làm lộ ra cả một thế giới rộn ràng của những con gọng vó, cua, cá con, tép, và cả đĩa. Những con gọng vó với đôi chân lênh khênh, khệnh khạng đi lại trên mặt nước, trên những bờ cỏ ướt như những nhà đo đạc bản đồ. Những con tép khi thì bơi lơ dờ trong nước đục, khi thì bật lên bằng những điệu nhảy đầy bản khoăn, trong khi những con cá soi mình đen có điểm những sọc đỏ, những con cá rô ta bé bằng ngón tay, những con đồng đong kéo nhau di cư về cuối úng - nơi nhiều nước hơn.

Mạn phía bắc của cái úng cao hơn nên bao giờ cũng cạn nước trước. Chẳng khác gì bầy cò, chúng tôi lom khom sầm soi từng cen-ti-mét để tìm con tép, con cá mắc cạn. Chúng tôi thọc tay vào những cái lỗ, lôi ra nào cua lớn cua bé, cá mẹ cá con. Cua thì chúng tôi giắt trong gấu quần. Chỉ cần xắn ống quần lên vài gấu là chắc ăn. Chúng tôi ngắt những tàu lá khoai nước để

đựng cá con. Chúng tôi túm lá lại cầm trong tay, chốc chốc lại mở nó ra cho một con cá con mới nhập bọn.

Bắt vặn hết cá tép ở phần úng cạn, chúng tôi lò dò lội xuống phần úng còn ngập nước. Những đứa con gái chạy nhào nhào khi thấy những con đĩa ngo ngoe bơi theo những bắp chân trần; lũ con trai thì để cho đĩa bám vào chân, đợi chúng hút lấy ít máu rồi dùng tay gỡ chúng ra, hành hình bằng mọi cách. Chúng tôi kết thúc một ngày mài chơi với nỗi lo bị ăn đòn vì đã làm quần áo bẩn đến mức không giặt nổi.

Vào những ngày đông rét cắt da, khi gió mùa đông bắc thổi thốc từng cơn qua những tán cây, chúng tôi véo những miếng đất mềm, âm ỉm ở bờ ao để nặn những cái lò hình tròn, trông cứ như những cái xoong không vung. Xung quanh thành lò có chừa những cái lỗ nhỏ bằng đầu đũa. Chúng tôi gom cành cây khô, lá tre khô để đốt một đồng lửa ở vệ đường và đặt những cái lò mới nặn vào đồng lửa cho chúng khô đi, giống cách ông bà chúng tôi nung gạch.

Chúng tôi nhặt những quả phi lao rụng trên những dải cỏ trong làng rồi vùi chúng vào đồng lửa ấy cho tới khi chúng biến thành những cục than hồng nho nhỏ. Rồi chúng tôi bỏ than vào những cái lò, phủ lên than những mẩu củi khô và thổi hơi vào các lỗ nhỏ ở thành lò để lửa lan sang những mẩu củi ấy. Tất cả bùng lên tạo thành một cái lò than tỏa nhiệt ấm nóng. Thật thú vị khi ngồi ở đầu gió, cầm cái lò sưởi tự tạo ấy trong tay, theo dõi màu than hồng dần lan khắp lò, cảm nhận hơi ấm của lửa trên những ngón tay ôm quanh lò, trên da mặt, trong hơi thở của chính mình và của các bạn.

Chúng tôi chẳng thấy phiền khi tay chân nhem nhuốc, chẳng bận tâm khi thấy lỗ mũi đứa nào cũng dính đầy bụi than, cũng chẳng để ý đến những vết thủng trên áo vì tàn lửa. Trò chơi đốt lò khiến mùa đông của chúng tôi đỡ lạnh hơn và không còn thực sự đáng sợ khi chẳng đứa nào trong chúng tôi có giày và tất để đi.



Nhìn lại tuổi thơ của mình, tôi chưa bao giờ hối tiếc khi đã ham chơi tưởng chừng quên cả ngày tháng. Thậm chí, tôi còn biết ơn sự mê chơi ấy. Có lẽ trong tiềm thức sâu thẳm, có điều gì đó thúc giục tôi cứ vui chơi theo ý muốn, cứ chơi hết mình, chơi bất cứ lúc nào có thể.

Vì mê chơi, tôi đã phải chịu không ít “trận đòn ba roi” của ông tôi. Ba roi có đáng gì so với niềm vui và sự tự do tôi tìm thấy trong các trò chơi tuổi thơ? Cũng chẳng phải vì thỉnh thoảng chịu phạt ba roi mà tôi trở thành đứa trẻ lì lợm, dạn đòn, bị người lớn ghét bỏ. Trẻ con là thế, quên tất cả những thứ khác chứ chẳng thể quên chơi được. Chẳng phải mê chơi là một trong những ý thức khôn ngoan nhất của trẻ con?

Khi làm người lớn và “chết chìm” trong những lo toan, mệt mỏi mà xem, bạn sẽ tiếc khi chơi chưa đủ trong tuổi thơ của mình. Còn nữa, nếu chẳng may số phận tước đi của bạn một khả năng tự nhiên nào đó khiến những việc bình thường với mọi người lại trở thành thách thức với bạn thì lúc đó, khoảng trời tuổi thơ rộng ràng, lung linh mà bạn từng có sẽ là cả kho báu. Nhờ kho báu đó mà bạn biết mình từng được sống thực sự, từng biết đến hạnh phúc. Tôi tin bạn sẽ trân trọng cuộc sống của mình hơn khi từng có một tuổi thơ hồn nhiên, vô ưu.

Bạn hãy chạy nhảy, vui đùa, hãy đến những nơi bạn muốn khi đôi chân còn đi được. Hãy ngắm nhìn tất cả những gì bạn khao khát khi đôi mắt còn sáng tỏ. Hãy nâng niu những gì đang có bởi chẳng ai biết lúc nào số phận sẽ tước chúng khỏi cuộc sống của mình.

Lời của cánh đồng

Ông tôi là chủ gia đình, quyết định hết mọi việc trong nhà, từ đốt một lò gạch đến chuyện thưởng phạt các cháu. Ông mồ côi cha mẹ từ nhỏ. Số phận dạy ông chấp nhận sự cần lao.

Trời phú cho ông sức khỏe, ngoài sáu mươi tuổi, tinh thần lao động của ông vẫn cao ngút, năng suất lao động chẳng kém là bao so với hồi còn sung sức. Bảy mươi tuổi, ông gánh những gánh phân chuồng nặng trĩu đi phăm phăm, vững chãi, đều đặn, không giống kiểu gánh của người đang chịu đựng quá sức mình, chỉ mong mau mau kết thúc chặng đường. Gánh nặng ấy mà đặt trên vai một thanh niên không quen lao động chân tay thì có lẽ người ấy chẳng thể bước đi dù chỉ một bước.

Là người đại diện gia đình - vốn cũng là một tổ sản xuất nhỏ - ông thường đi đầu trong mọi phong trào trồng trọt, chăn nuôi không to cũng chẳng bé của nông dân trong xã. Ngoài trồng lúa, ông còn trồng cà chua, khoai tây, hành, tỏi, cần tây, mây giống và một số loại cây lạ khác.

Công cuộc ươm trồng thử nghiệm của ông cũng có khi thất bại hoặc không mang lại kết quả rõ ràng. Những khi ấy, cái buồn của ông lây sang cả nhà. Thế nhưng đôi khi năng suất cao của những giống cây lạ mà ông trồng thử nghiệm chẳng làm nên mùa màng mà ngược lại, còn trở thành vấn đề. Tôi còn nhớ một dạo, nhà tôi đầy ắp tỏi: tỏi phơi đầy sân, tỏi lũng lảng khắp hiên, khắp gác bếp... Vào những ngày mưa phùn, ba chị em tôi hay ngồi với bà trong căn bếp lợp ngói, nhìn những túm củ tỏi lũng lảng trên gác bếp, chúng tôi tự hỏi không biết nhà mình trồng nhiều tỏi thế để làm gì, không biết cả nhà phải ăn trong bao lâu mới hết từng ấy tỏi. Chúng tôi hỏi bà: “Bà ơi, sao nhà mình nhiều tỏi thế?”. Bà tôi không biết trả lời thế nào. Ba chị em tôi không dám hỏi ông những câu như thế bởi biết chắc thế nào cũng nhận được câu trả lời khiến cả ba hoặc cười ré lên hoặc rụt cổ vì sợ.

Trong gia đình, ông tôi cũng là “đốc công” không ngừng đốc thúc mọi thành viên lao động chăm chỉ, đạt năng suất như ông, dù ông thừa biết ngôi vô địch trong “đội sản xuất gia đình” luôn thuộc về mình. Ông tự tay làm những dụng cụ lao động cỡ nhỏ cho đám cháu, từ đôi quang gánh, cái thúng, chiếc cuốc..., để sớm rèn cho ba chị em tôi quen lao động.

Giống nhiều đứa trẻ trong làng, tám-chín tuổi tôi đã tham gia hầu hết việc đồng áng. Tôi đi tát nước bằng gầu dây với ông, gặt lúa với bà, cuốc ruộng, gieo ngô, trồng khoai,... Mẹ thỉnh thoảng tả lại cảnh ông lôi tôi đi tát nước trên đồng khi tôi còn bé xíu xiu. Ông vốn khỏe và luôn

hăng hái lao động nên hề đưa gầu xuống mặt sông là phải vục đầy gầu nước, bất kể ông đang tát nước cùng ai. Bởi vậy khi tát nước cùng ông, tôi phải mồm môi, gồng mình kéo từng gầu nước. Có lần, mẹ xót quá muốn ra thay cho tôi, ông gắt ngay: “Lao động không chết đâu mà lo. Lười mới chết!”.

Tám tuổi, tôi được ông cho ra đồng tập cấy. Tôi bì bõm lội bùn, chạy lăng quăng trên ruộng, tạt qua chỗ mẹ một lát, ghé lại chỗ bà một tí, giả vờ ngó nghiêng ra vẻ chịu học lắm. Tôi chưa kịp cắm thử nhánh mạ nào xuống ruộng thì bị một con đĩa bám theo. Nhìn thấy con đĩa ngo ngoe bơi theo chân mình, tôi rú lên, chạy nháo nhào vào hàng lúa vừa mới cấy. Ông tôi quát ầm cả cánh đồng rằng con nhà nông không được phép sợ con đĩa bé tí. Ông bắt tôi quay xuống ruộng, tiếp tục học cấy. Trong lúc học cắm nhánh mạ xuống bùn, tôi phải học luôn cách xử lý những con đĩa đáng ghét bám vào chân.

Cũng ở tuổi ấy, tôi và chị gái đã biết cầm liềm ra đồng cắt cỏ, biết ngấm hiểu rằng khi chuồng lợn nhà tôi không để trống thì mỗi ngày hai chị em tôi phải cắt cỏ đầy đôi quang gánh nhỏ mà ông đã làm riêng cho. Chuồng lợn nhà tôi hầu như lúc nào cũng có ít nhất một đôi lợn. Bà tôi nấu hai nồi cám lợn mỗi ngày. Mẹ tôi lo kiếm rau cho lợn ăn độn còn chị em tôi có nhiệm vụ cắt cỏ bỏ vào chuồng.

Bà tôi nuôi lợn mát tay lắm. Thấm thoát vài tháng, nhà tôi lại có một hoặc hai con lợn to. Hễ có con lợn to trong chuồng là ông tôi bõn chồn nghe ngóng trên loa công cộng xem khi nào họp tác xã thông báo ngày cân lợn. Đến ngày cân lợn, chị em tôi ngơ ngác nhìn ông và mấy người hàng xóm bước vào chuồng lợn nhà mình, vây bắt con lợn to nhất, trói chân nó lại rồi khiêng ra chiếc xe tải đậu lù lù ở đầu làng. Chúng tôi chạy theo ông, lo lắng nhìn con lợn bị quăng lên thùng xe, chịu chung số phận với những con lợn khác. Chiếc xe nổ máy, chuyển bánh trong tiếng lợn eng éc. Chúng tôi chạy theo xe chở lợn một đoạn, hít đám khói sặc mùi xăng dầu cho đến khi nó bỏ xa chúng tôi. Tôi cứ thắc mắc không biết người ta chở lợn nhà mình đi đâu, không biết họ trả cho ông cái gì để đổi lấy những con lợn ấy. Có một dạo, ông tôi gọi thợ mộc về đóng một bộ sa-lông gỗ. Ngắm bộ bàn ghế vừa được đánh véc-ni bóng loáng, ông đe “phòng hờ” chị em tôi: “Đừng bôi bẩn ghế, ông cho ăn đòn đấy. Chục con lợn to mới đổi được bộ ghế này đấy!”.

Có vài lần tôi thấy ông cất tiền bán lợn và cả tiền bán thóc vào chiếc túi da rồi cho vào ngăn tủ khóa kỹ. Tôi không biết ông để dành tiền cho việc gì. Thế rồi dùng một cái Nhà nước đổi tiền. Mỗi người chỉ được đổi một số tiền nhất định nên ông còn tồn một tập tiền trong túi da. Cuối ngày đổi tiền, ông lôi tập tiền ra, vừa toẹt xuống đất - giống cách ông phất một cây tổ tôm khi biết chắc đã thua cuộc - giận dữ nói: “Này lợn này! Này thóc này!”.

Trong tất cả việc đồng áng, chăn nuôi của nhà nông mà tôi biết, tôi thấy vất vả nhất là trồng đay. Chẳng biết người làng tôi bắt đầu trồng đay từ bao giờ, chỉ biết rằng từ khi biết ghi nhớ các sự kiện xung quanh, tôi cũng bắt đầu bị ám ảnh về những mùa làm đay.

Mỗi hộ trong làng được chia một diện tích đất bãi nhất định ở ngoài đê sông Hồng. Hồi tôi còn nhỏ, con đường ra bãi trồng đay với tôi sao mà xa lắc lơ. Đoạn đường ấy đủ làm người lớn đi bộ mệt thở hơi tai, mỗi nhứ chân và phải ngồi trên bờ đê một lúc mới hồi sức. Ấy là vào thời kỳ trồng đay và thời kỳ chăm đay. Còn khoảng thời gian nhổ đay rơi vào mùa mưa bão thì không ai có thời gian nghỉ. Nước sông dâng cao từng ngày, nhằm nhe nuốt chửng bãi đay. Những người có ruộng đay phải mau chóng thu hoạch trước khi nước dâng ngập bãi. Họ thường lội trong dòng nước đục ngầu, nhổ hoặc chặt từng cây đay, cột thành bó rồi kéo vào chân đê. Vỏ đay cứng, sần sùi như có gai nhọn, cứa vào lòng bàn tay, khắp cánh tay, khắp vai, khắp mặt... người nhổ đay.

Những bó cây đay được mang về nhà bằng đủ phương tiện có được, từ xe bò kéo, xe thồ đến xe đạp. Ai không có hoặc không sử dụng được những phương tiện đó thì đành ị ạch khênh, vác hay kéo lê từng bó đay suốt chặng đường dài. Những bó đay được chất thành đống khắp các con ngõ. Sau khi được róc sạch lá, chúng được bóc tách để lấy lớp vỏ ngoài. Bàn tay người còn đỏ tía những vết xước do nhổ đay nay lại chẳng chịt vết xước mới khi bóc tách vỏ đay. Những vết xước ấy chong chờ đến tận cuối mùa làm đay. Khi các vết xước lành, sờ vào bàn tay người làm đay chẳng khác nào sờ tấm giấy ráp.

Sau khi được bóc tách, những lớp vỏ đay được bó thành từng bó chặt chẽ. Người ta mang những bó vỏ đay ấy ngâm xuống con sông chảy xuyên qua làng để loại bỏ tất cả những gì có thể phân hủy, chỉ còn lại những sợi đay màu trắng đục mà người ta gọi là đay tơ. Sợi đay tơ ấy được cân cho hợp tác xã để trừ vào thuế nông nghiệp. Mùa nào cũng vậy, khi đay tơ được cân xong và theo xe ô tô đi mất thì nước sông chảy qua làng vẫn đen khảm, lập lờ xác cá chết.

Mùa làm đay là mùa tôi nhìn đâu đâu cũng thấy những mắt người đỏ sọng, những nốt viêm da sưng tấy. Những đứa trẻ chưa biết đi, chưa phải đụng vào cây đay cũng phải chịu chứng đau mắt, viêm da như người lớn. Mùa làm đay cũng là mùa của muỗi. Muỗi trú ngụ trong những đám lá đay úa rữa, những đống củi đay ẩm ướt. Muỗi sinh sôi vô kể trên mặt sông đen. Muỗi bay thành từng đám như mây trên những bó vỏ đay ngâm. Muỗi phá rối, ám ảnh giấc ngủ mọi người.

Hai bàn tay tôi từng chẳng chịt vết xước - dấu ấn của những mùa đay. Tôi cũng từng bị đau mắt đỏ, từng bị muỗi đốt khắp cẳng chân, cẳng tay. Những điều ấy không hề dễ chịu nhưng cũng như mọi đứa trẻ trong làng, tôi đã chịu đựng chúng như chịu đựng những điều tự nhiên.

nhất của cuộc sống, và mọi người chung quanh tôi cũng đều như thế. Năm tôi mười một tuổi, người làng tôi đã bỏ hẳn nghề trồng đay.



Đến đầu những năm 80, nhiều nhà trong làng tôi vẫn thiếu ăn. Thậm chí có những hộ mùa nào cũng đứt bữa. Tôi không hiểu vì sao cái đói vẫn dai dẳng đeo đuổi dù họ làm việc không ngơi tay. Tôi cũng không thể lý giải nổi vì sao ông tôi luôn tự đặt mình vào vòng quay ngổ như vô tận của công việc, quần quật ngoài đồng từ lúc trẻ đến lúc già mà vẫn không giàu.

Có những hộ gia đình nợ Nhà nước thuế nông nghiệp và các khoản phí khác triền miên từ vụ này sang vụ kia, đến nỗi khi hợp tác xã công khai các khoản nợ gộp nhau lên tới vài tấn thóc khiến ai nghe cũng lắc đầu, lè lưỡi vì biết chắc những hộ gia đình ấy không có khả năng trả. Nhà nước đã mở cho họ một lối thoát: đi xây dựng vùng kinh tế mới. Chúng tôi gọi nôm na là đi khai hoang.

Những đợt tiền người đi khai hoang được hợp tác xã tổ chức rầm rộ như ngày hội. Người đi khai hoang được những chiếc xe ô tô khách về tận xã đón như đón khách đi du lịch. Bốn người bạn học của tôi đã ra đi trên những chiếc xe khai hoang ấy vào cùng một mùa. Khi những người bạn đó xin cô giáo cho nghỉ học để cùng gia đình đi khai hoang, chúng tôi chẳng biết cuộc chia tay được báo trước ấy buồn đến mức nào.

Chúng tôi góp những đồng tiền lẻ xin được của người lớn để mua tặng mỗi người bạn ấy vài tập vở mỏng. Chúng tôi chạy băng băng qua những cánh đồng, qua những cây cầu để đến những ngôi nhà sắp trở thành nhà hoang, vội giúi vào tay bạn những cuốn vở rồi chạy nhảy, cười đùa. Ở tuổi ấy, chúng tôi chưa biết nói một lời chúc may mắn cho người đi xa, chưa kịp biết tỏ ra nhớ nhung, tiếc nuối. Chỉ khi chiếc xe chở người đi khai hoang bắt đầu lăn bánh, thấy bạn mình nhào người ra cửa sổ xe khóc như xé ruột, cả lũ chúng tôi mới bật ra những tiếng nước nở. Vài đứa chạy theo chiếc xe một đoạn dài, khản giọng gọi tên bạn không biết bao lần.

Nhiều năm trôi qua, hình ảnh của vài người bạn học chung lớp ở trường làng dần nhạt nhòa trong ký ức của tôi nhưng tôi không bao giờ quên những khuôn mặt đầm đìa nước mắt của những người bạn bị sự nghèo khó tàn nhẫn dứt khỏi quê hương, dứt khỏi bè bạn, họ hàng trong những đợt đi khai hoang ấy. Hơn bất cứ điều gì, cái nghèo khiến những cuộc chia ly trở nên đằng dẵng, có khi dài bằng cả đời người.

Trong toàn bộ kho ký ức thơ bé về quê hương, tôi nhớ da diết những buổi chiều thả diều trên đồng, những tối sáng trăng nô đùa cùng lũ bạn trên đường làng, những trò chơi tuổi thơ rôm rả; nhớ khắc khoải những chuyến xe chở người đi khai hoang, nhớ hình ảnh những bàn tay

chằng chịt vết xước trong mùa làm đay... Những hình ảnh đó hằn sâu, bám chặt vào trí nhớ tôi như một phần máu thịt và hơi thở quê nhà.

Ngày bé, sự phân công lao động của ông nội nhiều khi khiến tôi giận dỗi vì nó xén bớt thời gian chơi của tôi. Khi trưởng thành, tôi hiểu rằng sự lao động nhọc nhằn, gian khó luôn chứa đựng những bài học và mang lại những món quà bổ ích. Cuộc sống chân lấm tay bùn mà tôi trải qua thời thơ ấu đã mang đến cho tôi những khái niệm đầu tiên về số phận những người bán mặt cho đất bán lưng cho trời, số phận một đất nước có đến quá nửa dân số là nông dân. Cuộc sống ấy cũng đã dạy tôi biết quý trọng sức lao động, biết trân trọng từng thành quả lao động của bản thân và của người khác.

Phố và làng

Hồi còn học ở trường làng, tôi thấy luôn có những đứa con trai đến trường chẳng phải để học. Chúng đi học để được chơi, để khỏi lao động, khỏi bế em. Có những đứa con trai hầu như buổi nào cũng chỉ xuất hiện vào giữa tiết thứ nhất hoặc tiết thứ hai, đã thế lại không xin vào lớp ngay mà cứ thập thò ngoài cửa sổ trêu chọc những đứa bên trong, thậm chí dám cả gan trêu người cả cô giáo. Có những đứa cứ vài ngày lại gây ra một vụ đánh nhau. Có đứa thỉnh thoảng lại ngửa tay, đốt cháy một đồng rơm mà nó tình cờ nhìn thấy trên đường đi học. Lại có đứa hễ đến lớp là gục đầu xuống mặt bàn ngủ tít. Các giáo viên chúa ghét mấy đứa ấy, gọi chúng bằng những cái tên chất chứa sự bức tức và cả sự bất lực. Những học trò cá biệt ấy bị giáo viên bẹo tai nhéo nhẹo, bị phạt đứng góc lớp, bị điệu lên phòng ban giám hiệu, bị đuổi học như cơm bữa. Mỗi khi bị phạt, chúng lì mặt ra, chả khóc lóc gì. Và thật lạ, bộ dạng lì lợm của chúng rất dễ gây cười cho những đứa không bị phạt. Đứa con gái nào dám cười một thằng con trai đang bị phạt thì thế nào lúc tan trường cũng bị thằng ấy thui cho mấy quả đấm.

Tôi không hay cười những đứa con trai bị phạt nhưng lại bị bọn con trai trêu chọc và bắt nạt nhiều nhất trường. Những lúc có mặt giáo viên, chúng không dám làm gì tôi vì tôi là học trò cưng của nhiều thầy cô, nhưng hễ vắng bóng thầy cô là y như rằng bọn chúng tìm mọi cách quấy rầy tôi. Chúng kéo chân ghế không cho tôi ngồi yên để viết, vấy mực lên áo tôi, chọc thủng cặp sách của tôi, bắt sâu róm thả lên đầu tôi, giật mũ, giấu sách của tôi. Giờ giải lao, chúng mở cửa lớp cho bọn con gái ra sân chơi rồi nhốt một mình tôi trong lớp. Chúng tụ tập nhau chặn ngang đường không cho tôi vào trường. Lúc tan trường, chúng lại túm tụm chờ tôi ở ngã ba để chặn đường tôi về nhà.

Tôi tấm tức khóc mỗi khi bị bắt nạt hay mỗi khi nhớ lại những cảnh ấy. Có vài hôm tôi bắt chước mấy đứa con gái chua ngoa, chửi rủa chúng nhưng chỉ khiến chúng càng bắt nạt tôi hơn. Có những đứa học cùng trường - bất kể trai hay gái - hễ bị bạn học bắt nạt là chạy tót về nhà mách người lớn. Không lâu sau đó, người thân của những đứa ấy sẽ hùng hổ tìm đến tận trường để túm tóc, bẹo tai, tát, đấm, đá... thậm chí chộp lấy đứa đã bắt nạt con em mình mà quẳng thẳng xuống ao trường, đợi nó uống vài ngụm nước mới lôi lên. Tôi biết rằng chuyện học trò bắt nạt nhau ở trường chỉ là chuyện trẻ con và trẻ con phải tự thu xếp với nhau. Nhưng có lần ức quá và không biết làm thế nào, tôi quyết định kể với người nhà chuyện mình bị ức

hiếp. Cả nhà nghe xong chỉ cười, chẳng ai nói gì. Chỉ riêng ông tôi cười xong thì trợn mắt quát tướng lên: “Con nhà nào dám bắt nạt cháu gái rươi của ông hử!”. Tiếng ông quát nghe đầy giận dữ và đầy hứa hẹn. Tôi khấp khởi mừng, cứ tưởng một hôm nào đó, rất gần thôi, ông sẽ tới trường tìm gặp những đứa con trai đã bắt nạt tôi, găm lên mấy tiếng như ông găm mỗi khi con cháu ở nhà mắc lỗi. Và thế là tôi sắp thoát cảnh bị ăn hiếp. Song tôi đợi mãi mà chẳng thấy ông hành động.

Suốt nhiều năm, tôi cố gắng lý giải vì sao mình lại hay bị bọn con trai bắt nạt như thế. Mãi gần ba mươi năm sau, trong buổi họp mặt đầu tiên các bạn cùng học ở trường làng, tôi mới tìm được câu trả lời cho câu hỏi ấy. Một số cậu con trai nói rằng ngày ấy thường bắt nạt tôi chẳng qua là để gây chú ý với tôi bởi tôi vừa học giỏi vừa dễ thương. Tôi càng lẩn tránh thì họ càng thấy việc bắt nạt tôi như một trò chơi thú vị. Ôi, cái cách thể hiện tình cảm của trẻ con mới lạ làm sao!

Đầu năm lớp 7, tôi thi đỗ vào lớp chuyên văn của trường năng khiếu huyện. Vậy là tự nhiên tôi thoát khỏi những đứa con trai hay bắt nạt tôi ở trường làng. Em trai và chị gái của tôi đã được tuyển chọn vào các lớp năng khiếu từ những năm trước và đang ở trọ tại nhà một người quen của gia đình trên thị trấn. Ông bà và bố mẹ tôi không muốn cho tôi đi trọ học. Họ nói nếu tôi đi trọ học nốt thì cả nhà chỉ còn toàn người lớn, buồn chết và không có ai để sai vặt. Tôi khóc dữ dội, nằng nặc đòi đi cho bằng được. Trường năng khiếu gửi giấy gọi nhập học cho tôi đến hai ba lần. Cuối cùng, người lớn bàn bạc và đi đến quyết định mà họ cho là hợp lý: cho tôi vào học trường năng khiếu và chuyển chị tôi từ trường năng khiếu về trường làng. Chị tôi từ bé đã xứng đáng là chị cả. Chị không khóc, không đấu tranh, chỉ lẳng lặng thu dọn quần áo, sách vở và rời nhà trọ. Tôi đến thị trấn thế chân chị, ở trọ nhà người quen, tập sống tự lập trong sự bao dung, rộng lượng của chủ nhà.

Năm tôi lên học là năm đầu tiên trường năng khiếu được tập trung thành trường riêng (trước đây trường chia học sinh thành các lớp năng khiếu lẻ, học ở các trường khác nhau trong huyện). Nói là trường riêng cho oai thôi chứ thực ra chúng tôi vẫn phải đi học nhờ. Năm ấy, trường mượn khu nhà xưởng của một xí nghiệp đã ngừng sản xuất để làm nơi giảng dạy. Các phòng học rất hẹp vì từng là văn phòng, phòng ở tập thể, nhà kho... Hầu như phòng nào cũng chỉ có mỗi một cửa ra vào và một ô cửa sổ bé xíu. Chúng tôi thiếu cả chỗ học lẫn chỗ chơi. Vào giờ ra chơi, học trò quanh quẩn trong mảnh sân chật hẹp, chơi trên thành của những bể chứa nước lộ thiên hay quanh mấy bãi phế liệu của xí nghiệp. Mỗi khi chúng tôi lỡ đưa chân sang khu vực không được phép thì y như rằng ngay lập tức bị ông bảo vệ xí nghiệp quát mắng, xua đuổi.

Học ở đó được một thời gian, chúng tôi chuyển đến học nhờ ở trường cấp ba của thị trấn. Trường cấp ba mới xây một khu nhà học ba tầng khang trang sạch sẽ. Họ cho trường năng khiếu mượn tạm những phòng học cấp bốn đã bị bỏ hoang một thời gian nhưng chưa bị phá bỏ. Lớp chuyên văn của tôi nằm ngay bên cạnh nhà vệ sinh không có mái che của trường. Chúng tôi đọc văn, bình văn, viết văn trong không khí nồng nặc mùi nước tiểu.

Sau này, tôi nghe nhiều ý kiến phê bình hệ thống trường chuyên lớp chọn. Những ý kiến đó không phải là không có lý. Nhưng với tôi, ngày ấy cứ được học văn nhiều là thích rồi, chẳng băn khoăn gì nữa. Ở trường làng, mỗi lớp chỉ được học một cô giáo dạy văn, còn ở trường năng khiếu, lớp văn của tôi có đến ba thầy cô dạy môn này: một người dạy cảm thụ văn học, một người dạy từ ngữ và ngữ pháp, một người dạy tập làm văn. Các thầy cô dạy văn coi những đứa học trò giỏi văn như những đứa con cưng. Họ dạy nhiệt tình đến đổ mồ hôi, khản cả giọng, nhất là vào thời gian chúng tôi tập trung cho kỳ thi học sinh giỏi của tỉnh. Chúng tôi tìm hiểu, phân tích, phát biểu cảm nghĩ về các nhân vật như lão Hạc, Trần Quốc Toản và nhiều nhân vật khác trong các tác phẩm văn học nổi tiếng. Chúng tôi mải mê làm các bài văn đến quên cả thời gian. Viết được một bài văn dài ba hay bốn trang giấy là đứa nào đứa nấy hãnh diện lắm, bất kể văn ngây ngô, rườm rà, ngớ ngẩn đến đâu.

Thói quen đọc truyện của tôi được nuôi chiều khi tôi chuyển lên trọ học ở thị trấn. Ở đó có hiệu sách và có những tiệm cho thuê truyện với giá rất rẻ. Tôi dùng những đồng tiền lẻ mà mẹ và bà cho hàng tuần để đi thuê truyện. Thay vì đọc truyện tranh, tôi chỉ chọn những cuốn truyện dày cộp, cũ kỹ mà hầu hết đứa trẻ có mặt ở cửa hàng cho thuê truyện không đụng tới như *“Truyện cổ Andersen”*, *“Đất rừng phương Nam”*, *“Aivanho”* và nhiều cuốn truyện dài khác. Tôi thấy dùng tiền cho việc bước vào thế giới cực kỳ sinh động trong những cuốn sách ấy đáng hơn gấp nhiều lần dùng tiền mua quà ăn vặt.

Ngày mới được chuyển từ trường làng lên học ở trường năng khiếu, tôi rất thích thị trấn nơi tôi trọ học. Thời điểm ấy, thị trấn chưa thật sầm uất. Con phố duy nhất dài chưa tới một cây số nhưng có một cửa hàng bách hóa tổng hợp rộng gấp ba ngôi nhà năm gian của chúng tôi ở làng, có nhà văn hóa, bưu điện, sân vận động, bến xe và quán ăn, cửa hàng cho thuê truyện... Những đứa trẻ từ các làng nhỏ lên trọ học ở thị trấn như tôi có thể đứng cả buổi không biết chán chỉ để nhìn hơi lạnh tỏa ra từ chiếc máy làm kem trong quán ăn hay đứng hàng tiếng trong cửa hàng bách hóa để ngửi mùi băng phiến, mùi những tập giấy mới, mùi những tấm vải, bút chì, bút mực,...

Vào mùa xuân, có những bà già ngồi bán những thúng táo chua quả xanh quả vàng, những rổ nhót quả vàng quả đỏ, những thúng mận cơm quả nhỏ bằng cúc áo. Mấy thứ quả có vị chua gắt

hoặc chua nhôn nhốt ấy khiêu khích vị giác của những đứa con gái chớm dậy thì. Chúng tôi gom những đồng 50, 100 dành dụm được để mua những vốc táo, vốc mận bỏ vào cặp sách, mang đến lớp chia nhau nhai rau rầu. Vị chua của những thứ quả ấy và cái cách mua chung, ăn chung như thế khiến bọn con gái dễ thân nhau hơn và về sau khó quên nhau.

Cái thị trấn ấy quả thật có nhiều điều thú vị, mới lạ với một đứa trẻ làng như tôi. Thế nhưng dù nó có thú vị, mới lạ đến mấy thì cũng không làm tôi nguôi nổi nhớ nhà. Thường thì khi đi xa, nổi nhớ nhà vơi dần theo thời gian, nhưng với tôi thì ngược lại. Khi mới lên ở trọ, tôi bị môi trường mới thu hút nên không nhớ nhà nhiều lắm. Song càng ở trọ lâu, nổi nhớ nhà trong tôi càng lớn dần lên.

Bất cứ hoạt động gì ở nhà trọ cũng khiến tôi liên tưởng đến nhà tôi ở làng. Đi học thì chớ, hễ về đến nhà trọ là tâm trí tôi lại bị hút về cái làng nhỏ cách nơi tôi ở trọ mười mấy cánh đồng. Khi tôi ngồi gạt những bụi than hồng dưới đáy cái bếp trấu hình phễu trong căn bếp hướng tây ở nhà trọ, tôi nhớ da diết hình ảnh bà tôi lom khom rút những nắm rơm đã ngả màu vàng nâu từ đồng rơm bên gốc cau già, chăm chặm ôm cả ôm rơm vào bếp, cẩn thận gỡ chiếc kim băng gài trên miệng túi áo, lặng lẽ khêu bắc chiếc đèn dầu và chăm chú đánh một que diêm, nổi lửa nấu bữa ăn cho cả nhà.

Mỗi khi hoàng hôn xuống, nhìn những tia nắng tắt dần phía chân trời xa xa, những ngọn khói bay lên phía trên ngôi làng nằm gần kề thị trấn, tôi lại cồn cào thèm được về nhà, thèm được cùng những đứa trẻ hàng xóm nhảy ùm xuống cái ao rộng ở cạnh nhà, lặn ngụp, bơi lội cho đến khi trời nhá nhem không còn nhìn rõ mặt nhau. Tôi nhớ nhà đến phát khóc và ước mình có đủ dũng cảm và sức lực để trong những lúc nhớ nhà tưởng chừng không chịu nổi ấy sẽ vượt qua cả mười mấy cánh đồng để về với ông bà, bố mẹ, chị gái, bạn bè hàng xóm.

Vài đứa bạn học cùng lớp với tôi có được sự dũng cảm và sức lực đó. Hằng ngày, chúng đạp xe vượt bảy-tám cây số hoặc nhiều hơn để đến trường rồi lại đạp xe về nhà. Trên những chiếc xe đạp dành cho người lớn, bạn tôi phải vịn vẹo người, có khi nhấp nhੌm trên khung xe. Dầu vậy, mỗi buổi tan trường, những người bạn ấy vẫn phóng xe vèo vèo qua chỗ chúng tôi, bỏ lại phía sau những con mắt ghen tị của những đứa con đang ở trọ.

Nhìn những đứa bạn ấy tự đi về hằng ngày, tôi càng nhớ nhà hơn và trong một chủ nhật về thăm nhà, tôi khóc với ông nội đòi được tự đi về. Ông đồng ý và cho tôi sử dụng chiếc xe đạp có ghi đồng cao như xe đạp ở... rạp xiếc. Giống những người bạn học cùng trường, chân tôi quá ngắn so với chiếc xe đạp. Mỗi khi ngồi lên yên xe, tôi phải vịn vẹo người mới chạm chân tới bàn đạp. Và tôi không có được sự hớn hỏ như chúng bạn vì tôi còn phải đèo em tôi. Tôi cong người đạp xe trên những đoạn đường xóc nảy, vừa đạp vừa càu nhàu thẳng em.

May mà tôi chỉ phải đèo em đi học khoảng bốn tháng. Sự càu nhàu của tôi chắc hẳn đã góp phần đáng kể thôi thúc em tôi tập đi xe đạp. Lên lớp sáu cậu ấy không phải ngồi sau xe nghe tôi càu nhàu nữa. Với chiếc xe đạp mini bố tôi sắm cho, em tôi tự đạp xe đến trường, giải phóng cho tôi khỏi một gánh nặng đáng kể.

Tôi vẫn còn nhớ những buổi sáng đẹp trời, ngập tràn nắng gió. Chúng tôi đạp xe băng băng trên con đường xuyên qua những cánh đồng lúa rộng ngút ngát, nghe gió thổi vi vu trong rặng phi lao dài tít tắp, nghe niềm vui tuổi thơ tự do reo lên trong lòng theo những vòng xe. Ở cuối con đường ấy là trường học, là bạn bè, là những điều mới mẻ không ai có thể đoán trước. Buổi trưa ở cuối con đường là nhà, là nồi cơm tỏa hơi, là không khí gia đình ấm áp. Vì niềm hạnh phúc giản dị đó mà chị em tôi hằng hái đạp xe đi về.

Vào những ngày mưa, con đường đến trường rất lầy lội. Không thể đi xe đạp, chúng tôi đi bộ đến trường và phát hiện ra lối đi tắt xuyên qua những cánh đồng. Chúng tôi đi trên những bờ ruộng, nhảy qua những con mương, lội qua những con sông nhỏ, vượt qua những cây cầu được ghép bằng những tấm ván gỗ, bằng những cái ống xi-măng. Chân chúng tôi ngập trong bùn. Có những ngày vào đến lớp học thì ống quần chúng tôi ướt sũng, đôi chân trần tím tái. Đến tận khi tan học, quần áo của chúng tôi vẫn còn ẩm ướt, song chẳng đứa nào cảm thấy phiền vì điều đó bởi ai đi học ở trường nắng khiều mà chẳng phải vượt khó?

Tai ương

Qua tuổi mười hai, tôi lớn phổng, nặng khoảng 44 kg và cao gần bằng bây giờ - tức tôi ở tuổi ba mươi sáu. Từ chỗ thường đứng đầu hàng trong các buổi tập trung toàn trường, tôi bị chuyển xuống cuối hàng, đứng cùng những đứa bạn cao lớn. Tôi bắt đầu ý thức được sự thay đổi kỳ lạ của cơ thể, biết mình xinh xắn, dễ thương mỗi khi soi gương. Tôi thôi nhảy chân sáo, bắt đầu biết đỏ mặt trước những ánh mắt hay khi nghe những câu trêu đùa của đám con trai.

Tôi đã chạm đến đoạn đời gương lược, bắt đầu có những thoáng hình dung về thời thiếu nữ của mình. Giống nhiều đứa con gái mới lớn khác, tôi muốn để tóc thật dài, muốn những người bạn trai tôi quý mến cũng để mắt tới tôi. Tương lai nào đang đợi tôi - cô bé được khen là xinh xắn, nhanh nhẹn, ham học và học giỏi? Bạn có thể đoán đó sẽ là một tương lai không đến nỗi nào. Ông bà và bố mẹ tôi ngày ấy chắc hẳn đã mong tôi có một tương lai sáng sủa. Chú của tôi thậm chí đã nghĩ tôi sẽ trở thành luật sư vì trong ba chị em, chỉ có tôi là dám và có thể đối đáp với ông tôi - “nhà độc tài” thiết lập các luật lệ cho cả gia đình.

Về phần mình, thú thật, ở cái tuổi mười ba ấy, tôi chưa kịp nghĩ gì về tương lai, cũng không hề được chuẩn bị cho bất kỳ biến cố nào. Tôi mải mê học, mải mê đọc, hồn nhiên tận hưởng những niềm vui mà cuộc sống đưa đến tầm tay của mình mà không ngờ rằng đó là những ngày tháng cuối cùng tôi được sống như người bình thường.

Mùa đông năm 1988, biến cố ấy - có lẽ là biến cố lớn nhất đời tôi - xảy ra. Tôi thực sự không biết chính xác nó bắt đầu từ ngày nào và như thế nào. Nó bí ẩn, lén lút như kẻ trộm còn tôi là nạn nhân hoàn toàn bị động, hoàn toàn mất khả năng tự vệ.

Như đã kể, sang tuổi mười ba, tôi lớn lên trông thấy. Đáng lẽ tôi sẽ tiếp tục lớn và cơ thể sẽ hoàn thành quá trình phát triển của tuổi trưởng thành trong vài ba năm nữa. Thế nhưng thay vì tiếp tục lớn, tôi lại gầy đi, nhỏ bé đi. Trong vòng chưa đầy ba tháng, tôi mất đến 1/3 trọng lượng cơ thể. Tôi không bận tâm chuyện sụt cân ấy vì còn mải học và quá... ngây thơ.

Một hôm, cô giáo chủ nhiệm gọi tôi ra một chỗ, bảo rằng cô thấy tôi gầy đi nhiều lắm và hỏi tôi có cảm thấy đau đớn hay mệt mỏi trong người không. Tôi trả lời rằng không. Cô không yên tâm, bảo tôi về nói bố mẹ đưa đi khám bệnh. Tôi không nghe theo lời khuyên ấy, cũng không

nói với cô giáo rằng mẹ tôi đã để ý thấy chuyện gầy đi kỳ lạ của tôi và hỏi tôi đủ điều. Tôi cũng không cho cô giáo biết rằng vào thời điểm đó, gia đình tôi đã có quá đủ những mối lo, nhất là việc ông tôi bị cảm thương hàn, đang nằm điều trị tại bệnh viện đa khoa của tỉnh. Dù được điều trị tích cực nhưng tình hình sức khỏe của ông đang ngày một xấu đi. Ông lúc tỉnh lúc mê, không còn chủ động chuyện vệ sinh cá nhân được nữa. Bà, bố mẹ, cô tôi và những người họ hàng khác thay nhau vào bệnh viện chăm sóc ông. Chị em tôi không làm được gì cho ông, chỉ biết tự lo lấy việc học hành, sinh hoạt của mình. Với tất cả sự ngây thơ và “già dặn”, tôi cho rằng sự sụt cân của mình không thành vấn đề và tôi không nên gieo thêm bất cứ nỗi lo lắng nào cho người lớn nữa.

Tôi vẫn đạp xe đến trường hằng ngày. Nhưng rồi những biểu hiện bất thường về vận động dần xuất hiện. Tôi cảm thấy cơ thể mình trở nên cứng nhắc, khó thực hiện các động tác theo ý muốn. Tôi phát hiện một điều kinh khủng: mình không thể chạy được nữa. Mỗi khi tôi co chân thử thực hiện động tác chạy, tôi lại cảm thấy sức mạnh của đôi chân như biến đâu mất, chỉ còn lại biểu hiện bủn rủn, run rẩy. Hai cánh tay không còn cử động dễ dàng, tự nhiên như trước. Cổ dường như cũng yếu đi. Mỗi khi muốn ngửa cổ lên nhìn một vật ở trên cao, tôi cảm thấy như thể cái cổ không chịu nổi sức nặng của cái đầu.

Rồi tôi bắt đầu phải đối mặt với những cú ngã ngoài tầm kiểm soát. Chúng xảy ra rất bất ngờ và khó lường. Có khi đang bước đi bình thường, tôi bỗng khuỵu gối và ngã sòng xoài trên mặt đất. Lại có lúc tôi đang đạp xe trên đường bằng phẳng thì bỗng nhiên “xoạch” một cái và chỉ trong nháy mắt, tôi thấy cả mình và xe nằm chổng chơ trên đường.

Như mọi người, từ bé tôi đã biết ngã là thế nào; ngã là điều bình thường thôi, ngã rồi lại đứng dậy, có sao đâu. Thế nhưng những cú ngã liên tiếp ở tuổi mười ba của tôi quả thực rất kỳ lạ. Mỗi khi ngã, tôi hoàn toàn không có khả năng chống đỡ, dù tôi ý thức được rằng mình đang ngã. Tôi đổ sập người xuống mặt đất như cây chuối bị ai đó quyết liệt chặt phăng khỏi gốc. Càng lạ lùng hơn khi mỗi lần ngã, tôi phải xoay xở rất vất vả mới gượng dậy được. Từ thuở lên hai, lên ba, tôi đã đi đứng bình thường, chạy nhảy cả ngày không biết mệt. Lên bảy, lên tám đã có thể leo lên những cây cao, bơi dọc ngang trong cái ao rộng của nhà. Ấy vậy mà ở tuổi mười ba, tôi cứ ngã xoành xoạch! Lúc đầu, tôi vẫn chưa thật lo lắng mà chỉ lấy làm lạ vì sao mình dễ ngã đến vậy. Tôi cảm thấy những chỗ mình ngã cứ như có cái bẫy vô hình hoặc tất cả chỉ là trò đùa dai nào đó. Và tôi đợi trò đùa đó kết thúc.

Nhưng đó không phải là trò đùa và nó không có hồi kết. Những cú ngã ngày càng nhiều hơn. Hầu như ngày nào đạp xe đến trường tôi cũng bị ngã ít nhất một lần. Tôi ngã văng ra khỏi xe. Ngã lộn từ yên xe xuống đất, bị xe đè lên người. Ngã sấp mặt trên đường. Ngã từ mặt đường lăn

xuống ruộng. Những cú ngã khiến tôi đau đớn, thậm chí chảy máu, bầm tím mình mẩy. Nhưng hơn cả cảm giác đau đớn thể xác là sự đau đớn về tinh thần, là cảm giác xấu hổ của đứa con gái ở tuổi mới lớn khi nhận ra mình ở trong những tình cảnh, những tư thế không hề mong muốn. Điều khó chịu nhất với tôi là tiếng trẻ con cười rộ, là những con mắt mở to đầy ngạc nhiên lẫn thương hại của người đi đường mà tôi nghe thấy, nhìn thấy khi chưa kịp gượng dậy sau cú ngã.

Mỗi lần ngã, tôi đều cố gắng tự gượng dậy. Việc đó rất khó khăn. Tôi phải thực hiện từng bước. Từ tư thế nằm sổng xoài, tôi cố ngồi dậy. Rồi từ tư thế ngồi bệt, phải cố gắng ngồi xồm. Từ tư thế ngồi xồm, phải chống tay vào đầu gối, cố nâng mình dậy trong tư thế cúi lom khom để rồi từ đó cố vươn người đứng thẳng lên. Để thực hiện được mỗi bước ấy, tôi phải huy động sức lực ở cả hai chân, hai tay và toàn bộ sự quyết tâm ở cái đầu.

Một hôm trời mưa, tôi đi bộ đến trường. Trên đường về nhà, tôi đi qua đoạn đường đang rải đá dở dang, lổm chổm. Đang đi, bỗng tôi vấp phải một viên đá, ngã khuỵu xuống mặt đường. Tiếng cười của một đứa con trai vang lên phía sau tôi. Tôi nhận ra đầu gối mình bị trầy xước và rỉ máu vì bị cạnh đá sắc cứa vào. Tiếng cười của đứa con trai ở phía sau tôi đã tắt nhưng tôi thấy nó lọt sâu vào tai tôi và cứ vang vang trong đó. Tôi cố đứng dậy. Lần thứ nhất, tôi không thành công. Lần thứ hai, thất bại nốt. Lần thứ ba, mọi việc vẫn chẳng khá hơn. Càng cố gắng, tôi càng thấy đầu gối và toàn bộ đôi chân thêm bủn rủn. Kiên quyết không cất tiếng cầu cứu, tôi tiếp tục cố gắng. Cố đến lần thứ sáu thì tôi đứng dậy được.

Một buổi sáng đang đạp xe trên đoạn đường xuyên qua những cánh đồng để đến trường, tôi bất ngờ bị ngã xuống mương. Con mương ấy không sâu nhưng với cái kiểu ngã như quãng cả người xuống điểm thấp nhất ấy, tôi bị chìm cả người xuống nước. Tôi cố gắng ngồi dậy dưới lòng mương. Vuốt những giọt nước trên mặt, tôi cố bám lấy những búi cỏ trên bờ mương để đứng dậy. Sau mấy lần cố gắng không thành công, tôi gục mặt xuống dòng nước đục ngầu, chẳng biết chính mình đang nghĩ gì. Tôi để mặc cho sự trống rỗng, bất lực bao phủ thế giới của mình. Thế giới trong tôi như đang vỡ vụn còn thế giới bên ngoài như im bật. Thế rồi tôi cảm thấy một bàn tay chạm vào vai mình. Một bàn tay khác khẽ nâng đầu tôi lên. Tôi ngẩng lên, nhận ra người đang cố kéo tôi lên khỏi mặt nước là một người bạn gái từng học cùng tôi ở trường làng. Tôi gục vào vai bạn ấy khóc nức nở. Bạn ấy đưa tôi lên bờ, cởi áo tôi ra, vắt kiệt nước rồi mặc lại áo cho tôi. Lo cho tôi xong, bạn lội xuống mương mang cái xe đạp lên, rồi lại lội xuống lần nữa mò cặp xách cho tôi. Vào buổi sáng ấy, sự bất lực đã đẩy tôi vào tuyệt vọng, nhưng chính người bạn đó đã vực tôi dậy bằng sự ân cần, sự an ủi vượt trên mọi lời nói.

Sau những cú ngã bất thường như thế, tôi buồn lắm. Về nhà tôi âm thầm khóc. Những lúc đó,

con người tôi trở thành hai nửa. Một nửa không muốn tiếp tục chịu đựng những cú ngã, không muốn chịu đựng nỗi đau đớn và cảm giác xấu hổ nữa. Nửa còn lại cố gắng đến tuyệt vọng níu lấy niềm say mê học tập, niềm vui ở trường lớp, bạn bè. Hai nửa con người tôi đấu tranh với nhau quyết liệt. Bao giờ cũng vậy, nửa sau luôn giành phần thắng.

Để hạn chế những cú ngã, tôi chuyển từ đi xe đạp sang đi bộ. Mỗi ngày, tôi đi bộ gần bảy cây số tới trường. Vì việc đứng lên ngồi xuống đối với tôi ngày càng khó khăn nên tôi nhịn uống nước để khỏi đi vệ sinh trong thời gian ở trường. Vì nhà xa, lại phải đi bộ nên thỉnh thoảng tôi đi học muộn. Từ chỗ đi học muộn ngoài mong muốn, tôi chuyển sang cố tình đi học muộn khoảng năm hoặc mười phút để khi tôi đến trường, các học sinh đều đã vào lớp và không ai nhìn thấy cảnh tôi phải bò, lết lên những bậc thềm dẫn vào lớp học. Tôi cố xoay xở để giấu đi sự bất thường của mình, nhưng đôi khi tôi không thành công.

Sáng thứ hai nọ, khi tôi đến trường thì hầu hết lớp học đã bắt đầu tiết thứ nhất. Song trên khoảng sân trước cửa lớp tôi, toàn bộ học sinh trường cấp ba đang tập trung chào cờ. Muốn vào lớp, tôi phải vượt qua các bậc thềm hướng ra cái sân đang có lễ chào cờ đó trước cả nghìn con mắt. Nghĩ đến việc mình phải đi bằng cả chân và tay lên từng bậc thềm như một đứa trẻ chưa đứng vững trước đông người, tôi muốn ứa nước mắt vì xấu hổ. Tôi muốn quay gót ra cổng, ẩn mình ở đâu đó đợi hết giờ chào cờ. Tôi không biết chắc buổi chào cờ khi nào kết thúc, nhưng biết chắc cô giáo tôi đã bắt đầu giảng bài ở trong lớp. Không còn cách nào khác, tôi cắn môi, vừa mang cặp xách, vừa lết lên các bậc thềm. Cứ lết lên được một bậc, tôi lại có cảm giác cái sân trường đang có buổi chào cờ dường như bớt ồn ào hơn, dường như càng có nhiều con mắt đổ dồn về phía tôi hơn. Nước mắt tôi ứa ra. Ý thức về sự khác biệt của bản thân so với mọi người như một lưỡi dao cứa vào lòng tôi. Vượt qua bốn bậc thềm, tôi không quay đầu nhìn lại phía sau, lặng lẽ gạt nước mắt bước vào lớp.

Càng ngày tôi càng ý thức rõ hơn có điều gì đó rất nghiêm trọng đang xảy ra với mình. Mỗi buổi sáng mở mắt ra, tôi phải đối mặt với thực tế đáng buồn về tình trạng bất thường của mình. Muốn ngồi dậy từ tư thế nằm, tôi phải lật nghiêng về phía bên phải, đưa hai chân xuống đất, bấm những ngón chân xuống sàn nhà, tì cả hai tay vào thành giường rồi huy động toàn bộ sức lực để nhắc người dậy. Móng chân, móng tay của tôi thường xuyên bị gãy, khuỷu tay bị chai sau những lần cố gắng như thế. Tôi không giờ tay qua đầu được nữa. Cầm bát cơm ăn, tôi thấy khó khăn như thể đang phải nhắc cả một bao gạo. Việc đứng dậy từ vị trí ngồi thấp như bậc cửa hay sàn nhà trở thành việc khó nhọc, khiến tôi mất sức nhất, vì vậy tôi đứng gần như cả ngày. Tôi ngại và cố tình tránh thực hiện những động tác đó trước mặt người khác.

Trong bóng tối của sự giấu giếm, tôi đấu tranh với cảm giác hoang mang, lo sợ trước những

gì đang đe dọa cuộc sống của mình. Gần như từng phút tôi đều cảm thấy những cơn run rẩy từ đâu đó rất sâu trong con người mình, những cơn run rẩy được sinh ra từ cảm giác sợ hãi trước những điều chẳng lành mà mình không rõ nhưng có thể linh cảm được. Tôi cảm thấy sự lung lay của những gì tạo nên sức lực trong cơ thể tôi. Thế giới trong tôi dường như đang đảo lộn dữ dội mà tôi không biết phải làm gì. Nỗi buồn của sự bất lực thấm vào từng ý nghĩ của tôi.

Nhiều lúc tôi đứng một mình khóc thầm ở trong lòng. Tôi muốn hỏi ông Trời rằng tại sao bỗng dưng cùng một lúc, ông tôi và tôi phải đón nhận những chuyện tồi tệ liên quan đến sức khỏe. Tại sao ông Trời đã cho tôi biết chạy nhảy, biết đi lại, đứng ngồi thoải mái và tự nhiên như bao người rồi bây giờ lại nhấn tâm lấy đi những khả năng ấy? Liệu tôi sẽ còn phải chịu đựng những gì nữa? Tôi khóc không ra nước mắt, khóc trong buồn tủi, giận dữ, mong mỏi. Tôi cầu mong ông Trời trả lại cho tôi những khả năng bình thường, đơn giản ấy. Tôi gào lên những tiếng gào câm lặng trong lồng ngực. Liệu tôi có qua khỏi hay không? Hay cuối cùng tôi sẽ như ông tôi - nằm đó chờ chết?

Tôi sợ. Không phải là tôi chưa từng thấy người chết trẻ. Năm mười hai tuổi, tôi chứng kiến cái chết của một người con gái trẻ măng. Hôm đó tôi đạp xe đến chơi nhà bác gái tôi ở thị trấn. Khi đến đoạn đường nằm dọc một con sông, cách nhà bác tôi khoảng nửa cây số, tôi thấy đám đông hàng trăm người làm kẹt cả đường đi. Tôi dừng xe vì chẳng thể đi tiếp. Tôi thấy nhiều người chỉ tay sang bờ sông bên kia, nơi có vài người mặc đồng phục dân phòng đang đi quanh thứ gì đó được đắp chiếu. Hóa ra đó là xác một cô gái mới được vớt từ dưới sông lên.

Những người có mặt trong đám đông kể rằng cô gái đó mới mười chín tuổi, đang là sinh viên, rất xinh xắn, nét na, đã có người yêu. Tương lai và hạnh phúc đang chờ cô thì bỗng đâu cô biết mình bị bệnh ung thư. Không biết bệnh đã ở giai đoạn nào nhưng cô quyết định quyên sinh bằng cách trèo mình xuống dòng sông phía sau nhà lúc nửa đêm.

Hôm đó, thay vì ghé qua nhà bác tôi chơi một lúc rồi về, tôi đã ở lại thị trấn và đi đưa tang cô gái ấy. Đám tang diễn ra vào ngang chiều. Tôi để xe đạp ở nhà bác, đi len lỏi trong đoàn người đưa tang. Người ta nói cô gái mồ côi mẹ từ nhỏ. Người cha già của cô quá đau đớn, không đủ sức tiễn đưa cô ra nghĩa trang. Dọc đường ra nghĩa trang, nhiều lần tôi nhìn thấy người yêu của cô gái - một chàng trai rất trẻ, rất cao và hơi gầy. Anh được hai người đàn ông dìu hai bên. Tôi có cảm giác anh không bước đi bằng hai chân của mình mà bằng sức của hai người trợ giúp. Cũng có thể anh không biết mình đang được dìu đi đâu. Đôi mắt anh giấu dưới vành chiếc mũ cối đội hơi lệch về phía trước.

Khi người ta đặt chiếc quan tài xuống huyệt, nhiều người thân của cô gái khóc nức nở thảm thiết. Người yêu của cô không bật lên tiếng khóc nào. Anh rũ xuống trên cánh tay của hai người

điều mình. Sáng hôm đó tôi chỉ khóc vì thương cô gái, nhưng từ lúc nhìn thấy người yêu của cô trong đám tang, tôi khóc vì thương người yêu của cô. Lúc đó, dù mới mười hai tuổi, tôi đã tự hỏi tại sao cô gái lại chọn cách quyên sinh? Chỉ khi bị bệnh tôi mới biết bệnh tật hiểm nghèo kéo đến khi người ta còn trẻ thì đáng sợ đến mức nào. Chỉ khi bị bệnh tôi mới biết con người ta chết là chết ở tinh thần trước rồi mới chết ở thể xác.



Bệnh tình ông tôi ngày một nặng thêm. Bác sĩ nói cuộc sống của ông chỉ còn tính từng ngày. Dự báo về sự mất mát to lớn ấy khiến chúng tôi sống trong lo âu, buồn bã. Tôi vẫn cố gắng đến trường, vẫn giấu biệt người nhà về những cú ngã xảy ra với tôi trên đường đi. Vào một ngày cuối tháng 2 âm lịch, thấy tôi không đến lớp vào buổi sáng, cô giáo đoán rằng tôi bị ốm nên vào buổi chiều, cô tổ chức cho cả lớp đến thăm tôi. Đến gần nhà tôi, họ gặp những đoàn người mang theo vòng hoa tang. Đó là buổi chiều đưa tang ông nội tôi. Cô giáo và các bạn học của tôi trở thành những người viếng tang không được chuẩn bị trước. Tôi thấy những giọt lệ trên khóe mắt của cô. Không biết không khí tang tóc khiến cô không cảm lòng được hay cô linh cảm điều gì đó chẳng lành khi cô thấy tôi đứng ở góc hiên nhà, run rẩy trong nỗi buồn mất người thân.

Sau khi ông mất, mọi sự quan tâm của gia đình đổ dồn vào tôi. Bố mẹ muốn tôi nghỉ học ngay lập tức để đi khám bệnh. Tôi khóc lóc phản đối, một mực khẳng định rằng tôi vẫn ổn, không thấy đau đớn gì. Vì sao tôi gầy rộc đi - tôi thực sự không thể lý giải. Tôi chỉ biết một điều: còn chưa đầy ba tháng nữa, tôi sẽ thi tốt nghiệp. Không đời nào tôi chịu bỏ học giữa chừng như thế. Có lẽ vì tôi không có bất kỳ biểu hiện nào của bệnh cấp tính, và nhất là tôi quá cương quyết, cứng cỏi nên bố mẹ tôi đành nhượng bộ.



Bích Lan (bên phải) và một bạn học cùng lớp năng khiếu văn. Ảnh chụp trước khi Bích Lan nghỉ học.

Hầu hết thầy cô và bạn học chung lớp đã biết về tình trạng sức khỏe và những khó khăn về vận động của tôi. Phát hiện thấy tôi đi bộ tới trường hằng ngày, hai người bạn học cùng lớp với tôi - một người ở xã trên, một người ở xã dưới - thay nhau đến chở tôi đi học. Người bạn ở xã

trên tên Thúy, ở gần nhà tôi nên thường chở tôi đến trường hơn.

Hồi ấy, Thúy cao nhất trong đám con gái lớp tôi và gầy nhảnh, gầy gàn như tôi lúc đã ngã bệnh. Thúy đi chiếc xe đạp nữ đã mất một nửa tấm chắn bùn ở đằng trước. Sáng sáng, tôi đi bộ khoảng một cây số đến nhà Thúy, đợi Thúy chở đến trường. Trên cái xe đạp cọc cạch ấy, Thúy gò người, đạp từng vòng, từng vòng, chở tôi qua những đoạn đường gập ghềnh, những ngã ba, những dốc cầu... Mồ hôi thấm ướt lưng áo, chảy thành giọt trên gương mặt ngăm đen của Thúy. Ngồi đằng sau Thúy, tôi gặm nhấm cảm giác có lỗi. Có hôm, tôi cố tình không đến nhà Thúy. Tôi đi bộ theo lối khác đến trường để khỏi gặp Thúy trên đường đi.

Từ nửa cuối năm học lớp 8, môn thể dục trở thành môn học khó nhất với tôi bởi tôi không thể tham gia các buổi tập chạy ngắn, chạy dài, nhảy cao, nhảy xa... Mỗi khi có tiết học thể dục ở ngoài trời, tôi ngồi một mình trong lớp, gặm nhấm cảm giác của người ngoài cuộc. Cũng có buổi, tôi theo cả lớp ra sân tập và chỉ đứng ở rìa sân cỏ, nhìn các bạn hăng hái nhảy nhót, cười đùa. Tôi theo dõi từng bạn học nâng dần thanh xà và lắng nghe những tiếng cười tự hào khi chinh phục được mức xà nào đó. Tôi cứ như người đứng ở bên này sông, nhìn rừng hoa nở rộ bên kia sông bằng ánh mắt khao khát mà không cách nào tới được rừng hoa ấy.

Dạo đó, chúng tôi có một cô giáo dạy thể dục mới. Những tiết học đầu, cô hướng dẫn tập luyện ngoài trời. Mỗi khi đến lượt tôi phải thực hiện các bài thể dục thực hành, Thúy và các bạn gái khác tình nguyện làm thay tôi. Khi cô giáo phát hiện ra chuyện ấy, tôi buộc phải nói thật với cô rằng tôi gặp khó khăn về vận động. Cô gặp thầy hiệu trưởng nói về trường hợp của tôi và từ đó, tôi được miễn tham gia các buổi thể dục ngoài trời.

Tôi vẫn say sưa học như khi chưa phải đối mặt với những biểu hiện bất thường về sức khỏe. Ngoài môn thể dục, lực học của tôi nhìn chung không hề sa sút: vẫn đạt điểm cao ở hầu hết các môn học, riêng môn văn, vẫn thuộc tốp bốn học sinh đứng đầu lớp. Trong vòng thi thử chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp cấp hai, tôi đạt 34 điểm cho 4 môn.

Cũng như các thành viên khác thuộc đội tuyển học sinh giỏi của lớp chuyên văn, tôi tốt nghiệp loại giỏi. Và đời học sinh của tôi đã sớm lặng lẽ khép lại sau buổi thi tốt nghiệp môn cuối.

Mắc kẹt trong bệnh tật

Mùa hè năm 1989, trong khi các bạn cùng lớp ở trường năng khiếu háo hức rủ nhau đi ôn thi vào trường chuyên cấp ba của tỉnh, tôi bắt đầu hành trình khám chữa bệnh với tâm lý hoang mang, sợ hãi. Tôi không biết điều gì đang đợi mình ở phía trước nhưng tôi linh cảm rằng những ngày mà mình sắp phải đối mặt sẽ rất khó khăn.

Thoạt đầu, bố mẹ đưa tôi đến nhà một người họ hàng là bác sĩ ở thị xã Thái Bình (tỉnh Thái Bình). Sau khi hỏi tôi rất nhiều câu về sức khỏe, bác sĩ bảo nên đưa tôi đi khám ở bệnh viện đa khoa của tỉnh. Tại bệnh viện này, tôi được đưa đi chụp X-quang tim, phổi; làm điện não đồ và một số xét nghiệm, trong đó có xét nghiệm máu và tiểu đường. Với xấp giấy kết quả xét nghiệm, tôi đi gặp các bác sĩ giàu kinh nghiệm nhất tỉnh nhưng không ai có thể kết luận tôi mắc bệnh gì.

Vì chưa xác định được bệnh nên tôi chưa được nhập viện. Tôi và mẹ ở tạm trong khu tập thể của xí nghiệp nơi bố tôi làm việc. Mùa hè năm ấy, tôi rạc người vì những đợt ho kéo dài. Tôi không rõ nguyên nhân của những cơn ho ấy là căn phòng tập thể chật chội, ẩm thấp, là khói bụi từ các nhà máy hóa chất, là cái nắng nóng mùa hè hay cộng dồn tất cả yếu tố ấy. Hoặc cũng có thể do bệnh tự phát sinh trong người tôi, không hề liên quan các yếu tố bên ngoài? Một lần nữa, chẳng có bác sĩ nào đưa ra nguyên nhân của chứng ho khủng khiếp ấy.

Cứ cách hai tuần, tôi lại phải chịu đựng một đợt ho, mỗi đợt thường bắt đầu bằng cảm giác ngứa ngáy sốt về chiều kèm ho khan. Tôi ho liên tục như một nhu cầu khẩn thiết. Toàn bộ sức lực dồn cả vào cơn ho. Ho đến ù tai, mặt rữa người, đến không còn đứng vững. Hết nằm xuống là tôi ho dữ dội hơn, như thể có gì đó đang cào xé cổ họng. Trong căn phòng tập thể chỉ rộng khoảng 10 mét vuông, tôi bám chặt những song cửa sổ đến mức các khớp ngón tay trắng bệch. Suốt buổi chiều, tôi cố chịu đựng những cơn ho liên tiếp, đêm về thì vật vã vì khó thở như đang có bàn tay nào đó bóp nghẹt cuống phổi. Trong những đêm trắng ấy, bố mẹ chẳng biết làm gì ngoài việc cõng tôi vào bệnh viện.

Bác sĩ ở bệnh viện đa khoa của tỉnh kết luận tôi bị viêm phế quản cấp tính và cho tôi dùng thuốc giãn phế quản, các loại kháng sinh rất phổ biến lúc ấy như streptomycin, penicillin. Vì phòng cấp cứu luôn quá tải nên tôi chỉ được nằm ở đó đến khi bớt khó thở rồi lại trở về căn phòng tập thể chật chội, ẩm thấp ở cơ quan của bố. Mỗi ngày hai bận, tôi mang túi thuốc kháng

sinh tới phòng y tế của cơ quan bố, nhờ chú y tá ở đó tiêm giúp. Những hôm tâm trạng vui vẻ, chú quan sát cánh tay tôi và nói đùa: “Mấy mũi y tá ở viện nhận hết chỗ trồng kim rồi còn đâu”. Hôm nào khó ở, chú cầu nhàu rằng tay tôi chỉ còn da bọc xương, chẳng biết nên cắm kim tiêm vào đâu. Thế nhưng lần nào cũng vậy, hễ cắm kim tiêm vào da thịt tôi là chú lại dỗ dành tôi như dỗ đứa trẻ lên ba, như thể chú đã làm điều gì đó có lỗi với tôi. Những mũi tiêm kháng sinh khiến cánh tay tôi đau buốt, tưởng sắp rơi rụng đến nơi, nhưng tôi không bao giờ khóc. Con đập ngăn những dòng nước mắt của tôi chính là những nghĩ suy không nguôi về sự vất vả của bố mẹ, là cảm giác có lỗi khi mang lại phiền phức cho người y tá ở cơ quan bố.

Những cơn ho và những đợt điều trị kháng sinh kéo dài khiến tôi gầy yếu hơn. Hai cánh tay tôi chỉ chít vết kim tiêm. Có những ngày vết tiêm sưng lên, nổi cục, nhức nhối khiến tôi không muốn cử động. Mẹ phải dùng cốc nước nóng chườm chỗ tay sưng ấy để hôm sau tôi có thể chịu đựng những mũi tiêm mới. Tôi vốn không muốn ăn. Dùng kháng sinh liên tục nên tôi càng không muốn nhai nuốt bất cứ thứ gì. Đường như toàn bộ hệ thống tiêu hóa của tôi từ chối tiếp nhận chất dinh dưỡng và không chịu thực hiện chức năng của nó. Hễ ngửi thấy mùi thức ăn là tôi khiếp hãi. Giữa mùa hè nóng như nung người, trong căn phòng chật chội với chiếc bếp dầu cũ kỹ, mẹ loay hoay chế biến nhiều món ăn dành riêng cho tôi. Mỗi lần bị ép ăn, tôi lại chực ứa nước mắt. Thương mẹ, tôi gắng nhai thức ăn như bò nhai rơm, nhắm mắt nuốt mà cổ nghẹn ứ. Trên đời này, có những lúc con người ta cảm thấy ăn uống cũng là nỗi khổ.

Chưa kịp phục hồi sau đợt ho này, tôi đã phải chống chọi với đợt ho khác. Cứ như thể tôi đang mang trong mình mầm mống của chứng ho vĩnh viễn và các đợt điều trị bằng kháng sinh chỉ chia nhỏ chứng ho đó ra - giống như chặt một cành cây thành nhiều đoạn - các đoạn vẫn còn đó chứ chẳng hề tiêu biến. Chỉ vì ho mà tôi không thể dùng quạt máy, không thể tắm gội thoải mái giữa mùa hè nóng nực. Tôi ghét chứng ho đó không biết bao nhiêu mà kể.

Có người mách bố tôi rằng ở Sơn Tây có ông lang rất giỏi, có thể chữa ho bằng thuốc nam. Giữa hai đợt ho của tôi, bố mẹ đưa tôi lên gặp ông lang ấy. Thu hoạch sau chuyến đi là mấy gói thuốc bột với hướng dẫn sử dụng là đem hòa với nước rồi nhỏ vào mũi. Thứ thuốc đó không có tên và từ những trải nghiệm với nó, tôi gọi nó là: thuốc gây kinh hoàng. Mỗi lần mẹ hòa thứ thuốc đó với nước rồi dùng bơm tiêm nhỏ thuốc vào hai lỗ mũi của tôi là ngay lập tức, mùi thuốc gây ra những phản ứng dữ dội của mũi, miệng, dạ dày. Tôi thường nôn thốc nôn tháo ngay khi giọt thuốc đầu tiên đi vào mũi. Những cơn nôn dữ dội làm rũ người ấy đáng sợ hơn cả những cơn ho, ghê gớm hơn cả cảm giác khó thở. Tôi sợ run người mỗi khi biết mình sắp bị nhỏ thuốc.

Thứ thuốc kinh hoàng đó được chỉ định dùng kèm một món ăn kỳ quặc và khủng khiếp

không kém mà người ta gọi là “thang” – “thang” của thuốc. Đó là món trứng gà được chế biến theo công thức chỉ định của ông lang mà tôi chưa từng biết đến: ngâm trứng gà trong nước tiểu suốt năm ngày rồi đem luộc. Người lớn nói rằng “thuốc đắng dã tật”. Tức là bất kể “dị ứng” món trứng ấy đến mức nào, tôi cũng phải ăn nếu muốn hết ho. Nếu tôi có thể tự quyết định ăn gì, uống gì, nếu tôi ngang bướng hơn, nếu tôi tự cho phép mình xâm phạm niềm tin của bố mẹ vào một phép màu nào đó từ phương thuốc kỳ quặc ấy thì tôi đã kiên quyết từ chối những quả trứng kinh khủng ấy. Sau khi được luộc chín, bóc vỏ, thay vì màu trắng quen thuộc, những “quả trứng nước tiểu” ấy có màu vàng sậm hoặc xám đen, bốc mùi rất khó chịu. Tôi nhắm mắt, nín thở, khổ sở nuốt từng miếng trứng một. Các bạn có thể hình dung ra tôi đã phải nhắm mắt nuốt những quả trứng thối ấy một cách khổ sở biết chừng nào khi mà ngay cả những món ăn ngon nhất, hợp khẩu vị nhất tôi cũng phải cố gắng nuốt với sự thúc bách gay gắt của ý chí.

Cuối cùng, mọi người cũng phải thừa nhận rằng thứ thuốc kỳ cục đó không chữa được chứng ho của tôi. Thể trạng của tôi ngày càng đáng lo ngại. Bệnh viện đa khoa tỉnh giới thiệu tôi đi khám ở bệnh viện lao của tỉnh. Trong lần đầu tiên đến đó, không biết vì bệnh viện đó nằm chơ vơ bên một cánh đồng rộng mênh mông hay do trời mưa rả rích, hay bởi tâm trạng ủ rũ sẵn có trong tôi mà tôi có cảm giác cái bệnh viện ấy cứ như một trại giam biệt lập đến đáng sợ. Những dãy nhà cũ kỹ, những vệt rêu loang lổ trên những bức tường màu vàng nhợt nhạt, những đoạn hành lang tối tăm, những ô cửa sổ giăng mắc đầy quần áo ẩm ướt, những tiếng ho vọng ra từ sau những bức tường... khiến tôi sởn gai ốc.

Vừa lê bước qua những vũng nước bẩn trong sân bệnh viện, tôi vừa hình dung cảnh mình phải ở nơi tách biệt, lạnh lẽo này, phải lắng nghe những tiếng ho bức bối kia. Ai có thể quen được với tất cả những thứ đó? May mắn thay, kết quả xét nghiệm cho thấy tôi âm tính với vi khuẩn lao. Tôi không bao giờ phải quay lại bệnh viện đó nữa nhưng những hình ảnh, âm thanh của nơi ấy trong một ngày mưa sục sùi cứ neo mãi trong tâm hồn tôi. Khi tôi viết đến phần này của cuốn tự truyện, những hình ảnh đó lại ùa về, trở thành một mảnh ghép nhỏ giúp tôi hoàn thành tấm bản đồ về các bệnh viện mình đã đi qua.

Vậy là hành trình đi tìm nguyên nhân làm tôi sụt cân và suy giảm khả năng vận động bị tạm gác lại, nhường chỗ cho mối lo về chứng ho triền miên. Suốt hơn một tháng, cuộc sống của tôi chỉ xoay quanh những đợt điều trị ho. Thứ âm thanh quen thuộc nhất với tôi là tiếng ho của chính mình. Mùi quen thuộc nhất là mùi kháng sinh tỏa ra từ mồ hôi trên cơ thể mình, trên gối, trên giường và khắp mọi nơi trong căn phòng tập thể chật chội. Trong những giấc ngủ chập chờn, tôi nghe thấy tiếng “bộp”, “tách” của những ống thuốc tiêm bị bẻ đầu, thấy những mảnh thủy tinh vỡ rơi tung tóe, những bóng trắng lơ lờ mờ không biết có phải bóng người hay không.

Thế rồi nhờ chuyện học hành mà tôi dứt khỏi những chuỗi ngày khó chịu đó. Tôi nhận được tin báo chính thức về ngày thi vào trường trung học phổ thông ở huyện nhà và nằng nặc đòi về thi. Dù đã xác định ưu tiên việc chữa bệnh cho tôi, bố mẹ tôi vẫn phải nhượng bộ vì vẫn còn chút hy vọng rằng biết đâu tôi may mắn gặp thầy gặp thuốc và sẽ khỏi bệnh trước khi năm học mới bắt đầu.

Hai ngày trước kỳ thi, tôi về đến nhà. Vẫn còn run rẩy vì một đợt ho chưa dứt, tôi ngồi bần thần lật giở những cuốn vở trong đồng sách vở cũ, quay cuồng với những câu hỏi: không biết bài thi đòi hỏi những kiến thức gì, phải bắt đầu ôn tập từ đâu khi tôi chỉ còn chưa đến ba mươi tiếng đồng hồ? Kể từ khi cấp sách tới trường, chưa bao giờ tôi rơi vào hoàn cảnh ấy, chưa bao giờ sợ hãi trước kỳ thi mà ngược lại, kỳ thi càng quan trọng, tôi càng háo hức mong đợi bởi tôi luôn chăm học và học tốt. Vậy mà lúc này tôi hoang mang vô cùng. Tôi gục đầu xuống đồng sách cũ, những giọt nước mắt buồn tủi của một học sinh giỏi biết trước sự thất bại không công bằng đang đợi mình ở một kỳ thi quan trọng lăn dài trên má tôi. Quá buồn bã, tôi để mặc ba mươi tiếng đồng hồ trôi qua.

Vào ngày thi, một người bạn gái cùng xóm đi chiếc xe đạp dành cho nam cao lêu nghêu đến chở tôi tới địa điểm thi tại trường trung học phổ thông cách nhà tôi năm cây số. Tôi đi thi với gương mặt đầy mụn nhọt – hậu quả của việc uống kháng sinh trong thời gian dài. Tôi cực kỳ căm ghét những cái mụn xuất hiện không đúng chỗ và nhất là không đúng lúc vì đó cũng là ngày tôi gặp lại các bạn học cùng cấp một, cấp hai ở trường làng và một số bạn cùng học ở trường chuyên.

Những đứa con trai từng trêu chọc tôi vì tôi trông dễ thương giờ đây lượn qua lượn lại trong sân trường nhìn tôi, lè lưỡi và bật cười giễu cợt. Chúng gọi những cái mụn là “đèn pin”, chúng vừa ném những ánh nhìn về phía tôi vừa thầm thì với nhau rồi cười ngặt nghẽo. Tôi xấu hổ đến mức muốn bỏ về ngay lập tức nhưng vì kỳ thi, tôi đành cắn răng chịu đựng nỗi tức giận đối với những cái mụn và nhất là với những đứa bạn vô tư lẫn vô tâm. Với nhiều đứa con trai ngày ấy, ấn tượng cuối cùng về tôi là gương mặt đầy “đèn pin”, bởi suốt thời gian sau đó, tôi chỉ quanh quẩn trong bốn bức tường còn chúng bạn thì như đàn chim đủ lông cánh, tung cánh khám phá nhiều phương trời.

Quay lại chuyện kỳ thi, chúng tôi thi hai buổi, một buổi thi văn, một buổi thi toán. Ban đầu, tôi cứ đinh ninh mình sẽ ngồi cắn bút toàn thời gian, song hóa ra các bài thi không quá khó. Với những kiến thức còn nhớ được, tôi làm bài không đến nỗi nào và kết quả là thừa 6 điểm. Điểm thi ấy khiến tôi không vui cũng chẳng buồn bởi nó chẳng có ý nghĩa khi bố mẹ đã lại bắt đầu lên kế hoạch cho chặng hành trình tiếp theo để chữa trị căn bệnh bí ẩn đang phủ bóng đen

lên cuộc sống của tôi.

Tôi không quay lại cái thị xã đã ám ảnh tôi bằng những cơn ho nữa. Lần này, bố mẹ đưa tôi lên các bệnh viện ở Hà Nội. Tôi lê chân từ bệnh viện này sang bệnh viện khác: Xanh Pôn, E, Việt Đức, Bạch Mai...; từ các bệnh viện dân sự đến các bệnh viện quân y. Những trải nghiệm tại mỗi bệnh viện lại góp thêm ít nhiều sợ hãi vào nỗi sợ bệnh viện vốn hình thành từ trước trong tôi.

Ở hầu hết các bệnh viện chúng tôi đặt chân tới, chúng tôi không tìm thấy lối đi dành cho bệnh nhân khó vận động. Có lần đến một bệnh viện, tôi phải leo lên leo xuống hai trăm bậc cầu thang với sự trợ giúp của mẹ. Cứ vượt qua được một tầng cầu thang, tôi lại đứng thở và ngán ngẩm nhìn lên dãy bậc mình sắp phải vượt qua. Hai mẹ con đều mệt nhoài vì những bậc thang tưởng như vô tận đó.

Cái cảnh chờ chực ở bên ngoài các phòng khám cũng khiến tôi mệt rũ. Không ai biết phải chờ bao lâu mới tới lượt được khám. Cứ chờ và chờ thôi. Có lần, tôi chờ cả buổi trước một phòng khám, đến lượt mình vào thì vừa lúc hết giờ làm việc. Chẳng còn cách nào khác, tôi ra về và hôm sau lại tiếp tục leo cầu thang, tiếp tục mòn mỏi đợi.

Chưa hết, cái kiểu khám bệnh ở một số bệnh viện đôi khi cũng khiến bệnh nhân mệt mỏi. Một lần tôi đến bệnh viện Việt Đức để chụp X-quang tim phổi. Chờ chực mãi, tôi mới được gọi vào phòng chụp. Ở đó có bốn nhân viên y tế gồm cả nam lẫn nữ đang tán chuyện vui vẻ. Họ bảo tôi nằm lên bàn chụp. Vì người nhà không được phép vào cùng nên tôi không biết phải leo lên cái bàn cao ấy bằng cách nào. Thấy tôi lúng túng, các nhân viên y tế đang trò chuyện vui vẻ lập tức chuyển giọng cầu nhàu, gắt gỏng. Họ khó chịu bảo rằng tôi làm mọi người tốn thời gian, rằng còn bao nhiêu bệnh nhân đang đợi.

Khi tôi nằm được lên bàn, một nữ nhân viên bước tới, bảo tôi kéo khóa quần xuống. Máy chụp được di chuyển tới gần bụng tôi. Tôi chưa kịp lên tiếng rằng dường như có nhầm lẫn thì một nhân viên y tế khác có mặt trong phòng phát hiện ra họ cần chụp tim phổi cho tôi chứ không phải chụp ổ bụng. Họ lại gắt gỏng vì mất thời gian, cứ như thể tôi là của nợ của họ. Tôi sợ họ, sợ tất cả những gì liên quan đến bệnh viện.

Nhưng dù sợ đến mức nào tôi vẫn phải lê chân đến bệnh viện. Hành trình của tôi tại một bệnh viện luôn bắt đầu từ phòng khám nào đó. Tiếp đó là các phòng xét nghiệm, rồi lại đến các phòng khám khác. Tôi không nhớ mình đã phải làm bao nhiêu xét nghiệm. Cho đến bây giờ, tức hơn hai mươi năm trôi qua, thỉnh thoảng tôi vẫn mơ thấy những dãy hành lang trắng mờ dẫn tới các phòng xét nghiệm trông giống như những chiếc hộp, những phòng chụp X-quang tối om, những chiếc mũ chụp với những chiếc nút lỏm chồm trong phòng điện não, những dải giấy

báo kết quả trôi ra từ chiếc máy đo điện tâm đồ, những xi-lanh chứa những giọt máu đỏ thẫm. Không một cuộc xét nghiệm nào giúp các bác sĩ xác định được chính xác tôi mắc bệnh gì. Tôi phải trả lời các câu hỏi lặp đi lặp lại từ các bác sĩ thuộc các khoa khác nhau trong cùng một bệnh viện và bác sĩ ở nhiều bệnh viện khác. Những phỏng đoán, nghi ngờ của một vị bác sĩ ở một phòng khám này lại đẩy tôi đến phòng khám của một vị bác sĩ khác.

Hành trình đi tìm nguyên nhân căn bệnh cứ kéo dài hết ngày này đến ngày khác. Tôi mệt. Mẹ cũng mệt. Các bác sĩ cũng mệt. Những người thân trông ngóng kết quả khám bệnh của tôi cũng mệt nốt. Có lúc, trong những buổi lê chân đến bệnh viện, trong cảm giác mệt rũ người, giữa mọi sự bất tiện, phiền hà, giữa cái đông đúc, ngột ngạt của thành phố, tôi chỉ mong mỗi một điều duy nhất: về nhà! Tôi mong trong tích tắc được quay về ngôi nhà yên tĩnh giữa làng quê mộc mạc, mong được nằm duỗi chân trên chiếc giường kê bên cửa sổ, mặc kệ mọi việc muốn ra sao thì ra.

Ban ngày tôi đi khám bệnh, buổi tối về nhà cô chú tôi nghỉ ngơi, tôi lại vùi đầu vào sách. Vốn yêu sách từ nhỏ và đang chệnh chao trong cơn bão bệnh tật, tôi càng cảm nhận rõ sự ấm áp, nguồn an ủi to lớn nơi những cuốn sách hay - nhất là sách văn học. Bộ *"Tình sử Angélique"* của nhà văn Pháp Sergeanne Golon và các tập truyện ngắn của Maxim Gorky, các tiểu thuyết của Stendal mà tôi đọc trong những ngày ấy thực sự đã phần nào xoa dịu nỗi sợ hãi trong tôi, cho phép tôi tạm quên cái thế giới trắng đầy ám ảnh của những bệnh viện.

Thế nhưng, việc đọc sách cũng khiến tôi thêm được đi học biết bao. Nhiều lúc tôi ngồi thần thờ nghĩ đến những người bạn học cùng lớp ở trường năng khiếu. Tôi không nhận được tin tức của ai, không biết ai đã thi đỗ vào trường chuyên tỉnh. Tôi đoán rằng trong khi tôi lang thang khắp các bệnh viện thì các bạn đang chuẩn bị sách vở, quần áo cho năm học mới. Cái cảm giác háo hức trước năm học mới mà tôi biết đến từ khi cấp sách đến trường nay đã chết trong tôi. Trường học, bạn bè đối với tôi lúc này xa vời vợi.

Có những buổi chú tôi chở tôi đi khám bệnh bằng xe đạp. Chúng tôi đi chậm chậm qua bờ hồ, Nhà hát Lớn, phố Hàng Cân, phố Hàng Bông... Thỉnh thoảng, tôi bắt gặp những tốp học sinh có lẽ cùng lứa với tôi. Hình ảnh những đứa con gái mới lớn ôm tập vở trước ngực hoặc đeo những chiếc ba lô trên lưng, trò chuyện rôm rả với bạn bè khiến tôi chạnh lòng ghen tị và thêm được như thế. Ngồi sau xe của chú, tôi không ngừng tưởng tượng cảnh tôi vào cấp ba, học chung với những đứa bạn đến từ nhiều xã khác nhau trong huyện, chúng tôi sẽ trò chuyện, nói cười, trêu đùa nhau. Đó như là một giấc mơ đẹp bỗng chốc tan tành khi cái cổng bệnh viện hiện ra một cách tàn nhẫn. Một khi đã ở sau cánh cổng ấy, tôi không còn cảm giác nào khác ngoài nỗi sợ hãi.

Nhờ người quen giới thiệu, mẹ đưa tôi đến gặp một bác sĩ lớn tuổi từng làm việc ở khoa thần kinh của bệnh viện Bạch Mai. Sau khi hỏi tôi những câu quen thuộc về sức khỏe, lịch sử căn bệnh và yêu cầu tôi làm một số động tác vận động, bác sĩ bảo tôi ra ngoài đợi để ông nói chuyện riêng với mẹ tôi. Chẳng biết ông đã nói gì mà mẹ bước ra khỏi phòng khám với đôi mắt đỏ hoe. Tôi biết đã có điều gì đó không tốt lành. Sau này tôi mới biết, vào chính cái ngày hôm ấy, bác sĩ bảo có thể tôi mắc phải một dạng bệnh cơ nan giải, gây thoái hóa dần hệ thống cơ bắp và hiện chưa có thuốc chữa. Theo bác sĩ, rất có thể về sau, tôi sẽ gặp khó khăn khi nuốt thức ăn, sẽ gặp phải những vấn đề về hô hấp và tim mạch. Thảo nào lúc ra khỏi phòng khám, mẹ tôi buồn đến vậy.

Việc đi lại giữa các bệnh viện cả tháng trời đã vắt kiệt sức lực thể chất lẫn tinh thần của chúng tôi. Cuối cùng, bố nhờ một người bạn xin cho tôi vào nằm điều trị tại một bệnh viện quân y theo tiêu chuẩn người nhà quân nhân. Tôi được xếp vào phòng dành cho bệnh nhân nữ thuộc khoa thần kinh.

Trong thời gian tôi nằm tại đó, các cuộc xét nghiệm được lặp lại từ đầu, từ điện não, điện tim, xét nghiệm máu. Ngoài ra, tôi được chỉ định làm một số xét nghiệm mới, trong đó có một xét nghiệm được gọi là sinh thiết cơ. Vào một buổi chiều, tôi được đưa tới căn phòng nhỏ, nơi chỉ có một chiếc giường được kê cao, trải khăn trắng toát. Ông bác sĩ đã lớn tuổi bảo người phụ tá đỡ tôi lên giường. Họ vén ống quần bên phải của tôi lên quá gối, phủ lên bắp chân tôi một tấm vải trắng bị khoét thủng một mảng rộng cỡ bằng chiếc mũ nhỏ, tiêm thuốc tê vào bắp chân rồi cắt từ vùng được gây tê một ít cơ bắp đem đi làm sinh thiết. Vì đã được gây tê nên khi họ làm việc đó, tôi không thấy đau. Nhưng thật kỳ cục khi phải nằm đó, hoàn toàn tỉnh táo và hình dung toàn bộ cái việc mình bị cắt mất một phần cơ thể. Chỉ là một mẩu thịt nhỏ. Chỉ thế thôi. Chỉ là cảm giác da thịt mình bị giăng xé, bị đứt lìa, bị đứt khỏi cơ thể. Chỉ là cảm giác, là sự hình dung, liên tưởng kỳ cục. Tôi có thể đã giãy đạp dữ dội. Họ có thể đã phải trói tôi lại để làm cho xong cái việc cần phải làm. Nhưng tôi đã nằm yên, đôi mắt mở to nhìn trần trần lên trần nhà, không hề bật ra một tiếng rên rỉ. Thêm một lần nữa kể từ khi phải đi khắp các bệnh viện, tôi lại tập trở thành người hùng của chính mình. Tôi cứ cố gắng chịu đựng trong niềm hy vọng rằng đó sẽ là lần cuối. Chỉ khi đêm đến, khi tôi nằm trên giường bệnh, chìm vào bóng tối, gặm nhấm cảm giác đau day dứt từ vết cắt, tôi mới lặng lẽ khóc, vì đau, vì sợ hãi cùng cực.

Một buổi sáng, tôi và gần chục bệnh nhân có những biểu hiện bệnh lý tương tự như tôi được đưa sang một bệnh viện quân y khác để làm điện cơ vì bệnh viện tôi đang nằm điều trị không có thiết bị thực hiện xét nghiệm này. Một cô y tá gầy gò đưa chúng tôi lên chiếc xe mười sáu chỗ của bệnh viện. Cô thúc chúng tôi lên xe như lừa đàn bò vào chuồng mà không cần biết việc

di chuyển, đặc biệt là việc lên xuống xe của các bệnh nhân này đều rất khó khăn. Tôi là người lên xe cuối cùng với sự giúp đỡ của mẹ. Khi mẹ tôi vừa mới nhấc được tôi vào trong xe, cô y tá đó đã dập cửa xe lại. Những ngón tay tôi vẫn còn bám chặt vào cửa xe bị kẹp lại vì cú dập cửa vội vàng đến vô tình ấy. May mà cô y tá đó không quá khỏe, nếu không thì các ngón tay của tôi có thể đã bầm dập, thậm chí bị gãy.

Đó là ngày xui xẻo với cả nhóm bệnh nhân. Sau khi chúng tôi rờn rắn đến được cái bệnh viện nọ, mỗi người cố lê chân qua cả những lối đi, những hành lang dài cả trăm mét như một đoàn tù binh mệt mỏi, chúng tôi mới biết cái máy điện cơ của viện đó bị... hỏng. Cái cách làm việc của các bệnh viện thời đó thật lạ lùng. Chắc chắn họ cũng có điện thoại. Ấy vậy mà trước khi tổ chức cho chúng tôi đến làm điện cơ tại một bệnh viện khác, họ không buồn gọi một cuộc điện thoại kiểm tra xem các thiết bị có ổn không. Họ cứ để mặc một y tá dẫn cả đám bệnh nhân yếu ớt, đi không xong, đứng ngồi không nổi đến cái bệnh viện ấy rồi lại thất thểu trở về mà chẳng thu được kết quả gì. Việc xét nghiệm bị bỏ lửng. Tôi không thấy các bác sĩ nhắc đến nó nữa. Cũng có thể khi đó, cả Hà Nội chỉ có duy nhất cái máy điện cơ ấy và rất có thể nó hỏng vô thời hạn.

Dù không hoàn thành các xét nghiệm, tôi vẫn được điều trị theo một phác đồ nào đó. Hằng ngày, tôi vẫn chờ chực ở phòng tiêm thuốc để được y tá của khoa thần kinh tiêm cho một loại thuốc gì đó mà họ không nói tên cho chúng tôi biết. Sau này, tôi hiểu rằng việc điều trị đó chỉ tựa như một cách an ủi. Tôi cho rằng ngày đó các bác sĩ ở khoa thần kinh của bệnh viện quân y đó đã ngờ rằng tôi bị mắc một dạng thoái hóa cơ chưa có thuốc chữa. Họ không nói ra cho tôi biết và họ cũng chẳng thể đoán được rằng hơn hai mươi năm sau, y học vẫn bó tay.

Nhưng niềm an ủi tôi tìm thấy trong những ngày dừng chân ở bệnh viện quân y đó không phải là những ống thuốc tiêm, những vỉ thuốc mà chính là những người bạn cùng phòng bệnh. Phòng có mười bốn bệnh nhân nữ thuộc nhiều lứa tuổi, đến từ nhiều tỉnh thành, mắc các chứng bệnh khác nhau về thần kinh. Chúng tôi coi nhau như người nhà. Nằm gần kề giường bệnh của tôi là một chị hai mươi tuổi, trắng trẻo, cao ráo. Chị chắc hẳn rất xinh xắn nếu như cái miệng không bị méo xệch do bị liệt dây thần kinh số 7 sau một trận cảm lạnh. Tôi thương nhất mỗi khi chị cười. Mỗi nụ cười dường như phải vật vã, giằng xé chính nó, gắng gượng trở thành một nụ cười bình thường mà vẫn không thể. Để tìm lại nụ cười tự nhiên, chị phải bỏ dở việc học tại trường được để vào nằm điều trị ở bệnh viện. Nỗi buồn giằng đầy đôi mắt chị, nhất là những khi người yêu đang học ngành y của chị đến thăm. Trong tất cả những bệnh nhân nằm cùng phòng, tôi mong chị chóng khỏi bệnh nhất.

Trong phòng còn có một cô trung niên đến điều trị di chứng của một trận cảm. Cô ấy có thói

quen khi đi ngủ chỉ... mặc đồ lót vì nếu để cả quần áo dài mà ngủ thì cô sẽ rất khó ngủ. Không ai có thể góp ý thói quen này, chỉ có thể trêu chọc cô ấy. Buổi tối, khi chúng tôi còn để đèn điện, cô ấy chui vào chăn, cởi quần áo ngoài ra. Nằm trong chăn, cô hào hứng góp chuyện với cả phòng. Trong số chúng tôi chỉ có duy nhất người phụ nữ ấy vô tư coi bệnh viện là nhà. Khi có ai đó hỏi bao giờ cô được ra viện, bằng giọng địa phương, cô cười trả lời: “Năm đến kỳ khỏi thì ra!”.

Có một bác gái bị thoát vị đĩa đệm đến từ một tỉnh Tây Nguyên. Tôi nghe nói chứng bệnh đó gây đau đớn nhiều lắm, thế nhưng tôi chẳng hề thấy bác rên rỉ. Tôi nghĩ có một lý do khiến bác cố nén những tiếng rên, những lời kêu ca, phàn nàn hay thậm chí quên được đau, đó là đứa con trai. Cậu ấy bằng tuổi tôi, vừa thi xong vào trung học thì đi chăm mẹ nằm viện. Tôi cứ lặng lẽ theo dõi cậu con trai ấy hằng ngày chăm sóc mẹ với sự kiên nhẫn, chu đáo vượt tuổi. Cũng như tôi, cậu ấy đã đứng bên lề năm học mới.

Có lẽ vì tôi ít tuổi nhất phòng bệnh, vì đang tuổi mới lớn mà không được đến trường, không được hưởng niềm vui của cuộc sống sôi động ngoài kia, có lẽ vì tôi gầy yếu quá và căn bệnh của tôi vẫn là ẩn số nên tôi được cả phòng quan tâm. Mỗi lần tôi đi tiêm về, mọi người thường xúm vào hỏi tôi có đau không. Họ mong ngóng kết quả xét nghiệm của tôi như thể họ là người nhà của tôi vậy. Họ thốt ra những lời cầu Trời khẩn Phật, cầu cho tôi mau khỏi bệnh, sớm được đi học trở lại. Họ chia cho tôi những thức ăn vặt mà người nhà của họ mang vào viện, kiếm cho tôi những cuốn sách để đọc cho đỡ buồn. Những lúc không phải tới phòng tiêm, không phải đi xét nghiệm, tôi nằm trên giường bệnh đọc những cuốn sách ấy. Đọc để ngày ở bệnh viện trôi nhanh hơn. Đọc để quên đi nỗi sợ hãi.

Đều là những bệnh nhân mắc các chứng bệnh điều trị lâu dài, nhưng rồi cuối cùng chúng tôi cũng phải chia tay nhau bởi mỗi đợt điều trị dành cho một bệnh nhân không được phép quá ba mươi ngày. Những cuộc chia tay bịn rịn diễn ra ở cửa phòng bệnh. Người được ra viện chưa hẳn đã vui vì chưa thực sự khỏi bệnh. Kẻ ở lại đương nhiên buồn. Thỉnh thoảng những người ở lại được dịp reo lên khi một người mới lưu luyến chia tay vài ngày trước bỗng bất ngờ quay lại.

Thỉnh thoảng vẫn có những bệnh nhân ra viện rồi lại làm thủ tục để nhập viện, bắt đầu đợt vòng điều trị mới. Tôi là một trường hợp như vậy vì sau đợt nằm viện thứ nhất, tôi không nhận được câu trả lời rõ ràng về bệnh tình của mình. Tôi quay trở lại căn phòng mà tôi đã ở cả tháng, tiếp tục chờ chực. Trong đợt nằm viện thứ hai, chứng ho quay lại hành hạ tôi. Tôi vật lộn với nó cho đến khi tôi được xuất viện lần nữa. Sợ rằng mình sẽ lại bị đưa tới một bệnh viện khác, quá sợ phải nối dài chuỗi ngày giữa những bức tường trắng, tôi khóc lóc, van xin bố mẹ đưa tôi về nhà.

Vái tứ phương

Rời bệnh viện quân y, bố mẹ tôi không biết phải đưa tôi đi đâu nên đành về nhà. Tôi về trong tình trạng xanh xao, mệt mỏi, đi phải có người dìu. Người trong làng ngoài xã đồn rằng tôi bị bệnh viện “trả về”. Lần đầu tiên, thay vì nhận phần thưởng cho học sinh giỏi, tôi nhận một suất trợ cấp dành cho thân nhân ốm nặng của trường nơi mẹ tôi dạy học. Tôi coi đó là sự thương hại và sợ hãi nó chẳng khác nào sợ bệnh viện. Về sau, tôi hiểu ra rằng đó là sự sẻ chia mà tôi nên đón nhận với lòng biết ơn.

Gia đình tôi không chịu buông xuôi. Bố mẹ xoay hướng thử chữa trị cho tôi theo đông y. Một người thân trong gia đình biết thuật châm cứu, đề nghị thử điều trị cho tôi một thời gian. Chú ấy giải thích về việc đánh thức các huyết đạo bằng phương pháp châm cứu. Được cả nhà động viên, tôi chịu để cho người thầy thuốc nghiệp dư đầy nhiệt tình ấy cắm vào người mình hàng chục chiếc kim một lúc. Thực ra, châm cứu không đau nhưng cũng chẳng dễ chịu gì. Tôi không sợ những cây kim, chỉ buồn bã, ngán ngẩm đến ám ảnh khi ngày nào cũng phải trả lời những câu hỏi y hệt nhau của người chú ngày nào cũng vượt sáu cây số đến châm cứu cho tôi: “Cháu thử giơ tay lên xem nào. Có thấy nhẹ nhõm hơn không?”, “Cố gắng lên, thử xem nào, có thấy tiến triển gì không?” ... Trước vẻ mặt khắp khởi hy vọng của chú, tôi chỉ biết lắc đầu.

Chẳng có tiến triển gì!

Cuối cùng thì những cây kim cũng được cất vào hộp và người thầy thuốc nghiệp dư lặng lẽ rút lui sau lời chào buồn bã.

Những người quen mách chúng tôi địa chỉ của những ông lang chuyên cắt thuốc bắc giúp phục hồi sức khỏe. Một số người cho rằng thể lực tôi quá suy nhược nên không đủ sức cử động chân tay bình thường và họ cho rằng những thang thuốc bắc có thể giúp cải thiện. Bà và bố mẹ lặn lội đến các địa chỉ đó. Khi nghe bệnh của tôi, ông lang nào cũng nhận lời chữa. Dường như với đông y, không có bệnh gì không chữa được. Ông lang nào cũng bốc thuốc cho tôi mỗi lần ba thang. Từ ba thang lên sáu thang, chín thang, mười hai thang... Cứ thế tôi uống liên tục cả trăm thang thuốc bắc của ba - bốn ông lang khác nhau. Mùi thuốc bắc ám tôi suốt ngày. Chỉ cần ngửi thấy mùi thuốc là tôi buồn nôn. Mỗi toa thuốc của một ông lang lại có vị khác. Thuốc nào cũng khó uống. Tôi sợ thuốc bắc đến nỗi mỗi lần uống, tôi phải thu hết can đảm, phải tập trung nghĩ đến chuyện gì đó thật đáng chú ý để đánh lạc hướng thần kinh vị giác, để quên đi đang phải

uống thuốc. Mỗi ngày uống bốn-năm bát thuốc nên hầu như lúc nào tôi cũng đầy bụng đến chẳng thiết ăn uống. Bà và mẹ thay nhau lúi cùi sắc thuốc cả ngày. Bã thuốc đổ đầy một góc bờ ao nhà tôi. Những đồng củ to, đồng củ bé trong vườn nhà vơi dần theo những đợt sắc thuốc bắc kéo dài hết ngày này sang ngày khác.

Vẫn chẳng có biến chuyển tích cực nào!

Những bà bạn cùng xóm của bà tôi nói rằng “có bệnh thì vái tứ phương”. Họ kể một số trường hợp bệnh nhân bị bệnh viện trả về trong tình trạng thoi thóp nhưng chỉ cần đi chùa xin thuốc của Phật uống tự nhiên hết bệnh. Bà tôi muốn thử cầu xin cho tôi nơi cửa Phật với hy vọng điều kỳ diệu sẽ xảy ra. Vậy là hằng ngày, cứ nhá nhem tối, mẹ lại đỡ tôi ngồi lên yên sau xe đạp, dắt xe đưa tôi đến ngôi chùa của làng. Bà tôi và mấy bà hàng xóm thạo việc cúng khấn đã có mặt ở đó trước, chuẩn bị hương hoa, đèn nến. Tôi được dắt vào gian chính của chùa, được đỡ ngồi xuống chiếc chiếu trải dưới nền gạch ẩm. Tôi ngồi đó, nhìn lên hàng hàng lớp lớp tượng, nhìn lên những đĩa hoa, bát nhang tỏa khói. Không hiểu sao cái không khí chùa u tịch, mùi hương trầm buồn, vẻ mặt vừa phúc hậu nhưng cũng thật xa cách của các pho tượng và những truyền thuyết tôi từng nghe kể về chốn chùa chiền linh thiêng... khiến tôi tủi thân quá. Một câu hỏi tức tưởi, âm thầm nhói lên trong đầu tôi: “Tại sao tôi lại thành ra như thế này?”. Tôi cầu xin Đức Phật Tổ, Đức Quán Thế Âm và những đấng cao nghiêm, linh thiêng khác hãy cứu tôi, giúp tôi đi lại bình thường như bạn bè cùng trang lứa. Tôi khóc nghẹn ngào trong khói hương.

Các bà bạn của bà tôi làm rằm khấn để xin thuốc cho tôi. Kết thúc các bài khấn, một bà lấy từ trên bàn thờ Phật một chén nước và bảo tôi uống. Chén nước mưa lấm tẩm tàn nhang rơi vào được gọi là thuốc Phật cho. Tôi nhắm mắt uống cạn cùng với nước mắt của mình trong khi các bà bạn của bà tôi trút ra những tiếng thở dài.

Tôi đã uống những chén thuốc nơi cửa Phật. Nhưng điều kỳ diệu vẫn chẳng le lói.

Gia đình tôi cứ loay hoay vái tứ phương như thế. Hết cắt thuốc bắc, thuốc nam lại cúng lễ. Có lúc quá mệt mỏi, bế tắc, bố mẹ tôi to tiếng với nhau khiến tôi đau khổ vô cùng. Cũng may là rất hiếm những giây phút gia đình tôi chên chao, rời rã như thế. Trong những năm tháng tôi mang bệnh, gia đình tôi là một khối thống nhất, là nguồn sức mạnh tổng hợp của nhiều nỗ lực, là một trái tim duy nhất. Trái tim ấy yêu thương tôi vô bờ bến và cố gắng đến tuyệt vọng để mong giải thoát tôi khỏi ngục tù bệnh tật.



Tuổi mười bốn của tôi trôi qua giữa những bức tường trắng lạnh lẽo của bệnh viện. Tuổi

mười lăm của tôi cũng đang trôi đi trong một đường hầm tối tăm, mờ mịt không chút ánh sáng le lói. Năm tháng trước khi bước sang tuổi mười sáu, tôi chạm vào cánh cửa của cõi chết.

Từ khi rời căn phòng tập thể ẩm thấp, chật hẹp của cơ quan bố, tôi ít bị hành hạ bởi những đợt ho. Trước những dấu hiệu ban đầu của một đợt ho, tôi được cho dùng thuốc kháng sinh liều cao, nhờ thế mà hiện tượng khó thở và ho kéo dài được ngăn chặn. Nhưng việc “đánh chặn” bằng kháng sinh như vậy cũng khiến tôi bị nhờn thuốc. Những ngày cuối mùa hè của năm 1990, thời tiết còn khá nóng nực, tôi bị một đợt ho hành hạ. Kháng sinh có vẻ như không phát huy tác dụng. Những cơn ho liên tiếp làm tôi mệt đến mức không thể đứng nổi trên hai chân. Mẹ phải kê gối thành chồng cao để tôi tựa người.

Tôi ho đến ngày thứ hai thì bắt đầu khó thở. Ban đầu tôi còn vật vờ. Dần dần mọi cảm giác nhạt dần đi. Tôi chìm trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, mơ thấy những vùng nước mênh mông không rõ là sông hay biển, những vùng nước đục ngầu, cuộn chảy, rất tối, rất dài như mê cung và ông nội tôi đứng trên một hòn đảo trôi giữa vùng nước ấy. Giấc mơ lặp lại đến chóng mặt. Thế rồi tôi nghe thấy nhiều tiếng gọi cùng lúc mà chẳng hiểu rõ ý nghĩa.

Mở mắt ra, tôi thấy bà, bố mẹ, chị gái, em trai và mấy người họ hàng thân thiết đứng vây quanh giường. Tôi nhận ra tất cả mọi người. Tôi cũng nhận thấy người bác họ của tôi đứng trên một chiếc thang dài, đang cố với một vật gì đó trên nóc nhà, phía trên giường tôi nằm. Hóa ra bác đang cố bắt một con chim cú mèo. Con chim đó đã bay vào phòng tôi, đậu phía trên giường tôi nằm từ lúc nào không ai biết. Bác tôi phát hiện và quyết tâm tóm sống nó bằng được. Ở quê tôi, cú mèo nhòm nhà người ốm là điềm gở. Đó cũng là lý do tất cả người thân có mặt bên giường tôi lúc ấy.

Cuối cùng bác tôi cũng tóm được con chim, cầm chặt nó trong tay, chìa cho mọi người xem rồi bật ra hai tiếng: “Thua rồi!”. Bà, mẹ và chị tôi bắt đầu khóc. Ai đó cúi xuống hỏi tôi có thèm ăn gì không. Tôi khẽ lắc đầu.

Tôi tiếp tục chìm vào trạng thái nửa mê nửa tỉnh. Có lúc tôi thấy một ông già râu tóc bạc phơ có đôi mắt nghiêm nghị tiến lại gần tôi. Ông cầm tay tôi rồi đặt tay ông lên trán tôi, rất nhẹ, rất nhẹ. Ông nói điều gì đó tôi nghe không rõ. Tôi nghĩ là mình đã mơ thấy một ông tiên. Hóa ra không phải tôi mơ. Bố tôi đã mời một ông lang nổi tiếng tới bắt mạch cho tôi. Tôi được cho uống ba thang thuốc gọi là thuốc cấp cứu. Uống hết ba thang, tôi thoát khỏi những cơn mê man, thoát khỏi lưỡi hái tử thần.

Sau trận ốm chí tử ấy, người tôi giống như khúc gỗ. Vài tuần sau khi tỉnh lại, tôi vẫn không thể tự trở mình khi nằm, không thể bước ra khỏi giường. Đêm nào mẹ cũng thức dậy vài lần

giúp tôi lật nghiêng người hoặc đổi tư thế nằm cho đỡ mỏi. Ban ngày, bà, bố, mẹ, chị gái, em tôi và những người hàng xóm thay nhau đỡ tôi ngồi dậy vài lần. Tôi ngồi tựa người vào khuôn ngực và bờ vai của người thân, dõi mắt qua ô cửa sổ, nhìn những chiếc lá vẫy vẫy trong gió, lắng nghe tiếng chim lảnh lót, tiếng người lao xao, tiếng xe chạy ngoài đường làng... như một nỗ lực nhằm bám chặt lấy cuộc sống vừa tìm lại được.

Rồi tôi bắt đầu đặt chân xuống đất tập đi. Mười sáu tuổi, tôi lại tập đi. Run rẩy. Khó nhọc. Những bước đi buồn tẻ. Những cú ngã sắp mặt. Những cú ngã xoạc chân. Mỗi lần ngã là một lần gượng dậy. Mỗi ngày mười bước rồi tăng dần lên hai mươi bước. Dần dần tôi vận động được như trước khi rơi vào trận ốm nặng. Tôi bắt đầu hiểu ra rằng nếu tôi không tập vận động thì một ngày nào đó không xa hoặc sau khi tôi bị một trận ốm nặng khác, tôi có thể sẽ bị liệt, không thể đi lại được nữa. Tôi từng nghe kể về những người phải nằm liệt giường nhiều năm. Mọi sinh hoạt, toàn bộ việc vệ sinh cá nhân của họ đều phải nhờ đến người khác. Có người nằm liệt nhiều năm, da thịt bị hoại tử phải cắt bỏ. Tôi sợ khả năng ấy quá chùng và tự nhủ phải tập thể dục hằng ngày để ít nhất duy trì những khả năng vận động còn lại, có thể nhúc nhắc tự đi được bằng đôi chân của mình.

Mỗi buổi sáng, ngay sau khi thức dậy, tôi tập hít thở sâu, tập đi bộ nhiều vòng trong hiên nhà. Dần dần, việc tập thể dục trở thành thói quen. Tôi không chỉ muốn tập để duy trì sức khỏe mà còn để cải thiện khả năng vận động. Trong những lần đi khám bệnh, không bác sĩ nào nói cho tôi biết rằng việc tập vật lý trị liệu như vậy không thể giúp tôi khôi phục lại những khả năng vận động đã mất. Vậy nên tôi cứ hy vọng và cố gắng tập những động tác khó với quyết tâm cao. Bố tôi tạo một dụng cụ tập bằng một thanh xà treo trên cao và sợi dây thừng như một chiếc ròng rọc để tôi luyện vận động hai cánh tay. Hằng ngày, tôi kéo lên kéo xuống sợi dây thừng ấy. Khi một tay tôi kéo một đầu dây thừng xuống, tay kia tự động được kéo lên. Mỗi lần tập, tôi chỉ kéo lên, kéo xuống được vài lượt. Mỗi lượt kéo, tôi cảm thấy hai cánh tay mỗi ghê gớm như thể đã tập kéo cả tiếng đồng hồ. Bố luôn động viên tôi mỗi ngày tăng thêm một lượt kéo. Thêm một lượt là thêm một lần mỗi nhừ hai cánh tay.

Tôi tập bước lên các bậc cao với sự trợ giúp của người khác. Nhà tôi có bốn bậc thềm dẫn lên cửa chính, vừa tiện để tôi thực hiện bài tập đó. Hằng ngày, mẹ, chị gái và em trai thay nhau giúp tôi bước lên, bước xuống các bậc thềm. Bài tập đó cũng quá khó khi hai chân tôi hầu như không đủ lực để tự nhấc lên cao.

Thực ra, khi bước lên các bậc thềm, tôi phải dựa hoàn toàn vào sức người khác. Dầu thế tôi vẫn kiên trì tập. Tôi hy vọng rằng nếu kiên trì tập thì chân sẽ khỏe dần lên, rằng một ngày nào đó tôi có thể tự lên xuống các bậc thềm. Đối với tôi, phía bên kia của bốn bậc thềm là một thế

giới khác hẳn với cái thế giới trong bốn bức tường mà tôi buộc phải quen. Đó là thế giới của bầu trời rộng mở muôn hướng, của mảnh vườn với những luống rau xanh mướt, những khóm chuối, những bụi cỏ dại, là thế giới của những con vật nuôi và côn trùng. Khi chưa bị ốm tôi có thể nhảy hai bậc một đến với thế giới ấy trong nháy mắt. Bây giờ, thế giới ấy cách tôi bốn bậc thềm mà ngỡ như cả dãy núi trùng điệp. Tôi không thích mỗi lần muốn nhìn bầu trời, muốn chạm tay vào một chiếc lá tôi lại phải nhờ người khác đỡ xuống các bậc thềm. Vì thế, tôi càng cố gắng tích cực tập luyện mỗi ngày.

Cột sống của tôi ngày càng cứng hơn. Tôi không cúi xuống được nữa, không thể tự nhặt những vật đánh rơi xuống sàn nhà. Nếu đánh rơi cây bút, tôi sẽ dùng chân di chuyển nó tới gần giường hoặc một điểm đủ cao để tôi có thể ngồi xuống cái điểm ấy, nhào người cố nhặt nó lên. Khi cầm được cây bút trên tay, tôi lại phải tập trung sức lực và quyết tâm để thực hiện động tác đứng dậy. Em tôi đùa rằng nếu nhìn thấy cả một túi vàng dưới đất, chắc tôi cũng bó tay.

Thật vô lý. Đến một đoạn tre thẳng tưng vô tri còn được uốn thành cái gọng vó, những thân cây mọc thẳng còn có thể được uốn thành các hình thù phức tạp thì với ý chí của con người, tại sao tôi không thể tập cho cột sống của mình bớt cứng nhắc? Tôi và mọi người trong nhà cứ nghĩ rằng cái cột sống của tôi không thể cứng như thế mãi được. Ngày hai lần, mẹ trái tẩm đệm mỏng ra sàn giúp tôi tập uốn cột sống. Tôi tập lộn cấn đầu xuống đệm với sự trợ giúp của mẹ hồng bắt cái cột sống phải uốn cong. Dù có đệm đỡ nhưng đầu gối, trán, cùi trỏ của tôi vẫn thành chai.

Thời điểm ấy, tôi đã không thể tự đứng dậy được khi ngồi ở những vị trí thấp như sàn nhà. Hằng ngày, em trai giúp tôi thực hiện bài tập đứng, ngồi. Điệp khúc “Cố lên!” được lặp đi lặp lại hàng trăm lần trong đầu tôi và từ miệng em tôi. Sau cả trăm lần cố gắng hết sức, tôi vẫn bất lực. Cứ như thế tôi sinh ra đã không có khả năng tự đứng lên ngồi xuống. Động tác ấy quá đơn giản với người bình thường nhưng với tôi lại như nhiệm vụ bất khả thi. Mỗi lần tôi tập đứng lên từ vị trí thấp như sàn nhà, em trai đều để tôi có một khoảng thời gian nhất định để cố gắng, để thử đi, thử lại. Cuối cùng, khi tôi không đứng dậy được, em mới đỡ tôi đứng dậy.

Một lần, có lẽ vì quá mệt mỏi, thất vọng, em quyết định thử nghiệm một giải pháp lạnh lùng, đau đớn. Thay vì đỡ tôi dậy, em bỏ ra ngoài. Tôi ngồi xồm trên sàn nhà, đợi cậu ấy mãi vẫn không thấy. Hai chân tôi mỏi nhừ vì phải mang trọng lượng cả cơ thể trong một tư thế bất tiện. Cả nhà lại đi vắng. Tôi cắn răng chịu đựng, khóe mắt dâng trào những giọt nước mắt buồn tủi vì cảm thấy bị bỏ rơi. Rồi tôi tự nhủ: “Mình nhất định phải đứng lên bằng được. Nếu lúc này không làm được việc đó thì chẳng bao giờ làm được nữa”. Hai tay tôi lần theo tường, bám vào song cửa sổ. Với tất cả cảm giác buồn tủi, tự ái và tức giận, tôi nhắm mắt, nghiêng răng, tập

trung tất cả sức lực vào một nỗ lực mang tính quyết định. Kết quả của toàn bộ nỗ lực đó là số 0. Thay vì đứng dậy được, tôi ngã lăn ra sàn, đầu đập vào tường rồi đập xuống sàn, ngón chân cái ở bàn chân phải bật máu. Em tôi vội chạy đến, chứng kiến kết quả của cuộc thử nghiệm đau đớn. Khuôn mặt u buồn và hối hận của em trong giây phút ấy ám ảnh tôi đến tận hôm nay.

Tôi tập vận động suốt cả năm trời, không sợ đau, không ngại mệt. Cuối cùng, tôi cũng nhận ra rằng căn bệnh ấy không chịu khuất phục trước nỗ lực của tôi. Song việc tập luyện không hoàn toàn vô ích. Dù không giúp tôi cải thiện khả năng vận động nhưng nó phần nào khiến cho quá trình mất khả năng vận động của tôi diễn ra chậm hơn. Tôi chắc chắn như vậy. Một điều quan trọng nữa là việc tập thể dục đều đặn giúp tôi tăng sức đề kháng nên bớt bị những cơn ho hành hạ. Về sau, tôi không tập những động tác quá sức nữa mà duy trì những bài tập thể dục nhẹ nhàng, trong đó có bài tập thở và đi bộ mỗi ngày. Hiện nay, tôi vẫn duy trì các bài tập ấy như một nhiệm vụ quan trọng hằng ngày.

Tìm ánh sáng trong đường hầm tối

Rất có thể vào một lúc nào đó trong đời, một biến cố lớn sẽ đẩy chúng ta đến cái điểm mà ta không xác định được sự tồn tại của mình có còn thực sự gắn liền với cuộc đời này không.

Ta không nhớ mình là ai, có mặt trên đời này để làm gì. Ta cảm thấy hoặc thế giới đang đứng im hoặc ta đã đứng bên lề vòng quay ấy tự lúc nào, ngay giữa ranh giới của sự tồn tại và không tồn tại. Ta cảm thấy trong lòng mình chẳng còn gì ngoài sự trống rỗng mênh mông.

Tôi từng trải qua những ngày dằng dặc và chông chênh như thế. Buổi sáng hể cứ mở mắt ra thì y như rằng tôi phải đối mặt với nỗi sợ khủng khiếp: phải làm gì cho hết mười hai giờ đồng hồ phía trước. Có cách nào để giết từng giờ, từng phút, từng giây? Tôi đã không khóc khi bị tiêm nhiều đến mức muốn rụng cánh tay, không khóc khi bị cắt một mẫu cơ bắp ở chân để làm sinh thiết. Không khóc khi phải uống triền miên những chén thuốc đông y đắng thất cả ruột gan. Không khóc vì đau. Không khóc vì tuyệt vọng. Nhưng tôi khóc vì ngày của mình dài quá mà chẳng có cách nào giết chết thời gian.

Tôi không chịu đựng nổi việc dính chặt vào cái giường, giả vờ rằng mình chẳng có lý do gì để rời khỏi nơi nhàm chán ấy. Tôi cũng không chịu nổi việc nhìn mọi người trong nhà tắt bật đủ mọi việc còn mình thì ngồi không, chẳng làm nổi việc gì. Mỗi lần đứng lên, ngồi xuống, tôi đều phải nhờ người giúp nên tôi chọn cách đứng cả ngày nhìn ra khoảng không bên ngoài khung cửa sổ để hạn chế tối đa việc làm phiền người khác. Thật ra tôi không nhìn bầu trời hay những con chim bay mà chỉ nhìn vào hư vô, vào tấm gương phản chiếu sự trống rỗng của lòng mình.

Tôi không biết điều gì sẽ xảy ra nếu cứ để sự trống rỗng ấy kéo dài mãi. Thật may cuối cùng một thay đổi đã xảy ra. Mùa thu năm 1992, khi em trai tôi học lên cấp ba, sau ngày khai giảng, em mang về một cuốn sách giáo khoa tiếng Anh và khoe với cả nhà rằng mình bắt đầu học môn này ở trường. Cậu ấy hào hứng cứ như thể đã đợi suốt chín năm để có cơ hội được đọc lên một từ tiếng Anh. Ngồi học bài trong gian buồng riêng, em không ngại đọc oang oang từng từ tiếng Anh bằng cái giọng ngàn ngạt bẩm sinh. Những từ ấy như những mảnh nhỏ của một cái gì đó rất thực, rất lạ lẫm, rất dễ gợi tò mò đã ào ạt bay vào thế giới trống rỗng của tôi. Tôi dùng tâm trí chộp lấy những mảnh nhỏ đó như một đứa trẻ chộp lấy những món đồ chơi mới mà nó hằng ao ước.

Hằng ngày, tôi đón lấy những từ tiếng Anh bay ra từ căn buồng nơi em tôi học bài. Tôi lật đi

lật lại trong đầu những từ học lỏm được, lẩm nhẩm đọc chúng cho đến khi thuộc lòng tất cả. Vào những lúc em tôi không dùng đến sách giáo khoa tiếng Anh, tôi lén lấy sách ra, mò mẫm tìm mặt chữ của những từ mà tôi đã biết cách phát âm. Tôi chép những từ đó ra mặt sau của những tờ lịch xé từ cuốn lịch treo tường, chép lên bìa những cuốn vở soạn bài không còn dùng nữa của mẹ. Ngày qua ngày, tôi chép gần như trọn vẹn tất cả các bài khóa của cuốn sách lên những tờ lịch cũ, những bìa vở cũ, tạo ra một bản sao chắp vá của cuốn sách giáo khoa tiếng Anh lớp 10. Tôi học thầm, học vụng, không muốn cho ai biết vì tôi nghĩ trong mắt người khác, việc học hành đối với tôi lúc ấy quá xa xỉ, quá ngớ ngẩn và thế nào tôi cũng bị ngăn cấm.

Một hôm, tôi phát hiện cuốn sách dày nhất trên ngăn giá sách ít được chạm tới nhất của gia đình tôi chính là một cuốn từ điển Anh - Việt. Cuốn từ điển đó là quà của bác tôi - tức anh trai của mẹ tôi - tặng bố tôi từ trước khi tôi ra đời. Khi tôi phát hiện ra cuốn từ điển thì nó đã mất bìa, hầu hết các trang bị rách mép. Mỗi lần lật giở các trang, tôi phải hết sức nhẹ nhàng, cẩn thận. Hàng trăm nghìn từ trải ra trên những trang giấy cũ kỹ của nó. Thoạt đầu, vớ được cuốn từ điển ấy tôi mừng hơn hở trong lòng vì nghĩ từ nay mình không lo thiếu chữ để học nữa. Tôi mò mẫm tìm các quy tắc phiên âm các từ, học các từ mới với sự háng hái đầy ngớ ngẩn. Thời gian đầu, mỗi ngày tôi học thuộc lòng ba mươi, thậm chí bốn mươi từ. Tôi nạp những từ tiếng Anh vào đầu giống như người ta chắt những món hàng khác nhau vào một gian nhà kho mà chẳng biết làm sao để đánh dấu vị trí của từng món, để rồi đến khi muốn tìm thứ gì đó lại bối rối chẳng biết nó nằm chỗ nào.

Kết quả là tiếng Anh trở thành mớ rối rắm trong đầu tôi. Tôi tự hỏi nếu cứ tiếp tục học vẹt thế này thì mình sẽ đi đến đâu, rồi tôi tự trả lời rằng sẽ chẳng đi đến đâu cả và sẽ đến ngày đầu tôi nổ tung. Lần đầu tiên tôi thực sự suy nghĩ về phương pháp học. Tôi tự hỏi mình phải học như thế nào để có thể “biết” tiếng Anh? Tôi sẽ tiếp tục học tiếng Anh, đó là điều không cần bàn cãi vì tôi thích ngoại ngữ đó, vì tôi linh cảm rằng con đường đến trường đã thật sự xa vời với mình. Tôi tự nhủ rằng thay vì ôm giấc mơ được tiếp tục đến trường vào một ngày nào đó, tốt hơn hết tôi nên tập đi trên con đường vừa tìm thấy, con đường mà tôi đã đặt chân vào những bước đầu tiên - con đường tự học. Và tôi biết chẳng thể đi hết con đường tự học trong một sớm một chiều. Một người nổi tiếng nào đó đã nói rằng tự học một ngoại ngữ có nghĩa là tự học suốt cuộc đời.

Bạn có nghĩ rằng việc tự học suốt đời là dễ dàng không? Chắc chắn không! Tôi thấy trong số những bạn bè cùng trang lứa với tôi ở làng, có những người chỉ mong học xong cấp hai để được nghỉ học vì cảm thấy chuyện học hành quá nhọc nhằn. Một người bạn hàng xóm của tôi nói rằng: “Tớ thấy đi cày, đi cấy còn sướng hơn ngồi tù cẳng trong lớp học”. Ấy là việc học ở trường

có thầy có bạn, còn vui và đỡ vất vả rồi đấy. Tự học mới thực sự là con đường gian lao. Thế nhưng không hiểu sao vào thời điểm đó, tôi lại biết rõ rằng mình đã quyết định sẽ đi theo con đường ấy. Có lẽ lúc đó tôi chưa đủ khôn ngoan để nghĩ đến những cái đích xa hơn và chỉ nghĩ đơn giản cứ vui đầu học là đã có thể giết thời gian.

Tôi viết thư cho em họ đang học năm thứ nhất Đại học Ngoại ngữ Hà Nội để hỏi mượn những cuốn sách tiếng Anh mà em đã học qua. Khi việc tự học của tôi được công khai, tôi mới biết hóa ra không ai ngăn cản, mà ngược lại, tôi còn được nhiều người ủng hộ nhiệt tình. Em họ gửi cho tôi cả chục quyển sách dành cho người học tiếng Anh, từ sách giáo trình, sách dạy ngữ pháp đến sách rèn kỹ năng đọc hiểu. Chị gái của tôi lúc ấy đang học ở trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình cũng kiếm cho tôi một cuốn sách song ngữ dành cho người tự học tiếng Anh. Cuốn từ điển trở thành nguồn để tôi tra cứu chứ không còn là thế giới từ vựng mênh mông khiến tôi thấy mông lung mỗi khi cố gắng thuộc từng ngõ ngách nhỏ.

Trong khi vẫn sử dụng sách giáo khoa của em tôi để học theo chương trình tiếng Anh dành cho học sinh trung học hệ ba năm, tôi đồng thời bắt đầu một chương trình tiếng Anh bài bản hơn dành cho người lớn với lượng từ vựng nhiều hơn, với những chủ đề giao tiếp cập nhật và phong phú hơn. Đó là hai hướng song song hỗ trợ nhau, bổ sung cho nhau. Nhờ đã học qua những mẫu câu trong cuốn sách giáo khoa của em tôi mà tôi có thể tiếp thu khá nhanh những bài học trong giáo trình tiếng Anh trình độ A và cảm thấy hứng thú với từng bài học. Ngược lại, vì biết thêm được nhiều từ mới, nhiều chủ đề mới qua sách giáo trình tiếng Anh dành cho người lớn, tôi có thể củng cố, mở rộng thêm vốn kiến thức đã tiếp thu được từ các bài học tiếng Anh dành cho học sinh trung học. Đặc biệt nhờ có bộ giáo trình đó mà tôi có thêm nhiều bài tập để thực hành.

Có được chút vốn tiếng Anh, tôi bắt đầu tìm kiếm tất cả những gì được viết bằng tiếng Anh để đọc, giống như hồi lớp 1 tôi đã say sưa đánh vần bất cứ con chữ nào mình nhìn thấy, cốt sao được đọc chữ. Tôi đọc những bài viết về các vùng đất trong một cuốn sách du lịch mà em họ gửi cho. Tôi đọc những mẫu truyện ngắn trong một tập truyện song ngữ mượn được từ một người bạn. Tôi đọc những chữ tiếng Anh trên các vỏ hộp thuốc, trong những tờ giấy hướng dẫn sử dụng đồ điện mà tôi sưu tầm được. Nếu bạn từng học tiếng Anh trong một thời gian nhất định, bạn có thể nhận ra rằng vốn từ vựng của bạn sẽ được bảo tồn khá tốt nếu bạn có nhiều cơ hội được “gặp” các từ đã học trong những văn cảnh khác nhau. Trong các mẫu truyện, các bài báo, các chỉ dẫn trên vỏ hộp thuốc... tôi đều gặp được những từ mình quen biết. Nhưng trong những trải nghiệm đọc để tham khảo và giải trí đó tôi cũng luôn gặp phải những từ mà tôi mù tịt không biết nghĩa. Tôi bị “tắc”, bị “vấp” trong những tình huống ấy và mỗi lần như thế là tôi

lại học thêm được một từ mới.

Tự học một môn nào đó có nghĩa là bạn tự nguyện khép mình vào những kỷ luật do chính bạn thiết lập. Việc đó không dễ chút nào bởi con người ta vốn ý thức cao về sự tự do và thường rất khó chấp nhận sự áp đặt từ bên ngoài, chứ chưa nói đến việc tự áp đặt kỷ luật cho chính mình. Khi tôi lập thời khóa biểu cho những ngày tự học, tôi có cảm giác đang tự đeo một chiếc gông vào cổ mình. Tôi tự hỏi không biết liệu tôi có quá khắt khe với bản thân khi lập ra một thời khóa biểu sát sao về thời gian và dày kín những bài học như thế. Tôi cũng không biết chắc liệu mình có thể tuân thủ thời khóa biểu ấy hay sẽ dễ dãi với bản thân.

Lập được thời khóa biểu là một chuyện, thực hiện nghiêm chỉnh thời khóa biểu đó lại là chuyện khác. Tôi vẫn còn nhớ mình đã liên tục đầu hàng và không ít lần “phản bội” cái thời khóa biểu mà tôi tự lập ra cho đến khi tôi nâng sự tự giác và chăm chỉ của mình lên đủ cao và hạ sự cứng nhắc của thời khóa biểu xuống đủ thấp để tôi có thể chấp nhận những kỷ luật của chính mình.

Cuối cùng, tôi chấp nhận một cái thời khóa biểu buộc tôi phải dành sáu tiếng một ngày cho việc tự học tiếng Anh. Tôi chấp nhận rằng bảy ngày trong tuần của mình đều có các bài học giảng khắp. Tôi chấp nhận học ngữ pháp ba buổi một tuần và phải học viết, học đọc vào những buổi còn lại. Tôi cũng chấp nhận những buổi sát hạch định kỳ do chính mình đặt ra.

Tôi tập trung nhiều cho ngữ pháp, đặt mục tiêu sử dụng thành thạo tất cả mười hai thì của tiếng Anh trong vòng một năm. Để đạt mục tiêu ấy, mỗi khi học một thì, tôi bắt buộc mình phải làm hàng chục bài tập thực hành. Những thì càng phức tạp, tôi càng làm nhiều bài tập thực hành hơn. Những cuốn sách bài tập có đáp án ở cuối sách giúp tôi xác định khả năng hiểu bài của mình. Hồi còn đi học, như các học trò khác, mỗi lần được cô giáo sửa bài tập, tôi thường chú ý trước hết đến những câu mình làm đúng. Nhưng khi tự học, tự đánh giá kết quả thực hành, tôi chỉ chú ý đến những câu mình làm sai. Khi xác định được mình chưa làm đúng câu nào, còn gặp khó khăn trong việc giải quyết vấn đề cụ thể nào, tôi tìm những bài tập có chứa các vấn đề đó để luyện cách giải quyết nó. Chẳng hạn, khi phát hiện mình chưa vững trong việc sử dụng danh động từ qua một bài tập nào đó, tôi tìm một loạt các bài tập về danh động từ và đặt ra mục tiêu phải làm ba mươi bài tập về danh động từ trong thời gian một tuần. Sau một tuần thực hành, tôi làm lại bài tập ban đầu đã giúp tôi phát hiện ra yếu kém đó và là bài tập mà trước đó tôi làm không đạt yêu cầu. Nếu tôi giải quyết tốt bài tập đó, tôi mới tạm yên tâm chuyển sang vấn đề khác. Đó là cách tôi vượt qua một vấn đề trong khi học ngữ pháp. Tôi học để làm đúng từ chính tình huống mình đã làm sai.

Kể từ khi việc tuân theo thời khóa biểu trở thành việc hiển nhiên đối với tôi, ngày của tôi có

mục đích rõ ràng hơn bao giờ hết. Tôi có lý do để thức dậy sớm mỗi buổi sáng. Khi tôi đã ngồi vào bàn học, không gì có thể làm tâm trí tôi lạc khỏi bài học. Với mỗi bài học sách giáo trình chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể của người học, từ việc tìm hiểu tình huống giao tiếp, học từ vựng, học mẫu câu mới, làm bài tập thực hành cho đến việc củng cố kiến thức đã được học. Tôi thực hiện từng nhiệm vụ, giải quyết từng vấn đề mà bài học đặt ra. Việc học tập trung cao độ của tôi “nuốt” đi từng giờ đồng hồ. Căn phòng 10m² nơi tôi ngồi học là một thế giới riêng. Thế giới ấy chỉ có tôi và tiếng Anh.

Tục ngữ có câu: “Cái khó ló cái khôn”. Vì không có thầy dạy, không có bạn học để trao đổi nên tôi phải tìm mọi cách để tạo cơ hội thực hành những gì mình đã học. Tôi nghĩ ra nhiều cách khác nhau để ghi nhớ các từ đã học. Tôi viết những câu tiếng Anh có chứa những từ khó thuộc vào những mẫu giấy nhỏ bằng ngón tay, gấp chúng lại, để trong túi áo, túi quần cả ngày. Những mẫu giấy ấy nhẹ như không có trọng lượng, nhưng khi ở trong túi áo, túi quần của tôi, chúng lại như một gánh nặng. Cái gánh nặng ấy nhắc tôi nhớ về một việc tôi chưa hoàn thành. Bất cứ khi nào, dù ở tư thế nào, tôi cũng có thể sờ thấy những mẫu giấy ấy và có thể mở chúng ra để học lại các từ chưa thuộc. Tôi mở những mẫu giấy ấy nhiều lần trong ngày cho đến khi chúng nhàu nhĩ. Mỗi ngày giặt quần áo cho tôi, bà tôi lại cẩn thận nhặt những mẫu giấy đã nhàu đó ra khỏi túi áo, túi quần và đưa lại cho tôi.

Tôi nghĩ ra một phương pháp ôn từ vựng, hay nói đúng hơn, là một cách luyện trí nhớ mà tôi gọi là “5 phút X từ”. Với phương pháp này, tôi có năm phút để tập trung vào một đồ vật nào đó trước mắt mình và đọc lên tất cả các từ tiếng Anh mà vật đó gợi ra. Chẳng hạn khi nhìn một bức tranh trên tường, tôi giao nhiệm vụ cho mình trong năm phút phải đọc lên tất cả các từ xuất hiện trong đầu chỉ màu sắc, xuất xứ, đặc điểm, giá trị của bức tranh. Với một đồ vật, tôi có thể áp dụng phương pháp này nhiều lần để thực hành trong cả tháng, thậm chí trong vài tháng. Mỗi lần thực hành, tôi lại đếm số từ vựng mình nhớ được và phấn đấu để lần sau gợi ra được nhiều từ hơn. Tôi cũng dựa vào những đồ vật ở xung quanh để thực hành khả năng miêu tả đồ vật và phát biểu cảm nghĩ bằng tiếng Anh. Dạng bài thực hành này khó hơn nhiều bài gợi nhớ từ. Lần đầu tập miêu tả một đồ vật, tôi chỉ nói được khoảng ba hoặc năm câu đơn giản là tắc tị. Nhiều lúc đang thực hành, tôi phải lật đật tìm từ điển “lấy” thêm từ vựng hoặc mở sách ngữ pháp “nhặt” thêm mẫu câu để có thể hoàn thành nhiệm vụ mà mình tự đề ra.

Khi xây dựng thời khóa biểu, tôi quy định mỗi tháng phải tự sát hạch kiến thức một lần. Đến hẹn lại lên, tôi được làm giám thị trong một phòng thi đặc biệt. Phòng thi ấy chỉ có thí sinh duy nhất là tôi. Thường thì cứ vào chiều chủ nhật hằng tuần, tôi lại làm một bài kiểm tra sáu mươi phút; cứ hai tuần làm một bài kiểm tra chín mươi phút và mỗi tháng làm một bài kiểm tra một

trăm hai mươi phút. Đề bài tôi lấy từ những cuốn giáo trình, những cuốn sách luyện thi hay từ những bộ đề tiếng Anh. Đôi khi việc vừa làm thí sinh vừa kiêm giám thị như thế thực sự là thách thức lớn. Có những lúc tôi biết chỉ cần lật những trang cuối của cuốn sách bộ đề là có được câu trả lời cho một tình huống ngữ pháp mà tôi đang bế tắc. Có những lần tôi chọn cho mình những đề bài vừa dài vừa khó và muốn bỏ cuộc. Đó là những lúc tôi vừa phải đấu tranh với chính mình một cách kiên quyết để kỷ luật được tuân thủ vừa phải tự động viên rất nhiều để có đủ quyết tâm vượt lên chính mình.

Những kỷ luật mà thời khóa biểu quy định chỉ là một phần của tất cả những kỷ luật mà tôi buộc phải khế mình vào để có thể đi từ một ngày tự học này sang ngày tự học tiếp theo. Trong bốn năm đầu tự học, không đêm nào tôi có được giấc ngủ của một người đi cày, dù ban ngày tôi cũng phải đánh vật với những từ mới, những cấu trúc mới vất vả chẳng kém gì việc đi cày. Mỗi buổi tối, trước khi cho phép mình nhắm mắt ngủ, tôi bắt trí nhớ phải lật đi lật lại những gì đã học được trong ngày. Tôi mang cả vào trong giấc ngủ nỗi lo đánh mất những gì mình đã học được: tôi mơ thấy đang trải qua một cuộc thi vấn đáp và không thể trả lời được những câu hỏi đơn giản. Giấc mơ đó lặp lại rất nhiều lần như ngôn ngữ mới của sự tự kỷ luật, buộc tôi phải học chăm chỉ hơn.

Có thể các bạn nghĩ rằng tôi đã xây được cho mình một thành trì vững chắc của kỷ luật tự giác. Đó là điều tôi bắt buộc phải làm để duy trì việc tự học. Tuy nhiên, đó là một công trình luôn ở trạng thái đang được hoàn thiện và không phải lúc nào nó cũng vững chãi. Có những lúc một cơn đau, một cơn chóng mặt không báo trước xảy đến khiến chữ nghĩa nhảy múa trước mắt tôi rồi nhanh chóng nhòa đi. Tôi gục xuống bàn học, ngay trước thời khóa biểu. Những lúc như thế, kỷ luật không vực tôi dậy nổi. Chỉ có sự chịu đựng vượt trên các giới hạn, niềm khát khao sống và tình yêu của những người ruột thịt trong gia đình mới giúp tôi gượng dậy.

Có những buổi tối mùa đông rét cắt da, nhiệt độ xuống thấp tới mức rét hại. Mọi hoạt động ở nông thôn dường như tê liệt vì giá rét. Không có đủ phương tiện chống rét, ai nấy ăn cơm xong đều muốn chui ngay vào chăn. Vào những buổi tối như thế, việc ép buộc mình ngồi vào bàn học quả thật rất khó khăn với tôi. Dường như mọi dây thần kinh trong cơ thể ốm yếu của tôi đều cương quyết phản đối. Cảm giác rét từ bên trong rét ra khiến cái ý muốn được lên giường ôm lấy mẹ, để được mẹ ủ tay, ủ chân cho trở thành ý muốn tối thượng trong tôi. Tôi phải cố gắng dùng ý chí dập tắt nó. Tôi biết mùa đông còn dài. Những đêm giá buốt sẽ còn quay trở lại. Nếu tôi không cứng rắn với chính mình thì rất có thể chỉ sau một mùa đông, tôi sẽ quay trở về cái vạch xuất phát của hành trình tự học. Tôi biết rõ điều đó bởi nó là nỗi sợ hãi thường trực trong tôi.

Trong những đêm đông ấy ông Trời đã thử thách tinh thần kỷ luật của tôi một cách khắt khe. Ngồi ở bàn học, dù luôn nhắc mình phải tập trung hết sức, tôi vẫn không hoàn toàn quên được cái rét. Tôi không quên được những cơn run rẩy bên trong cơ thể. Tôi không quên được cảm giác nặng trĩu trong lồng ngực khi phải hít vào những luồng khí lạnh. Tôi không quên được cảm giác tê buốt vì lạnh ở mười đầu ngón chân. Nhưng chí ít tôi đã quên được cái mong muốn cưỡng lại kỷ luật.

Cũng có những lúc sự cám dỗ từ bên ngoài khiến cho thành trì tự kỷ luật của tôi chao đảo, nghiêng ngả. Tôi không muốn làm lãng phí thời gian của các bạn bằng việc liệt kê tất cả các kiểu cám dỗ đã đe dọa sự tự kỷ luật của tôi. Tôi chỉ xin kể một trường hợp điển hình nhưng không phải là hiếm hoi để các bạn có thể hình dung ra những thử thách đối với tinh thần tự kỷ luật của một người tự học. Tôi nhớ vào một buổi tối, chiếc ti-vi ở phòng sinh hoạt chung của gia đình phát ra những giai điệu quyến rũ của những ca khúc trữ tình về mùa thu. Tôi vốn yêu âm nhạc nên những giai điệu ngọt ngào, quyến rũ ấy lập tức chạm tới trái tim nhạy cảm của tôi. Ở trong hoàn cảnh ấy, bạn sẽ lựa chọn thế nào? Tiếp tục ngồi đánh vật với bài học hay đứng dậy, tiến về phía không gian của âm nhạc? Bạn sẽ tiếp tục một việc khó khăn, đòi hỏi nhiều nỗ lực hay bỏ nó để đến với sự thoải mái và cảm giác dễ chịu? Tôi biết rằng chỉ cần bước chân qua cửa phòng là có thể có được quãng thời gian thú vị với những giai điệu quyến rũ của mùa thu. Nhưng tôi cũng biết nếu lúc ấy tôi cho phép mình rời bỏ sự tự kỷ luật thì rất có thể lúc khác tôi cũng sẽ cho phép mình làm điều tương tự. Và rồi cái thành trì của sự tự kỷ luật mà tôi dày công xây đắp sẽ dần sụp đổ.

Không ai có thể bắt tôi tiếp tục ngồi đánh vật với bài học.

Không ai có thể phán xét nếu tôi dừng học để xem ti-vi.

Tôi được tự do lựa chọn. Và tôi đã lựa chọn như thế nào?

Tôi đã bước đến cửa nhưng không phải để bước ra với những giai điệu mùa thu ngọt ngào và quyến rũ, với sự hưởng thụ nhàn nhã và thoải mái. Tôi bước ra để đóng cửa phòng lại và trở về bàn học, tiếp tục khép mình trong sự tự kỷ luật.

Tôi không thể có được ngày hôm nay nếu như vào cái buổi tối ấy, tôi không quyết định lựa chọn như thế.



Trước khi em trai tôi bước vào học kỳ 2 của lớp 11, tôi đã học xong chương trình tiếng Anh trong sách giáo khoa của cậu ấy và đồng thời kết thúc các bài học trong cuốn giáo trình Streamline trình độ A. Tôi mượn được một cuốn sách tiếng Anh lớp 12 và bắt đầu tự học từng

bài trong cuốn sách đó. Mỗi ngày tôi học một bài trong sách giáo khoa lớp 12 và một bài trong giáo trình Streamline trình độ B. Cứ thế, mỗi ngày tôi lại nạp được vào đầu một lượng kiến thức nhất định. Tôi thuộc các cấu trúc và chức năng của tất cả mười hai thì trong tiếng Anh. Tôi học cách sử dụng thành ngữ, cách dùng một số các mẫu câu khác nhau để diễn đạt cùng một ý. Tôi vừa học vừa điều chỉnh phương pháp tự học, hay nói đúng hơn, vừa tự học, tôi vừa tự đúc kết những chìa khóa vượt khó trên hành trình ấy.

Sau gần hai năm tự học tiếng Anh, tôi có trong đầu vốn từ vựng khá khá. Tôi đã nắm được cấu trúc của hầu hết các mẫu câu thông dụng, biết viết những mẫu hội thoại, những đoạn văn đơn giản về các chủ đề khác nhau. Tôi có thể đọc những mẫu truyện viết bằng tiếng Anh mà không cần mở từ điển liên tục để tra từ mới. Tuy nhiên, tôi vẫn gặp khó khăn lớn trong việc cải thiện hai kỹ năng nghe và nói. Từ khi bắt đầu học tiếng Anh, tôi chủ yếu phát âm các từ bằng cách bắt chước em tôi và bằng cách dựa vào phiên âm trong từ điển. Tôi có bộ băng cassette của chương trình tiếng Anh Streamline, nhưng chỉ nghe các bài luyện nghe nói trong đó thôi thì tôi thấy chưa đủ. Em họ tôi mách tôi cách dò sóng của đài VOA để nghe tiếng Anh hằng ngày. Tôi háo hức làm theo hướng dẫn và tìm được sóng của đài đó không mấy khó khăn. Lần đầu tiên được nghe người bản địa nói tiếng Anh trong một tình huống thực, tôi không cảm thấy thích thú mà ngược lại là tràn trề thất vọng! Tôi thất vọng vì mình lạc vào mê cung của những ngôn từ hoàn toàn xa lạ. Tôi thất vọng bởi nhận thấy những gì mình học được trong gần hai năm chẳng giúp tôi hiểu được dù chỉ một phần nhỏ của cái suối ngôn ngữ đang tuôn không ngừng từ chiếc radio.

Tôi muốn nói với em họ rằng tôi chẳng hiểu gì cả, rằng ngôn ngữ mà người Mỹ nói trên VOA không giống với tiếng Anh tôi đã và đang học. Hóa ra, lần đầu tiên mở VOA, tôi gặp phải một chương trình chuyên ngành. Nếu tôi nhớ không nhầm thì đó là một chương trình về lĩnh vực kiến trúc. Tôi thất vọng là điều dễ hiểu. Lần mò mẫm cuối cùng tôi cũng tìm được chương trình Special English của VOA, một chương trình dành cho những người nói tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai. Phát thanh viên của chương trình đó nói với tốc độ chậm hơn nhiều so với chương trình tôi nghe lần đầu. Ban đầu tôi cũng chỉ nghe được bập bõm, có lẽ chỉ hiểu được khoảng 1/4 những gì phát thanh viên nói. Nhưng chỉ bấy nhiêu thôi cũng khiến tôi vui. Thời khóa biểu của tôi bắt đầu mọc ra những kỷ luật dành cho việc nghe tiếng Anh. Mỗi ngày tôi dành ba mươi phút cho việc đó. Nghe Special English một thời gian, tôi chuyển sang nghe bản tin và những chương trình có tốc độ nói bình thường. Tốc độ bình thường đối với tôi vẫn là quá nhanh. Để hiểu được phần lớn những gì phát thanh viên nói, tôi thường phải nghe đi nghe lại nhiều lần một chương trình.

Cũng với chiếc radio cassette cũ kỹ, tôi học cách tường thuật các sự kiện bằng tiếng Anh. Ban đầu, tôi nghe bản tin thời sự quốc tế trên đài tiếng nói Việt Nam để biết được thế giới trong ngày có những sự kiện gì đáng chú ý. Tôi tập tạo những bản tin tiếng Anh từ những thông tin mình có được. Sau đó, tôi nghe bản tin tiếng Anh trên VOA và BBC để so sánh các bản tin tự tạo của tôi và các bản tin “chuẩn” của đài. Ở cách tôi nửa vòng trái đất, các phát thanh viên của đài VOA không biết họ đã trở thành những người thầy của tôi. Và cả các phát thanh viên của đài BBC cũng vậy. Tôi quen với giọng nói của từng người, thường mừng tượng các biểu hiện trên khuôn mặt họ trong khi tôi nghe họ nói qua radio, thậm chí cảm ơn họ mỗi ngày đã vô tư đóng góp cho hành trình tự học của tôi. Cuộc đời là vậy, có những người cứ miệt mài làm công việc của họ để rồi kết quả của công việc ấy tựa như những hạt giống được gió cuốn đi, lặng lẽ nảy mầm ở nơi nào đó rất xa, rất xa...

Chiếc radio cassette cũ kỹ của tôi phải hoạt động nhiều quá nên bắt đầu dở chứng, phát ra những tiếng rè rè nhức tai. Không nhờ được người chữa đài ngay nên tôi phải tạm xa những người thầy dạy nói, dạy nghe. Khoảng thời gian dành cho việc luyện nói và nghe của tôi bị treo. Tôi thấy buồn, thấy tiếc, thấy lo. Thế rồi không biết điều gì xui khiến một buổi chiều tôi chợt nảy ra

ý tưởng lạ lùng: tôi sẽ có một người bạn ảo và hằng ngày tôi sẽ trò chuyện bằng tiếng Anh với người bạn đó. Có thể các bạn nghĩ tôi định làm quen với ai đó qua mạng Internet để luyện tiếng Anh hằng ngày. Không phải vậy. Tám năm sau khi nảy ra ý tưởng đó, tôi mới có cơ hội tiếp cận với Internet. Người bạn đó là một người bạn ảo 100%. Tôi tưởng tượng ra người bạn đó, đặt tên cho người ấy là Mr. Hope (Hy Vọng). Tôi quyết rằng đó là một người bạn lớn tuổi. Tôi không hiểu sao tôi lại không tưởng tượng ra một chàng trai cùng thế hệ với mình. Quả thực tôi không hiểu tại sao.

Tôi còn nhớ, lần đầu tiên tưởng tượng ra Mr. Hope đang đứng trước mặt mình, tôi đã không biết phải nói gì. Thế rồi, như thể sợ người bạn ảo đó chán mà bỏ đi, tôi bắt đầu áp dụng nói về ba quả dưa chuột mẹ mua ở chợ. Thế rồi lại sợ câu chuyện về ba quả dưa chuột quá nhạt nhẽo, đơn giản quá, tôi tra từ điển tìm thêm từ để có thể nói về khả năng bị ngộ độc khi ăn dưa chuột không rõ nguồn gốc. Tôi tiếp tục các cuộc trò chuyện với người bạn ảo ấy. Những chuyện tôi kể với Mr. Hope thường chỉ là những chuyện xảy ra hằng ngày. Nó giống như một dạng nhật ký bằng lời nói, chỉ có điều tôi tưởng tượng ra rằng những gì mình nói có người nghe. Tôi chỉ duy trì những cuộc trò chuyện ấy trong thời gian ngắn, trong khi chờ chiếc radio cassette được sửa. Với tôi đó là một phát minh đáng kể, nhưng tôi không dám chắc người khác cũng nghĩ như vậy khi họ thấy tôi thường xuyên nói một mình. Tôi không quên Mr. Hope, người bạn ảo mà tôi

đã tưởng tượng ra trong hành trình tìm chữ và tìm cơ hội thay đổi cuộc sống đầy gian nan của mình. Sau này tôi viết một truyện ngắn mang tên Hy vọng. Chủ đề mà tôi đề cập đến trong truyện không phải là việc tự học mà là về sự thất vọng của con người trong cuộc sống khi một biến cố lớn xảy ra, nhưng trong truyện cũng có một nhân vật ảo tên là Mr. Hope và đó chính là nhân vật mà tôi đã tưởng tượng ra trong quá trình tự học của mình.

Có một dạo căn phòng 10m² của tôi ngày nào cũng có những phút tràn ngập âm nhạc. Những bản rock & roll của Elvis Presley, của The Beatles, những bản rock ballad của Scorpion, Guns & Roses, Nirvana thay nhau gieo vào không gian riêng của tôi sự mới mẻ, ngọt ngào, tha thiết. Khi đứng bên ô cửa sổ chìm đắm trong những tuyệt phẩm hút hồn của những danh ca đã đi vào lịch sử âm nhạc, tôi cảm thấy thực sung sướng khi có được chút vốn tiếng Anh để hiểu được phần nào những gì họ hát. Không nhất thiết phải hiểu ca từ người ta cũng có thể say đắm với những ca khúc bất hủ của các danh ca ấy. Nhưng nếu hiểu được ca từ thì sự say đắm và niềm sung sướng được nhân lên gấp bội. Khi thế giới âm nhạc ấy mở ra là khi tôi biết rằng hành trình tự học gian nan của mình bắt đầu được bù đắp.

Tôi biết ơn người đã mở cửa thế giới âm nhạc ấy cho tôi. Tôi nghĩ nếu như tôi không bị căn bệnh giam lỏng trong một căn phòng 10m² ở tuổi thanh xuân, nếu tôi không ngồi một mình trong cái góc nhỏ của căn phòng, cặm cụi, mò mẫm đánh vật với những bài học tiếng Anh thì tôi và người ấy có lẽ chẳng bao giờ thực sự quen biết nhau. Người ấy hơn tôi bốn tuổi, là con trai lớn của gia đình mà chị gái tôi đã trọ học vài tháng khi chị được gọi vào đội tuyển học sinh giỏi lớp 4 của huyện. Ngày ấy cả chị tôi và anh đều còn quá bé để có thể chủ động giữ liên lạc với nhau. Bẵng đi một thời gian, có lẽ phải đến hơn mười năm sau, anh bất ngờ tìm đến nhà chúng tôi chơi. Thấy tôi ngồi ở một góc phòng với những chồng sách gối ngang và chiếc cassette cũ, anh bước vào, hỏi han việc học của tôi, lật qua lật lại những cuốn băng cassette. Tôi nghĩ có lẽ lúc đó anh cảm thấy thế giới của tôi, cái góc tự học của tôi và bản thân tôi cần thứ gì đó để tươi lên. Vậy là từ đó, hằng tuần, anh đạp xe vượt mười lăm cây số đến nhà chúng tôi, mang đến những băng nhạc tiếng Anh, thậm chí cả một bộ tai nghe - sản phẩm công nghệ xa xỉ đối với tôi hồi đó. Trong một thời gian, cái góc nhỏ của tôi có cả người bạn tốt là anh và cả những ca khúc tiếng Anh khiến tôi say mê. Thế rồi cuộc mưu sinh đưa anh đi xa. Tôi vẫn giữ những băng nhạc anh tặng ngay cả khi chúng bị hỏng. Tôi không bao giờ quên cái cách người bạn tốt đó đã làm thế giới của tôi tươi lên.

Khi việc tự học tiếng Anh của tôi đã đi vào nề nếp và tôi tạm yên tâm với hướng đi của mình trên con đường tự học, tôi bắt đầu tự học các môn học khác ngoài tiếng Anh. Cũng từ những cuốn sách giáo khoa của em trai tôi, tôi tự học các môn văn học, lịch sử, địa lý, sinh học, hóa

học, toán học và vật lý. Nếu tôi hoàn toàn có thể hiểu được những gì được đề cập trong các bài học của các môn xã hội thì với các môn tự nhiên, việc đó rất khó khăn. Có những vấn đề về toán học và hóa học tôi đọc và suy ngẫm đến mức toát mồ hôi, nhức cả đầu mà vẫn không hiểu được. Những lúc như thế, tôi thêm có thầy dạy quá. Tôi muốn có ai đó hướng dẫn, giảng giải cho mình những vấn đề phức tạp. Em tôi học giỏi các môn tự nhiên nhưng chẳng mấy khi tôi dám làm phiền vì cậu ấy cũng đang phải vượt khó, phải học cật lực để chuẩn bị cho kỳ thi đại học.

Ba năm đã trôi qua. Trong ba năm ấy, tôi chỉ ở giữa bốn bức tường, hầu như không bước chân ra khỏi ngõ. Bạn học cùng lớp chuyên văn với tôi hầu hết đã vào đại học. Danh sách những người bạn thỉnh thoảng ghé thăm tôi chỉ có vốn vẹn Thúy (Thúy không học tiếp) và hai người bạn từng đi bộ đội. Những đứa con gái trong làng bằng tuổi tôi lần lượt lấy chồng. Vào mùa cưới, tin về những đám cưới làm xôn xao cả làng. Đám con gái rôm rả bàn chuyện may áo cưới, sắm quà mừng đám cưới. Tôi ở ngoài tất cả chuyện đó. Những đám cưới rước dâu đi. Những đám cưới đón dâu về. Tôi nghe phảng phất những chuyện bên lề mà không dám để nỗi buồn nổi lên. Tôi sợ không kiểm soát được nỗi buồn khi cảm thấy cuộc đời mình khuyết mất những tháng năm thanh xuân. Khi ấy, tôi chưa thực sự biết vốn tiếng Anh tôi tự học được về sau có giúp ích gì cho tôi hay không. Tôi cần phải biết được một ích lợi nào đó của việc tự học ngoài cái ích lợi lấp đi sự trống rỗng. Tôi cần phải biết được một ích lợi khác của việc tự học trên cả lợi ích học để biết. Cần phải ý thức được những lợi ích hơn thế mới đủ cho hoàn cảnh của tôi.

Tháng 7 năm 1995, em trai tôi thi vào đại học. Cậu ấy đỗ cả bốn trường đăng ký thi với điểm số rất cao. Đó là niềm vui lớn của cả gia đình. Nhưng niềm vui ấy đến chưa được bao lâu thì nỗi buồn lại ập tới.

Bố tôi gặp khủng hoảng trong công việc. Trong nhiều năm, ông có vị trí đáng kể tại một doanh nghiệp Nhà nước, nhưng rồi các cuộc đấu đá, kiện tụng trong giới điều hành khiến sự nghiệp của ông chao đảo rồi sụp đổ. Chúng tôi không thể chia sẻ những khó khăn và nỗi buồn của bố. Không khí gia đình trở nên cực kỳ ảm đạm, u ám. Bố hoặc ở nhà vào những ngày đáng lẽ phải đi làm hoặc vắng nhà vào những ngày nghỉ của công chức. Và rồi bố đi biệt.

Tôi từng rất giận bố vì hành động ấy. Tôi cứ nghĩ dù có bất cứ chuyện gì xảy ra, bố cũng nên ở bên tôi, chăm sóc tôi và bù đắp cho những thiệt thòi của tôi bằng mọi cách. Tôi gặm nhấm nỗi giận hờn ấy suốt những năm dài. Sự thiệt thòi của bản thân có thể khiến con người ta dễ thông cảm với người khác, nhưng cũng có thể khiến người ta trở nên ích kỷ, chỉ nghĩ đến bản thân mà thôi. Phải mất rất nhiều thời gian tôi mới có thể thử đặt mình vào hoàn cảnh của bố ngày ấy để

lý giải về sự ra đi đó. Sau rất nhiều những cố gắng, sau những cuộc vật lộn, những trải nghiệm, những dằn vặt, tôi mới chịu chấp nhận sự lý giải này: Bố tôi không phải là một người cha tồi mà là một người cha đáng thương. Chỉ trong một thời gian ngắn, bố tôi mất cha, mất sự nghiệp, bế tắc trong việc chữa bệnh cho con gái. Không tìm được hướng giải quyết cho những vấn đề của riêng mình, không tìm thấy được sức mạnh mà người đứng mũi chịu sào cần phải có để lái con thuyền gia đình vượt qua những cơn sóng dữ, bố tôi đã bỏ thuyền.

Bố đi biệt gần mười năm. Trong gần mười năm ấy, chỉ hai lần chúng tôi nhận được thiệp chúc Tết của bố, ngoài ra không còn bất cứ tin tức gì khác. Chúng tôi không biết bố ở đâu. Nói đúng hơn, chúng tôi đã không cố gắng tìm hiểu xem bố đang ở đâu. Chúng tôi bận vật lộn để tự cứu mình, chúng tôi quá giận bố đã buông lời trách nhiệm với gia đình trong lúc gia đình cần bố nhất. Chúng tôi quá buồn vì cái hoàn cảnh đang lâm vào, vì một hoặc vì tất cả những lý do đó, chúng tôi đã không cố gắng tìm cách liên lạc với bố, nhất là sau khi chúng tôi nghe phong thanh bố đã có gia đình khác. Trong mười năm, chúng tôi đã cho phép một trong những mối dây ràng buộc khăng khít nhất của gia đình lỏng ra, chùng xuống ở cả hai đầu. Người ở mỗi đầu dây đều buồn về nhau và có lẽ đều buồn nhiều như nhau. Nhìn lại mười năm ấy, tôi cảm thấy lòng nặng trĩu hối hận. Có lẽ cả chị em tôi và bố đều nghĩ rằng nếu có thể quay ngược thời gian, mỗi người chúng tôi sẽ xử sự khác.



Ảnh chụp cả gia đình khi bố Bích Lan còn ở nhà.

Khi nghĩ về những năm đó, có một điều quan trọng luôn an ủi tôi. Đó là cảm xúc, tình cảm thật ẩn sau sự hờn giận và im lặng của chúng tôi. Nếu như tôi đã gặm nhấm nỗi hờn giận đối với sự ra đi của bố trong suốt mười năm, thì trong mười năm ấy, trong lòng tôi cũng luôn chất chứa nỗi nhớ thương, xót xa cho số phận của đấng sinh thành. Chị gái và em trai tôi chắc hẳn cũng mang trong lòng niềm nhớ thương, xót xa ấy. Chúng tôi không giỏi diễn tả tình cảm bằng lời. Vả lại ở trong hoàn cảnh ấy, rõ ràng có những rào cản tâm lý đối với việc đó. Không diễn tả tình cảm ấy bằng lời nhưng chị em tôi đã thể hiện nó bằng hành động, bằng chính sự vươn lên, bằng cách chúng tôi trưởng thành trên đường đời trong những năm vắng bố. Ai có thể dám

chắc rằng việc bố bỏ nhà đi không phải là một cú đẩy khiến tôi rơi vào sự tuyệt vọng không cứu vãn nổi khi tình trạng của tôi vốn đã bi đát sẵn? Ai có thể dám chắc rằng khi bố tôi bỏ nhà ra đi, một đứa con trai đang ở tuổi mới lớn như em tôi sẽ không chán đời, bỏ bê học hành, đàn đúm với những bạn xấu và sa ngã?

Hai tay nâng một viên phấn

Khi bố tôi ra đi, mỗi người trong gia đình đều phải nén nỗi buồn riêng để động viên nhau vượt qua nỗi buồn chung đó. Tôi biết nỗi buồn của mẹ là khó vượt qua nhất và gánh nặng gia đình giờ đây dồn cả lên vai mẹ. Trong thời gian đầu sau khi bố ra đi, tôi cứ tự hỏi không biết với đồng lương giáo viên ít ỏi làm thế nào mẹ có thể xoay xở để lo được cho cả gia đình, để có thể nuôi em tôi qua năm năm học đại học. Có lúc trong đầu tôi xuất hiện một ý nghĩ khiến tôi vô cùng hoảng sợ: nếu một lúc nào đó mẹ cũng cảm thấy bế tắc như bố, mẹ bỏ mặc tất cả hoặc mẹ đầu hàng số phận thì chị em tôi, đặc biệt là tôi, sẽ ra sao?

May mắn thay, mẹ tôi rất kiên cường. Chỉ khi nhiều khó khăn, nhiều biến cố xảy ra với gia đình tôi cùng lúc, tôi mới biết mình có một người mẹ tuyệt vời thế nào. Trong những năm bố vắng nhà, tôi không thấy mẹ khóc trước mặt bà tôi và chị em tôi, dù chỉ một lần. Mẹ luôn tỏ ra cứng cỏi, can đảm. Tôi biết nỗi buồn của mẹ được nén lại như những cơn sóng ngầm dưới lòng biển sâu. Mẹ nén nỗi buồn của mẹ vì chúng tôi. Mẹ gồng mình để lao động, để lo cho cả nhà. Hằng ngày, mẹ vừa đi dạy học, vừa làm ruộng, làm vườn, chăn nuôi. Những bà mẹ là nông dân ở làng của tôi sau vụ cấy, vụ gặt còn có những ngày rảnh rỗi, ngồi tán chuyện với nhau, nhưng mẹ tôi thì không. Ngày nào cũng như ngày nào, mẹ tôi làm lụng từ sáng đến tối. Lòng can đảm, đức hy sinh, sự cần kiệm và nghị lực phi thường của mẹ mà chị em tôi cảm nhận được đã thôi thúc chúng tôi quyết tâm học tập, cố gắng vươn lên trên con đường vào đời.



Ảnh chụp trong ngày sinh nhật của mẹ.

Thương mẹ, tôi càng quyết tâm học. Lúc bấy giờ, tôi đã đặt ra mục tiêu rõ ràng cho việc tự học của mình: tự học để có thể làm được một việc gì đó, để giảm gánh nặng cho gia đình. Ngoài giáo trình tiếng Anh cao cấp, tôi còn tự tìm hiểu các môn học bắt buộc đối với sinh viên đại

học ngoại ngữ như môn dẫn luận ngôn ngữ, môn văn học Anh. Trong khoảng bốn tháng, tôi theo học một chương trình đào tạo từ xa của Đài Tiếng nói Việt Nam. Đó là một chương trình phổ biến kiến thức các môn đại cương của hệ đại học như triết học, kinh tế học, tâm lý học. Mỗi tuần ba buổi, tôi tập trung nghe các bài giảng của các giáo sư được phát trên đài và ghi lại những gì tôi cho là cần phải ghi nhớ. Tôi đặt ra các câu hỏi liên quan đến các vấn đề mà các giảng viên đề cập trong các bài giảng rồi đọc thêm các tài liệu để tìm câu trả lời cho những thắc mắc của mình.

Tôi cũng bắt đầu học tiếng Anh thương mại qua một bộ giáo trình mượn được của một cựu sinh viên Trường Đại học Ngoại thương. Bộ giáo trình đó mang đến cho tôi những kiến thức về thị trường chứng khoán, về thủ tục xuất nhập khẩu, về cấu trúc của một hợp đồng thương mại, những thuật ngữ chuyên ngành được dùng trong vận đơn, trong thư tín dụng (L/C), trong hóa đơn thanh toán quốc tế. Khi học những bài học trong giáo trình tiếng Anh thương mại ấy, quả thực tôi không nghĩ có một ngày nào đó tôi sẽ sử dụng những kiến thức mà mình đã học, tôi chỉ biết rằng mình càng mở rộng kho kiến thức trong đầu mình ra bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu. Sau này, hóa ra những kiến thức ấy giúp ích cho tôi rất nhiều khi tôi nhận dịch các hợp đồng cho các doanh nghiệp sản xuất khăn ăn ở làng bên cũng như khi tôi tham gia vào các vụ giao dịch bản quyền sách văn học.



Những em học trò đang học lớp 8 của mẹ tôi ở trường làng thường kéo đến nhà tôi chơi vào những buổi các em đi lao động hay sinh hoạt Đội. Những con mắt tò mò của các em thường đổ dồn vào ô cửa sổ nhỏ nơi tôi ngồi học. Dường như bọn trẻ lấy làm lạ về tôi lắm. Chắc hẳn các em tự hỏi không biết cái gì hấp dẫn tôi đến mức tôi có thể ngồi lì trong một căn phòng rộng chưa đầy 10m² cắm cúi, cặm cụi không màng đến xung quanh. Mẹ tôi bảo với các học trò rằng tôi đang học tiếng Anh, rằng tôi biết tiếng Anh. Không biết những đứa trẻ ấy về nhà nói gì với cha mẹ mà bỗng dưng có mấy phụ huynh đánh tiếng nhờ tôi dạy tiếng Anh cho con họ. Một buổi tối, tôi bảo với mẹ: “Mẹ rủ mấy đứa học trò của mẹ về nhà cho con dạy thử tiếng Anh đi”. Mẹ hơi ngần ngại nhưng rồi cũng chiều theo ý tôi. Lúc ấy mẹ chỉ nghĩ tôi dạy bọn trẻ cho vui. Mẹ hỏi những học trò ham học nhất có muốn đến nhà tôi học tiếng Anh không. Các em mừng rơn, đồng ý ngay.

Bọn trẻ kéo đến vào một buổi chiều mùa hè. Có chín em tất cả. Các em đứng lấp ló ở cửa ra vào, vài em ôm theo tập vở, những em khác đi tay không. Tôi cũng như các em, hầu như chẳng chuẩn bị gì. Tôi bảo các em ngồi xuống mà chính tôi cũng chẳng biết chúng sẽ ngồi vào đâu. Không có bàn, không có ghế. Cuối cùng bọn trẻ ngồi bệt trên sàn nhà. Mẹ dựng một tấm cánh

cửa bằng gỗ vào tường để tôi dùng làm bảng viết. Vừa hồi hộp vừa ngượng ngùng, vừa phần khích vừa lo lắng, tôi lấy viên phấn trong hộp phấn của mẹ viết lên bảng từ tiếng Anh đầu tiên, mở đầu cho bài giảng đầu tiên, cho một trang mới của cuộc đời mình.



Khi muốn chạm vào một vật gì đó, Bích Lan phải dùng tay nọ đỡ tay kia như thế này.

Bọn trẻ ngồi dưới sàn nhà mở to mắt nhìn lên tôi. Các em ngạc nhiên trước con chữ lạ tôi vừa viết ra bao nhiêu thì cũng ngạc nhiên trước cái cách tôi cầm phấn viết bấy nhiêu. Từ khi mắc bệnh, tôi không còn có thể giơ tay lên cao. Muốn đưa thìa cơm lên miệng, tôi cũng phải dùng cả hai tay. Vậy nên tôi không thể cầm phấn để viết chữ lên bảng theo cách thông thường. Tay nọ đỡ tay kia, tôi đưa viên phấn lên vị trí cao ngang ngực mình trên tấm cánh cửa mà tôi sử dụng làm bảng viết. Tì lòng bàn tay phải vào mặt gỗ, tôi cố viết nắn nót cho ra dáng chữ của một “cô giáo”. Tôi viết được từ “hello” (xin chào) khá tròn trĩnh, rõ ràng. Nhìn những con mắt trẻ đang ngơ ngác, tôi không biết phải làm gì tiếp theo. Từ miệng tôi hai âm tiết “hê-lâu” bật ra nghe run rẩy, ngượng nghịu. Bọn trẻ nhìn nhau cười rúc rích, khúc khích. Tôi cần phải làm gì đó để chúng nghiêm túc trở lại. Tôi cần một đại từ nhân xưng ám chỉ chính mình. Chẳng biết nghĩ thế nào mà tôi lại xưng “chị” với bọn trẻ trong khi tôi cần phải thiết lập trật tự lớp học. Cái cách xưng hô của tôi càng khiến bọn trẻ ngạc nhiên và chúng lại rúc rích, khúc khích thêm một hồi.

Tôi không hiểu làm thế nào trong buổi đầu tiên ấy giữa những cơn cười rúc rích, khúc khích lặp đi lặp lại đó tôi lại có thể dạy cho bọn trẻ những hơn mười từ tiếng Anh và ba cách chào khác nhau. Chúng thuộc lòng những gì tôi dạy. Kết thúc buổi học, khi bọn trẻ bước ra khỏi ngõ nhà tôi, tôi nghe thấy chúng hào hứng đổ nhau nhắc lại những từ vừa học được. Ôi, những con chữ tôi vừa gieo vào đầu bọn trẻ vang vang trên đường làng như những tiếng chuông reo. Tôi hình dung ra cảnh những người hàng xóm của tôi đi làm đồng về ngạc nhiên nhìn theo những đứa trẻ vừa bước chân ra khỏi nhà tôi, tùm tùm cười trước những âm thanh lạ lẫm bay ra từ miệng chúng. Tôi tự hào quá đổi.

Tôi háo hức mong chờ buổi học tiếp theo của bọn trẻ. Ba ngày chậm chạp trôi qua trong nỗi lo lắng, phấp phỏng của tôi. Tôi lo rằng tiếng Anh quá lạ lẫm đối với bọn trẻ và chúng chỉ muốn học thử một chút thôi. Tôi lo rằng tôi dạy chẳng ra làm sao, chẳng tạo được sự hấp dẫn. Tôi lo rằng bọn trẻ sẽ không đến nhà tôi học nữa. Tôi nghĩ có lẽ chỉ một, hoặc cùng lắm hai em sẽ tiếp tục đến học buổi thứ hai mà thôi. Tôi xác định rằng dù một hoặc hai em tiếp tục đến học

buổi thứ hai tôi vẫn sẽ tiếp tục dạy. Nhưng tôi sẽ làm gì để một hoặc hai học trò đó tiếp tục đến học tôi buổi thứ ba? Đó là một câu hỏi khiến tôi lo lắng. Tôi bắt đầu vắt óc nghĩ xem mình cần phải làm gì để thu hút bọn trẻ, để giữ bọn trẻ ở lại. Tôi thầm cầu khẩn rằng nếu ông Trời khiến cho dù chỉ một đứa trẻ xuất hiện vào buổi học tiếp theo, thì tôi sẽ cố gắng hết sức làm cho đứa trẻ ấy vui và thích thú với những gì tôi dạy nó. Tôi chưa biết phải làm thế nào để vừa có thể dạy chữ vừa có thể làm cho học trò của mình vui được, nhưng tôi cứ đánh liều cầu Trời với sự quả quyết như thể tôi đã có sẵn những lá bùa trong tay.

Tôi mừng muốn nhảy cẫng lên khi thấy bảy trong số chín học trò của buổi học hôm trước lại lù lù xuất hiện trước cửa nhà tôi. Các em mang theo những chiếc ghế nhựa, ghế gỗ trên tay để kê vở. Vẫn những cái đầu lấp ló, những con mắt tròn xoe, những tiếng cười rúc rích, khúc khích ấy. Cơ hội vẫn còn ở trong tay tôi. Tôi tự nhủ phải nắm lấy cơ hội bằng tất cả sự cố gắng.

Tôi cố gắng viết chữ lên bảng sao cho chữ thật rõ, thật tròn trịa. Tôi cố gắng cầm chiếc thước kẻ chỉ lên bảng để hướng sự chú ý của bọn trẻ vào một từ nào đó dù việc ấy đối với tôi còn khó hơn cả việc cầm phấn viết chữ lên bảng. Chiếc thước kẻ quá nặng đối với tôi và mỗi lần nâng thước lên tôi có cảm giác cánh tay mình mỏi như thể sắp rụng. Nhưng tôi không được phép nhăn nhó. Tôi nhắc mình phải mỉm cười hoặc ít nhất phải giữ vẻ mặt bình thản. Tôi cố gắng gạt bỏ sự ngượng ngịu để khiến tôi cứng lưỡi khi phát âm. Tôi cố gắng tạo không khí gần gũi với bọn trẻ để chúng cảm thấy học thật thoải mái. Tôi chăm chú quan sát vẻ mặt từng đứa trẻ để xác định chúng có hiểu những gì tôi nói hay không. Chỉ cần một biểu hiện dù nhỏ thể hiện sự ngạc nhiên và xao lãng ở một học trò cũng đủ khiến tôi băn khoăn, lo lắng.

Sau khoảng chục buổi dạy “chay”, tôi bắt đầu làm cái việc mà các giáo viên gọi là “soạn bài”. Tôi chọn một tập giấy đẹp nhất mà mình có, dọn dẹp bàn học thật gọn gàng cho buổi soạn bài đầu tiên. Ôi chao, tôi cảm thấy hồi hộp như thể sắp sửa thực hiện một sứ mệnh quan trọng. Quan trọng lắm chứ, tôi mới chỉ học hết lớp 8 mà giờ lại được làm cô giáo. Nhưng tôi biết soạn như thế nào, soạn cái gì cho những bài giảng tiếng Anh trình độ vỡ lòng? Ngay cả việc cầm cây thước để chỉ chữ trên bảng tôi còn chưa quen thì nói gì đến phương pháp hay nghiệp vụ sư phạm. Ngồi trước tập giấy trắng, tôi vắt óc nghĩ ra những việc sẽ chuẩn bị cho những buổi dạy sắp tới. Tôi mừng tượng trong đầu những tình huống hội thoại giúp bọn trẻ học cách hỏi giờ, hỏi tuổi, việc làm, thời tiết, màu sắc... Tôi nghĩ đến những bí quyết học thuộc từ vựng mà tôi đúc kết được trong quá trình tự học và cân nhắc nên phổ biến bí quyết nào cho bọn trẻ. Ở trong đầu tôi mọi thứ có vẻ khá mạch lạc, nhưng tôi không biết phải diễn đạt những ý nghĩ đó trên giấy như thế nào. Rốt cuộc, những bài soạn đầu tiên của tôi hoàn toàn là những kế hoạch cho các trò chơi tương tác giữa tôi và bọn trẻ: ghép từ, sắp xếp lại trật tự từ, điền từ vào ô

trống, đếm số. Tôi nghĩ trong những buổi đầu ấy, chính những trò chơi sử dụng tiếng Anh mà tôi bày ra đã thu hút bọn trẻ, khiến chúng muốn tiếp tục đến học tại nhà tôi.

Sau khi nghĩ được gì dạy nấy trong khoảng một tháng, tôi kiếm được một cuốn sách tiếng Anh lớp 6. Tôi bắt đầu dạy bọn trẻ từng bài học trong cuốn sách đó. Tôi nghĩ ra các tình huống thực hành bổ sung để các em có thể sử dụng tiếng Anh đến mức tối đa trong thời gian ở lớp học. Tôi biết ra khỏi lớp học của tôi các em không có cơ hội thực hành nào khác.

Bảy em học trò mang cái tin tôi mở lớp dạy tiếng Anh truyền đi khắp xã. Ở quê tôi ngày ấy đứa trẻ nào biết tiếng Anh, dù chỉ chút ít, cũng là một sự lạ. Những đứa trẻ mới được tôi dạy cho vài từ ngữ, vài câu giao tiếp thông dụng, đã được người làng coi như những đứa trẻ biết nhiều. “Mày thử nói xem, *ăn* tiếng Anh là gì?”, “*Mẹ* tiếng Anh là gì?” “*Bố* tiếng Anh là gì?” ... Ý họ muốn hỏi những từ như “*ăn*”, “*mẹ*”, “*bố*” trong tiếng Anh được gọi là gì. Họ vừa hỏi để biết vừa để trêu những đứa học trò của tôi. Cũng có người nói với bọn trẻ: “Chúng mày học tiếng Anh làm đểch gì, để mang đi cấy à?”. Lại có người nói rằng tôi không học trường lớp nào cũng ti toe dạy học, rồi thế nào lớp của tôi cũng sớm tan thôi. Có một sinh viên đi học ở xa về gặp và hỏi chuyện những đứa học trò của tôi. Người sinh viên đó nói với bọn trẻ rằng tôi không có bằng cấp, bọn trẻ không nên học tôi. Những lời ấy được đưa đến tai tôi. Thoạt đầu tôi buồn, nhưng rồi tôi suy nghĩ theo hướng tích cực hơn. Tôi coi lời nói của người sinh viên ấy là một sự nhắc nhở. Tôi cần phải cố gắng hơn nữa trong việc chuẩn bị bài giảng. Tôi thực sự biết soạn bài từ đó.

Các phụ huynh của học trò học tiếng Anh tại nhà tôi, toàn là người cùng làng hoặc là bạn với mẹ tôi, đề nghị được trả học phí. Tôi biết nếu tôi dạy miễn phí toàn phần thì thế nào những ông bố, bà mẹ, và chính các học trò của tôi sẽ tìm mọi cách để trả công cho tôi. Quả thực vậy, vài người đã mang đường sữa, thậm chí cả gạo đến nhà tôi với lý do là để tôi bồi dưỡng cho có sức mà dạy học. Vì thế, để các học trò có thể đến lớp trong tâm trạng thoải mái và để việc dạy học của mình được duy trì lâu dài, tôi quyết định nhận 500 đồng của mỗi học trò cho một buổi dạy kéo dài ba tiếng. Tôi nhớ khoản học phí đầu tiên tôi nhận được của các học trò là 36 nghìn đồng. Những tờ bạc có mệnh giá 500 đồng và 1.000 đồng cũ kỹ, nhàu nhò, thấm mồ hôi của những người cha, người mẹ đối với tôi thật quý giá. Đó là những đồng tiền đầu tiên tôi kiếm được bằng chính sức lao động của mình. Tôi dành dụm những khoản học phí nho nhỏ đó cho đến khi tôi có đủ tiền để sắm được một cái bảng đen và sáu băng ghế cho lớp học của mình.



Các học trò của Bích Lan chụp ảnh bên cây táo.

Trong một năm, tôi duy trì lớp học đầu tiên ấy, thỉnh thoảng có những đứa trẻ khác đến xin học. Đợi cho đến khi tập trung được hơn một chục trẻ muốn học, tôi mở thêm một lớp mới. Vậy là cùng lúc tôi làm cô giáo của hai lớp học. Vườn nhà tôi có một cây táo rất to, có tán rộng xòe kín không gian của cả mảnh vườn và một phần của khoảng sân trước. Cây táo vừa có dáng đẹp vừa sai quả. Học trò nào của tôi cũng thích ăn những trái táo trên cây. Rất tự nhiên, các em gọi lớp học tiếng Anh ở nhà tôi là “lớp Cây táo”. Chúng hồn nhiên ghi cái tên đó lên nhãn vở. Đó là phát minh đáng kể của chúng vì về sau cái tên “lớp Cây táo” được nhắc đến khắp huyện và trên nhiều trang báo.

Càng ngày, học trò càng quen với cách dạy của tôi. Tôi có cảm giác rằng cô trò chúng tôi hợp nhau và hiểu nhau vượt trên cả mong đợi. Tôi hầu như không phải tốn nhiều lời để giải thích một cấu trúc câu, không phải mất nhiều thời gian để tổ chức một tình huống thực hành hội thoại. Dường như học trò hiểu tất cả những gì tôi nói. Hầu như mọi chỉ dẫn của tôi đều được lắng nghe. Tôi chưa bao giờ phải buồn vì một học trò tỏ ra ngang bướng hay phá phách trong lớp học hoặc không làm bài tập về nhà.

Tuần tiếp tuần nối nhau đi qua cùng các buổi dạy và học của cô trò chúng tôi. Thấm thoát, lứa học trò đầu tiên của tôi đã học lên cấp ba. Như em trai tôi ngày nào, các em bắt đầu được học tiếng Anh ở trường. Đó là lúc cả tôi và các em đều biết rằng thời gian và nỗ lực mà chúng tôi dành cho những buổi học ở lớp Cây táo không uổng phí. Trong khi không ít các bạn học bỏ ngõ trước môn tiếng Anh mới lạ thì những học trò của tôi trở thành những người tự tin nhất với môn học này. Sự tự tin của các em nhờ đâu mà có? Những người bạn học của các em ở trường dễ dàng khám phá ra điều đó. Năm học mới bắt đầu chưa được bao lâu, từng tốp học sinh từ các xã lân cận, thậm chí từ những xã thuộc “vùng xa” của huyện, đã đạp xe đến nhà tôi xin vào học ở lớp Cây táo. Tôi mở thêm một lớp mới cho hai mươi ba học sinh lớp 10. Nhiệm vụ của tôi là giúp các học trò mới tổng khứ nỗi sợ tiếng Anh.

Tại sao các học trò mới làm quen với môn tiếng Anh ở trường lại sợ môn này? Tôi không cần gạn hỏi từng em một mà chỉ cần lắng nghe các cuộc tán gẫu của các em trong giờ giải lao là

biết rõ nguyên nhân. Ở lớp, em thì ngồi quá xa bục giảng, không nghe rõ cô giáo phát âm các từ tiếng Anh. Em thì sau sáu tiết học tiếng Anh đầu tiên chưa được cô giáo gọi tên lần nào. Em thì khẳng khẳng cho rằng mình học tiếng Anh không được. Lại có học trò phàn nàn rằng ở trên lớp, em học từ nào là nhớ từ đấy nhưng về đến nhà là y như rằng quên hết.

Tôi dành nhiều thời gian cho những học trò mới đó. Tôi soạn một giáo án riêng cho phép tôi kết hợp giữa việc ôn lại các bài tiếng Anh mà các em đã học ở trường và việc mở rộng vốn từ thông dụng cho các em. Tôi nghĩ ra các dạng bài tương tự như các bài tập trong sách giáo khoa của các em, nhưng khác về chủ đề và được “gài” một lượng từ mới nhất định. Tôi dạy chậm, vừa dạy vừa dò sức tiếp thu của học trò.

Bạn đọc có thể đặt câu hỏi: sức khỏe tôi hạn chế như vậy thì làm thế nào quản lý được một lớp học gồm hai mươi ba học sinh đang ở tuổi mới lớn? Trong những năm cấp sách đến trường, đặc biệt là những năm học ở trường làng, tôi đã thấy được sự vất vả của các giáo viên khi cố gắng duy trì trật tự lớp học. Có giáo viên phải dành nửa thời gian của một tiết học để chấn chỉnh ý thức học của một số học trò cá biệt. Nửa tiết học còn lại dành cho giảng bài trong sự ức chế, bức bối hoặc chán nản. Có giáo viên thường xuyên phải dùng đến cây thước và đủ loại hình phạt để khiến học sinh trật tự. Tôi không bao giờ phải áp dụng những hình phạt đó với các học trò, thậm chí chưa bao giờ phải nói nặng lời với các em. Thời gian đứng lớp của tôi hoàn toàn dành cho việc giảng bài. Tôi có cảm giác việc tôi hiện diện bên tấm bảng đen, cách tôi cầm viên phấn bằng cả hai tay để viết từng con chữ, sự cố gắng của tôi trong từng động tác, từng lời nói đã chạm đến trái tim mỗi học trò và sự tác động ấy đã tạo ra ý thức học hoàn toàn tự nguyện mà những kỷ luật nghiêm khắc nhất cũng không thể tạo ra được.

Cô trò chúng tôi đánh vật với môn tiếng Anh qua từng buổi học kéo dài ba tiếng. Kết quả của những bài kiểm tra ở trường cho thấy nỗi sợ tiếng Anh của hầu hết các học trò của tôi dần vơi đi như một tín hiệu vui, như một phần thưởng dành cho những nỗ lực của chúng tôi. Tuy nhiên, cho đến cuối học kỳ 1, trong lớp học vẫn còn bốn hoặc năm học trò không theo kịp chúng bạn khiến tôi chẳng thể yên tâm. Tôi không muốn tách các học trò đó thành nhóm riêng. Tôi không muốn tạo một sự phân biệt bằng cách ấy mà muốn tạo ra sự ưu tiên. Trong những buổi học, khi các học trò của tôi làm bài tập thực hành, tôi cố gắng đi len qua những hàng ghế, đến tận chỗ các em học kém, cố gắng giải lại các cấu trúc ngữ pháp, chỉ cho từng em cách giải quyết các tình huống khó trong bài tập, những lỗi sai và cách sửa sai. Có lần, việc làm ấy của tôi tạo ra kết quả không mong muốn. Trong lúc lật đặt đi xuống tận chỗ ngồi của một học trò để giúp em ấy làm bài tập, chẳng may tôi ngã đổ sập người giữa những băng ghế, đập đầu đánh “bốp” xuống sàn nhà. Cả học trò lẫn người thân của tôi được một phen hoảng hốt.

Tôi cùng các học trò của mình bước vào những mùa thi. Những ngày học trò của tôi đi thi môn tiếng Anh, tôi bồn chồn cứ đi ra đi vào, không làm nổi việc gì ra hồn. Đi mỗi chân, tôi đứng tựa cửa đợi các em. Những sĩ tử của tôi rời trường thi là đạp xe thẳng về nhà tôi, quăng những chiếc xe đạp cà tàng khắp sân, chạy ào vào ba gian nhà chính nơi tôi sử dụng làm lớp học, đưa đề thi cho tôi rồi vừa uống nước ừng ực vừa nghe tôi đọc đáp án. Tôi thường biết trước điểm thi của các học trò qua những ngón tay giơ lên biểu lộ sự chiến thắng hoặc qua sự im lặng ỉu xìu mang tên thất vọng. Khi ấy, tôi cảm thấy mình như người đi gặt, gặt được cả những bông lúa mấy hạt và cả những bông lúa lép. Tôi mừng vì những bông lúa mấy hạt vẫn chiếm đa số.

Lớp học Cây táo của tôi được cả huyện biết đến. Cứ đến đầu một kỳ học mới, từng tốp học sinh từ các xã trong huyện lại kéo đến gặp tôi xin được vào học. Có học trò bị tôi từ chối vì lớp quá đông đã quyết định đứng đợi suốt mấy tiếng đồng hồ ngoài ngõ nhà tôi cho đến khi tôi cảm động, đồng ý nhận vào lớp mới thôi. Có học trò vượt mười lăm cây số đến lớp học, mặc tôi khuyên nhủ thế nào cũng không chịu nghỉ. Sự hiếu học của các em là điểm tựa của tôi mỗi khi tôi bị bệnh tật giày vò cả thể xác lẫn tinh thần.



Lớp Cây táo với những học trò sinh năm 1983.

Vào năm 1999, tôi có cùng lúc hơn 100 học trò, hầu hết là học sinh trung học phổ thông. Ba gian nhà chính của gia đình tôi được sử dụng toàn bộ để làm lớp học. Bàn uống nước và đồ đạc trong ba gian nhà ấy được dời đi chỗ khác để nhường chỗ cho những chiếc ghế băng, ghế nhựa mà các học trò của tôi dùng kê tập vở để viết. Tôi dạy một tuần sáu buổi cho bốn lớp của học sinh bình thường và một lớp chọn gồm mười hai em học tốt môn tiếng Anh đã xác định sẽ thi khối D.

Với việc dạy học tiến triển tốt và việc tự học vẫn được duy trì, tôi bận rộn suốt cả tuần. Vào mùa hè, khi các học trò của tôi không phải học ở trường, các em đề nghị tôi tăng buổi dạy. Tôi quên đi sự nóng nực, quên rằng mình đang mang bệnh, quên tất cả những bất tiện của môi trường dạy và học đơn sơ của lớp Cây táo. Tôi dồn tất cả lòng nhiệt tình vào từng buổi dạy.

Lòng nhiệt tình của tôi đã được các học trò đáp lại bằng những cách rất cảm động. Trong

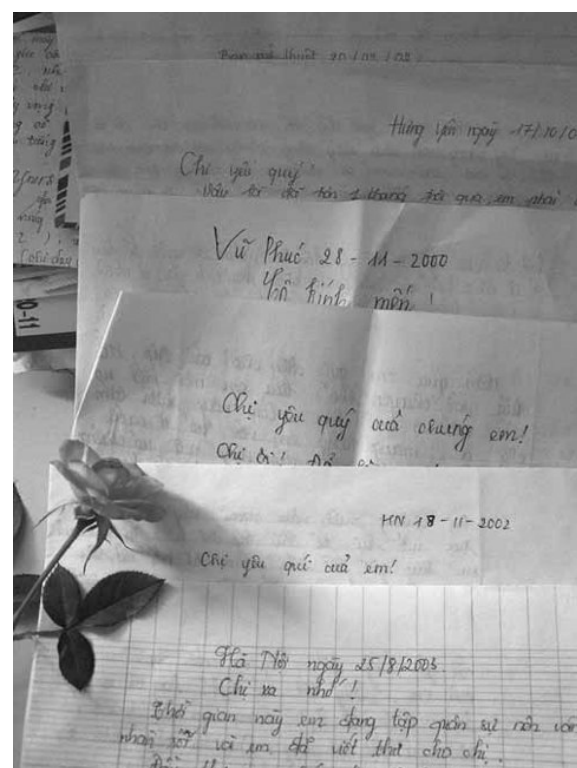
những năm làm công việc của một người gieo chữ, tôi có cơ hội cảm nhận nhiều sắc thái của thứ tình cảm cao đẹp mà người ta gọi là “tình thầy trò”. Học trò của tôi hầu hết là con nhà nghèo, vừa chăm chỉ, ngoan ngoãn, vừa hiếu học lại biết cảm thông. Có chăm chỉ, ngoan ngoãn, hiếu học thì chúng mới tự nguyện tìm đến tôi để học thêm môn tiếng Anh. Có giàu lòng cảm thông thì các em mới dễ dàng chấp nhận các điều kiện của một cô giáo như tôi khi ngay từ ban đầu, các em đã biết tôi không được đào tạo chính quy, không có bằng cấp. Tôi cảm nhận được tình cảm yêu mến của học trò dành cho mình qua ý thức tự giác và sự chăm chỉ học của các em. Tôi cũng cảm nhận được sự quan tâm các em dành cho tôi qua những hành động nho nhỏ như các em vội vàng dọn một băng ghế để lấy lối cho tôi đi, việc luôn giữ cho chiếc khăn lau bảng vừa đủ ẩm nhưng thật kiệt nước để tôi không bị ướt áo mỗi khi cầm khăn bằng cả hai tay để lau bảng, khép bớt cánh cửa gần chỗ tôi đứng giảng bài trong những ngày gió lạnh... Mỗi hành động, mỗi cử chỉ nhỏ ấy đều khiến tôi cảm động, đều in vào lòng tôi và không gì có thể xóa nhòa.

Trong giờ học, tôi là cô giáo của các em. Giữa chúng tôi có những khoảng cách nhất định đủ để việc dạy và học diễn ra theo nề nếp. Nhưng trong giờ giải lao, khoảng cách ấy không còn nữa. Tôi trở thành người chị gái của một đàn em. Tôi ngồi giữa những đứa em mười lăm-mười sáu tuổi, cả trai lẫn gái, nghe các em kể chuyện ở trường lớp, nghe các em trêu đùa nhau. Chúng tôi cùng ăn những trái sung xanh các em mang đến, chia nhau những quả táo chua hái ở vườn nhà. Những lúc như thế, tôi cảm thấy như thể chính mình đang sống ở tuổi các em.

Tôi có cảm giác rằng tất cả các học trò của tôi, đặc biệt là các em gái, đều hình dung được tôi gặp khó khăn thế nào trong sinh hoạt hằng ngày. Không quen bộc lộ tình cảm bằng lời nói nên nhiều em đã chủ động đề nghị được giúp đỡ tôi trong sinh hoạt. Những hôm nhà tôi có việc bận hoặc mẹ tôi phải đi đâu đó cả ngày, một hoặc hai em gái trong lớp học Cây táo tình nguyện đến ở cùng tôi, chăm sóc tôi như người thân. Các em ân cần nâng tôi dậy khỏi ghế ngồi, đỡ tôi lên xuống các bậc thềm, trợ giúp tôi nếu chẳng may tôi bị ngã... Sau mỗi lần như thế, tình cảm giữa tôi và những người học trò càng thêm gắn bó.

Sau này, khi tôi được mời làm nhân vật của chương trình *Người đương thời* của Đài Truyền hình Việt Nam, ba trong số những học trò theo học tôi lâu nhất đã được mời đến buổi ghi hình chương trình. Khi người dẫn chương trình Tạ Bích Loan hỏi các em rằng tôi đã mang lại điều gì cho các em trong những ngày học ở lớp Cây táo, học trò của tôi đã không ngần ngại trả lời câu hỏi đó một cách mạch lạc, hào hứng và đầy xúc động. Nhưng khi được hỏi ngược lại rằng các em đã mang lại những gì cho cô giáo lớp Cây táo, các học trò chỉ nhìn nhau mỉm cười và không em nào trả lời. Đó cũng là một chi tiết cảm động. Tại buổi ghi hình, tôi đã trả lời câu hỏi ấy thay

cho các em. Tôi đã nói lên tiếng nói từ tận đáy lòng mình, tiếng nói chân thật về sự đóng góp của các em cho cuộc đời tôi, rằng các em đã mang lại cho tôi cơ hội được làm việc, cho tôi sự ý thức vô cùng quý giá rằng mình vẫn là người có ích, cho tôi sự hình dung sống động nhất về cái thời trung học mà tôi không được trải nghiệm. Các em đã mang cả thế giới bên ngoài đến cho tôi khi căn bệnh cùng sự tiến triển đáng ghét của nó đang giam hãm tôi giữa bốn bức tường. Tiền không thể mua nổi, cha mẹ với tình thương bao la cũng không thể mang đến cho tôi những thứ ấy được.



Những lá thư đầy tình cảm của học trò cũ gửi cho Bích Lan.

Với nhiều học trò ở lớp Cây táo, tôi là người đã gieo cho các em những chữ tiếng Anh đầu tiên, là người khuyến khích các em yêu thích môn học đó thay vì sợ hãi nó. Tôi cũng là người luôn nhắc các em rằng xu thế thời đại cho thấy khi học lên các bậc học cao hơn và khi ra đời đi làm, các em sẽ cần đến tiếng Anh, vì vậy nếu ở lớp Cây táo các em chịu khó học, thì sau này các em sẽ đỡ vất vả hơn. Tôi biết rằng dù tôi đã cố gắng hết sức, đã dốc hết bầu nhiệt tình cho từng buổi dạy thì kiến thức tôi truyền được cho các em vẫn rất ít ỏi. Tôi tin rằng bài học lớn nhất tôi truyền được cho hầu hết các học trò của mình là bài học về tinh thần vượt khó. Bài học đó là hành trang cần thiết, hữu ích cho các em trong suốt cuộc đời.

Sau này, trong những bức thư gửi cho tôi, nhiều học trò tâm sự rằng, trong những lúc gặp khó khăn, các em thường nghĩ đến tôi, nghĩ đến hình ảnh tôi hai tay nâng một viên phấn viết từng chữ lên bảng, và những điều ấy đã thật sự tiếp thêm sức mạnh cho các em vượt qua gian khó.

Thử thách mới của số phận

Các học trò của tôi, hay nói đúng hơn, việc dạy tiếng Anh là yếu tố góp phần thúc đẩy tôi tự học nhiều hơn nữa. Thỉnh thoảng, trong những buổi học, các học trò đặt ra cho tôi những câu hỏi thuộc các lĩnh vực khác nhau trong đời sống. Có những lần vì không thể trả lời ngay lập tức các câu hỏi, tôi buộc phải đề nghị các em cho tôi thêm thời gian để tìm câu trả lời. Những lúc như thế, tôi xấu hổ lắm và cảm thấy ở vị trí người truyền kiến thức, mình cần hiểu biết rộng hơn, không chỉ về tiếng Anh mà về nhiều lĩnh vực khác. Vì vậy, tôi tìm đọc sách báo để bổ sung, cập nhật kiến thức.

Dạo đó, em họ tôi đang làm việc cho một tổ chức của Liên Hiệp Quốc. Cô ấy có điều kiện đi đây đi đó, lại ham đọc và ham học nên cô thường xuyên mua sách báo tiếng Anh. Có thời gian cô ấy đều đặn gửi cho tôi những cuốn tạp chí Time. Bạn có thể hình dung tôi cảm thấy mình may mắn thế nào khi mà ở một làng nhỏ của vùng nông thôn cách xa thành phố, tôi lại có được tạp chí Time - một trong những tạp chí hàng đầu thế giới - để đọc đều đặn. Ngay cả những người sống ở thành phố có công việc liên quan đến tiếng Anh cũng khó có thể kiếm được tạp chí ấy để đọc thường xuyên. Một cuốn tạp chí Time luôn chứa những thông tin đa dạng và cập nhật về nhiều lĩnh vực như chính trị, văn hóa, kinh tế, khoa học, giải trí trên thế giới. Nhiều bài viết sắc sảo, có lối diễn đạt thuyết phục và bố cục khoa học, cuốn hút người đọc. Ấy là chưa kể đến những hình ảnh đẹp được in trên loại giấy chất lượng cao mà tôi gọi nôm na là “giấy dai”. Mỗi cuốn tạp chí Time mang đến cho tôi cả chục giờ thú vị với trải nghiệm đọc. Mỗi cuốn tạp chí Time cũng mang đến cho tôi những cơ hội củng cố và mở rộng vốn tiếng Anh cũng như kiến thức xã hội.

Cũng trong thời gian đó, một cậu bạn là cử nhân Anh văn đang sống ở miền Nam thường trao đổi với tôi qua thư tay bằng tiếng Anh để giúp tôi thực hành kỹ năng viết. Người bạn đó còn gửi cho tôi những bài luận tiếng Anh cậu đã viết khi học đại học. Những bài luận đó đều đã được giảng viên chấm điểm và chỉ rõ những điểm cần được cải thiện, vì vậy, khi nghiên cứu kỹ từng bài, tôi có thể hình dung ra cách viết một bài luận đạt yêu cầu. Nhưng người bạn đầy nhiệt tình ấy chỉ có thể giúp tôi trong một thời gian rất ngắn vì chúng tôi ở xa nhau quá, thư tay gửi qua bưu điện lúc đến lúc không, bạn lại bận đi làm kiếm sống nên tôi chẳng dám làm phiền nhiều. Tôi biết mình chẳng thể trông chờ vào người khác, chủ yếu phải dựa vào chính

mình.



Cuối hè năm 1999, tôi quyết định nghỉ dạy một tuần để đi Hà Nội khám bệnh lần nữa. Tôi hy vọng sau gần mười năm, y học đã có những tiến bộ nhất định. Tôi cũng hy vọng điều kiện ở các bệnh viện đã được cải thiện hơn. Dù hy vọng như vậy nhưng nỗi sợ bệnh viện ẩn sâu trong tôi vẫn trỗi dậy. Trong lần đi khám bệnh đó, tôi không quay trở lại tất cả mười bốn bệnh viện mà tôi đã từng đến trước kia. Một bác sĩ chơi thân với gia đình của cô tôi giới thiệu tôi đến gặp một vị giáo sư đầu ngành của khoa xương ở Bệnh viện Việt - Đức. Sau khi khám cho tôi, vị giáo sư đó giới thiệu tôi tới khoa thần kinh của Bệnh viện Bạch Mai.

Em họ tôi chở tôi và mẹ tôi bằng xe máy đến Bệnh viện Bạch Mai vào một buổi sáng oi bức. Khu khám bệnh tự nguyện của bệnh viện đông nghịt. Chúng tôi đến đó xếp hàng khá sớm nhưng phải đến gần trưa, tôi mới được gọi vào phòng khám. Khám bệnh cho tôi là một vị thạc sĩ y khoa trạc bốn mươi tuổi. Tôi có cảm giác rằng chỉ cần nhìn thân hình gầy đến mức bất bình thường của tôi, quan sát cách tôi di chuyển, đặc biệt là cách tôi ngồi xuống ghế, vị bác sĩ ấy đã đoán ra tôi mắc bệnh gì. Việc đầu tiên ông ấy làm là yêu cầu tôi cho xem hai vai. Sau đó ông bảo tôi thực hiện động tác đứng dậy khỏi ghế, nhắc chân lên cao, cúi cong lưng. Tất cả những động tác ấy tôi đều không thể tự làm được. Đối với ông ấy như vậy là đã rõ. Ông ấy hỏi vài câu hỏi liên quan đến quá trình tiến triển của bệnh rồi khẳng định bằng giọng không gợn cảm xúc: “Bệnh loạn dưỡng cơ tiến triển”. “Thưa bác sĩ, vậy bây giờ hướng điều trị cho cháu nó như thế nào?”, mẹ tôi hỏi. “Bệnh này không có thuốc chữa đâu. Phải chờ.” - Vị bác sĩ thản nhiên nói. “Tập luyện có giúp được gì không ạ?”, tôi hỏi. “Tập vừa phải thôi, chẳng ăn thua gì đâu”, ông trả lời, vẫn bằng giọng vô cảm. Tôi nuốt khan liên tục, cảm thấy có gì đó vừa như vô hình vừa như rất rõ rệt, rất dữ dội cứ chực dâng lên trong lồng ngực, trong cổ họng mình. Sự bất hoại, rã rời khó tả dường như bắt đầu từ rất sâu trong cơ thể đang lan tới từng lỗ chân lông của tôi.

Vị bác sĩ hí hoáy viết tên của căn bệnh vào cuốn sổ y bạ của tôi, ghi những thông tin cần thiết khác vào các trang quy định rồi gọi bệnh nhân tiếp theo vào phòng khám. Sự lạnh lùng, thản nhiên, vô cảm, những câu cộc lốc không có chủ ngữ của người bác sĩ ấy khi ông nói về căn bệnh của tôi đã khiến mẹ con tôi không muốn hỏi thêm câu nào nữa, không muốn ở lại phòng khám đó thêm dù chỉ một phút. Tôi cảm thấy mình đang bị từ chối từ hai phía: phía y học xét dưới góc độ chuyên môn và phía ông bác sĩ xét dưới góc độ con người. Tôi không thể trách y học bất lực trước căn bệnh của tôi. Tôi không thể trách ông bác sĩ bởi ông đã hoàn thành nhiệm vụ. Tôi chỉ cảm thấy thất vọng chùng chất về hoàn cảnh mà mình lâm vào. Sau này, khi biết tin một học trò của lớp Cây táo thi đỗ vào Trường Đại học Y Thái Bình tôi đã kể cho em đó nghe cảm

giác của mình trước sự lạnh lùng của vị bác sĩ ấy khi ông tuyên bố một sự thật khiến bất cứ ai cũng có thể rơi vào tuyệt vọng. Tôi nghĩ rằng người học trò của tôi - một bác sĩ tương lai - hiểu được thông điệp ẩn chứa trong câu chuyện tôi kể.

Quay lại với câu chuyện khám bệnh của tôi, trưa hôm ấy, khi tôi từ bệnh viện trở về nhà cô chú của tôi, trời Hà Nội nắng chói chang, tôi thấy đường phố Hà Nội sao mà lộn xộn, rối rắm quá, khí trời sao ngột ngạt, khó chịu đến thế. Về đến nhà cô chú, tôi tỏ ra bình thản như thể buổi đi khám bệnh này cũng giống như những buổi đi khám bệnh trước đó mà thôi. Khi cô chú hỏi về kết quả khám bệnh, tôi lảng lảng đưa cho họ quyển sổ y bạ. Cô chú mở cuốn sổ ra xem. Không ai nói lời nào. Không biết mẹ tôi đã chuẩn bị tinh thần từ bao giờ và bằng cách nào. Mẹ bảo với cô chú rằng kết quả khám bệnh của tôi không có gì bất ngờ. Gần mười năm trước, cũng tại bệnh viện đó, một vị bác sĩ lớn tuổi hơn cũng đã nói tôi mắc căn bệnh ấy. Chỉ có điều ông ấy nói riêng với mẹ tôi. Vậy là tôi hiểu sự khác nhau giữa tuổi mười bốn và tuổi hai mươi bốn. Khi bạn đã hai mươi bốn tuổi, người ta mong đợi bạn đối mặt với mọi sự thật liên quan đến bạn, dù những sự thật đó nghiệt ngã đến mức nào.

Tôi tỏ ra bình thản trong gần một tháng trời. Đó chỉ là sự bình thản bề ngoài. Trong lòng tôi nổi buồn âm thầm trôi dạt như những đám mây tích tụ lại tạo thành một cơn giông. Thế rồi một buổi chiều, trong cái góc nhỏ quen thuộc của căn phòng 10m², tôi bật ra tất cả nỗi buồn được kìm nén, chất chứa kể từ khi tôi biết căn bệnh của mình chưa có thuốc chữa. Tôi khóc một trận với tội cùng nước mắt. Đứng dựa người vào tường để khỏi khụy xuống, tôi nghe như thể tiếng khóc của mình bật ra từ tận trong tim, tôi nghe như thể cả tuổi trẻ, cả tương lai của tôi cùng nước mắt. Trong cái trận khóc tự do ấy tôi đã khóc cho cả mười năm chịu đựng của chính tôi và của những người thân. Tôi khóc cho rất nhiều những hy vọng, ước mơ mà tôi ấp ủ về cái ngày tôi khỏi bệnh. Tôi đã luôn mơ khi nào khỏi bệnh, đi lại được bình thường, tôi sẽ đạp xe đi trên con đường đến trường ngày nào, ngắm những cánh đồng lúa, những ruộng ngô, những bông hoa đay xao xác bên bờ sông. Tôi đã mơ thực hiện một chuyến đi thật xa, đến tận những đồi thông của Đà Lạt, đến cái thành phố bình yên và xanh tươi nơi Trịnh Công Sơn ấp ủ và viết lên những bài ca chứa đựng triết lý sống giản dị mà sâu sắc và sự an ủi dành cho những trái tim thiệt thòi. Tôi đã mơ khi khỏi bệnh tôi sẽ thi vào một trường đại học nào đó, có thể không phải là trường ngoại ngữ mà là một trường đào tạo cử nhân ngành xã hội học để tôi có thể làm cô giáo của thật nhiều học trò của lớp Cây táo. Tôi đã mơ hàng trăm, hàng nghìn giấc mơ khác. Tôi đã mơ đi mơ lại những giấc mơ của mình.

Bây giờ tôi khóc để chia tay tất cả những giấc mơ ấy. Ông bác sĩ ở bệnh viện lớn đó đã nói rằng tôi phải chờ y học tìm ra một phương thuốc để chữa trị căn bệnh mà tôi đang mang. Tính

đến thời điểm ấy tôi đã chờ đợi được hơn mười năm. Tôi không biết mình sẽ còn phải chờ đợi thêm bao lâu nữa. Tôi tự hỏi với sự tiến triển của căn bệnh, liệu tôi có đợi được đến khi y học tìm ra một phương thuốc cho tôi hay không. Trong đầu tôi chỉ có những câu hỏi nhức nhối mà không có câu trả lời. Tôi chẳng thể làm gì hơn là tiếp tục chờ đợi.

Vào những ngày ấy, việc dạy tiếng Anh và các học trò trở thành sự cứu rỗi của tôi. Trong cơn sốc mà tôi không muốn cho ai biết sau chuyến đi khám bệnh đó, tôi tự an ủi rằng, dù trong suốt phần còn lại của cuộc đời tôi phải sống chung với căn bệnh này, tôi sẽ không làm cái bóng lạng câm trong góc nhà. Dù còn sống được bao lâu, một năm hay mười năm, tôi nhất định sẽ làm cho mỗi ngày mình được sống là một ngày hữu ích. Tôi cứ nghĩ mình sẽ gắn bó với việc dạy tiếng Anh lâu dài. Tôi không ngờ chẳng bao lâu sau tôi phải từ bỏ công việc mình yêu thích.



Cái góc nhỏ đã chứng kiến những vui buồn.

Một học trò từng hỏi tôi: “Chị có tin là có số phận không?”. Tôi trả lời: “Chị tin rằng con người có số phận, nhưng chị cũng tin rằng con người có thể quyết định số phận của mình”. Tôi đã nói những gì tôi nghĩ. Và bây giờ thì tôi tin vào điều này: số phận không ngừng thử thách tôi cho đến hết cuộc đời. Bởi vì tôi tin như thế nên ngay cả những lúc bình yên nhất, ổn định nhất tôi cũng luôn chuẩn bị tinh thần cho những thử thách đang đợi mình phía trước.

Sau gần năm năm duy trì các lớp tiếng Anh tại nhà, tôi bước sang năm 2000 với tinh thần lạc quan và sự phấn chấn đáng ngạc nhiên xét trên những gì tôi đã trải qua trong chuyến đi khám bệnh ở Hà Nội cách đó không lâu. Việc dạy học của tôi ổn định hơn bao giờ hết. Hầu hết học trò của tôi đều đã theo học tôi được một thời gian nhất định, người ít là một năm, người nhiều là bốn năm. Chúng tôi đã trở nên gắn bó, quý mến nhau như những người thân. Quan trọng hơn, chúng tôi hiểu nhau đủ để cùng cố gắng vun đắp cho chất lượng của những buổi học. Nhiệm vụ của tôi lúc bấy giờ không còn là cố gắng tổng khứ nỗi sợ tiếng Anh nữa mà là giúp nuôi dưỡng niềm yêu thích đối với ngoại ngữ này ở mỗi học trò. Mỗi ngày đối với tôi đều là một ngày mới với sự bận rộn và niềm hứng khởi, với những kế hoạch cho công việc và những niềm vui nho nhỏ. Tôi hài lòng với những gì đang có.

Mùa hè đến. Tôi có hai lớp chuẩn bị thi tốt nghiệp trung học, trong đó có một lớp ôn thi khối D. Hai lớp còn lại gồm các học sinh sắp thi lên lớp 11 và lớp 12. Lịch dạy của tôi kín mít. Mỗi tuần tôi dạy bảy buổi. Thời gian còn lại tôi tập trung soạn bài, nghiên cứu các đề thi tốt nghiệp

và thi đại học, chấm bài cho học sinh để xác định mình cần phải củng cố những mẫu câu nào, dạng bài tập nào cho các em. Các học trò của tôi đội nắng đội mưa, đạp xe vượt những quãng đường xa đến nhà tôi học. Chứng kiến các em vượt khó, nhìn những giọt mồ hôi của các em, tôi cảm thấy muốn làm tất cả những gì có thể để kết quả thực chất ở môn tiếng Anh của các em tốt như mong đợi. Những buổi dạy của tôi thường kéo dài hơn ba tiếng. Tôi đánh liều với sức khỏe mong manh của mình.

Một buổi sáng cuối tháng 5, khi các học trò lớp 12 của tôi chuẩn bị bước vào những ngày thi tốt nghiệp trung học, tôi rơi vào một cơn mệt chưa từng thấy. Đó là cái cảm giác mệt thắm thắm, mệt khủng khiếp. Tôi cảm thấy tim mình đập nhanh hơn bình thường, thỉnh thoảng lại thấy hình như nhịp tim bị ngắt. Người tôi nôn nao, bứt rứt, khó thở như thể trong ngực mình có một tảng đá. Lòng bàn chân, lòng bàn tay tôi đổ mồ hôi. Tôi nằm trên giường cố gắng chịu đựng. Đến khoảng 10 giờ sáng, tôi không thể chịu đựng hơn được nữa. Cho đến lúc ấy tôi mới gọi bà tôi. Bà lập tức nhờ hàng xóm tới trường nơi mẹ tôi dạy học tìm mẹ về. Tôi được đưa đi bệnh viện tỉnh. Sau khi khám và làm điện tâm đồ cho tôi, bác sĩ ở đó kết luận tôi bị suy tim độ 2.

Chính vị bác sĩ đưa ra kết luận ấy ban đầu cũng lấy làm ngạc nhiên vì ông cho rằng chứng suy tim không thường xảy ra với một người vẫn đang còn ở tuổi thanh niên như tôi. Tuy nhiên, khi tôi nói rằng mình bị bệnh loạn dưỡng cơ, ông ấy dường như không còn ngạc nhiên nữa. Có lẽ bác sĩ ấy biết có sự liên quan giữa bệnh loạn dưỡng cơ và những rối loạn trong hoạt động của tim. Một lần nữa tôi lại phải nghe một đại diện của ngành y nói về sự bất lực của y học trước căn bệnh của tôi.

Mẹ lặng người đi. Riêng tôi, bác sĩ khuyên không nên xúc động, không nên buồn. Thật khó mà khuyên được một người vừa mới biết mình bị mắc bệnh tim không nên buồn.

Thuốc của bệnh viện không thể làm dứt hẳn những cơn mệt. Cứ hết thuốc là tôi lại mệt. Ở bệnh viện về, tôi hầu như chỉ nằm trên giường chịu đựng những cơn mệt. Những cơn mệt kéo dài suốt cả ngày, suốt cả tuần. Rơi vào những cơn mệt, tôi không nghĩ đến bất cứ điều gì khác được, chỉ nghĩ đến cảm giác mệt. Ngày cũng như đêm, tôi chỉ muốn ngủ cho quên cảm giác mệt khủng khiếp ấy mà không thể. Những lúc mệt quá, tôi ước gì mình xỉu đi được một lúc để khỏi phải ý thức về cảm giác mệt mà mình đang phải chịu đựng.

Tôi không đủ sức để diễn tả cái cảm giác mệt đó bằng lời nói. Và dù có thể làm điều đó thì tôi cũng không làm. Tôi im lặng, nhưng ở bên trong, tinh thần của tôi không ngừng vùng vẫy, giãy giụa để giữ bỏ cảm giác mệt đeo đẳng như bóng với hình.

Sau khi tôi dùng hết số thuốc của bệnh viện mà vẫn không thoát khỏi những cơn mệt, mẹ tôi mời một bác sĩ đa khoa ở địa phương tới khám cho tôi. Người bác sĩ đó tiêm cho tôi một loại thuốc trợ tim phổ biến có tên là Spactein. Sau khi được tiêm thuốc, tôi cảm thấy khá nhẹ nhõm, cảm giác mệt mỏi đi vài phần. Nhưng khi thuốc hết tác dụng, tôi lại rơi vào những cơn mệt khủng khiếp. Tôi muốn thoát khỏi chúng, muốn đến tuyệt vọng. Vì muốn thoát khỏi cảm giác ấy nên tôi phụ thuộc vào những ống thuốc tiêm có tác dụng chỉ trong vài giờ.

Với điều kiện của mình, không phải lúc nào chúng tôi cũng tìm được bác sĩ; vì thế mẹ tôi mua hàng chục ống Spactein để sẵn ở nhà. Những lúc tôi mệt quá, mẹ tiêm thuốc cho tôi. Tôi đã phải chịu đựng bao nhiêu mũi tiêm tôi không nhớ nữa. Chuyện tiêm chọc đã trở nên quá quen thuộc đối với tôi. Tôi biết rõ thế nào là tiêm bắp, thế nào là tiêm ven. Có hôm mẹ đi vắng, tôi ở nhà vật vã với cơn mệt. Không thể chịu đựng nổi, tôi lấy thuốc trợ tim tự tiêm cho mình. Các bạn có thể tưởng tượng được tôi mệt đến mức nào mới phải tự làm việc đó. Tôi ghét phải làm thế.

Các tài liệu tôi đọc được giúp tôi hiểu suy tim là tình trạng tim hoạt động không bình thường, không cung cấp đủ máu cho các cơ quan trong cơ thể vì thế người bệnh phải chịu đựng nhiều rối loạn khác nhau xảy ra đồng thời. Đúng vậy, chịu đựng những cơn mệt liên miên trong khoảng hai tháng, tôi cảm thấy không chỉ tim mà mọi cơ quan trong cơ thể dường như đều ẻo lả, lười hoạt động, chỉ chực “đình công”. Tôi đi tiểu rất ít, bị rối loạn tiêu hóa, thường xuyên chóng mặt, hoa mắt, buồn nôn. Các triệu chứng ấy kéo dài càng khiến cơ thể tôi thêm suy kiệt.

Người trong làng ngoài xã đều biết tôi - cô giáo của lớp Cây táo - đang ốm nặng.

Họ hàng, làng xóm kéo đến thăm tôi. Có những người không đến gần, chỉ đứng ở cửa phòng nhìn tôi lặng lẽ gạt nước mắt. Một hôm, có ông cụ hơn chín mươi tuổi ở cuối làng, chống gậy tới nhà tôi. Cụ cầm tay tôi trong bàn tay gầy của cụ và nói bằng giọng điềm tĩnh và ôn tồn: “Nếu Trời không cho sống, nếu Trời bắt đi thì phải đi, cháu ạ!”.

Tôi hiểu ý của cụ, một người đã sống gần một thế kỷ và đang đi trên chặng cuối cùng của hành trình tồn tại của mình trên cõi đời. Tôi muốn nói với cụ rằng tôi đã tìm được sự thanh thản ấy rồi. Nhưng cuối cùng tôi im lặng.

Có những lúc tôi nằm trên giường dõi mắt ra ngoài cửa sổ, nhìn lên bầu trời, nhìn những chiếc lá rung rinh trên cao, những con chim đậu trên những cành cây, tôi nghĩ về quy luật của cuộc sống, của tự nhiên. Những đám mây xuất hiện trên bầu trời, tồn tại trong khoảng thời gian nhất định rồi cũng biến mất, ngay cả những đám mây tưởng chừng đứng yên, không trôi về hướng nào cả. Những chiếc lá xanh ngời ngời sức sống rồi cũng ngả vàng, rơi rụng. Những

con chim đậu trên cành cất những tiếng hót say sưa, mê thích rồi cũng vỗ cánh bay đi, mất hút, vô tâm tích. Nghĩ về sự đến rồi đi của con người trên cõi đời theo lẽ tự nhiên, tôi cảm thấy lòng mình nhẹ nhõm.

Có những lúc tôi cảm thấy rất rõ trái tim yếu ớt của mình đánh mất một nhịp đập hay nói đúng hơn là nó quên không đập trong tích tắc. Những lúc như thế tôi không cảm thấy sợ hãi. Tôi nhắm mắt, chờ đợi. Những ký ức của thời thơ ấu hiện về trong trí nhớ của tôi. Những trò chơi, những ngày chơi, những mùa chơi, những gương mặt của bạn chơi, những hình ảnh của chính tôi ngày bé như những giấc mơ trôi qua trước mắt tôi lúc mờ, lúc rõ. Tôi biết rằng nếu trái tim của tôi ngừng đập hẳn, tôi sẽ trôi theo những giấc mơ đó, trôi theo những mùa chơi thời thơ ấu.



Có những ngày rất mệt...

Những gì tôi đã trải qua cho đến thời điểm đó dạy tôi biết chấp nhận những điều tưởng chừng như không thể chấp nhận được, nhưng trong hầu hết thời gian tôi luôn đau đáu niềm khát khao được sống. Những lúc tôi cảm thấy rõ trái tim yếu ớt của mình lỡ một nhịp đập hoặc đập nhanh một cách bất bình thường là những lúc niềm khát khao ấy trỗi dậy mãnh liệt hơn bao giờ hết. Tôi muốn được sống thêm dù chỉ một ngày. Chỉ cần được sống để nhìn thấy ánh mặt trời của ngày mới với tôi đã là hạnh phúc, chứ chưa nói đến niềm hạnh phúc được ở bên những người ruột thịt, thân thương. Tôi muốn sống để được nhìn thấy bóng dáng của bà tôi chậm chậm đi lại trong mảnh sân nhỏ, được thấy mẹ mải vội với công việc hàng ngày, được mong ngóng chị gái và em trai về thăm nhà, mừng rỡ bước vào dưới vòm cổng. Dù tôi vẫn phải quanh quẩn giữa bốn bức tường và vẫn phải chịu đựng những cơn mệt, vì những điều ấy tôi vẫn muốn sống.

Và còn các học trò của tôi nữa. Từ khi tôi ở viện về, các học trò đến thăm tôi thường xuyên. Các em ngồi vây quanh giường của tôi cố nói những điều vui nhưng tôi biết các em buồn lắm. Nhìn thấy các em tôi cảm thấy có lỗi vì đã để cho những ngày hè của các em trôi đi trong sự chờ đợi phí hoài. Tôi không biết bao giờ mình mới có thể tiếp tục dạy các em. Lần nào đến thăm tôi, các học trò cũng nói sẽ đợi tôi khỏe lại để quay lại lớp Cây táo. Tôi muốn vịn vào sự gần bó, sự chờ đợi của những học trò ngoan ấy để vượt qua những cơn mệt.

Cứ nghĩ đến việc phải vĩnh viễn từ bỏ việc dạy học, tôi lại cảm thấy ghen ngào trong lòng. Tôi đã phải vất vả biết bao nhiêu, phải miệt mài cặm cụi tự học trong suốt những năm dài mới

có được vốn tiếng Anh để mở lớp dạy học. Tôi đã phải vắt óc suy nghĩ để các bài giảng của mình có sức hút, đã dốc bầu nhiệt tình cho từng buổi dạy mới giữ được các học trò ở lại với mình. Tôi đã yêu việc dạy tiếng Anh như yêu cái phần tốt đẹp nhất mình gây dựng được trong cuộc sống, vậy mà tôi sẽ phải từ bỏ nó ư? Những gì bạn có được một cách khó khăn sẽ khiến bạn nuối tiếc và buồn vô kể khi nó rời bỏ bạn. Tôi cũng vậy.

Mùa hè trôi qua. Mùa thu cũng trôi qua. Tôi vẫn vật vã trong những cơn mệt. Linh cảm rằng mình sẽ chẳng bao giờ còn có thể dạy học được như trước nữa, tôi quyết định chấm dứt sự chờ đợi của các học trò. Giữa những cơn mệt, tôi ngồi dậy cố gắng viết những bức thư chia tay gửi từng lớp học của mình. Tôi viết những lời chia tay mà cảm thấy buồn sâu thẳm trong lòng. Tôi cứ lấy hết can đảm để viết, rồi xé bỏ, rồi lại viết. Tôi cố gắng viết làm sao để học trò thấy được sự mạnh mẽ của tôi, để lý do chia tay vẫn được nhắc đến mà nỗi buồn chia tay lại được giấu đi.

Hơn hai tuần tôi mới làm xong cái việc cần làm ấy. Các học trò của tôi nhận thư, vẫn đến ngồi bên giường tôi. Các em nói vẫn sẽ đợi tôi. Tôi cố khuyên những em có ý định thi khối D tìm đến lớp dạy thêm của một giáo viên tiếng Anh lớn tuổi giàu kinh nghiệm nhất trong huyện. Tôi nói nếu cần tôi sẽ viết một bức thư cho người thầy ấy để gửi các em đến lớp học của ông. Tôi cố gắng thu xếp cho các em. Và tôi phải tự thu xếp nỗi buồn trong lòng mình.

Đó là một trong những thời điểm khó khăn nhất trong cuộc đời tôi.

Tôi đã đóng cửa tất cả lớp học Cây táo của mình.

Ngày của tôi bị bao trùm bởi sự im lặng.

Tôi im lặng đợi những cơn mệt qua đi.

Tôi đợi từng ngày, từng tuần, từng tháng.

Một cánh cửa khác mở ra

Mùa đông đến mang tới những đợt rét kéo dài. Tôi cảm thấy cái rét luồn vào tận xương tủy. Những ngón tay tôi hầu như lúc nào cũng trắng nhợt hoặc tím tái, tê buốt. Đêm nào mẹ cũng ủ hai bàn tay tôi trong tay mẹ. Những người hàng xóm và các học trò khi đến thăm, ngồi bên giường tôi cũng thường nắm tay tôi để truyền hơi ấm. Tôi không chỉ cảm nhận được hơi ấm từ những đôi bàn tay mà còn cảm nhận được hơi ấm từ trái tim của những người yêu thương mình. Sự ấm áp ấy là mối dây giữ tôi ở lại với cuộc đời trong thời điểm sự sống của tôi trở nên mong manh hơn bao giờ hết.

Những đêm trời trở gió, tôi không ngủ được, nằm hết giờ này đến giờ khác nghe tiếng gió rít, tiếng mưa rơi rào rào cộng hưởng với những cơn rung mình của cây cối bên ngoài. Có những đêm trong tiếng gió, tiếng mưa, trong cái rét căm căm, tôi nghe thấy tiếng hát, tiếng cười của một bà cụ mất trí. Bà cụ đó là người làng bên, bị lẫn thần đã vài năm. Như thể có một lực nào đó xui khiến, vào những đêm trở gió, con người già nua tội nghiệp ấy cứ lang thang ngoài đường, đầy đọa tấm thân trong gió mưa giá buốt. Không hiểu sao tiếng hát, tiếng cười vô nghĩa, rồ dại của bà cụ không những bị gió mưa át đi mà ngược lại, được khuếch đại lên trong đêm khuya. Lòng tôi tê tái khi nghe tiếng gào thét của thiên nhiên và tiếng gào thét của một cuộc đời buồn. Tôi nghĩ đến bà cụ mất trí ấy, đến những phận người hẩm hiu khác mà tôi biết rồi thấy mình may mắn hơn họ nhiều vì vẫn còn ý thức được về sự tồn tại của bản thân, vẫn còn được ở trong sự chở che của mái ấm gia đình.

Tôi hiểu ra rằng chỉ cần còn ý thức được về sự tồn tại của mình là tôi vẫn còn cơ hội vượt qua thách thức.

Cuối năm 2001, một người bạn văn mách cô tôi rằng ở dốc Thọ Lão, phố Lò Đúc, Hà Nội có nhà thuốc Sinh Hòa cắt thuốc đông y chữa bệnh tim rất tốt. Cô tôi lập tức tới đó kể bệnh, cắt thuốc cho tôi. Lần đầu nhà thuốc chỉ cắt cho tôi ba thang uống thử. Tôi uống hết thuốc, vẫn chưa thấy đỡ. Cô tôi lại đến gặp thầy thuốc. Ông thầy thuốc tên Sinh đã điều chỉnh bài thuốc, bốc cho tôi ba thang mới, rồi ba thang mới nữa. Sau khi uống được hơn hai mươi thang thuốc bắc, tôi bắt đầu thấy dễ thở hơn chút ít. Từ đó, trong suốt hơn một năm trời, cô tôi và em trai tôi thay nhau đến nhà thuốc cắt thuốc cho tôi. Tháng nào em tôi cũng dành những ngày nghỉ cuối tuần vượt gần một trăm cây số mang thuốc về cho tôi. Cậu ấy không quản vất vả làm việc

đó cho đến khi tôi cảm thấy người đỡ mệt hẳn.

Thật khó tả niềm hạnh phúc mà tôi cảm thấy lại có thể đứng bên hiên nhà, nhìn lên bầu trời mà không bị cảm giác mệt ngán cản sự cảm nhận về cái đẹp của thiên nhiên. Sau thời gian dài bị những cơn mệt thăm thẳm kiểm soát toàn bộ tâm trí, giờ đây tôi lại có thể nhìn ra thế giới bên ngoài với tâm trạng khá thoải mái. Những phút giây thở được bình thường khiến tôi cảm thấy yêu đời và biết ơn cuộc sống. Tôi đã lưu lại niềm hạnh phúc, cảm giác yêu đời ấy trong bài thơ được tôi đặt tên là *Ngày mới*.

*“Tôi ra ngoài ngõ
Đón ngày của tôi
Thấy con chim nhỏ
Đánh rơi gió đời

Tôi ra chợ gạo
Đong một mùa no
Thấy người ta gỏi
Thật thà đem cho

Tôi ra đồng xanh
Hái sương trên búp
Thấy nụ đời tươi
Xôn xao mừng giúp

Tình tang tôi hát
Ru ngày của tôi
Tôi gánh tôi vác
Xênh xang lộc trời.”*

Sau này, khi bài thơ *Ngày mới* được đăng trên một số tờ báo, tôi tình cờ đọc được một bài bình thơ của tác giả Nguyễn Bội Nhiên. Bài bình thơ có đoạn: *“Nguyễn Bích Lan đến với ngày mới bằng cảm xúc, suy nghĩ thật tốt đẹp về cuộc sống, về con người và chị muốn diễn đạt hết những tình cảm mình có với cuộc sống, với con người... Đưa cảm xúc đi lên, ý nghĩa nhân bản của bài thơ ‘Ngày mới’ được nâng cao hơn trong những cung bậc thăng hoa của tình yêu cuộc sống. Cái đẹp của thơ càng thêm hàm súc khi tác giả - nhân vật trữ tình hát ru ngày mới bằng những lời trữu nặng yêu thương”*. Tôi không biết tác giả Nguyễn Bội Nhiên là ai và có lẽ anh (hoặc chị?) ấy không biết được hoàn cảnh ra đời của bài thơ nhưng tôi dám chắc rằng tác giả bài bình thơ ấy đã cảm nhận được sự hàm ơn và tình yêu cuộc sống trong tôi khi tôi viết lên bài thơ ấy.

Tôi muốn tìm cách nào đó để hạn chế việc phụ thuộc vào các loại thuốc. Một số tài liệu trên sách báo nói rằng đi bộ rất tốt cho tim. Vậy nên, hằng ngày tôi lại bắt đầu tập đi bộ với hy vọng có thể ngăn chặn sự tái phát của những cơn mệt. Tôi tập đi men theo hàng gạch sát tường trong hiên nhà để đề phòng những lúc chóng mặt, tôi có thể dựa vào tường hoặc bám vào các song cửa sổ. Tôi không buồn vì phải tập đi như thế. Đã rất nhiều lần sức khỏe của tôi bị căn bệnh đánh tụt xuống những nấc đáng ngại. Buồn chẳng giải quyết được gì. Than thở cũng thế mà thôi. Phải tự cứu mình bằng những hành động cụ thể, phải thật kiên cường, thật bền bỉ. Tôi biết rõ như vậy.

Sau nhiều tháng trời không đọc nổi một cuốn sách nào, bây giờ tôi lại có thể quay lại với cái thú vui đọc vốn đã ngấm vào máu từ thuở bé. Ban đầu, mỗi lần tôi chỉ đọc được khoảng vài trang. Khi thấy trong người nôn nao, tôi dừng đọc ngay. Chờ cho cơn nôn nao qua đi tôi mới dám đọc tiếp. Dần dần, tôi có thể đọc nhiều hơn, nhiều tới mức vài ngày là ngốn hết một cuốn sách gồm vài trăm trang. Tôi thèm đọc những cuốn sách mới. Người thân luôn đáp ứng nhiệt tình mong muốn tha thiết ấy của tôi. Cô tôi kiếm những cuốn sách văn học mới được xuất bản ở Hà Nội gửi về cho tôi đọc. Con gái của cô, người từng gửi sách học tiếng Anh cho tôi, nay lại đều đặn gửi về cho tôi những cuốn tiểu thuyết viết bằng tiếng Anh mua ở một hiệu sách cũ để phục vụ riêng cái thú vui đọc nguyên tác của hai chị em tôi. Thêm thói quen trích tiền lương mua những cuốn sách quý của em trai tôi nữa là tôi luôn luôn có đủ sách để đọc. Trên đường thoát khỏi những cơn mệt thăm thẳm tôi đọc tuyển tập *Truyện ngắn của O'Henry*, bộ *Lịch sử văn minh thế giới* của Will Durant, cuốn *Tâm lý học đám đông* của Gustave Le Bon, tiểu thuyết *Sands of Sakkarā* của Glenn Meade và nhiều cuốn sách khác. Tôi lại tìm thấy nguồn an ủi, niềm vui, niềm hy vọng từ những cuốn sách. Lại cảm thấy mình được kết nối trở lại với thế giới bên ngoài qua những trang sách.

Đã có lúc tôi hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa tôi sẽ đủ sức mở lại các lớp học.

Nhưng rồi tôi biết rằng ngày đó sẽ không đến nữa. Tôi biết rằng tôi không thể đủ sức để giảng bài cho học trò khi mà một cuộc trò chuyện không hề căng thẳng vẫn khiến tôi cảm thấy mệt. Tôi biết mình đã bị loại khỏi việc dạy học và tất cả những việc đòi hỏi phải nói nhiều.

Khi tôi không thể làm việc được, ngày của tôi lại chệnh chao lảo. Những lúc không đọc sách, tôi cảm thấy sự trống rỗng quay lại xâm chiếm cuộc sống của mình. Tôi day dứt vì thời gian của mình trôi đi vô nghĩa. Tôi thèm được làm việc. Tôi vắt óc cố nghĩ ra một việc gì đó không bắt buộc tôi phải nói, một việc gì đó mà tôi có thể làm một cách độc lập trong im lặng.

Tôi nghĩ đến việc viết văn. Tôi bắt đầu viết truyện ngắn từ khi tôi hai mươi tuổi. Hồi đó tôi viết được khoảng hơn mười truyện và giấu biệt xuống đáy chiếc va-li đựng thư từ của mình.

Tôi chẳng dám cho ai xem, thậm chí thỉnh thoảng tự mình mở ra xem tôi cũng không dám. Tôi cứ để chúng dưới đáy của chiếc va-li, cho đến một ngày mở ra, tôi thấy cả tập giấy đã bị gián nhấm nhام nhỏ. Bây giờ tôi lại bắt đầu thử viết. Tôi viết với hy vọng tìm ra một cánh cửa. Người ta nói có nhiều cánh cửa trong cuộc đời và bạn phải chịu tìm, chịu khó gõ cửa. Người ta nói như vậy đó.

Truyện đầu tiên tôi viết sau khi tôi thoát khỏi những cơn mệt có nội dung về một bà giáo về hưu, tình nguyện dạy chữ cho một bé trai bỏ học giữa chừng vì bị chúng bạn trêu là con hoang. Dĩ nhiên truyện chứa đựng những trải nghiệm sống của tôi. Đứa trẻ trong truyện có dáng dấp một học trò thiệt thòi của tôi. Viết xong, tôi ngồi đọc lại và thấy truyện không đến nỗi nào. Tôi viết tiếp một số truyện ngắn khác rồi tập hợp thành một tập bản thảo mỏng gửi lên cho cô chú tôi để nhờ họ đọc và nhận xét.

Như tôi đã kể ở phần đầu cuốn sách này, cô tôi là nhà thơ Nguyễn Thị Hồng, tác giả của những bài thơ được nhiều bạn đọc cả nước biết đến như bài *Lời tượng nhà mồ*, *Gọi thu*, *Giản dị...* Lần đầu tiên khi đọc bài *Lời tượng nhà mồ*, trong niềm xúc động khó tả, tôi đã nói với cô tôi rằng nếu cô không phải là ruột thịt của tôi, tôi vẫn yêu quý cô hết mực như tôi vẫn hằng yêu quý vì cô đã sáng tác ra bài thơ đó. Còn chồng của cô - nhà văn Hoàng Quốc Hải - là một trong những nhà văn viết tiểu thuyết lịch sử đáng chú ý nhất Việt Nam trong ba thập kỷ gần đây. Họ là những người trong nghề, có con mắt đánh giá chính xác và là những người chính trực, thẳng thắn. Tôi biết sẽ không có chuyện vì muốn động viên tôi mà họ khen lấy khen để những truyện ngắn tôi gửi. Tôi chỉ hy vọng có một tia sáng nhỏ lóe lên ở cuối đường hầm. Chỉ thế thôi.

Hai tháng trôi qua.

Thế rồi, trong một lần về thăm quê, cô tôi bỗng đưa ra gợi ý rằng tôi nên thử dịch sách văn học. Thú thật nghe cô tôi nói đến việc dịch sách tôi ngỡ cô đang nói chuyện trên trời. Hồi đó tôi cảm thấy việc đó cao siêu lắm. Tôi cảm thấy tôi không thể với tới nó được. Cô nói rằng tôi đã đọc nhiều nguyên tác văn học bằng tiếng Anh, rằng tôi biết viết truyện và nếu tôi kết hợp khả năng tiếng Anh với năng khiếu văn chương thì có thể dịch được sách văn học, rằng dù gì tôi cũng nên thử. Hóa ra trong chuyện này cô chú của tôi đã nhìn rất xa.

Gợi ý ấy đã làm thay đổi cuộc đời tôi.

Sau chuyến về thăm quê ấy, cô tôi làm việc với phòng văn học nước ngoài của Nhà xuất bản Phụ Nữ, đề nghị họ cho phép tôi dịch thử một cuốn sách văn học. Sau khi trao đổi với cô, phía nhà xuất bản đồng ý giao cho tôi dịch thử một cuốn tiểu thuyết dài hơn 200 trang của một nhà văn người Australia có tựa đề là *Never Doubt My Love* (*Đừng nghi ngờ tình yêu của anh*). Đó là

cuốn tiểu thuyết kể về một cô gái gặp và yêu một người đàn ông là người giám hộ của một đứa cháu trai mồ côi. Trong khi những người phụ nữ đến trước cô khó chịu vì sự có mặt của đứa bé thì cô gái đó đã chấp nhận nó bằng lòng nhân hậu và tình yêu thương. Câu chuyện đầy tính nhân văn với các tình tiết được sắp xếp khéo léo và được viết với văn phong giản dị. Vì từng đọc không ít những nguyên tác văn học bằng tiếng Anh phức tạp hơn nhiều nên tôi thấy cuốn sách đó khá dễ đọc.

Ấy là cảm nhận ở vị trí một độc giả. Đến khi bắt tay vào dịch cuốn sách, tôi mới hiểu trong việc dịch văn học không có cái tính chất được gọi là “dễ”. Mới dịch vài trang đầu, tôi đã ngộ ra việc mình đang làm là một việc chứa đựng nhiều thách thức đến mức nào. Căng thẳng là cảm giác thường trực. Khi ngồi dịch từng câu trong cuốn sách, tôi có cảm giác như mình đang ngồi giữa hai đối tượng, một bên là tác giả cuốn sách, một bên là bạn đọc thông thái của nước mình, và nhiệm vụ của tôi là phải làm hài lòng cả hai người này. Việc tìm cấu trúc và từ ngữ tương đương trong tiếng Việt để diễn đạt ý của tác giả không hề đơn giản chút nào. Áp lực của lần đầu làm công việc đó, cộng thêm sự ý thức rằng mình không có nhiều cơ hội để lựa chọn về công việc và đây là một trong những cơ hội hiếm hoi, thậm chí duy nhất càng khiến tôi thêm căng thẳng. Hồi đó tôi chưa có máy tính. Tôi dịch từng câu trong đầu và chép ra những trang giấy khổ A4. Nếu nhà xuất bản còn giữ bản dịch viết tay của tôi thì ắt hẳn dấu vết của sự run rẩy vẫn còn đó trong những trang đầu của tập bản thảo. Đó là sự run rẩy của bàn tay yếu ớt cầm bút và tâm lý căng thẳng. Nhưng rồi cảm giác thích thú bắt đầu xuất hiện khi tôi “bắt” được mạch văn và lần theo nó để nhập tâm vào câu chuyện, đặt mình vào vị trí đồng hành với tác giả để chứng kiến những sự việc đang xảy ra trong câu chuyện và kể lại nó bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Chính cảm giác thích thú ấy đã giúp tôi chiến thắng sự căng thẳng và đưa tôi đi hết trang sách này đến trang sách khác.

Sau hai tháng miệt mài, tôi dịch xong cuốn sách. Tôi dành thời gian đọc lại bản dịch, chỉnh sửa một số từ chưa thật ưng ý, chép lại những trang bản thảo có nhiều chữ khó đọc và có những vết dập xóa. Chưa hoàn toàn yên tâm, tôi đọc lại bản dịch một lần nữa, chỉnh sửa thêm một số chỗ trước khi gửi bản thảo tới nhà xuất bản. Tôi bắt đầu chờ đợi sự đánh giá của nhà xuất bản. Đã lâu lắm rồi tôi mới lại có một cuộc chờ đợi quan trọng như thế.

Không lâu sau khi tôi gửi bản thảo đi, biên tập viên Trần Hồng Thúy - người trực tiếp biên tập bản dịch của tôi - nhắn tin qua cô tôi rằng bản dịch của tôi đạt yêu cầu, rằng nhà xuất bản sẽ sớm cho xuất bản cuốn sách. Khởi phải nói tôi vui mừng thế nào khi nhận tin ấy. Tôi phấn khởi đến mức không còn cảm thấy sợ những dấu hiệu của một cơn mệt thỉnh thoảng quay lại đe dọa mình. Tôi nghĩ rằng giữa những cơn mệt, tôi vẫn có thể dịch sách.

Thế rồi cái ngày tôi được cầm cuốn sách dịch đầu tay của mình cũng đến. Đó là giấc mơ tôi không dám mơ tới. Giấc mơ ấy đã trở thành hiện thực trong một hoàn cảnh có thể nói là còn rất ít hy vọng. Ai có thể đoán được rằng một người mới chỉ học xong lớp 8, không hề có bằng cấp chuyên môn nào, chưa từng sống ở nước ngoài lại được giao cho dịch một cuốn sách văn học và có thể dịch thành công? Và mới chỉ vài tháng trước đó thôi, khi tôi nằm bẹp giường, âm thầm vật vã với những cơn mệt khủng khiếp, khi tôi phải tự tiêm cho mình những ống thuốc trợ tim, chính tôi cũng không dám mơ rằng rồi sẽ có ngày mình làm được một việc nhiều thách thức và công phu như dịch một cuốn sách văn học. Nếu bạn tin rằng vẫn có những điều kỳ diệu xảy ra trong đời thực, thì điều mà tôi trải nghiệm vào cái ngày hôm đó, khi tôi được cầm cuốn sách đầu tiên ấy trên tay, chính là một điều kỳ diệu của cuộc sống.

Tôi nhớ đó là vào một buổi sáng thứ bảy của năm 2003. Sau khi thay mặt tôi nhận mười cuốn sách biểu cùng nhuận bút từ nhà xuất bản, em trai tôi phóng xe máy từ Hà Nội về nhà. Khi em mở gói sách ra, tôi nhìn thấy những cuốn sách mới tinh và cảm thấy một niềm hạnh phúc, một sự may mắn đến khó tin đang xảy ra với cuộc đời mình. Tôi cầm một cuốn sách bằng cả hai tay, run run mở trang sách đầu tiên. Dòng chữ “Người dịch: Nguyễn Bích Lan” hiện ra rồi nhòe đi trong làn nước mắt. Tôi đặt bút viết ngay dưới tên mình trong cuốn sách mấy chữ chột hiện lên trong đầu: *“Dành tặng gia đình thương yêu!”*.

Khoản nhuận bút dịch sách hơn ba triệu đồng là số tiền quá lớn đối với tôi lúc đó. Niềm vui dâng ngập lòng khiến tôi cảm thấy số tiền đó lớn hơn nhiều so với giá trị thực. Tôi muốn sử dụng nó vào những việc tôi mong muốn nhất. Trước hết tôi biếu bà tôi một chút gọi là tiền để bà mua quà. Mười mấy năm tôi mang bệnh là hàng nghìn ngày bà hy sinh, nhường nhịn, chịu đựng khó khăn vì tôi. Bao nhiêu ngày tôi ốm lên ốm xuống là bấy nhiêu ngày bà lụi cùi khuya sớm nhóm lửa sắc thuốc, nấu nướng cho tôi. Bao nhiêu lần bà giặt áo cho tôi, bao nhiêu chiều bà pha nước tắm cho tôi, tôi không nhớ nổi, không đếm xuể. Tôi biết không tiền nào có thể thể hiện được hết lòng biết ơn của tôi đối với bà. Nhưng tôi muốn bà nhận những đồng tiền nhuận bút ấy để bà có thể cảm thấy hãnh diện và yên tâm về tôi.

Tôi biết chưa chắc bà tôi đã tiêu đến những đồng tiền tôi biếu. Bà sẽ để dành những đồng tiền ấy trong áo gối như bà đã làm mỗi khi mẹ, cô tôi, chị gái và em trai tôi hay bất cứ người thân nào biếu bà tiền. Bà cất những đồng tiền đó đi để rồi khi nhà có việc gì cần phải gom góp từng đồng, bà vẫn làm chúng tôi bất ngờ với một món tiền bà lấy ra từ trong áo gối. Hôm ấy đặt những đồng tiền nhuận bút vào bàn tay nhăn nheo của bà, gập những ngón tay gầy guộc của bà lại để bà chịu cảm chút lòng biết ơn của mình, tôi chỉ mong muốn bà đừng cất tiền dưới áo gối. Tôi chỉ muốn bà dùng số tiền đó để mua thứ quà gì bà thích.

Tôi chỉ giữ lại một ít tiền lẻ để mua kẹo cho bọn trẻ hàng xóm. Số tiền còn lại tôi để nguyên trong chiếc phong bì đựng nhuận bút của nhà xuất bản và đưa cho mẹ. Tôi không thấy bản thân mình có nhu cầu gì. Với tôi như thế là vui lắm rồi. Tôi thầm cầu Trời cho tôi giữ được sức khỏe, thầm cầu mong nhà xuất bản tiếp tục tin tưởng giao sách cho tôi dịch. Nếu cứ tiếp tục dịch sách, tôi không những có được niềm vui cho bản thân mà còn có thể giảm được gánh nặng cho gia đình.

Tôi được giao cho dịch cuốn sách thứ hai, thứ ba, thứ tư. Mỗi cuốn là một câu chuyện khác, một thế giới khác, một trải nghiệm văn chương khác. Dịch xong một cuốn sách, tôi lại tích lũy thêm những kinh nghiệm, những bài học quý giá cho công việc của một dịch giả. Lần nào cũng vậy, hoàn thành một bản dịch, tôi lại thở phào nhẹ nhõm và háo hức mong chờ ngày sách xuất bản. Mỗi lần được cầm một cuốn sách dịch mới được xuất bản, tôi lại được trải nghiệm cái cảm giác hạnh phúc của lần đầu tiên tôi được cầm tác phẩm dịch của mình trên tay.

Trong huyện có không ít người biết rằng tôi đã chuyển từ việc dạy tiếng Anh sang việc dịch thuật. Một số doanh nghiệp xuất khẩu khăn ăn ở làng bên, trong đó có gia đình các học trò cũ của tôi, thỉnh thoảng lại đến nhờ tôi dịch giúp các hợp đồng, các chứng từ thương mại, soạn những bức thư bằng tiếng Anh gửi khách hàng. Ai tìm đến mình, tôi cũng cố gắng giúp bởi vì tôi biết nếu tôi từ chối, họ sẽ phải tới tận thị xã thuê người dịch. Quan trọng hơn, tôi nhận giúp họ là bởi tôi biết mỗi hợp đồng xuất khẩu khăn ăn trị giá vài chục nghìn đô la mang đến công ăn việc làm cho không ít lao động ở nông thôn, trong đó có những người dân làng tôi. Vậy là tôi có cơ hội sử dụng vốn tiếng Anh thương mại đã học vào việc hữu ích.

Thể lực của tôi vẫn rất yếu. Thỉnh thoảng bệnh tim của tôi lại tái phát, gây ra những cơn mệt khủng khiếp và những triệu chứng khó chịu khác. Những lúc mệt quá tôi nằm xuống giường, im lặng chờ đợi. Tôi chờ đợi những thang thuốc bắc phát huy tác dụng, đẩy lùi những cơn mệt để tôi có thể quay lại với những trang sách.

Năm 2004, bố tôi trở về không báo trước. Tôi không thể nói rằng cả nhà tôi vui mừng trước sự trở về của bố. Tất cả những gì chúng tôi đã trải qua trong mười năm không có bố, cái cách bố ra đi và những gì bố phải vượt qua trong mười năm đó không cho phép một sự sum họp ồn ào và sự mừng vui rõ rệt. Hôm bố tôi trở về lại đúng là hôm tôi đang phải chịu đựng một cơn mệt. Lúc bố bước vào nhà, tôi đang nằm trên chiếc giường trong căn buồng tối. Tôi vẫn sợ tiếng động và cần phải tránh tất cả những gì gây xúc động. Bố đến bên giường tôi, lặng lẽ ngồi xuống. Hai bố con chào nhau bằng tiếng chào ngắn ngủi. Rồi bố cầm bàn tay phải của tôi trong tay bố. Bố muốn bắt mạch cho tôi. Tôi biết không hẳn bố muốn xem tim tôi đập như thế nào mà chủ yếu muốn thể hiện sự quan tâm của mình. Cử chỉ ấy châm ngòi cho sự bùng nổ của cảm

giác tử thân của suốt mười năm vắng bố chất chứa trong lòng tôi. Tôi rút tay lại, từ chối sự quan tâm ấy.

Phải mất rất nhiều thời gian, sau rất nhiều giận hờn, rất nhiều ý nghĩ ích kỷ, rất nhiều hối hận, xót xa và rất nhiều cố gắng, tôi mới bắt đầu cho phép mình học bài học tha thứ và bao dung, bù đắp và chia sẻ.

Suy cho cùng bố vẫn là bố.



Năm 2004, trong một chuyến công tác ở Singapore, em trai tôi mua cho tôi một chiếc máy tính đã qua sử dụng trong một tiệm bán đồ cũ. Bài học tin học đầu tiên và cũng là duy nhất mà em dạy cho tôi gồm các chỉ dẫn đủ để tôi biết mở và tắt máy và biết sử dụng chuột. Dạy xong những thao tác đó, em chỉ vào chiếc máy tính và nói: “Học sử dụng máy tính dễ hơn tự học tiếng Anh nhiều. Chì cứ tự học thoải mái đi, không sợ hỏng máy đâu”. Thế là tôi bắt đầu tự học tin học. Với phần mềm dạy đánh máy được cài sẵn trong chiếc máy tính đó, tôi học đánh máy bằng mười ngón tay. Sau một tuần tôi nắm được các thao tác đủ để sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản. Tôi tiếp tục tự mò mẫm để tích góp thêm những kiến thức về tin học. Đúng như em tôi nói, tự học tin học dễ hơn tự học tiếng Anh nhiều. Trong một thời gian ngắn tôi không chỉ có thể đánh máy thành thạo mà còn biết sử dụng các phần mềm như Excel, Power Point, biết cài đặt các chương trình phần mềm thông dụng.

Hồi đó tôi đang cùng Hoàng Nguyên - con trai của cô tôi - dịch cuốn *Tro tàn của Angela*, cuốn tự truyện được trao giải Pulitzer của nhà văn Mỹ gốc Ai Len Frank McCourt. Với chiếc máy vi tính đầu tiên ấy, tôi không còn phải chép tay những gì tôi đã dịch trong đầu ra giấy nữa. Tôi tạo bản dịch trên máy tính. Sự thay đổi đó thực sự đáng kể đối với công việc của tôi vì nó cho phép tôi dễ dàng chỉnh sửa bản dịch, khép lại giai đoạn phải chép lại những trang bản thảo chẳng may bị nhòe hoặc có quá nhiều chỗ dập xóa. Sau khi dịch xong cuốn *Tro tàn của Angela*, tôi có khả năng đánh máy bằng mười ngón mà không cần nhìn bàn phím với tốc độ nhanh hơn cả tốc độ tôi viết chữ trên giấy.

Các biên tập viên giàu kinh nghiệm của Nhà xuất bản Phụ Nữ - những người trực tiếp biên tập các bản dịch của tôi - khen tôi dịch càng ngày càng lên tay. Mặc dầu vậy, họ cũng thẳng thắn chỉ ra những điểm tôi cần phải khắc phục trong từng bản dịch. Sự tin tưởng của nhà xuất bản khiến tôi thêm yên tâm trong công việc. Bạn phải thực sự yên tâm, thực sự thanh thản mới có thể cặm cụi ngồi dịch từng trang sách hết ngày này sang ngày khác.



Tìm thấy niềm vui trong việc dịch sách.

Khi tôi kể rằng nhà xuất bản khen tôi dịch càng ngày càng lên tay, các bạn ắt hẳn sẽ nghĩ điều đó có nghĩa rằng việc dịch sách của tôi sẽ càng ngày càng ổn định, càng thuận lợi. Không phải vậy. Số phận luôn thử thách tôi. Cuối năm 2004, khi cuốn sách thứ năm tôi dịch vừa được xuất bản thì nước ta ký công ước Berne - một công ước quốc tế được thiết lập để bảo vệ quyền sáng tạo của các tác giả. Không thể dựa vào cơ chế xin - cho bản quyền, các nhà xuất bản trong nước phải loay hoay tìm cách thích ứng với tình hình mới. Tôi đoán rằng việc mở kênh liên lạc với các nhà xuất bản và các đại diện văn học ở nước ngoài cũng gây lúng túng và mất thời gian đối với các đơn vị xuất bản của nước ta, ấy là chưa kể đến việc thương lượng và thực hiện các thủ tục chuyển nhượng tác quyền để có được quyền dịch và xuất bản các tác phẩm văn học nước ngoài phục vụ bạn đọc trong nước.

Tôi đợi hết ngày này đến ngày khác không thấy nhà xuất bản tiếp tục giao sách cho mình dịch. Có lúc tôi nghĩ có lẽ họ đã quên tôi mất rồi. Đó cũng là thời gian tôi nếm trải những cảm giác không mong muốn của một người ở thế thụ động. Tôi không gọi điện tới nhà xuất bản để hỏi về nguồn sách dịch vì tôi có thể hình dung ra phần nào những khó khăn mà họ đang phải đối mặt. Tôi chờ đợi.

Giữa năm 2005, tôi may mắn được gặp dịch giả Thúy Toàn, người được nhiều thế hệ học sinh trung học của cả nước biết đến qua bản dịch bài thơ *Tôi yêu em* của Puskin. Chẳng là dịch giả Thúy Toàn đọc được một bài báo nói về tôi và ông rủ một số bạn văn từ Hà Nội về Thái Bình thăm tôi. Tôi biết ông là một trong những dịch giả đương đại hàng đầu Việt Nam, suốt đời tâm huyết với việc bắc chiếc cầu văn hóa giữa hai dân tộc Nga - Việt thông qua các hoạt động văn học, đặc biệt là văn học dịch. Lần đầu được gặp ông - một dịch giả đáng kính - tôi rụt rè và tự ti là người mới vào nghề đến mức không dám hỏi ông bất cứ câu nào liên quan đến dịch thuật. Tôi cũng không dám nói với ông rằng từ sau khi Công ước Berne được ký, tôi chưa được nhà xuất bản giao thêm một cuốn nào để dịch. Tôi biết với ông, chuyến đi này có mục đích thăm hỏi, động viên là chính. Tuy nhiên, trước khi ra về, ông đã nói với tôi một câu mà vào thời điểm đó có ý nghĩa hơn cả ngàn lời khuyên: “Cháu Lan ạ, dịch văn học là phải say mê”. Không hiểu sao lúc ấy tôi cảm thấy dường như ông thấu hiểu niềm khát khao được làm việc của tôi và

ông nói câu đó để động viên tôi hãy bền lòng, bền chí theo đuổi con đường dịch văn học. Tôi biết chừng nào tôi còn dịch văn học thì chừng đó tôi còn được câu nói ấy của ông thôi thúc.



Dịch giả Thúy Toàn (bìa trái) trong lần ông về Thái Bình thăm Bích Lan.

Tôi lại vắt óc suy nghĩ tìm cách để được làm việc. Hồi đó, tôi đã bắt đầu tiếp cận Internet. Được kết nối Internet, cái máy tính của tôi mang cả thế giới vào căn phòng mười mét. Hằng ngày, tôi “bơi” trong cái biển thông tin đa ngôn, đa nguồn trên thế giới ảo ấy. Tôi đọc các trang báo mạng, các trang blog, các trang web của các tổ chức và các cá nhân. Không muốn uống phí thời gian, trong lúc chưa có sách để dịch, tôi lên kế hoạch bổ sung kiến thức về các nền văn hóa trên thế giới. Tôi không học theo các khóa học có sẵn trên Internet mà tự lập chương trình học đáp ứng mục tiêu của mình. Chẳng hạn, tôi đặt mục tiêu trong vòng mười lăm ngày phải bổ sung các kiến thức cơ bản về các dòng tranh dân gian của Ấn Độ. Với mục tiêu cụ thể đó, tôi tìm kiếm tài liệu, đọc các bài báo, xem các bức tranh và các video về nghệ thuật làm tranh dân gian của các nghệ nhân Ấn Độ. Sau hành trình khám phá những dòng tranh dân gian tôi lại bắt đầu “chuyến đi” tìm hiểu các phong tục cưới hỏi của người dân ở các vùng miền thuộc Ấn Độ. Tôi “đi” từ Ấn Độ đến Israel, từ Mỹ đến Ai Len. Những điều mới mẻ tôi khám phá được thúc đẩy tôi tìm đến với những điều mới mẻ khác. Tôi biết ơn sự ra đời của máy tính và mạng Internet không biết chừng nào mà kể.

Một hôm, tôi tình cờ đọc được trên Internet một bài báo nói về một cô bé người Mỹ gốc Ấn Độ mười ba tuổi sáng chế ra một loại túi có thành phần thảo mộc giúp bảo quản thức ăn. Loại túi này đặc biệt hữu ích với những người dân nông thôn ở những nước nghèo, nơi điều kiện kinh tế eo hẹp không cho phép họ tiếp cận những thiết bị bảo quản thức ăn hiện đại như tủ lạnh. Tôi cảm phục trí thông minh của cô bé bao nhiêu thì cũng xúc động trước sự quan tâm của cô đối với người nghèo bấy nhiêu. Đọc bài viết về cô bé đó, tôi nghĩ đến những người phụ nữ đang âm thầm đóng góp cho thế giới bằng chính cuộc sống hữu ích của mình. Họ không hẳn có địa vị, có quyền lực, nhưng bằng tài năng và tấm lòng của mình họ đã làm nên những điều phi thường, góp phần thay đổi thế giới. Tôi nảy ra ý tưởng đưa những câu chuyện về họ đến với độc giả Việt Nam và mạnh dạn đề xuất ý tưởng đó với Nhà xuất bản Phụ Nữ. Đúng như tôi nghĩ, ý tưởng ấy nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của nhà xuất bản. Tôi ký hợp đồng biên soạn cuốn sách đầu tiên mang tên *Những người phụ nữ thay đổi thế giới* và bắt tay vào hiện thực hóa

ý tưởng của mình.



Dịch giả Thúy Toàn (bìa trái) tặng sách mới của ông cho Bích Lan, và chú của cô - nhà văn Hoàng

Quốc Hải (bìa phải) - trong chuyến dịch giả Thúy Toàn về thăm Bích Lan ở Thái Bình.

Hơn ba tháng tìm kiếm thông tin, đọc hàng trăm bài báo, những bài phỏng vấn, các tự truyện và hồi ký của các nhân vật, lựa chọn thông tin và kể câu chuyện về từng nhân vật theo cách riêng của mình, tôi đã có trong tay một bản thảo gần 300 trang với 53 bài viết về 53 phụ nữ thuộc mọi lứa tuổi, thuộc nhiều quốc gia khác nhau có những đóng góp giúp cải thiện cuộc sống nhiều người trên thế giới. Mở đầu cuốn sách là câu chuyện về Ada Bryon, con gái của thi sĩ nổi tiếng người Anh Bryon, người được tôn vinh là nhà lập trình đầu tiên trên thế giới với những gợi ý quý giá góp phần thúc đẩy sự ra đời của những thế hệ máy vi tính sử dụng phần mềm mà chúng ta sử dụng ngày nay. Trong nhóm những người phụ nữ có đóng góp lớn lao về khoa học và kỹ thuật, ngoài Ada Bryon, tôi chọn gần mười nhân vật khác gồm nhà toán học người Nga Sofia Kovalevskaja, nhà hóa học đoạt giải Nobel Marie Curie, nữ bác sĩ có công lớn trong việc áp dụng các biện pháp tránh thai ở Hà Lan Aletta Jacobs, nữ kiến trúc sư người Mỹ Julia Morgan với những công trình kiến trúc để đời, nhà khoa học Dorythy Crowfoot Hodgkin - người đã giải mã thành công cấu trúc của Cholesterol, Insulin, Vitamin B12.

Cuốn sách cũng chứa đựng những câu chuyện về những người phụ nữ làm đẹp cho thế giới qua các sáng kiến về thời trang, mỹ phẩm, những người phụ nữ đấu tranh vì nữ quyền, vì công bằng xã hội, những tấm gương về lòng nhân ái, về nghị lực vượt khó phi thường... Tôi dành một phần đáng kể của cuốn sách cho những câu chuyện kể về những phụ nữ trẻ, các nữ sinh viên, học sinh... trong hoàn cảnh và vị trí xã hội khác nhau đã có những công trình nghiên cứu, những phát minh, hành động thiện nguyện với tính hữu ích và tầm ảnh hưởng đáng kinh ngạc so với tuổi đời của họ.

Qua tất cả những câu chuyện về những người phụ nữ ấy, tôi muốn nhắn nhủ với bạn đọc rằng từ những xuất phát điểm rất khiêm tốn, thậm chí từ những hoàn cảnh khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua, những người phụ nữ từ các quốc gia khác nhau đã nỗ lực phấn đấu bằng chính khả năng và lòng nhiệt tình của mình để sống cuộc sống hữu ích với niềm đam mê và

tinh thần tận hiến. Qua những câu chuyện kể về những người phụ nữ bình thường làm được những việc phi thường, tôi cũng muốn gửi gắm tới độc giả thông điệp rằng, không nhất thiết phải là chính khách, phải nắm quyền lực thì phụ nữ mới có thể thay đổi thế giới.

Không ai khác, chính dịch giả Thúy Toàn được Nhà xuất bản Phụ Nữ mời đọc bản thảo và viết lời giới thiệu cho cuốn *Những người phụ nữ thay đổi thế giới*. Không lâu sau khi cuốn sách được xuất bản, tôi thấy các câu chuyện về những người phụ nữ thay đổi thế giới trong cuốn sách tôi biên soạn xuất hiện trên một số diễn đàn trên mạng Internet. Thật mừng là những bạn đọc có tâm huyết đã phát hiện ra tính khích lệ tiềm ẩn trong các câu chuyện đó và tự nguyện nhân rộng chúng theo cách của mình.

Sự thành công của cuốn sách thúc đẩy tôi bắt tay vào thực hiện cuốn sách thứ hai về những thần đồng của thế kỷ 20. Đó là một cuốn sách kể về những con người bộc lộ tài năng thiên bẩm từ thuở ấu thơ ở các lĩnh vực khác nhau như toán học, âm nhạc, mỹ thuật, văn học... Trong những câu chuyện về các thần đồng, ngoài yếu tố về tài năng phi thường gây kinh ngạc, tôi nhấn mạnh vai trò của gia đình cũng như cách ứng xử của những người bình thường trước sự phát lộ của tài năng vượt trội. Cũng giống như cuốn *Những người phụ nữ thay đổi thế giới*, cuốn sách về thần đồng của tôi được Nhà xuất bản Phụ Nữ ấn hành đã đến được với nhiều bạn đọc và nhận lại nhiều phản hồi đáng phấn khởi.



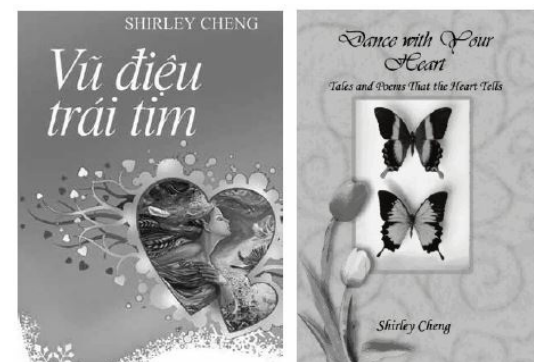
Bích Lan đến thăm Nhà xuất bản Phụ Nữ lần đầu vào tháng 7-2009. Hàng đầu, từ trái sang phải: biên tập viên Trần Hồng Thúy, Bích Lan, mẹ của cô, giám đốc Mai Quỳnh Giao và cô ruột của Bích Lan.

Tôi có thể đã tiếp tục biên soạn những cuốn sách khác về những người khuyết tật vượt lên số phận, về những anh hùng giữa đời thường, về những người mẹ phi thường, những đứa con hiếu thảo và rất nhiều những con người mà khi đọc về họ, chúng ta thấy mình nhỏ bé và thức dậy khao khát vươn lên, vượt lên chính mình. Tôi có thể đã tiếp tục cho ra đời những cuốn sách như thế nếu tôi không cảm thấy một nỗi tiếc nhớ đối với thế giới văn chương mà tôi từng biết đến qua việc dịch sách. Nỗi tiếc nhớ ấy dai dẳng và sâu sắc đến nỗi tôi biết rằng chỗ của tôi là

ở đâu đó trong thế giới của những người dịch văn học chứ không phải bất cứ chỗ nào khác.

Trong quá trình tìm nhân vật cho cuốn thần đồng của thế kỷ 20, tôi tình cờ phát hiện trang web của một cô gái khuyết tật người Mỹ gốc Trung Quốc tên là Shirley Cheng. Cô kém tôi bảy tuổi, bị bệnh nan y về xương khớp khi mới mười một tháng tuổi. Mười một tuổi cô mới đủ sức khỏe để đến trường, nhưng chỉ trong sáu mươi ngày đầu đến trường, cô đã hoàn thành chương trình tiểu học. Đang học lớp 10, Shirley bị mù, cô phải học hoàn toàn bằng việc nghe, thậm chí giải toán và làm các bài tập hóa học ở trong đầu. Thật phi thường, cô luôn là học sinh xuất sắc. Cô tốt nghiệp trung học với số điểm gần tuyệt đối. Shirley có truyện ngắn được đăng báo khi mới mười bốn tuổi. Sau khi bị mù, cô sử dụng một phần mềm đọc chữ để viết văn. Khi cô gõ phím máy tính phần mềm đó đọc những chữ hiển thị trên màn hình, nhờ đó cô biết được mình gõ có chính xác hay không. Khi tôi phát hiện ra trang web của Shirley, cô đã hai mươi hai tuổi và đã là tác giả của năm cuốn sách.

Rất ấn tượng trước tài năng và nghị lực phi thường của Shirley, tôi gửi email làm quen với cô. Shirley hồi âm và chúng tôi làm bạn với nhau. Mỗi ngày trước khi đi ngủ tôi đều viết cho Shirley một bức thư điện tử, và mỗi sáng ngủ dậy tôi đều được đọc hồi âm của người bạn mới quen ở cách xa tôi nửa vòng Trái đất. Tôi bắt đầu đọc những tác phẩm của Shirley. Trong những cuốn sách Shirley viết tôi thích nhất cuốn *Dance with Your Heart (Vũ điệu trái tim)*. Đó là một cuốn sách gồm những bài thơ và những mẩu truyện ngụ ngôn được viết rất giản dị nhưng mỗi bài thơ, mỗi câu chuyện đều ẩn chứa những thông điệp sâu sắc về tình yêu cuộc sống. Đọc những gì Shirley viết, không ai có thể đoán được tác giả là một người phải ngồi xe lăn từ nhỏ và đang phải sống trong bóng tối của sự mù lòa. Những mẩu truyện và những bài thơ của Shirley tràn ngập những gam màu tươi sáng của thiên nhiên, sự tung tăng và tự do của trí tưởng tượng, sự ấm áp của tình người, sức mạnh của tinh thần lạc quan và tình yêu cuộc sống nồng nhiệt. Tôi muốn dịch cuốn sách đó sang tiếng Việt và đã bày tỏ ý muốn này với Shirley. Cô không những đồng ý mà còn hứa sẽ giúp đỡ tôi trong quá trình chuyển ngữ tác phẩm.



Cuốn “Vũ điệu trái tim” và nguyên tác tiếng Anh “Dance with Your Heart”.

Tôi giới thiệu cuốn sách của Shirley với Nhà xuất bản Phụ Nữ và một lần nữa, tôi nhận được sự ủng hộ của “bà đỡ” nhiệt tình này. Các thủ tục chuyển nhượng bản quyền nhanh chóng được

thực hiện. Khi mọi việc hoàn tất, tôi lập tức bắt tay dịch. Đó là cuốn sách đầu tiên tôi dịch sau khi Việt Nam gia nhập Công ước Berne và là cuốn sách mở ra hướng đi mới cho con đường dịch thuật văn học của tôi. Qua những gì mình làm được với cuốn *Vũ điệu trái tim*, tôi biết rằng thay vì ngồi chờ nhà xuất bản giao sách cho dịch, tôi có thể tự tìm sách, tự chọn những cuốn mình thực sự thích và có thể dịch tốt, có thể liên lạc với các tác giả và đại diện của họ, tham gia vào quá trình giao dịch bản quyền với vai trò là cầu nối giữa họ với các nhà xuất bản ở Việt Nam.

Sau khi cuốn *Vũ điệu trái tim* được xuất bản, những cuộc “săn nguyên tác” của tôi bắt đầu. Với công cụ tìm kiếm Google, tôi có thể tìm thấy hàng nghìn cuốn sách văn học, từ những cuốn được bạn đọc yêu thích trong nhiều thập kỷ đến những cuốn mới được xuất bản trong năm ở Anh, Mỹ, Ấn Độ... Việc tìm kiếm thông tin xuất bản cũng như những bài giới thiệu, những ý kiến phản hồi của bạn đọc, thậm chí những trích đoạn của một cuốn sách không phải là việc khó. Trong quá trình tìm kiếm, khi tôi dừng lại ở một cuốn sách nào đó, tôi cố gắng đọc tất cả những gì liên quan đến cuốn sách mà tôi có thể tìm thấy trên Internet. Sau khi xác định được rằng mình thích cuốn sách đó và có thể dịch tốt nó, đồng thời dự đoán rằng nó phù hợp với độc giả Việt Nam, tôi giới thiệu tác phẩm với một nhà xuất bản trong nước. Tìm được “bà đỡ” cho tác phẩm, tôi mới bắt đầu liên lạc với tác giả.

Các tác giả nước ngoài thường có trang web riêng hoặc blog cá nhân. Tôi có được địa chỉ email của họ qua những trang thông tin cá nhân đó. Với những người không thể liên lạc được theo cách ấy, tôi liên hệ với họ qua nhà xuất bản đã ấn hành tác phẩm của họ. Hầu hết các tác giả tôi tiếp xúc qua email đều cảm kích trước nghị lực vượt khó, lòng nhiệt tình và tinh thần lao động nghiêm túc của tôi. Khi biết tôi đã dịch những tác phẩm văn học có giá trị của thế giới, họ có được lòng tin vào khả năng dịch của tôi. Hầu hết họ đều sẵn sàng giao cho tôi chuyển ngữ tác phẩm của mình sang tiếng Việt. Họ giới thiệu tôi với đại diện của họ để tiến hành các thủ tục đàm phán và chuyển nhượng tác quyền. Khi cả hai bên đều nhiệt tình, quá trình này thường đạt kết quả mong muốn. Trong tất cả các dự án dịch mà tôi tự tìm nguyên tác và giới thiệu với các nhà xuất bản của Việt Nam, tôi đều được phép thay mặt nhà xuất bản trực tiếp giao dịch bản quyền với các đại diện nước ngoài. Vốn tiếng Anh thương mại mà tôi tự học ngày nào lại được dịp phát huy tác dụng.

Đã có một số nhà xuất bản trong nước ngỏ ý mời tôi làm cộng tác viên thẩm định nguyên tác và giao dịch bản quyền. Công việc đó đối với tôi chắc chắn đỡ vất vả hơn việc dịch các tác phẩm và mang lại thu nhập cao hơn. Nhưng tôi đã từ chối. Tôi không tham gia vào quá trình giao dịch bản quyền với mục đích kiếm những đồng tiền được gọi là “tiền bồi dưỡng khai thác

bản quyền”. Tôi làm thế để được dịch những cuốn sách tôi thực sự thích, để được sống với niềm đam mê, được ở thế chủ động trong công việc. Từ khi tôi tự tìm kiếm sách dịch, tôi làm không hết việc. Bàn làm việc của tôi lúc nào cũng có ít nhất ba cuốn sách đang chờ tôi chuyển ngữ. Tôi phổ biến kinh nghiệm tìm kiếm và khai thác bản quyền cho những người bạn muốn dịch sách văn học, giới thiệu họ với các nhà xuất bản tôi đang cộng tác để những dự án dịch văn học mới được thực hiện, mang lại lợi ích cho cả đôi bên và cho độc giả.

Những niềm vui giản dị từ công việc, từ thế giới bạn bè mở rộng tiếp cho tôi nguồn sức mạnh đáng kể để chống chọi với bệnh tật. Có những buổi sáng cảm giác mỗi mệt rã rời hoặc một cơn choáng váng, một cơn đau từ đâu kéo đến như thể muốn trói chặt tôi vào giường. Vào những lúc như thế những trang sách đang chờ tôi dịch chính là động lực đủ mạnh có thể nâng tôi dậy. Có lần đang dịch một trang sách tôi bỗng thấy cảm giác nhói đau nơi ngực trái, thấy người mình bỗng nhiên chới với như đang thụt xuống một cái hố sâu. Tôi nhắm mắt lại cầu xin Trời cho tôi dịch xong cuốn sách. Tôi chỉ cầu Trời cho tôi sự sống đến khi dịch xong cuốn sách còn dang dở. Dịch xong một cuốn, tôi lại đủ lòng tham để cầu Trời cho tôi dịch tiếp cuốn khác.

Giữa năm 2006, bà tôi qua đời. Đó là mất mát vô cùng lớn đối với gia đình và với riêng tôi. Nếu xét về thời gian gần gũi thì bà chính là người ở bên tôi nhiều nhất kể từ khi tôi chào đời. Dù không có chung dòng máu nhưng tình cảm bà đã dành cho chị em tôi là nguồn tình cảm vô điều kiện và vô bờ bến. Tình yêu và sự hy sinh của bà dành cho riêng tôi, đưa cháu thiệt thòi, là tình cảm mà tôi chỉ có thể cảm nhận chứ không thể diễn tả đầy đủ bằng lời.



Bích Lan đọc sách cho bà nghe khi bà còn sống.

Những ngày cuối đời, bà tôi phải chống chọi với bệnh tật và đau đớn là những ngày tôi chới với cố gắng níu lấy hy vọng được sống cùng bà thêm nữa, thêm nữa. Không đêm nào tôi không lặng lẽ khóc trên gối khi linh cảm thấy ngày tôi phải xa bà đang đến gần. Trong những ngày đó tôi làm việc ít hơn để có nhiều thời gian ở bên bà. Tôi cố gắng đến tuyệt vọng để đền đáp sự hy sinh và tình yêu thương của bà bằng mọi cách có thể. Tôi đọc cho bà nghe những bài thơ, những mẩu truyện ngắn trong cuốn sách của Shirley. Tôi tranh lấy việc bón cháo cho bà. Mỗi lần hai tay tôi nâng thìa cháo lên đưa tới miệng bà là mỗi lần trong lòng tôi phải nén những tiếng nức nở. Rồi cái ngày chúng tôi sợ hãi cuối cùng cũng đến. Khi bà mất, tôi thực sự biết,

bằng toàn bộ ý thức và mọi giác quan, rằng một phần tôi, một phần cuộc sống của tôi đã ra đi. Mất mát to lớn đó là một thách thức đối với sức khỏe của tôi, nhất là bệnh tim. Những cơn mệt lại tái phát. Một lần nữa tôi phải đối mặt với nguy cơ nằm bẹp giường. May mắn thay tình trạng đó không kéo dài. Khi ấy tôi đang dịch dở cuốn *Những con người lạ thường* của tác giả người Mỹ Darold A. Treffert. Chính những trang sách đang chờ dịch đã vực tôi dậy.



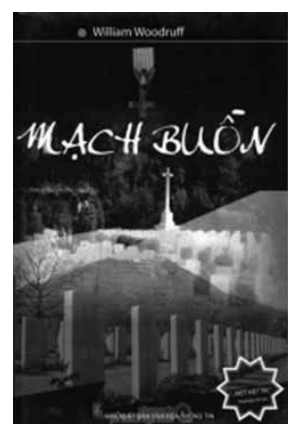
Nếu tôi nhớ không nhầm thì dịch giả Nguyễn Hiến Lê, người thầy trong tâm tưởng của tôi, đã nói thế này: “Biết thêm một ngoại ngữ là được sống thêm một cuộc đời khác về tinh thần”. Mỗi lần dịch một cuốn sách là một lần tôi được bước ra thế giới, được khám phá một nền văn hóa khác. Không đi được bằng chân, tôi đi bằng khối óc và bằng trái tim. Mỗi lần dịch một cuốn sách là một lần tôi được sống trong một khung cảnh mới, trải nghiệm mới, hiểu thêm những điều bổ ích giúp phát triển cách nhìn của tôi về thế giới. Năm 2006, tôi dịch cuốn *Từ sông Nile đến sông Jordan* của tác giả người Israel Ada Aharoni và được dịp khám phá một Ai Cập của những năm sau Thế chiến thứ hai với những phận người Do Thái bị kỳ thị,飄泊, bị đẩy đến bên bờ của những cuộc di cư mới.

Cuốn sách cũng hé mở cho tôi lý do vì sao cứ vài thập kỷ người Do Thái lại phải chịu đựng một cuộc tàn sát và ly tán tới khắp các góc của địa cầu. Thật cảm động, tác giả của cuốn sách chính là một người phụ nữ Do Thái. Là người trong cuộc và là nạn nhân của sự kỳ thị, bà đã sử dụng văn chương như một phương tiện để tâm sự với thế giới về nỗi đau đớn của một con người thuộc một dân tộc bị kỳ thị. Bà cho rằng sự thiếu hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc và các quốc gia là nguyên nhân dẫn đến nhiều cuộc chiến tranh đẫm máu và văn chương có thể là cầu nối giúp tăng cường hiểu biết giữa người và người, là phương tiện phòng ngừa những cuộc xung đột. Tôi khâm phục cái cách bà kể những bi kịch của cuộc đời bà và những người Do Thái khác không gợn chút hằn học, oán thù. Tôi cảm thấy biết ơn bà vì đã giúp tôi bổ sung những hiểu biết cần thiết về một dân tộc. Tôi cảm phục cách bà sử dụng văn học làm cầu nối hòa bình giữa các dân tộc. Tôi hạnh phúc vì được làm một nhịp trong chiếc cầu nối đó của bà.

Tôi cũng luôn bị chi phối bởi các cảm xúc nảy sinh khi tôi dịch các tác phẩm văn học. Tôi nhớ khi tôi cùng Hoàng Nguyên dịch cuốn *Tro tàn của Angela*, một cuốn sách nói về thời thơ ấu khổ khó và lạ thường của chính nhà văn Frank McCourt, đã không ít lần nước mắt tôi rơi trên những trang sách khi tôi cảm nhận được nỗi buồn của một đứa con phải chứng kiến cảnh bố say xỉn tối ngày, nỗi buồn của một người mẹ không kiếm đủ thức ăn nuôi con, nỗi buồn của người anh khi nghe những tiếng lép bép phát ra từ đôi giày bị bong đế của em mình trên hè phố. Nhưng cũng rất nhiều lần tôi không nhin cười được trước lối kể chuyện hài hước của tác

giả. Những cung bậc cảm xúc đa dạng mà tôi được trải nghiệm qua quá trình dịch khiến tôi thêm yêu công việc của mình.

Năm 2008, tôi tình cờ phát hiện ra cuốn tiểu thuyết lịch sử *The Vessel of Sadness* (*Mạch buồn*) của tác giả người Anh William Woodruff, một tác phẩm viết về Thế chiến thứ hai được các nhà phê bình đánh giá là sánh ngang với tiểu thuyết bậc nhất về đề tài chiến tranh *Phía tây không có gì lạ*. Đó là cuốn tiểu thuyết kể về bốn tháng chống chọi với bom đạn, bùn lầy và mùa đông giá rét của những người lính quân đồng minh ở bình nguyên Latium, Italia, trên đường tiến vào giải phóng Rome năm 1944. Nhân vật chính trong *Mạch buồn* không phải là một người lính, một vị tướng, một anh hùng mà chính là chiến tranh. Bộ mặt khổng lồ, điên rồ của chiến tranh bị vạch trần một cách quyết liệt không chỉ bằng sức mạnh của tài năng mà còn bằng sự can đảm và bản lĩnh phi thường của một người trong cuộc biết một cách trực tiếp chiến tranh là gì và hiểu được con người trực tiếp tham gia chiến tranh căm ghét chiến tranh đến mức nào.



Cuốn “Mạch buồn”.

Những gì tôi cảm nhận được từ câu chuyện được Woodruff kể đã thôi thúc tôi tìm hiểu về bình nguyên Latium. Trong thời gian dịch cuốn sách, tôi thường tra cứu trên bản đồ về những địa điểm đã diễn ra các cuộc giao tranh. Trong cuộc kiếm tìm bị thôi thúc bởi cảm xúc ấy, tôi đã liên lạc được với một người ở châu Âu tên là Iain Cameron. Ông sở hữu nhiều bức ảnh về chiến dịch quân sự nói trên, trong đó có những bức ảnh gây cho tôi nỗi ám ảnh khôn nguôi. Đó là những bức ảnh về những nghĩa trang, không chỉ nghĩa trang của quân đồng minh mà cả nghĩa trang của lính Đức. Những nghĩa trang rộng hút tầm mắt trắng xóa những cây thập tự. Đối diện với những bức ảnh đó, tôi có cảm giác việc phân biệt những chiến binh đang nằm dưới những ngôi mộ được đánh dấu bằng những cây thập tự trắng toát ấy thuộc phe tham chiến nào không còn là điều quan trọng nữa. Trước những bức ảnh đó bạn sẽ chỉ nghĩ đến một điều duy nhất: những người lính có tên ghi trên bia mộ còn rất trẻ và chính vì chiến tranh, tuổi trẻ cũng như cuộc đời của họ đã kết thúc tại đó, ngay trên mảnh đất ấy. Vì giá trị tư tưởng và tính nhân văn sâu sắc hàm chứa trong tác phẩm, vì những cảm xúc của cá nhân, tôi đã đề nghị

Iain Cameron cho phép tôi sử dụng cho bản dịch tiếng Việt những tấm ảnh tư liệu ông đang giữ bản quyền. Một trong những bức ảnh Iain cho phép tôi sử dụng đã trở thành ảnh bìa của cuốn sách. Nếu bạn là độc giả của cuốn *Mạch buồn* thì chắc chắn bạn sẽ dừng lại giây lâu trước ảnh bìa cũng như những bức ảnh được in ở các trang cuối của cuốn sách. Đó chính là những bức ảnh mà Iain, tôi và “bà đỡ” của bản dịch đã lặng lẽ bổ sung để độc giả có thể hình dung rõ hơn bộ mặt của chiến tranh qua tác phẩm xuất sắc của William Woodruff.



Ngày Bích Lan nhận được cuốn “Mạch buồn” từ nhà xuất bản.

Cũng nhờ dịch sách mà tôi có cơ hội làm quen với không ít tác giả nước ngoài. Sự hiểu biết về bản thân tác giả và quá trình cho ra đời đứa con tinh thần của họ khiến tôi ý thức rõ hơn về trách nhiệm của mình trong quá trình chuyển ngữ tác phẩm. Tôi biết ơn họ vì đã tin tưởng giao cho tôi dịch tác phẩm của họ và vì họ đã cho tôi cơ hội tạo với cuộc đời. Mỗi lần xuất bản một cuốn sách dịch, người đầu tiên mà tôi gửi tặng sách là tác giả của cuốn sách. Nhà xuất bản có trách nhiệm gửi sách biếu cho tác giả, còn tôi làm việc đó với tư cách cá nhân. Tôi giữ liên lạc với các tác giả đã cho phép mình dịch tác phẩm bằng việc ít nhất hằng năm gửi thiệp chúc mừng Giáng sinh tới từng người. Tôi làm như vậy không phải vì tôi hy vọng sẽ được họ cho phép dịch những cuốn sách khác, cũng chẳng phải vì họ nổi tiếng, mà vì tôi nghĩ đó là cách tối thiểu tôi có thể làm để tri ân các tác giả đã cho tôi cơ hội được đưa tác phẩm của họ đến với bạn đọc của Việt Nam.

Đôi khi từ việc dịch một tác phẩm, tôi không chỉ được biết đến tác giả mà còn được làm quen với những con người tưởng như chẳng liên quan gì đến cuộc sống của tôi. Năm 2008, sau khi tôi phát hiện ra tiểu thuyết *The Ginger Man (Người đàn ông đào hoa)* trong danh sách 100 tác phẩm văn học bằng tiếng Anh xuất sắc của thế kỷ 20, tôi gửi email tới trang web của tác giả đề nghị được chuyển ngữ tác phẩm sang tiếng Việt. Hóa ra trang web đó không phải do tác giả điều hành mà do một người hâm mộ ông lập ra và duy trì. Người đó giúp tôi liên lạc với tác giả.



Bích Lan nhận thư của Bill và bưu thiếp của tác giả J. P. Donleavy.

Sau khi bản dịch tiếng Việt của *The Ginger Man* được xuất bản, tôi nhận được email từ một người hâm mộ khác của tác giả. Đó là một người Mỹ tên Bill Dunn, có sở thích sưu tầm tất cả những tác phẩm của tác giả J. P. Donleavy được xuất bản trên thế giới. Tôi biết Bill không phải là một người hâm mộ bình thường vì riêng cuốn *The Ginger Man* đã được dịch ra hơn 30 ngôn ngữ và được xuất bản 170 lần bởi thế việc sưu tầm tất cả ấn bản của tác phẩm chắc chắn tốn nhiều thời gian và tiền bạc. Bill viết thư cho tôi đề nghị được mua một bản tiếng Việt cuốn *The Ginger Man* cho bộ sưu tập của ông. Tôi trả lời rằng việc bán sách thuộc về nhà xuất bản nhưng tôi rất vui được tặng ông một bản với tư cách là dịch giả của cuốn sách. Vài tháng sau khi tôi gửi sách tặng Bill, ông đã từ Mỹ sang Ai Len gặp tác giả J. P. Donleavy. Tôi không biết ông và tác giả của cuốn *The Ginger Man* đã nói về tôi thế nào, chỉ biết rằng khi Bill từ Ai Len trở về Mỹ, tác giả J. P. Donleavy đã nhờ ông chuyển cho tôi một tấm bưu thiếp có in ảnh của mình cùng lời đề tặng bằng chữ viết tay rất trang trọng. Riêng Bill gửi tặng tôi một bản cuốn *A Fairy Tale in New York* - tác phẩm rất nổi tiếng khác của Donleavy do một nhà xuất bản của Mỹ ấn hành vào đầu những năm 70 của thế kỷ 20 và là một trong những cuốn trong bộ sưu tập sách của Bill. Đến bây giờ, Bill vẫn liên lạc với tôi như một người bạn. Những sự kiện lớn liên quan đến tác giả J. P. Donleavy tôi đều được cập nhật qua Bill.



Bích Lan và những cuốn sách dịch của mình.

Khi tôi bắt tay viết cuốn tự truyện này, tôi đã là dịch giả của hai mươi ba cuốn sách. Bạn bè trong văn giới có người hỏi vui rằng, liệu các tác phẩm tôi dịch đã nặng bằng trọng lượng cơ thể của tôi chưa? Nếu tính cả nguyên tác thì có lẽ bằng rồi. Tôi vẫn tiếp tục gầy đi, trong khi giá sách chứa những cuốn sách tôi dịch mỗi ngày một đầy hơn. Tôi không nhớ mình đã vượt qua

bao nhiêu cơn mệt để hoàn thành các tác phẩm dịch đó. Tôi chỉ biết rằng bất cứ khi nào có thể chạm tay được vào bàn phím máy tính là tôi lại miệt mài với những trang sách. Thú thực, có những lúc nhìn những cuốn sách dày hơn 400 trang mà mình đã dịch, chính tôi cũng tự hỏi không biết mình lấy đâu ra sức lực và sự kiên nhẫn để dịch từ trang đầu đến trang cuối từng cuốn sách. Một người bạn từng tốt nghiệp trường đại học ngoại ngữ đến chơi nhà trong lúc tôi đang dịch cuốn *Người đàn ông hoàn hảo*, nhìn thấy bản nguyên tác gồm 451 trang, cậu ấy lắc đầu nói: “Đọc hết cuốn sách này bằng tiếng Anh cũng đủ mệt rồi, chứ chưa nói đến dịch!”.

Bây giờ, tôi đã quen với việc đương đầu với những thách thức trong việc dịch văn học. Tôi nói thế không có nghĩa tôi nghĩ mình có thể băng băng vượt qua bất cứ thách thức nào trong quá trình dịch một tác phẩm văn học. Bao giờ cũng vậy, mỗi khi ngồi vào dịch một trang sách tôi vẫn có cảm giác mình đang ngồi giữa hai đối tượng, một bên là tác giả của cuốn sách, một bên là một bạn đọc thông thái của Việt Nam, hết như thuở ban đầu tôi bỡ ngỡ đến với công việc dịch thuật. Tôi vẫn cảm thấy áp lực, sự căng thẳng vây bủa mình.

Ở vị trí của một người chuyển ngữ tác phẩm, chưa bao giờ tôi dám coi thường các thách thức trong công việc của mình. Biết lượng sức mình cũng là cách giúp tôi đi được đến chặng đường ngày hôm nay của con đường dịch thuật. Khi tự tìm sách để dịch, tôi luôn chỉ dám chọn những cuốn mà tôi biết chắc chắn rằng mình sẽ vượt qua được các thách thức đặt ra trong quá trình chuyển ngữ nếu như mình cố gắng hết sức. Cho đến khi trở thành dịch giả của hai mươi cuốn sách, tôi vẫn chưa dám thử sức với những tác phẩm kinh điển. Những tác phẩm kinh điển là một giấc mơ, một cái hẹn với văn chương mà tôi nhất định sẽ thực hiện vào một ngày nào đó. Tôi cần thêm thời gian để tích lũy nhiều kiến thức và kinh nghiệm làm việc mới có đủ tự tin để bắt đầu với một tác phẩm văn học kinh điển. Tạo ra một bản dịch không xứng tầm với nguyên tác sẽ là điều đáng hổ thẹn nhất, gây nhiều day dứt nhất đối với một dịch giả chân chính. Tôi muốn tránh cho mình sự hổ thẹn và day dứt đó.

Có những lúc đang dịch một cuốn sách tôi phải dừng lại để học, để tìm hiểu những sự kiện, hiện tượng được đề cập đến trong sách. Khi tôi dịch đến chương 7 của cuốn tiểu thuyết lịch sử *Từ sông Nile đến sông Jordan* tôi đã phải dừng lại để đọc các tài liệu nói về cộng đồng người Do Thái ở Ai Cập và các hoạt động của phong trào phục quốc ở cộng đồng này trong giai đoạn nhà nước Israel sắp được tái lập. Tôi cũng đã phải bỏ thời gian để xem các đoạn video về các đám cưới truyền thống của người Ấn Độ mới có thể dịch được chương nói về đám cưới của nhân vật chính trong tiểu thuyết *Nghìn khuôn mặt của đêm* mặc dù trước đó tôi luôn quan tâm tìm hiểu văn hóa Ấn Độ. Trong cuốn *Triệu phú khu ổ chuột*, tác giả Vikas Swarup đã miêu tả lăng Taj Mahal hết sức ấn tượng và tỉ mỉ, từ lịch sử ra đời đến các chi tiết về kiến trúc của công trình

vĩ đại này. Dịch chương miêu tả công trình kiến trúc nổi tiếng này là một thách thức không nhỏ đối với tôi. Khi đọc những gì tác giả viết, tôi ước gì mình đang ở trên đất Ấn Độ để có thể đến thành phố Agra tận mắt ngắm lăng Taj Mahal. Không thể thực hiện được việc đó, tôi đã phải “đến” Taj Mahal bằng cách xem đi xem lại các video giới thiệu công trình kiến trúc này trên mạng Internet.

Các tác giả luôn là những người giúp đỡ tôi rất nhiều. Sự tiện lợi và nhanh chóng của việc liên lạc qua Internet cho phép tôi tiếp cận với họ ngay trong lúc tôi cần sự giúp đỡ. Mỗi khi tôi bị mắc kẹt ở một tình huống nào đó, tôi viết thư cho tác giả nhờ ông ấy (hoặc bà ấy) giải thích để tôi hiểu rõ hơn. Tuy nhiên, tôi có một nguyên tắc là chỉ phiền đến tác giả sau khi đã thử tất cả các cách khác có thể chẳng hạn như tra từ điển, đọc tài liệu, suy luận và phân tích bằng vốn hiểu biết của mình mà vẫn không thể giải quyết được vấn đề. Chẳng ai phán xét bạn nếu bạn hỏi về điều gì đó mà bạn không biết hoặc chưa hiểu rõ, nhưng bạn sẽ trở thành người đáng trách nếu như bạn để cho sự thiếu hiểu biết của mình dẫn bạn đến sai lầm. Nếu vì cảm giác xấu hổ và ngại ngùng mà bạn không hỏi, thì rất có thể bạn sẽ mắc phải sai lầm không thể sửa chữa được. Trong quá trình dịch tiểu thuyết *The Ginger Man* tôi đã chín lần tìm đến tác giả - nhà văn J. P. Donleavy - tác giả nổi tiếng của Ai Len và của thế giới - để nhờ ông giải thích những cụm từ, những câu hội thoại mà tôi không hoàn toàn chắc chắn mình hiểu đúng nghĩa. Khi tôi dịch tác phẩm nói trên của ông, ông đã ngoài 80 tuổi. Làm phiền một người như ông tôi ngại lắm và cũng không tránh khỏi cảm giác e dè, nể sợ. Nhưng vì chất lượng bản dịch, vì ông và vì các độc giả của mình, tôi phải chiến thắng tất cả cảm giác đó.

Từ những câu trả lời của ông, tôi biết được mình đã đúng khi đặt ra các câu hỏi. Làm thế nào tôi hoặc bất cứ dịch giả nào khác có thể dịch nổi một cụm từ do chính ông sáng tạo ra và hoàn toàn không có trong bất cứ cuốn từ điển nào? Tôi mắc kẹt trong một số tình huống chơi chữ của ông cũng không phải là điều khó lý giải. Trong tiểu thuyết *The Ginger Man*, tôi gặp phải tình huống nhân vật chính nói với người bạn của anh ta một câu mà thoát đọc tôi thấy nó khá đơn giản. Anh ta hỏi người bạn: “Have you got coffee grinder?”. Bất cứ ai đạt trình độ sơ cấp tiếng Anh cũng có thể hiểu được nghĩa của từng từ trong câu này. Câu này có thể được đa số người biết tiếng Anh dịch là: “Cậu có máy xay cà phê không?”. Ban đầu, tôi cũng đã dịch trong đầu như thế, nhưng khi đánh máy câu đó vào bản dịch tôi thấy nó chẳng ăn nhập gì với đoạn hội thoại đang diễn ra giữa nhân vật chính và người bạn của anh ta. Quả thực nó hoàn toàn lạc lõng. Một nhà văn tài năng và thâm thúy như J. P. Donleavy không đời nào lại cho phép sự lạc lõng xảy ra trong tác phẩm của mình. Mỗi câu ông viết đều có dụng ý. Tôi quyết định liệt tình huống này vào danh sách những tình huống cần phải hỏi. Hóa ra tác giả đã để nhân vật của mình diễn đạt theo cách của dân ưa dùng tiếng lóng. Ý của câu đó là: “Cậu thức đến sáng chứ?”.

Trong tình huống đó, tôi đã được tác giả cứu khỏi một sai lầm trông thấy.

Đôi khi đã viện đến cả sự trợ giúp của tác giả và đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của họ rồi, tôi vẫn không thể thoát khỏi bế tắc. Tôi không bao giờ quên trải nghiệm bị mắc kẹt ở một tình huống khi tôi dịch cuốn *Extraordinary People (Những con người lạ thường)* của tiến sĩ tâm thần học người Mỹ Darold A. Treffert. Đó không phải là sách văn học mà là sách giáo dục, nói về hiện tượng bác học, về những người bị khuyết tật về thần kinh trung ương, bị thiếu năng trí tuệ nhưng lại bộc lộ khả năng phi thường trong duy nhất một lĩnh vực nào đó như toán học, hội họa, âm nhạc,... Tác giả đã mô tả một dạng trí nhớ đặc biệt ở những người mang hội chứng bác học cho phép người ta nhớ lại chính xác và sống động như thể đang nhìn thấy lại một vật nào đó mà họ từng nhìn thấy khi mà vật đó thực sự không tồn tại trước mắt họ. Tôi đã tra cứu tất cả từ điển Anh - Việt mà tôi có thể tiếp cận nhưng không thấy một cuốn từ điển nào cung cấp tên tiếng Việt của hiện tượng đó. Tôi biết mình sẽ là một trong những người đầu tiên dịch tên của dạng trí nhớ đặc biệt đó sang tiếng Việt. Tôi viết thư nhờ tác giả giải thích thật cặn kẽ hiện tượng trí nhớ nói trên. Ông giải thích đi giải thích lại cho đến khi tôi biết mình đã hoàn toàn hiểu rõ hiện tượng. Ông ấy đã tận tình giúp đỡ nhưng vẫn không thể giúp tôi đặt tên tiếng Việt cho dạng trí nhớ đó. Nhiệm vụ đó chắc chắn thuộc về tôi. Tôi gọi điện cho chú tôi, nhà văn Hoàng Quốc Hải, cố gắng mô tả thật tỉ mỉ hiện tượng đó và nhờ chú gợi ý một hoặc một vài cái tên Việt để đặt cho hiện tượng. Chú đưa ra vài gợi ý, nhưng nhấn mạnh rằng một trong những nhiệm vụ của các nhà văn và các dịch giả là sáng tạo ra những từ, những thuật ngữ chưa từng có trước đó để làm giàu cho tiếng mẹ đẻ của mình.

Chưa chịu chấp nhận ngay cái nhiệm vụ đó, tôi quay ra tìm những chuyên gia thuộc các lĩnh vực ngôn ngữ học và tâm lý học mà tôi biết với hy vọng ai đó trong số họ đã từng nghĩ ra một cái tên Việt cho hiện tượng này và có thể mách cho tôi biết. Tôi viết thư cho một bác sĩ tâm thần học người Việt đang làm việc ở Nhật, một dịch giả người Việt đang sống ở Úc, một chuyên gia tâm lý học có kinh nghiệm với trẻ tự kỷ, một trong những đối tượng sở hữu dạng trí nhớ mà tôi chưa thể gọi tên ấy. Tất cả những người tôi tìm đến đều chăm chú lắng nghe và cùng tôi suy nghĩ. Mỗi ngày, khi thức dậy mở hộp thư điện tử, tôi lại nhận được những gợi ý từ người này hoặc người kia. Chúng tôi tranh luận, phản biện xung quanh một gợi ý chỉ để thấy cuối cùng nó bị loại bỏ vì nó không bao hàm đủ tính chất của hiện tượng hoặc đơn giản vì nó quá dài, quá rườm rà, giống sự mô tả hiện tượng hơn là đặt tên cho hiện tượng. Tôi bị mắc kẹt trong tình huống đó suốt hai mươi ngày. Tôi ăn không ngon, ngủ không yên, hầu như lúc nào cũng vắt óc suy nghĩ tìm tên gọi của hiện tượng đó. Cuối cùng, vào ngày thứ hai mươi mốt, tôi quyết định chọn một cái tên khả dĩ nhất mà tôi có được vào thời điểm đó. Tôi quyết định gọi dạng trí nhớ đó là “trí nhớ hình ảnh”. Cho đến khi hoàn thành bản thảo, tôi vẫn chưa thực sự

yên tâm về sự lựa chọn đó. Lần đầu tiên trong một cuốn sách dịch của mình, tôi thấy cần có một phần gọi là “Lời của người dịch”, trong đó tôi cảm ơn những người đã cố vấn cho tôi trong quá trình chuyển ngữ và đề nghị bạn đọc đóng góp ý để những lần tái bản (nếu có) bản dịch được hoàn thiện hơn.

Cho đến khi tôi dịch đến cuốn sách thứ năm mươi, tôi vẫn sẽ không khẳng định rằng việc dịch sách đối với tôi đã trở nên dễ dàng. Mỗi tác phẩm là một công trình sáng tạo độc đáo mang dấu ấn riêng của tác giả. Mỗi tác phẩm đều chứa đựng những thách thức đặc thù dành cho người chuyển ngữ. Luôn có những cái bẫy giăng ra để bẫy sự cầu thả, vội vàng, sự lười suy nghĩ, sự thiếu kiến thức, thiếu khiêm nhường, thiếu tinh thần trách nhiệm và sự thiếu tập trung. Những cái bẫy ấy ẩn dưới dạng những thành ngữ, những cụm tiếng lóng, những kiểu chơi chữ của tác giả, và trong bản thân sự phức tạp của câu chuyện. Tôi phải học cách tự nghi ngờ bản thân để biết thận trọng, cảnh giác trước những cái bẫy đó. Người đọc thường mong đợi những bản dịch hoàn hảo. Tuy nhiên, phải tự mình dịch một hoặc nhiều tác phẩm văn học, các bạn mới có thể biết rằng, để có được một tác phẩm dịch hoàn hảo, không có một thiếu sót nào là điều không tưởng. Một dịch giả có thể làm cho bản dịch của mình hay hơn cả nguyên tác, nhưng xét kỹ từng từ, thế nào chính dịch giả đó hoặc người đọc cũng nhận thấy có đôi chỗ đáng ra nên được cải thiện để bản dịch hoàn chỉnh hơn.

Nếu bạn làm công việc của một người dịch văn học, bạn sẽ chẳng có cơ hội tự cho phép mình hài lòng một cách tuyệt đối với bất cứ bản dịch nào mà bạn tạo ra, dù đó là bản dịch xuất sắc nhất. Điều mà bạn có thể làm được hay nói đúng hơn là điều mà lương tâm của bạn bắt buộc bạn phải làm bằng được là cho ra đời một bản dịch tốt nhất vào thời điểm bạn thực hiện nó. Khi bản dịch của bạn đến tay độc giả, bạn phải chuẩn bị tinh thần cầu thị để lắng nghe các ý kiến phản hồi. Bạn không thể đi những chặng đường dài trên con đường dịch thuật nếu bạn kiêu căng, luôn cho mình đúng nhất. Nếu bạn chọn dịch những cuốn sách văn học lớn, có giá trị tư tưởng và giàu chất văn chương thì rõ ràng những bản dịch của bạn sẽ kén chọn cho bạn những độc giả thông thái. Đó là một may mắn dành cho bạn. Khi một độc giả thông thái đưa ra ý kiến phê bình đối với bản dịch của bạn trên tinh thần xây dựng vô tư và công tâm, người được hưởng lợi chính là bạn chứ không phải người phê bình.

Mỗi khi một cuốn sách văn học dịch của tôi được xuất bản, tôi thường mua vài chục bản sách tặng những người bạn mà tôi biết rõ là những độc giả thông thái và khó tính. Tôi mời họ đọc, và đề nghị họ góp ý cho bản dịch. Tôi thường nói với những người bạn được tặng sách rằng, nếu như ai đó phát hiện được một số lượng lỗi nhất định trong bản dịch của tôi, tôi sẽ tặng thêm một bản sách nữa để người đó tặng lại bạn bè. Hầu như lần nào xuất bản một cuốn sách

dịch, tôi cũng phải tặng thêm sách cho ai đó theo cách ấy. Mỗi ý kiến đóng góp chân thành xứng đáng với một trăm bản sách chứ không phải một bản.



Bích Lan tặng sách cho bộ đội Trường Sa.

Hai mươi năm trước, khi bắt đầu tự học tiếng Anh, tôi không dám nghĩ mình học để một ngày nào đó trở thành một dịch giả văn học. Tôi chỉ biết phải cố gắng học để thay đổi hoàn cảnh của mình, để những ngày chưa tới của tôi tốt đẹp hơn những ngày đã qua. Giờ đây tôi đã chọn được cho mình một con đường để đi suốt cuộc đời. Đó là con đường hẹp, ít người đi và không có nhiều bóng dáng người trẻ. Những thách thức trên con đường ấy nhiều vô kể, và chỉ có sự thôi thúc của niềm say mê mới giúp con người ta bước đi lâu dài trên con đường ấy.

Dịch giả Nguyễn Hồng Sơn đã cho ra đời những bản dịch ngay trên giường bệnh trong những năm chiến tranh khốc liệt. Nhà văn hóa, dịch giả Nguyễn Hiến Lê đã miệt mài dịch những cuốn sách để khơi gợi niềm khát khao sống đẹp trong tâm hồn nhiều thế hệ bạn đọc Việt Nam. Dịch giả Hoàng Hữu Đản lặng thầm dịch trường ca *Illiade* và *Odyssee* trong khó khăn, thiếu thốn. Dịch giả Thúy Toàn cả đời miệt mài làm chiếc cầu nối cho thơ Nga đến với bạn đọc Việt Nam. Tôi cứ nghĩ về những người thầy trong tâm tưởng, những tấm gương, những “con ngựa thồ văn hóa” đã vượt qua những chặng đường gian nan trước mình như thế để có thêm nghị lực bước tiếp trên con đường tôi đã chọn.

Từ căn phòng nhỏ đến bảo tàng lớn



Bích Lan chăm sóc những giò phong lan. Ảnh: Nguyễn Á

Tôi thường bắt đầu ngày mới của mình bằng việc tưới phong lan. Tôi có hơn hai mươi giò lan. Tôi không biết hết tên của tất cả những giống lan mà mình có, nhưng tôi biết rõ vì sao chúng lại trở thành một phần cuộc sống thường ngày của tôi. Hầu hết những giò lan tôi có đều do những người quý mến tôi tặng. Năm 2002, một cậu bé ở Bình Phước được tôi dạy kèm trong lần về thăm quê vào một dịp hè đã xách một giò phong lan trên tay vượt gần 2.000 cây số đến tặng tôi. Nghe nói khi cậu ở trên xe khách có người gạ mua giò lan đó, cậu trả lời: “Ổng bán dâu. Mang về cho bác nuôi chơi thôi”. Một độc giả của tôi sau khi đọc một số sách tôi dịch đã cảm ơn tôi bằng một nhánh lan rừng. Những người học trò của tôi đi xa về cũng tặng tôi những nhành lan làm quà. Trân trọng tình cảm của những người tặng cây, tôi tập cách chăm sóc phong lan. Dần dần tôi nảy nở tình cảm với những giò lan ấy. Sau những giờ làm việc căng thẳng hoặc trong những lúc mệt mỏi, tôi tìm thấy niềm an ủi và cảm giác thư thái khi chăm sóc phong lan.



Những nhành lan khẳng khiu của Bích Lan vẫn nở hoa.

Khi chăm sóc phong lan, tôi khám phá ra những điều rất thú vị từ loài thực vật này. Mỗi nhành lan chỉ cần một giá thể nhỏ cho bộ rễ. Bộ rễ đó phát triển thành nhiều nhánh với một cơ cấu tổ chức vô cùng hợp lý. Có những chiếc rễ cắm xuống lớp mùn trong giá thể, làm nhiệm vụ lấy dinh dưỡng, có chiếc rễ bám chặt lấy giá thể, giữ thế đứng vững chãi cho cả cây lan; lại có những chiếc rễ mọc vươn ra một khoảng không, hứng lấy những giọt sương. Những nhành lan

khẳng khiu, lặng lẽ vượt qua những ngày giá buốt của mùa đông, những ngày nóng nực của mùa hè để rồi một lúc nào đó bất ngờ dâng cho đời những chùm hoa tinh tế đến đáng kinh ngạc xét cả về màu sắc lẫn hình dáng. Tôi nghĩ sự tồn tại của những nhành phong lan cũng chứa đựng những triết lý sống cao đẹp. Đó không chỉ là triết lý về sự thanh tao mà còn là triết lý về sự kiên cường.



Bích Lan bên bộ ảnh của mình tại triển lãm ảnh “Họ đã sống như thế” của nhiếp ảnh gia Nguyễn Á tại

Hà Nội năm 2009.

Có một nhà báo đã ví tôi như nhành lan. Nếu sự ví von ấy đúng, thì tôi muốn khẳng định rằng trên đời này có không ít những “nhành lan” quý. Đó là những con người thầm lặng vượt lên hoàn cảnh gian khó của mình để cống hiến cho cuộc đời những gì đẹp đẽ nhất, hữu ích nhất của bản thân. Nhiều bạn đọc, nhất là những bạn đọc ở phía Nam, từng nghe nói đến triển lãm ảnh mang tên “*Họ đã sống như thế*” của nhiếp ảnh gia Nguyễn Á. Khai mạc tại Sài Gòn vào cuối năm 2009, triển lãm ảnh này nhanh chóng gây được tiếng vang lớn vì đã kể với công chúng những câu chuyện về chín mươi nhân vật vượt khó tiêu biểu trong cả nước qua những bức ảnh đầy xúc động. Đó là thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký bị liệt hai tay từ nhỏ, đã miệt mài tập viết chữ bằng chân và trở thành nhà giáo ưu tú, nhà văn, trở thành tấm gương thuyết phục nhất về nghị lực vượt khó và tinh thần cống hiến. Đó là chị Võ Hoàng Yến bị liệt chân, đã phấn đấu lấy bằng thạc sĩ một trường đại học ở Mỹ và hiện là giám đốc Trung tâm Khuyết tật và Phát triển (Disability Resource and Development - DRD), nơi đào tạo kỹ năng sống và mang lại những cơ hội tìm kiếm việc làm cho người khuyết tật. Đó là cô ca sĩ Thủy Tiên bị chứng bệnh cam tẩu mã khiến khuôn miệng bị biến dạng - đã không cam chịu sống trong câm lặng, kiên trì ngâm sỏi tập phát âm. “Quả ngọt” cho mùa khổ luyện là Thủy Tiên không chỉ nói được rõ ràng mà còn đoạt giải cao nhất trong cuộc thi dành cho những người hát nhạc Trịnh Công Sơn. Đó là họa sĩ Trịnh Long - người bị chấn thương cột sống dẫn đến liệt toàn thân - đã sử dụng một dụng cụ giống như ròng rọc và giá vẽ có kẹp sẵn cây cọ để có thể vẽ tranh ngay trên giường bệnh. Đó là bốn trong số chín mươi nhân vật trong triển lãm ảnh “*Họ đã sống như thế*”.



Bích Lan tặng chữ ký cho độc giả tại buổi ra mắt sách ảnh “Họ đã sống như thế” tại tòa soạn báo Tuổi Trẻ TP.HCM.

Tôi biết ơn nhiếp ảnh gia Nguyễn Á vì anh đã chọn tôi khi thực hiện bộ ảnh công phu ấy. Tôi cũng biết ơn anh vì đã mời tôi dịch phần giới thiệu vắn tắt các câu chuyện vượt khó của các nhân vật sang tiếng Anh để từ đó tôi có cơ hội biết về những con người đã chiến thắng những thách thức có lẽ còn lớn hơn cả những thách thức mà tôi đã và đang phải đương đầu. Tôi cũng biết ơn Nguyễn Á đã cho chúng tôi - những “chiến binh” trong cuộc chiến chống lại nghịch cảnh - một cơ hội được gặp nhau trong đời thực chứ không chỉ qua những bức ảnh.



Bích Lan và thầy Nguyễn Ngọc Ký tại buổi ra mắt cuốn sách ảnh “Họ đã sống như thế” tại tòa soạn báo Tuổi Trẻ TP.HCM.

Bạn có thể hình dung những giây phút xúc động của cuộc hội ngộ đó? Bạn có hiểu cảm giác được ở giữa những người giống bạn, những người thấu hiểu cảm giác của bạn, biết rõ bạn đã phải trải qua những gì trong cuộc sống? Nếu bạn đứng trước một người mất cả hai cánh tay đến tận khuỷu, và bạn biết rằng sau mất mát đó, người ấy đã giành được nhiều huy chương tại các cuộc thi đấu bóng bàn dành cho người khuyết tật cấp quốc gia, quốc tế, thì bạn có muốn ôm anh ấy bằng cái ôm cảm phục không? Tôi đã có cơ hội đó và nhận ra mình may mắn biết bao.



Bích Lan trong nhóm thực hiện cuốn sách ảnh “Họ đã sống như thế” tại tòa soạn báo Tuổi Trẻ TP.HCM.

Năm 2009, Công ty Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam mời tôi làm cộng tác viên dịch. Họ gửi cho tôi danh sách gồm hơn hai mươi tác phẩm văn học họ đã mua bản quyền và đang cần người dịch. Sau khi tìm hiểu thông tin về các cuốn sách, đọc một số trích đoạn của vài cuốn, tôi

quyết định chọn cuốn *“Triệu phú khu ổ chuột”*.

Tôi hoàn thành bản dịch *“Triệu phú khu ổ chuột”* trong thời gian hơn tám mươi ngày. Đó cũng là những ngày tôi được sống với những trải nghiệm đặc biệt về Ấn Độ, đất nước mà tôi luôn khát khao khám phá mọi điều, từ lịch sử lâu đời đến cái mùi cà ri rất đặc trưng của xứ nhiệt đới. Điều cuốn hút tôi nhất và khiến tôi nhập tâm sâu nhất vào tác phẩm chính là số phận của nhân vật chính - chàng trai Ram Mohammad Thomas. Từ lúc chào đời, số phận đã quăng quật Ram vào cảnh mồ côi, nghèo khổ với những nỗi bất hạnh chất chồng. Số phận cũng đã thử thách chàng trai ấy qua những tình huống rất dễ khiến con người ta đánh mất sự trung thực, lương tâm và liêm sỉ. Ram đã chiến thắng mọi cuộc thử thách của số phận và cuối cùng số phận đã mỉm cười với cậu khi cậu trúng giải thưởng cao nhất của chương trình “Ai là triệu phú”. Tôi rất thích cái cách tác giả Vikas Swarup xây dựng câu chuyện về Ram để từ đó tô thật rõ những nét đẹp trong bức tranh cuộc sống, khiến những con người khốn khó, khổ đau có thêm niềm tin vào tương lai. Văn chương nên ở trên đời thực một chút, hay nói cách khác, nên ở một khoảng nào đó giữa hiện thực và những giấc mơ, như một điểm để người ta có thể vươn tới từ hoàn cảnh thực của mình (nhất là khi người ta đang phải ở trong những hoàn cảnh không mong muốn). Vikas Swarup đã chỉ ra điều đó.



Bích Lan cầm trên tay cuốn *“Triệu phú khu ổ chuột”* bản tiếng Việt.

Khi tiếng vang của bộ phim *“Triệu phú khu ổ chuột”* tại giải Oscar vẫn còn đang lan truyền trên khắp thế giới thì công ty Nhã Nam đã kịp cho ra mắt bạn đọc bản dịch *“Triệu phú khu ổ chuột”* của tôi. Trước khi tác phẩm này xuất hiện tại các quầy sách, báo *Tuổi Trẻ* đăng một phóng sự dài kỳ mang tên *“Không gục ngã”*, nói về hành trình vượt lên số phận của tôi, gây xúc động đối với nhiều bạn đọc trong và ngoài nước. Tiếp theo đó, báo *Tuổi Trẻ* trích đăng một phần bản dịch cuốn *“Triệu phú khu ổ chuột”* trên các số báo ngày. Nhờ những yếu tố thuận lợi hội tụ trong cùng thời điểm như thế, sự ra mắt bản dịch *“Triệu phú khu ổ chuột”* thu hút sự chú ý của nhiều bạn đọc.

Với bản dịch *“Triệu phú khu ổ chuột”*, tôi trở thành triệu phú niềm vui. Sau khi cuốn sách được xuất bản, tôi nhận được nhiều thư điện tử bày tỏ cảm giác thích thú khi đọc cuốn sách của các độc giả trên khắp cả nước. Không ít độc giả nói rằng đó là cuốn sách họ yêu thích nhất

trong mấy năm gần đây. Một độc giả viết thư cho tôi kể rằng chưa bao giờ trong gia đình chị xảy ra hiện tượng bố mẹ và các con ai cũng chờ đợi đến lượt mình được đọc một cuốn sách như họ đã chờ đợi để được đọc *“Triệu phú khu ổ chuột”*. Một độc giả khác tâm sự với tôi rằng thường thì cô rất khó nói chuyện cởi mở với mẹ chồng, nhưng khi cô tặng cho bà cuốn *“Triệu phú khu ổ chuột”*, hai mẹ con lại có thể bàn luận sôi nổi về nội dung cuốn sách. Và cũng thật thú vị khi một sinh viên khoa văn đã chọn tác phẩm *“Triệu phú khu ổ chuột”* làm đề tài luận văn tốt nghiệp. Khi sinh viên đó giành được điểm 10 cho luận văn, bạn đã nhắn tin báo tôi biết tin vui đó và cảm ơn tôi bằng những lời khiến tôi rất xúc động. Từ khi cuốn sách được xuất bản ở Việt Nam, tôi được nhiều người gọi bằng cái tên dễ nhớ *“cô triệu phú khu ổ chuột”*.

Một điều vượt ngoài mong đợi mà cuốn *“Triệu phú khu ổ chuột”* mang đến cho tôi là sự ghi nhận của giới chuyên môn. Năm 2010, bản dịch *“Triệu phú khu ổ chuột”* được trao giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam. Tôi biết tin đó vào một buổi chiều cuối năm giá rét khi truy cập trang web của Hội Nhà văn Việt Nam. Sau khi giải thưởng được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, tôi nhận được rất nhiều lời chúc mừng từ người thân, bạn bè và độc giả. Tôi không thể nhớ hết những lời chúc mừng ấy, nhưng tôi nhớ nhất những lời cô ruột của tôi đã thốt lên khi tôi gọi điện báo tin vui đó cho cô. Các bạn thử đoán xem cô tôi đã nói gì? Cô đã gói trọn cảm xúc vào bốn từ: *“Bố công cháu tôi!”*.



Lễ trao giải thưởng diễn ra trước thềm năm mới 2011, trong một ngày trời rét hại. Tôi được bố và em trai đưa đến Bảo tàng Văn học ở quận Tây Hồ, Hà Nội để nhận giải thưởng. Khi em tôi lên những bậc thềm để vào hội trường nơi diễn ra lễ trao giải, người đầu tiên tôi nhìn thấy là dịch giả Thúy Toàn. Ông bước vội xuống những bậc thềm với nụ cười hạnh phúc trên môi. *“Bác ở đây đón cháu”* - ông nói. Chỉ câu nói giản dị đó thôi mà tôi nghe được biết bao ấm áp, phấn khởi. Người đồng nghiệp lớn tuổi ấy đã lặng lẽ dõi theo tôi từ khi tôi lỡ ngõ bước vào con đường dịch thuật cho đến ngày tôi được bạn đọc và giới chuyên môn ghi nhận.



Bích Lan nhận giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 2010 cho bản dịch “Triệu phú khu ổ chuột”.

Vào thời điểm tôi nhận giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam dành cho bản dịch “*Triệu phú khu ổ chuột*” và cho đến bây giờ, giải thưởng đó là sự ghi nhận lớn nhất về mặt chuyên môn mà một dịch giả ở Việt Nam có thể giành được. Tuổi đời tôi còn khá trẻ so với tầm quan trọng của giải thưởng, và vì tôi là một dịch giả không qua một trường lớp đào tạo chính quy nào nên báo chí gọi sự kiện tôi giành giải thưởng đó là “một hiện tượng trong văn giới”. Tại lễ trao giải, khi tôi được em trai dìu lên bục nhận giải, cả hội trường lặng đi. Nhiều nhà văn trước đó chưa biết tôi là ai. Nhưng tôi nghĩ, khi tôi lên nhận giải theo cách ấy, tôi đã kể với mọi người câu chuyện vượt khó của mình. Một câu chuyện vượt khó không cần đến ngôn từ. Tại lễ trao giải, đại diện Hội Nhà văn Việt Nam đã phát biểu rằng, không cần xét đến hoàn cảnh, chỉ xét chất lượng bản dịch, tôi xứng đáng với giải thưởng quan trọng đó.

Với 22 cuốn sách văn học dịch, đặc biệt với giải thưởng dành cho bản dịch “*Triệu phú khu ổ chuột*”, tôi trở thành một nhà văn. Tôi là một trong 26 người được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam trong năm 2010 và là một trong 17 nhà văn có tuổi đời trẻ nhất của Hội.



Bích Lan phát biểu tại lễ trao giải cuộc thi Sáng tác về người khuyết tật và việc làm.

Bạn bè và người thân nói rằng năm 2010 là năm “bội thu” của tôi. Ngoài giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam, tôi còn được trao giải thưởng đặc biệt của cuộc thi Sáng tác về người khuyết tật và việc làm do Bộ Lao động Thương binh Xã hội Việt Nam và Bộ Lao động - Xã hội Đức tổ chức nhân dịp kỷ niệm 35 năm quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Trong tác phẩm dự thi, tôi đã kể về chính cuộc vượt khó của mình, cuộc vượt khó của một người mang bệnh nan y, không thể đến trường, đã tự học bằng mọi cách có thể để trở thành dịch giả chuyên nghiệp.



Bích Lan và đại diện của Đại sứ quán Đức tại lễ trao giải thưởng cuộc thi Sáng tác về người khuyết tật và việc làm.

Trước lễ trao giải cuộc thi Sáng tác về người khuyết tật, tôi được mời tham dự một hội thảo kéo dài hai ngày về người khuyết tật và việc làm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam và Bộ Lao động - Xã hội Cộng hòa Liên bang Đức tổ chức. Tôi thực sự ấn tượng khi nghe thuyết trình viên của Bộ Lao động - Xã hội Cộng hòa Liên bang Đức cho biết ở Đức chỉ 14% người khuyết tật nặng nằm ngoài thị trường lao động, nghĩa là hơn 80% người khuyết tật ở Đức có việc làm. Con số ấy khiến tôi không khỏi băn khoăn khi nghĩ đến nhiều người khuyết tật ở nước ta chưa có việc làm ổn định, chưa tìm thấy con đường hòa nhập cộng đồng. Khi được yêu cầu phát biểu vài lời tại lễ trao giải với tư cách là người giành giải thưởng cao nhất, tôi đã nói như sau: *“Tôi cảm thấy hạnh phúc khi được hiện diện trong khán phòng này, nơi mà tất cả mọi người đều quan tâm đến người khuyết tật và việc làm cho người khuyết tật. Tôi biết ở nước ta có không ít người khuyết tật đang âm thầm vượt khó bằng tất cả nỗ lực của mình. Sẽ tốt biết bao nếu như trong khi họ cố gắng vươn lên họ nhận được sự khích lệ và giúp đỡ của bạn bè cũng như của các tổ chức xã hội để hành trình vượt khó của họ bớt gian nan hơn, sớm đi đến thành công hơn”*. Trước các đại diện của Bộ Lao động của hai nước Việt Nam và Đức, trước các nhà làm luật đang cân nhắc về việc bổ sung các điều luật về người khuyết tật của Việt Nam, trước các đại diện của các tổ chức hỗ trợ và giải quyết việc làm cho người khuyết tật, tôi đã nói những điều tôi cho rằng cần phải nói thay cho những người còn đang phải vật lộn trong hành trình vượt khó, chứ không phải cho bản thân tôi - người được xem là đã vượt khó thành công.



Bích Lan nhận hoa chúc mừng từ đại diện của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam.

Tháng 5/2010, tôi được mời làm nhân vật chương trình *“Người đương thời”*. Chương trình được ghi hình tại trường quay S2 của Đài Truyền hình Việt Nam vào một buổi tối. Phải nhờ tới sự trợ giúp của những chén trà sâm và sự động viên tích cực của gia đình, bạn bè; tôi mới không xin hủy buổi ghi hình giữa chừng vì mệt. Trong gần hai tiếng của buổi ghi hình, nhà báo Tạ Bích Loan gần như gợi lại được những chi tiết quan trọng nhất trong hành trình vượt khó

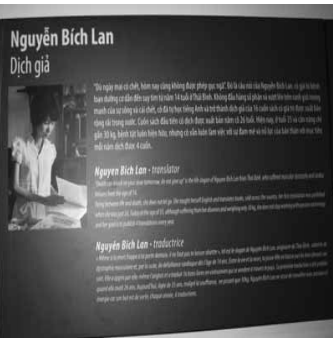
của tôi qua lời kể của chính tôi và của những đại diện cho gia đình, học trò và độc giả.



Bích Lan (bên trái) được mời làm nhân vật của chương trình “Người đương thời” của Đài Truyền hình

Việt Nam vào tháng 5/2010.

Chương trình được phát sóng trên các kênh chính của Đài Truyền hình Việt Nam trước khi học sinh cả nước bước vào kỳ thi kết thúc năm học. Tôi không biết chính xác bao nhiêu người đã xem chương trình ấy, chỉ biết rằng cho đến ngày hôm nay, sau hơn hai năm chương trình được phát sóng, tôi vẫn còn nhận được những bức thư của khán giả. Nhiều học sinh, sinh viên từ nhiều vùng miền trong cả nước đã gửi thư cho tôi. Không ít học sinh nói rằng qua chương trình đó, tôi đã tiếp thêm cho họ nghị lực để vượt lên những khó khăn trong học tập. Một học sinh trung học ở TP. Hồ Chí Minh viết cho tôi như sau: *“Cháu tự hỏi trong hoàn cảnh khó khăn và thiếu thốn như thế mà cô vẫn tự học thành công, vậy thì, cháu có những điều kiện thuận lợi hơn nhiều, tại sao không cố gắng phấn đấu học tập, luôn kêu ca về cuộc sống? Từ nay cháu sẽ không kêu ca nữa”*. Khinh hận được thư của cô bé học trò đó, tôi vẫn đang phải chống chọi với cơn mệt phát sinh từ buổi ghi hình, nhưng những bức thư như thế của khán giả đã thật sự làm tôi cảm thấy sự chịu đựng của mình cũng như công sức của chị Tạ Bích Loan và ê-kíp làm chương trình đã được đền đáp.



Phần trưng bày về Bích Lan tại Bảo tàng Phụ Nữ Việt Nam.

Tháng 10/2010, tôi trở thành một trong tám người phụ nữ đương đại được Bảo tàng Phụ Nữ Việt Nam tôn vinh tại phần trưng bày mới của bảo tàng. Tôi là người trẻ nhất trong số những phụ nữ đó. Thú thật, tôi khá bối rối trước sự vinh danh đó vì tôi cảm thấy mình nhỏ bé so với những người phụ nữ đã gặt hái được nhiều thành công lớn lao trong sự nghiệp như nhà ngoại giao Tôn Nữ Thị Ninh, bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Phượng - giám đốc bệnh viện Từ Dũ, nhà thiết kế áo dài Nguyễn Thị Minh Hạnh...

Tại buổi khai trương phần trưng bày mới của Bảo tàng Phụ Nữ Việt Nam vào ngày 20/10/2010, khi tôi đứng lặng xem những đoạn phim kể về cuộc đời của bảy người phụ nữ khác tôi hiểu ra một điều quan trọng: tám người phụ nữ chúng tôi có một điểm chung là tận hiến vượt trên hoàn cảnh của mình và đều góp phần khẳng định vai trò của nữ giới trong xã hội. Khi bắt đầu công việc của mình, không ai trong chúng tôi nghĩ rằng mình phấn đấu để một ngày nào đó tên tuổi được lưu lại trong một viện bảo tàng. Không một người tận hiến chân chính nào nghĩ tới điều đó. Đối với tôi, con đường từ thế giới bị bó hẹp giữa bốn bức tường của căn phòng 10 m² đến một viện bảo tàng lớn là một đường kẻ bất ngờ của số phận mà tôi không hề trông đợi. Nhưng người ta vẫn nói: cứ đi thì sẽ đến.



Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (bìa trái), mẹ liệt sĩ Đặng Thùy Trâm (thứ hai từ trái sang) và Bích

Lan tại buổi khai trương phần trưng bày mới của Bảo tàng Phụ Nữ Việt Nam.

Nếu bạn đã đọc từ đầu cuốn tự truyện này có lẽ bạn sẽ không đặt câu hỏi, nhờ có phép màu nào mà từ một căn phòng 10 m² ở một làng quê xa xôi, một cô gái mắc bệnh nan y, mới học hết lớp tám lại trở thành một nhân vật được giới thiệu tại một trong những bảo tàng quốc gia? Quả thực, tôi từng mong có một phép màu nào đó xảy ra với mình, thậm chí tôi đã cầu xin Thượng Đế - cầu xin một cách thiết tha nhất - hãy mang đến cho tôi một phép màu. Nhưng chẳng có một phép màu nào xảy ra cả.

Không thể chờ đợi mãi một phép màu, tôi đã làm tất cả những gì có thể để tự cứu mình. Và phép màu đã sinh ra từ cuộc sống, từ chính nỗ lực ấy của tôi. Bạn hãy tin rằng cuộc đời này luôn có những phép màu. Tôi không muốn nói đến những phép màu hy hữu như chuyện một người nhặt rác bất ngờ trúng số độc đắc. Tôi muốn nói đến những phép màu phổ biến hơn trong đời thường. Có người nông dân đổ mồ hôi trên mảnh ruộng khô cằn để tạo nên cả cánh đồng cây cảnh trị giá hàng tỉ đồng. Người nông dân ấy đã tạo ra phép màu cho bản thân và cho gia đình. Có người âm thầm trích tiền lương của mình gửi cho một cậu bé đánh giày vài trăm nghìn mỗi tháng để cậu có thể trở lại trường học, học hết trung học, học lên đại học, rồi sau đó có công ăn việc làm ổn định, có niềm vui, có hạnh phúc đủ để hài lòng với cuộc sống. Vị mệnh thường quân ấy đã mang phép màu đến cho một cuộc đời. Có những người tình nguyện đóng góp những khoản tiền đáng kể vào chương trình phẫu thuật tim miễn phí cho các em nhỏ bị bệnh tim bẩm sinh. Chung tay cứu sống được một em nhỏ nghĩa là họ đã góp phần tạo ra phép

màu. Trong xã hội mà chúng ta đang sống có rất nhiều những câu chuyện về phép màu mà tôi muốn dành trọn cả một cuốn sách để nhắc tới. Tôi tin rằng mỗi người đang sống đều có cơ hội tạo ra phép màu cho bản thân và cho cuộc đời.

Cập nhật cuộc sống

Cuối năm 2009, tôi và mẹ chuyển lên Hà Nội sống cùng với em trai tôi. Tôi phải rời xa ngôi nhà nhỏ nơi tôi đã lớn lên, nơi tôi có biết bao nhiêu kỷ niệm tuổi thơ, của những năm tự học, những năm gắn bó với các học trò của lớp Cây táo. Tôi phải xa cả những giò lan mà tôi đã chăm sóc nhiều năm. Bù lại, tôi được gần cả mẹ, em trai, em dâu và đứa cháu mới sinh. Trong cuộc sống, đôi khi để có được cái này bạn phải chấp nhận mất những cái khác.

Thú thực, hồi mới chuyển lên sống ở thành phố này tôi thương nhớ cồn cào căn nhà đơn sơ của chúng tôi ở làng quê, thương từ cái góc phòng nhỏ đến cái khoảng hiên có ánh trăng soi giờ không có bóng tôi ngồi. Trong nỗi nhớ cồn cào ấy tôi cảm thấy Hà Nội xa lạ với tôi lắm, và tôi chỉ là một phận người trôi dạt tới đây, một quân cờ được di đến vị trí này trong bàn cờ của số phận mà thôi.

Thế rồi tôi tập yêu Hà Nội. Gia đình tôi sống trong căn hộ nhỏ nằm trên tầng năm của một khu tập thể cũ thuộc quận Ba Đình. Cứ chiều chiều, từ một căn hộ khác còn cũ kỹ hơn căn hộ của chúng tôi trong khu tập thể, lại vang lên tiếng đàn dương cầm thánh thót. Nhạc của Chopin, Beethoven như những cánh hoa được tung lên từ ô cửa sổ nhỏ của căn hộ ấy. Tiếng piano ấy vượt trên cả những tiếng còi xe của đường phố, tiếng ồn ào của chợ búa, vượt trên cả sự im lặng lạnh lùng của những bức tường bê tông và những cánh cửa sắt, đưa đến cho lòng người cảm giác bình yên, thư thái, và cả ý niệm về sự thanh cao giữa trăm mối lo toan và những điều nhàm tẻ của cuộc sống đời thường.



Em trai công Bích Lan lên cầu thang.

Đôi lần, tôi thấy bóng của người chơi dương cầm thấp thoáng trong hành lang chật hẹp của khu tập thể: một ông già tóc bạc, gầy guộc, hom hem, da điểm nhiều vết đồi mồi và vô số nếp nhăn. Nghe tiếng đàn, tôi có thể chắc chắn rằng ông là một tài năng âm nhạc, có lẽ là một nghệ sĩ dương cầm nổi tiếng đã nghỉ hưu. Ở tuổi ấy, với thể trạng ấy, ông vẫn tặng cho những đôi tai

biết lắng nghe những giai điệu âm nhạc tuyệt vời, một món quà giúp làm dịu thần kinh. Tôi nghe thấy trong tiếng đàn của người nghệ sĩ già đó có tiếng nói lắng sâu của âm nhạc và cả tiếng nói của niềm hạnh phúc khi một con người có được một niềm đam mê trọn đời.

Chuyển lên sống ở Hà Nội, tôi có cơ hội tham gia những hoạt động văn hóa nghệ thuật vào những lúc sức khỏe cho phép. Vì khu tập thể của chúng tôi không có thang máy mỗi lần tôi cần ra ngoài em tôi lại cõng tôi xuống năm tầng cầu thang. Việc cõng tôi xuống còn đỡ vất vả hơn cõng tôi lên năm tầng cầu thang ấy nhiều. Bởi vì em tôi luôn làm việc đó một cách vui vẻ, tự nguyện nên trong những lần chị em tôi vượt cầu thang tôi đủ hóm hỉnh để nói với cậu ấy rằng hóa ra sự nhẹ cân của tôi không hẳn là một điều tồi tệ.



Bích Lan tham dự Lễ hội thơ lục bát tại Hà Nội.

Cuối năm 2009, tôi được Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV) mời tham gia buổi tọa đàm về tiểu thuyết *“Triệu phú khu ổ chuột”* với tư cách là dịch giả của cuốn sách. Tại buổi tọa đàm, tôi gặp nhà báo Nguyễn Thục Hạnh - tổng biên tập của báo Phụ Nữ Việt Nam - người cũng tham dự buổi tọa đàm với tư cách khách mời bởi chị từng có thời gian dài sống và học tập ở Ấn Độ. Sau buổi tọa đàm, chị Hạnh ngỏ lời mời tôi cộng tác với chuyên trang văn hóa nghệ thuật của báo Phụ Nữ Việt Nam. Tôi vui vẻ nhận lời.

Vậy là song song với việc dịch văn học, tôi bắt đầu làm báo. Tôi dịch các bài báo về các sự kiện văn hóa quan trọng trên thế giới, viết các bài giới thiệu sách, phỏng vấn các nhân vật thuộc lĩnh vực văn học nghệ thuật ở trong nước và quốc tế qua email. Tôi có niềm hứng thú đặc biệt trong việc tìm kiếm và giới thiệu những tấm gương nghệ sĩ vượt lên những khó khăn và thách thức to lớn của bản thân và của môi trường xã hội để theo đuổi sự nghiệp và cống hiến tài năng cho công chúng. Đó có thể là một nhân vật bị liệt toàn thân vẽ tranh bằng miệng hay những nhạc công biểu diễn miễn phí trên đường phố với mục đích đưa nghệ thuật đến gần công chúng, những nghệ sĩ múa trên không...



Bích Lan thăm triển lãm ảnh quốc tế Đen-trắng FIAP lần đầu được tổ chức tại Việt Nam.

Trong những nhân vật mà tôi đã từng phỏng vấn, người gây cho tôi nhiều ấn tượng nhất là Nam Nguyễn, một cậu bé người Canada gốc Việt và là một trong những vận động viên trượt băng nghệ thuật tài năng nhất của Canada. Tôi viết thư xin phỏng vấn Nam sau khi báo chí nước ngoài đưa tin cậu vừa đoạt giải vô địch cuộc thi trượt băng nghệ thuật toàn quốc dành cho vận động viên nam trẻ. Khi đọc được tin đó và nhất là khi biết Nam Nguyễn mới mười hai tuổi, tôi cảm thấy trong lòng dâng lên niềm tự hào và vui mừng. Tôi gửi thư điện tử cho Nam, giới thiệu sơ qua về bản thân và xin được phỏng vấn em cho báo Phụ Nữ Việt Nam. Dù Nam vừa phải đi học vừa bận tập luyện cho các cuộc thi đỉnh cao, em vẫn dành thời gian trả lời mọi câu hỏi của tôi. Tôi rất cảm động vì trong các câu trả lời em luôn nhắc đến gia đình như một nguồn động viên và ủng hộ to lớn giúp em vượt qua khó khăn trong luyện tập. Tôi càng cảm động hơn khi em kể về những lần em bị chấn thương nhưng vẫn không từ bỏ niềm đam mê với môn trượt băng nghệ thuật. Một cậu bé mới mười hai tuổi đã biết ý thức về những bệ đỡ giúp mình vươn tới thành công và biết chấp nhận những rủi ro trên con đường theo đuổi đam mê quả là đáng khâm phục. Tôi đặc biệt quý mến Nam còn bởi mỗi lần em hồi âm thư cho tôi, dù chúng tôi sử dụng tiếng Anh cho bài phỏng vấn, em luôn bắt đầu bức thư bằng hai chữ tiếng Việt: “Cô Lan”. Được gặp gỡ những con người tài năng và đáng mến như vậy, tôi cảm thấy thế giới của mình thêm rộng mở, tình yêu cuộc sống trong tôi như đầy hơn. Tôi cảm thấy hạnh phúc khi được giới thiệu những nhân vật đó với bạn đọc Việt Nam.



Một trong những bức ảnh Nam Nguyễn gửi cho Bích Lan.

Như đã kể, tôi bắt đầu viết truyện ngắn từ trước khi tôi dịch cuốn sách văn học đầu tiên, và những trang viết đầu tay ấy của tôi hầu như đều bị chính tôi “hắt hủi” do thiếu tự tin. Lần đầu tiên tôi đủ dũng cảm tìm kiếm độc giả cho sáng tác của mình là lần tôi gửi truyện ngắn có tựa đề “*Phần thưởng*” tới ban tổ chức của cuộc thi Viết truyện ngắn về nhà giáo Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo Dục và Hội Nhà văn Việt Nam phát động vào giữa năm 2005. Truyện “*Phần thưởng*” xoay quanh cuộc đấu trí giữa một cậu ấm con nhà giàu và một người giám thị nghèo trong phòng thi của kỳ thi đại học khi trò dám đề nghị trao cho thầy coi thi quyền sở hữu một ngôi biệt thự trong thành phố nếu thầy chịu “gà bài” cho mình. Đó là một cuộc đấu tranh gay go để giữ sự thanh thản cho lương tâm của người thầy, niềm hy vọng cho cuộc thành nhân không hổ thẹn của học trò.

Truyện của tôi tuy không giành giải thưởng nhưng được chọn in trong tuyển tập những truyện ngắn xuất sắc được phát hiện qua cuộc thi. Tôi hài lòng với “phần thưởng” dành cho mình từ cuộc thi đó và đủ phần khởi để lục tập bản thảo mà tôi cất kỹ dưới đáy va-li đựng thư từ ra nghiên cứu xem liệu có thể “đãi cát ra vàng” được không. Tôi viết lại một số truyện có sẵn và sáng tác thêm những truyện mới vào những lúc được cảm hứng thôi thúc. Viết được truyện nào tôi lại “cất kỹ” truyện đó vào một tập tin trong máy tính.

Vẫn cứ rụt rè như thế, không hiểu sao tôi lại dám viết truyện bằng tiếng Anh. Năm 2007 sau khi dịch cuốn tiểu thuyết lịch sử “*Từ sông Nile đến sông Jordan*” của tác giả người Israel, tôi cứ suy nghĩ mãi về cách bà ấy tâm sự với thế giới cảm giác của một con người thuộc một dân tộc bị kỳ thị. Hình như cách tâm sự ấy của bà đã gợi ý và khích lệ tôi viết về nỗi đau chiến tranh của dân tộc mình bằng một ngôn ngữ phổ biến trên thế giới với hy vọng, dù ít ỏi, rằng nỗi đau đó sẽ được nhiều người thấu hiểu và sẻ chia hơn. Vậy là truyện ngắn “*The Deaf Father*” (*Người cha điếc*) ra đời. Toàn bộ truyện ngắn là lời kể ngây thơ của một đứa trẻ về những trận ném bom và cái chết của người cha điếc bị trúng bom vì không nghe thấy tiếng keng báo động. Viết xong truyện ngắn đó, tôi gửi nó đến tác giả Ada Aharoni. Thật bất ngờ, Ada đọc xong liền viết cho tôi một bức thư với những lời khen ngợi. Bà ngỏ ý muốn được giới thiệu truyện ngắn của tôi tại Liên hoan Truyện ngắn vì hòa bình được tổ chức tại thành phố Haifa, Israel. Vậy là bỗng nhiên truyện của tôi được “xuất ngoại”. Sau này, chính truyện ngắn đó lại được nhà văn Nguyễn Phan Quế Mai giới thiệu tại một buổi thuyết trình quan trọng về văn học với đề tài chiến tranh tại Trại sáng tác quốc gia Philippines năm 2012. Một người bạn làm xuất bản ở Ấn Độ cũng rất thích truyện “*The Deaf Father*” của tôi và đã ngỏ lời mời tôi dịch thêm các truyện ngắn khác của mình sang tiếng Anh để in thành một tập truyện.

Năm 2009, sau khi phóng sự “*Không gục ngã*” - phóng sự đầy đủ nhất về hành trình vượt khó

của tôi - do nhà báo Quốc Việt thực hiện được đăng trên báo *Tuổi Trẻ*, tôi được các biên tập viên của báo *Tuổi Trẻ* khuyến khích công bố các truyện ngắn của mình. Thật mừng, từng truyện ngắn của tôi được gửi tới ban biên tập báo *Tuổi Trẻ* đều được đăng trên các số báo cuối tuần hoặc số chủ nhật. Các bạn biết đấy, báo *Tuổi Trẻ* là tờ báo có lượng phát hành 450.000 bản/ngày và sản phẩm điện tử *Tuổi Trẻ Online* có đến 4,5 triệu lượt truy cập mỗi ngày, vì vậy có thể nói các truyện ngắn được đăng trên *Tuổi Trẻ* đều có cơ hội thu hút một lượng độc giả mơ ước.

Đầu năm 2011, đại diện của Nhà xuất bản Trẻ ngỏ ý muốn xuất bản tập sách sáng tác đầu tay của tôi. Cho đến lúc ấy, sự rụt rè trong tôi đã hoàn toàn “bốc hơi” và tôi chẳng có lý do gì để từ chối cơ hội đó. Một lần nữa, tôi “khai quật” các kho bản thảo dưới đáy va-li và trong máy tính, tập hợp được gần bốn mươi bài thơ và mười ba truyện ngắn để gửi tới nhà xuất bản. Tôi lấy tên của truyện ngắn “*Sống trong chờ đợi*” - truyện ngắn nhận được nhiều phản hồi tích cực nhất của độc giả các báo - đặt tên cho đứa con tinh thần đầu tiên của mình.



Bích Lan bên poster bìa sách của mình tại lễ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập chi nhánh Nhà xuất bản

Trẻ ở Hà Nội.

Khi tôi nhận được thông báo từ phía nhà xuất bản cho biết cuốn sách của tôi sắp ra mắt bạn đọc, tôi mừng lắm. Tôi đợi để được cầm nó trên tay, được khoe với gia đình và những người bạn thân. Thế rồi ngày đó cũng đến. Biên tập viên Hoàng Anh của Nhà xuất bản Trẻ đã mang mười bản sách biểu từ Sài Gòn ra Hà Nội cho tôi. Dịp đó, bệnh tim của tôi tái phát. Tôi bị những cơn mệt hành hạ. Tôi nhớ chị Hoàng Anh hẹn 6 giờ chiều sẽ có mặt ở nhà tôi để trao sách. Tôi cố ngồi dậy khỏi giường, cố đi lại. Tôi quyết định sẽ xuất hiện trước đại diện của Nhà xuất bản Trẻ với bộ dạng không đến nỗi nào. Thế nhưng, đến 4 giờ chiều thì tôi mệt không đứng nổi nữa. Chị Hoàng Anh bước vào căn hộ của chúng tôi khi tôi đang nằm trên giường, im lặng chịu đựng cơn mệt thăm thẳm. Không nói được nhiều, không thể cầm cuốn sách đầu tay một cách ngay ngắn để ký tặng người đã biên tập nó, tôi chỉ có thể cảm nhận niềm hạnh phúc trong lặng lẽ.

Vì đến lúc bấy giờ tôi chỉ cho xuất bản những cuốn sách dịch nên cuốn sách sáng tác đầu tay ấy của tôi được báo chí chú ý. Các nhà báo phỏng vấn tôi xung quanh cuốn sách thường bày tỏ sự ngạc nhiên khi họ thấy trong các truyện ngắn của tôi, tôi đề cập đến các vấn đề xã hội nóng bỏng liên quan đến nhiều người chứ không chỉ là chuyện của riêng cá nhân nào. Giáo sư Phong Lê - một trong những độc giả đầu tiên của cuốn *“Sống trong chờ đợi”* - đã nhận xét như sau: *“Cập nhật cuộc sống ở những tâm điểm dữ dội, gai góc nhất, lại vẫn có độ lùi để nhìn rộng một bối cảnh có đường viền của thời đại, cây bút trẻ Nguyễn Bích Lan, ở bất cứ truyện nào trong tập này cũng là người rất gần bó với thời cuộc, thời sự... Đây là cây bút mới đoạt một giải thưởng dịch của Hội Nhà văn Việt Nam năm 2010. Cùng với văn dịch là một sự hoàn hảo trong truyện ngắn và thơ. Tôi rất tin với lần lượt những gì đã viết, đang viết, như trong tập truyện ngắn này, Nguyễn Bích Lan sẽ là một cây bút vững vàng thuộc thế hệ thứ tư của văn chương đương đại”*.

Các nhà báo, các bạn văn của tôi và một số độc giả sau khi đọc tập *“Sống trong chờ đợi”* đã hỏi tôi thế này, với một người sáng tác có điều kiện đi thực tế thì việc cập nhật cuộc sống trong văn chương còn khó, vậy làm thế nào mà một người chỉ quanh quẩn giữa bốn bức tường như tôi lại có thể viết về những vấn đề nóng bỏng của cuộc sống? Câu hỏi này cũng giống như câu hỏi, tại sao tôi không có cơ hội sống ở nước ngoài mà tôi vẫn có thể dịch thành công các tác phẩm văn học của các nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Các bạn ạ, đối với một nhà văn, bất cứ điều gì xảy ra trong cuộc sống cũng có thể trở thành chất liệu để viết. Những chi tiết tưởng chừng vụn vặt của đời thường nhiều khi lại là sự khơi nguồn, sự kích thích đối với cảm hứng sáng tác của người cầm bút. Căn bệnh khiến tôi hầu như ngày nào cũng chỉ có thể quanh quẩn trong căn phòng nhỏ của mình, nhưng không phải vì thế mà tôi bị ngăn cách với thế giới, với những gì đang diễn ra trong xã hội. Cuộc sống vẫn ủa vào tôi từ nhiều nguồn, bằng nhiều cách. Ở hoàn cảnh của mình, tôi cũng có những lợi thế nhất định. Vì tôi nói được rất ít nên tôi có cơ hội nghe được nhiều hơn những gì người khác nói, những gì cuộc sống nói. Vì tôi đã trải qua lần ranh sinh tử nên tôi rất nhạy trước những nổi nhọc nhằn, bấp bênh, hằng hực, đắng đót của những người sống xung quanh.

Đầu năm 2011, khi tôi đọc những bài báo về hoàn cảnh vô cùng khó khăn và nguy hiểm của những người lao động Việt Nam ở Libi, tôi cảm thấy có những tiếng nói rất khẩn thiết ở trong tôi thúc giục tôi viết về những rủi ro mà những người đi lao động xuất khẩu gặp phải trên con đường đi tìm vận may cho mình ở xứ người. Và vậy là truyện *“Con bão Trung Đông”* ra đời. Cũng trong năm 2011, sau khi tình cờ xem bộ ảnh về những em bé ở bãi giữa sông Hồng của nhiếp ảnh gia Quang Phùng, tôi bị ám ảnh khôn nguôi về những em nhỏ không cha, sống lủi thủi, hoang dã như những con thú. Nỗi ám ảnh đó là chất xúc tác để tôi cho ra đời truyện ngắn *“Sông vắng”*.

Hơn bất cứ nguồn nào khác, những trải nghiệm đặc biệt từ cuộc sống đầy thách thức của bản thân đã gọi cho tôi nhiều cảm hứng sáng tác nhất. Bạn đọc có thể thấy thấp thoáng hình ảnh của tôi và một phần câu chuyện vượt khó của tôi trong các truyện như *“Sống trong chờ đợi”*, *“Hy vọng”*, *“Láng giềng”*, *“Phần thưởng”*, *“Người trong bão”* đã được đăng trên các báo Tuổi Trẻ, Phụ Nữ Việt Nam, Giáo dục & Thời đại.

Văn chương chưa bao giờ là sự sao chép nguyên xi những câu chuyện có thực xảy ra trong cuộc sống. Trong cuốn *“Triệu phú khu ổ chuột”*, tác giả Vikas Swarup đã viết: “Xem phim làm gì nếu như bạn có thể thấy người thực, việc thực từ nhà hàng xóm ở ngay bên kia đường?”. Với văn học cũng vậy. Chất liệu thật trong cuộc sống là những hạt mầm mà từ đó trí tưởng tượng, khả năng sáng tạo bằng ngôn ngữ văn chương của nhà văn phát triển. Hạt là “nguyên liệu” được lấy từ thực tế cuộc sống, còn cây, lá, hoa, trái là sản phẩm sáng tạo của nhà văn. Vì thế, nếu bạn có năng khiếu văn chương, và nếu sự thúc đẩy bên trong bạn đủ mạnh thì từ những ánh chớp, những lát cắt của cuộc sống mà tâm hồn nhạy cảm của bạn có thể nắm bắt được, bạn có thể viết lên những tác phẩm mang hơi thở cuộc sống.

Tôi nói như vậy không có nghĩa là tôi phủ nhận sự cần thiết của việc đi thực tế của các nhà văn. Tôi khao khát cái cơ hội của những nhà văn được đi nhiều, được đặt chân đến mọi miền của Tổ quốc, được trải nghiệm cuộc sống ở nước ngoài. Cơ hội đó vô cùng quý giá đối với người sáng tác vì càng đi nhiều thì kho chất liệu của nhà văn càng phong phú. Kho chất liệu càng phong phú thì sự thúc đẩy bên trong người cầm bút càng mạnh mẽ, mãnh liệt. Tôi chỉ muốn nói rằng không thể bước ra khỏi cửa không có nghĩa rằng bạn không thể cập nhật cuộc sống, không thể làm công việc của một nhà văn, không thể viết về cuộc sống. Không nhà văn nào thực sự quan tâm đến cuộc sống lại lo thiếu chất liệu để viết.

Tôi quan tâm đến những vấn đề nhức nhối của xã hội hơn những gì đã được giải quyết gọn gàng, êm đẹp. Đó là lý do tại sao các truyện ngắn của tôi đụng đến những vấn đề “gai góc” như giáo sư Phong Lê đã nhận xét. Tôi không viết về những chuyện gai góc với mục đích truyền tới độc giả thông điệp rằng cuộc sống hiện tại có quá nhiều vấn đề, quá nhiều cái xấu, càng không phải tôi muốn bộc lộ sự chán ghét cuộc sống. Ngược lại, tôi viết về những vấn đề nhức nhối của xã hội trong tâm thế của một người yêu cuộc sống, cảm thấy buồn khi các giá trị của cuộc sống và của con người ở đâu đó, trong một hoàn cảnh nào đó, đang bị mòn đi, bị coi nhẹ. Tôi viết để tâm sự với bạn đọc về cảm giác buồn ấy. Nhưng quan trọng hơn, tôi viết để thu hút sự quan tâm của bạn đọc đối với những vấn đề nhức nhối đó, và viết để chia sẻ với họ niềm tin vào sự thức tỉnh, sự tìm lại, sự cứu chuộc.

Trong truyện ngắn *“Vườn chuối”* tôi nói về những cơn vật vã của một thanh niên bị nghiện,

vật vã để thoát khỏi sự phụ thuộc vào ma túy chứ không chỉ vật vã vì ma túy, và về sự cảm thông dành cho người thanh niên đó của một trái tim nhân hậu. Nhà văn Dạ Ngân đã bày tỏ cảm xúc của bà khi đọc xong truyện *“Vườn chuối”* bằng những lời ngắn gọn như sau: *“Bị hấp dẫn, đọc một mạch liền, và ghi nhớ. Một phụ nữ tận nguyên dành hết trắc ẩn của mình cho một gã tự cai nghiện bằng cách nhai chuối bẹ. Đặt hai bi kịch ấy cạnh nhau, thêm một cái kết không tươi sáng mà vẫn khiến cho người đọc tin yêu con người”*.

Sáng tác văn học là cái nghiệp nặng nề chứa đựng nhiều thách thức đối với những ai lựa chọn nó. Nhưng cũng giống như những sự nghiệp chân chính khác, nghiệp văn chương cũng mang đến cho người theo đuổi nó niềm hạnh phúc. Đó là niềm hạnh phúc được cất lên tiếng nói của con người đích thực bên trong bạn, được biểu lộ cảm xúc, tình cảm, quan niệm trong bề rộng và độ sâu của thế giới ngôn ngữ và được tìm kiếm sự đồng cảm hoặc phản biện từ phía người đọc. Đó là niềm hạnh phúc được chia sẻ, được cho đi và được nhận lại. Sự gặp gỡ từ hai phía của cánh cửa của văn chương và đời sống, của người viết và bạn đọc không phải là vô ích.

Sau khi truyện ngắn *“Con gái”* của tôi - một truyện ngắn đề cập đến sự trọng nam khinh nữ ở chính thời này - xuất hiện trên báo *Tuổi Trẻ* vào cuối tháng 3/2009, tôi nhận được thư của một số độc giả, trong đó hầu hết là độc giả nữ. Họ viết thư cho tôi vì truyện của tôi chạm đến nỗi lòng của họ, vì họ cảm thấy mình hiện đang là nạn nhân của sự trọng nam khinh nữ. Một em gái mười bảy tuổi bỏ dở chương trình học trung học phổ thông về phụ giúp cha mẹ buôn bán đã viết cho tôi như sau: *“Bố em không thích cho con gái học nhiều. Không cho thi thôi, em về bán hàng”*. Tôi không đồng tình với kiểu phản ứng bất cần của em và tôi nghĩ ở thời này em cam chịu như thế thì thật đáng tiếc. Tôi giữ liên lạc với em và cố gắng động viên em “vùng vẫy”. Cuối cùng, sau một thời gian nghỉ học em quyết định tiếp tục học hệ bổ túc trung học phổ thông. Khi tôi viết những dòng này, em gái đó đã tốt nghiệp và đang có kế hoạch học nghề.

Một độc giả khác sau khi đọc truyện *“Con gái”* đã gửi cho tôi câu hỏi này: *“Tại sao chị không để cho câu chuyện có một kết thúc đầy hy vọng như câu chuyện vượt khó của chị?”*. Tôi biết không dễ gì có thể đưa ra câu trả lời thỏa mãn cho một câu hỏi như thế từ phía độc giả vì cuộc sống có muôn mặt và người cầm bút có nhiều cách khác nhau để phản ánh cuộc sống cũng như gửi gắm những thông điệp của mình. Và tôi cũng biết rằng người sáng tác nhận được phản hồi cho sáng tác của mình nghĩa là được chia sẻ. Nhà thơ Trần Lê Văn từng có câu thơ nổi tiếng về khao khát được đón nhận và được đồng cảm của người cầm bút: *“Có ai nghe thấy một tiếng vọng/ Thì thả con thuyền sang với tôi”*. Mỗi lần sáng tác là mỗi lần người cầm bút như con tằm rút ruột nhả tơ. Mỗi lần sáng tạo ra một tác phẩm là một lần người cầm bút cất lên những tiếng nói từ sâu thẳm tâm hồn mình. Nhưng trong văn chương, tạo được những tiếng vọng để nhiều

người nghe thấy và đáp lại quả thực không dễ.

Trong số các nhà văn lớn của thế giới, tôi đặc biệt yêu quý và ngưỡng mộ đại văn hào Charles Dickens. Ông là tác giả của 30 tác phẩm văn học nổi tiếng, trong đó có 6 tiểu thuyết kinh điển. Sinh thời ông viết văn không chỉ để thỏa mãn niềm say mê sáng tác của mình, cũng không phải để thể hiện bản thân. Ông lao động văn chương với một mục đích rất rõ ràng: cải thiện xã hội. Trong các tác phẩm tiêu biểu của mình như *“Oliver Twist”*, *“Tale of Two Cities”*, *“Great Expectations”*, *“Hard Time”*, *“Bleak House”*... ông đã lên án sự lạm dụng và áp bức đối với tầng lớp lao động, những bất cập trong hệ thống luật pháp. Qua những trang văn của mình, ông cũng gióng lên tiếng chuông cảnh báo về sự bất thường của cơ cấu gia đình trong xã hội Anh: trong số 149 nhân vật trẻ em trong các tác phẩm của Dickens chỉ có 15 nhân vật có cả cha lẫn mẹ. Nhiều tài liệu cho thấy các tác phẩm của Charles Dickens đã góp phần tạo ra sự thay đổi tích cực trong xã hội Anh thời bấy giờ. Người ta tin rằng cuốn tiểu thuyết *“Oliver Twist”* chính là cú hích dẫn tới việc khu Jacob - một khu ổ chuột tồi tệ đến mức khủng khiếp thuộc bờ Nam sông Thames - bị giải tỏa. Cũng chính tác phẩm này đã tạo được ảnh hưởng đáng kể đối với việc cải thiện điều kiện ở các “nhà lao động”, nơi mà những người vô gia cư sống dưới thời Victoria phải chịu sự lao động cưỡng bức để đổi lấy thức ăn và chỗ ngủ. Không nhiều nhà văn làm được như Charles Dickens, nhưng chí ít mỗi nhà văn, bằng ngòi bút của mình, đều có thể đóng góp chút ít vào sự thay đổi tích cực của xã hội. Tôi tin như vậy.

Tôi có cảm giác vào thời điểm này xã hội của chúng ta đang có rất nhiều vấn đề mà các nhà văn cần phải cầm bút lên viết bằng những giọt nước mắt và sự lo lắng của lương tâm. Hành động tội ác của một người trẻ như Lê Văn Luyện cùng cuộc tranh luận gay gắt của dư luận về quyết định của luật pháp trong việc trừng trị tên sát nhân này là một nỗi đau của cả xã hội cần phải được các nhà văn đề cập đến.

Ngay trong hôm nay, khi tôi viết những dòng này, tôi bị ám ảnh khôn nguôi bởi một trang báo đăng những bức ảnh về những người nông dân ngồi bần thần giữa những củ khoai lang bị vứt ngổn ngang, những quả dưa chất đống không được thu mua. Mùa khoai lang trước, mùa dưa trước, những người nông dân ấy đã có được chút thu nhập từ việc bán nông sản cho những thương lái Trung Quốc, nhưng mùa này những gã thương lái đó đã lảng lảng bỏ đi không một lời giải thích. Tại sao những người nông dân của chúng ta phải phụ thuộc vào những lời hứa hẹn được chăng hay chớ của vài người lái buôn ngoại quốc? Thật buồn khi bây giờ chúng ta phải tự hỏi nhau câu đó. Và sẽ rất buồn nếu như bạn đọc của hôm nay và của ngày mai đặt câu hỏi: khi những sự việc đó xảy ra, các nhà văn của chúng ta đang ở đâu?

Nick Vujicic, tôi và

“Cuộc sống không giới hạn”

T háng 8/2011, khi tôi vừa trải qua một đợt khủng hoảng sức khỏe với những cơn mệt kéo dài suốt sáu tháng và đang chuẩn bị bắt tay vào dịch một tập truyện ngắn của đại văn hào Tagore thì giám đốc Công ty Văn hóa & Sáng tạo Trí Việt (First News) gọi điện mời tôi dịch cuốn tự truyện của diễn giả người Úc Nick Vujicic. Trước đó, tôi đã biết về Nick Vujicic qua những đoạn video được đăng tải trên YouTube và vô cùng cảm phục nghị lực vượt khó của chàng trai này. Tôi tin rằng hơn lúc nào hết, câu chuyện về tấm gương vượt khó phi thường của một chàng trai trẻ như Nick Vujicic cần được nhân rộng trong xã hội của chúng ta, khi mà suy nghĩ và hành động của không ít bạn trẻ hiện nay đã và đang bị ảnh hưởng bởi lối sống thực dụng và xu hướng yêu chuộng vẻ hào nhoáng bề ngoài mà xem nhẹ những giá trị cốt lõi, sâu sắc và bền vững của cuộc sống. Tôi cũng tin rằng tấm gương vượt khó của Nick Vujicic sẽ góp phần khích lệ những người kém may mắn vượt qua khó khăn trong cuộc sống để vươn tới những ngày tốt đẹp hơn.

Dịch một cuốn tự truyện nghĩa là lần theo những trang sách để kể lại câu chuyện cuộc đời của tác giả bằng một ngôn ngữ khác. Ngay từ khi bắt tay vào dịch những trang đầu của cuốn sách này, tôi đã biết mình không chỉ đang làm công việc thuần túy của một dịch giả mà đang đặt mình vào cuộc sống của Nick Vujicic để kể lại những trải nghiệm, những cảm xúc, những vui buồn mà anh đã trải qua. Cuộc đời của Nick ngay từ những giây đầu tiên đã vô cùng đặc biệt, khác lạ và đầy thách thức.

Sinh ra ở Australia, từ khi lọt lòng mẹ, Nick Vujicic đã khuyết thiếu tứ chi, chỉ có một mẫu bàn chân trái với hai ngón chân dị dạng. Mẹ của anh vì quá thất vọng, đau buồn, hoảng sợ đã từ chối bế đứa con đầu lòng của mình, còn bố anh thì ngồi chết lặng trong hành lang bệnh viện sau khi ông phát hiện ra con mình không có tay. Khi ông hỏi bác sĩ: “Con trai tôi không có tay phải không bác sĩ?”, câu trả lời mà ông nhận được là: “Tôi rất tiếc phải nói rằng con trai anh không chỉ không có tay mà còn không có chân nữa”. Sự thật nghiệt ngã đó khiến người cha bàng hoàng. Mười ba tuổi, khi đã được bù đắp bằng tình yêu vô bờ bến của cha mẹ, nghe kể về những giây phút đầu đời không được mẹ ôm ấp, Nick vẫn cảm thấy tủi thân vô cùng.

Một người không có chân tay thì sống thế nào? Hơn một tuổi, Nick đã tập tì trán vào tường để dựng người dậy từ tư thế nằm. Mỗi ngày của anh là một loạt những cuộc vật lộn để thích nghi với hoàn cảnh. Anh tập luyện đến chai thịt, bầm da, tứa máu để có thể làm được những việc đơn giản mà những người bình thường không cần phải cố gắng chút nào cũng có thể thực hiện được. Sự cứng cỏi của Nick không tránh được cho anh nỗi buồn khi anh đến tuổi cấp sách tới trường. Ở trường, Nick luôn bị trêu chọc, bị gọi là “quái nhân”, bị xa lánh. Trong giờ ra chơi, Nick thường giấu mình trong các bụi cây hoặc trốn trong phòng học bị bỏ trống để khỏi bị trêu chọc. Cảm giác cô đơn, buồn khổ, bất an và chán nản đã đẩy Nick đến quyết định tự vẫn năm anh tám tuổi. Anh đã để cho người mình chìm trong bồn tắm, đã buông xuôi tất cả, nhưng rồi nghĩ đến gánh nặng tinh thần mà cha mẹ và các em mình có thể sẽ phải mang trong suốt cuộc đời họ, Nick lại chộp lấy sự sống ở những giây cuối cùng.

Một con người với khuyết tật bẩm sinh nặng nề như Nick vượt qua sự thất vọng, mặc cảm và khó khăn chông chốt để tồn tại được đã là một điều đáng ngạc nhiên. Ấy vậy mà Nick không chỉ tồn tại, anh đã sống một cuộc sống ý nghĩa nhất của một con người, một cuộc sống không giới hạn.

Không chỉ có thể tự lo cho bản thân, anh còn làm được tất cả mọi việc mà những người có đầy đủ chân tay có thể làm; anh có thể bơi, đá bóng, nhảy cầu, lướt sóng. Hai mươi ba tuổi Nick tốt nghiệp đại học với tấm bằng kép về kế toán và hoạch định tài chính. Ở tuổi hai mươi chín, anh sở hữu một công ty riêng tại California, Mỹ, trở thành một nhà kinh doanh bất động sản và chứng khoán.



Nick Vujicic trong một buổi diễn thuyết.

Và còn hơn thế, anh là một nhà truyền giáo, một diễn giả nổi tiếng thế giới, từng diễn thuyết trước hàng triệu người. Nick đã đến những vùng nghèo khó nhất của Ai Cập, Nam Phi, Haiti, Indonesia, nói chuyện để khích lệ những người dân ở những nơi đó vượt qua khó khăn. Anh từng đến các nhà chứa ở Bombay, Ấn Độ để khuyên những người phụ nữ bất hạnh ở đó tìm đến cuộc sống mới tốt đẹp hơn. Ở bất cứ nơi đâu, Nick cũng khiến mọi người xúc động. Chỉ cần thấy nụ cười của anh, những người đang gặp khó khăn đã cảm thấy như tìm thấy niềm hy vọng.

Bởi một người như anh vẫn có thể vượt lên hoàn cảnh để sống hạnh phúc, sống có ích thì tại sao họ lại không thể?

Khi dịch cuốn tự truyện của Nick Vujicic, nhiều lần tôi thấy nước mắt mình rơi trên những trang sách. Tôi thấm thía sâu sắc sự quý giá về tinh thần, lòng nhân ái, sự phi thường về trí tuệ, ý chí của anh. Tôi đã trải qua nhiều điều Nick đã trải qua. Tôi vẫn tin rằng trong khó khăn luôn có những cơ hội và tôi đã sống với niềm tin đó trong hai mươi ba năm đấu tranh với căn bệnh nan y. Có những điều Nick nói đến tôi đã biết, đã sống, nhưng cũng có những điều chính anh đã mở mắt cho tôi, chẳng hạn như cách làm cho bản thân mình được vui, ý thức tìm đến những người đồng cảnh để trở thành niềm vui đối với họ. Tôi nghĩ, ngay đối với tôi - người được coi là vượt khó thành công - mà còn cảm thấy biết ơn Nick thì bạn đọc bình thường, những bạn đọc đang âm thầm vật lộn với những khó khăn của mình, sẽ cảm thấy được tác động, được khích lệ đến mức nào.



Bích Lan xem video của Nick Vujicic khi dịch cuốn tự truyện của anh.

Tôi không chỉ dịch tự truyện của Nick mà còn dịch phụ đề cho các video clip của anh. Trong những ngày thực hiện việc đó, Nick Vujicic trở thành nhân vật được cả gia đình tôi quan tâm. Hầu như ngày nào chúng tôi cũng nói về Nick, về những gì anh đã vượt qua và làm được. Con người Nick, dù chỉ xuất hiện trong các video chứ không xuất hiện trước chúng tôi bằng xương bằng thịt, cũng toát lên sự ấm áp, gần gũi. Đứa cháu trai mới hai tuổi rưỡi của tôi đặc biệt thích xem những video của Nick. Mỗi khi nghe ai đó trong nhà nhắc đến Nick, rất tự nhiên cháu tôi quỳ xuống đi theo cách Nick di chuyển, vừa đi vừa cười và nói bằng giọng đầy vui thích: “Chú Nick! Chú Nick!”.

Đúng vào thời điểm tôi hoàn thành cả bản dịch cuốn tự truyện lẫn phần dịch phụ đề cho các video của Nick, tôi được biết một tin khiến tôi vô cùng vui mừng. Nick Vujicic đã kết hôn. Vị hôn thê của anh tên là Kanae. Họ gặp nhau lần đầu vào tháng 4/2010 tại Dallas trong một sự kiện tôn giáo. Ngay từ lần gặp đầu tiên, hai người đã cảm thấy có sự kết nối đặc biệt giữa họ. Dù sau đó họ không thường xuyên gặp nhau nhưng mỗi lần gặp mặt, cảm xúc của họ dành cho nhau lại dâng trào. Bốn tháng sau, họ bắt đầu hẹn hò và gần một năm sau nữa, Nick chính thức cầu hôn Kanae. Họ tổ chức đám cưới vào đầu tháng 2/2012.

Qua những bức ảnh về đám cưới của Nick Vujicic được đưa lên mạng Internet, tôi có thể thấy

người bạn đời của Nick là một cô gái trẻ trung, khỏe mạnh và xinh đẹp. Dù không đọc được thông tin về cô gái, tôi dám chắc rằng đó là một phụ nữ phi thường. Yêu một người như Nick Vujicic nghĩa là biết yêu một tâm hồn ấm áp, giàu tình cảm, yêu cái đẹp đích thực, lâu bền và đáng trân trọng nhất của con người. Nhưng tự nguyện làm bạn đời của Nick Vujicic cũng có nghĩa là tự nguyện chia sẻ với anh vô vàn khó khăn trong cuộc sống hằng ngày của một người không chân, không tay, chia sẻ những ước vọng, những sứ mệnh cao đẹp đòi hỏi sự nỗ lực phi thường của anh.

Nhìn Nick Vujicic hạnh phúc bên cô dâu, tôi cảm thấy một niềm hạnh phúc khó tả. Đó là niềm hạnh phúc khi bạn đã thấu hiểu được những khó khăn, những mất mát của một con người và giờ được thấy người đó được hưởng hạnh phúc. Đó là niềm hạnh phúc khi bạn được thấy một người mà bạn nghĩ đáng được hưởng hạnh phúc đang được hạnh phúc. Đó là niềm hạnh phúc khi bạn được thấy bằng chứng rõ ràng nhất về kết quả mỹ mãn của ý chí vươn lên trong cuộc sống, sự rộng mở, giàu có, ấm áp của trái tim, sự quyết tâm và tự tin trên con đường đi tìm hạnh phúc và ý nghĩa của cuộc sống. Ngắm những bức ảnh cưới của Nick, tôi càng hiểu rõ hơn tại sao anh lại đặt tựa đề của cuốn tự truyện của anh là *"Cuộc sống không giới hạn"*. Bằng chính cuộc sống của mình, Nick đã chứng minh cho chúng ta thấy rằng cuộc sống này không có giới hạn nào ngoài những giới hạn mà chúng ta tự đặt ra cho chính mình, rằng ai cũng có thể sống hạnh phúc nếu người đó có đủ ý chí, đủ nghị lực và đủ tình yêu dành cho cuộc sống.



Đọc những gì tôi đã viết trong cuốn tự truyện này, bạn có thể sẽ nghĩ rằng tôi đã vượt qua những thách thức to lớn đến mức ấy, đã gây dựng được sự nghiệp, tạo được thành công đáng kể cho mình trong hoàn cảnh tưởng chừng như vô vọng, vậy nên sẽ không có thách thức nào trong tương lai có thể khiến tôi gục ngã. Tôi cũng mong muốn mình đủ mạnh mẽ để không đầu hàng trước bất cứ khó khăn nào đang đợi tôi phía trước. Nhưng trong cuộc sống, chúng ta khó đoán được điều gì sẽ đến với mình trong tương lai. Cũng như các bạn, tôi không biết điều gì sẽ xảy ra với mình trong một năm tới, trong năm năm hay mười năm tới. Nhưng từ những gì tôi tích lũy được qua hành trình sống của mình, tôi dám chắc một điều rằng dù khó khăn, thách thức nào sẽ xảy đến với tôi trong tương lai, tôi cũng sẽ đối mặt với nó bằng sự can đảm và sẽ cố gắng hết sức để vượt qua. Trong nhiều hoàn cảnh, bản thân sự cố gắng hết sức còn quan trọng hơn kết quả của sự cố gắng. Chỉ cần cố gắng hết sức, vậy là đủ!

Tinh thần vượt khó, kinh nghiệm và kỹ năng vượt khó sẽ giúp bạn thoát khỏi sự phụ thuộc vào may rủi. Nếu như cuộc sống của bạn thường xuyên có những thách thức (tôi tin rằng không ai sống mà lại không phải đối mặt với những thách thức) và bạn chỉ trông chờ sự may

mắn giúp bạn thoát khỏi những khó khăn thì may mắn không phải lúc nào cũng xảy ra. May mắn ở bên ngoài bản thân bạn và bạn không thể điều khiển được sự may mắn. Nếu trong thách thức bạn ngồi chờ sự may mắn, thì may mắn có thể sẽ không đến. Nhưng nếu bạn có trong tay “những chìa khóa vượt khó”, bạn sẽ ở thế chủ động và có thể tự quyết định được kết quả của cuộc đấu tranh trước khó khăn, thách thức. Những “chìa khóa vượt khó” quan trọng và cần thiết nhất của mỗi người chính là ý chí, nghị lực, lòng quyết tâm, sự kiên nhẫn, niềm tin, niềm hy vọng vào tương lai.

Nick Vujicic, tôi và những người vượt khó thành công khác cũng như các bạn, không phải là những người thích đương đầu với thách thức. Trong cuộc sống chẳng ai muốn mình gặp phải gian khó. Nhưng đã là một con người, sống trong cuộc đời, chúng ta không thể tránh khỏi những lúc như thế. Đã không thể tránh khỏi thì tốt hơn hết chúng ta chấp nhận thách thức như một phần của cuộc sống và cố gắng hết mình để vượt qua.

Nếu bạn đã nghe kể nhiều về những câu chuyện vượt khó như chuyện của tôi và chuyện của Nick, bạn sẽ thấy những người vượt khó thành công có chung một cách nhìn: Xem thách thức là cơ hội. Hay nói cách khác, chúng tôi luôn tìm thấy cơ hội trong thách thức mà mình đang phải đối mặt. Nick Vujicic không có chân, không có tay. Anh không chọn cái hoàn cảnh khó khăn đó cho mình; không ai muốn lựa chọn cái hoàn cảnh đó cho mình cả. Nhưng Nick không cố thay đổi điều anh không thể thay đổi được. Anh cũng không khoanh tay ngồi đợi Thượng Đế ban phép màu khiến anh có được tay chân như người bình thường. Thay vì trông chờ vào những yếu tố may mắn từ bên ngoài, Nick tự mình tìm ra lợi thế của hoàn cảnh mà anh đang sống, và tận dụng nó cho những việc hữu ích. Anh phát biểu rằng vì anh không có chân, không có tay mà anh có được lợi thế lớn khi anh xuất hiện trước đám đông với tư cách một diễn giả.

Thời buổi này, không dễ khiến một đám đông hàng nghìn người lắng nghe một bài diễn thuyết, càng không dễ khiến người khác tin vào những điều bạn nói nếu chúng không được chứng minh bằng những ví dụ, những hành động cụ thể. Nick cho biết rằng chỉ cần nhìn thấy anh, mọi người đều hình dung được những khó khăn, thách thức mà anh phải đối mặt hằng ngày và họ tin những gì anh nói. Nick cũng cho rằng vì anh không có chân, không có tay và vì anh phải đối mặt với vô vàn thách thức trong cuộc sống nên anh có cơ hội hiểu được những khó khăn của người khác, dễ thông cảm, sẻ chia với họ hơn. Và cũng vì thế mà cuộc sống của anh rộng mở, đầy ý nghĩa và hạnh phúc.

Về phần tôi, khó khăn và thách thức luôn là nguồn thúc đẩy lòng quyết tâm, ý chí và khả năng tìm tòi sáng tạo. Hai mươi ba năm trước, căn bệnh nan y khởi phát đã cắt đứt đường đến trường của tôi, nhưng chính cái hoàn cảnh ngặt nghèo ấy, sự thiệt thòi ấy đã thôi thúc tôi tự

học tiếng Anh cho bằng được. Cũng chính vì tôi chỉ có thể quanh quẩn giữa bốn bức tường mà tôi tìm thấy cơ hội trở thành cô giáo của hơn một trăm học trò, để rồi mỗi học trò là một mối dây yêu thương gắn kết tôi với cuộc sống.

Năm 2000, sau khi biết mình bị mắc bệnh tim và không thể tiếp tục dạy học, tôi đã tìm thấy trong biến cố đó cơ hội để đến với văn học, để trở thành một dịch giả. Và bốn năm sau đó, khi những khó khăn nảy sinh từ việc nước ta ký Công ước Berne về bảo hộ bản quyền đã thúc đẩy tôi tìm ra cơ hội tạo sự chủ động cho công việc dịch của mình bằng cách tự tìm sách, tự liên hệ với các tác giả và làm cầu nối giữa họ với các nhà xuất bản của nước ta. Những khó khăn, thách thức không nhỏ trong cuộc sống của mình cũng mang đến cho tôi cơ hội hiểu được tình yêu của gia đình dành cho tôi lớn lao biết nhường nào. Đó cũng là cơ hội để nhận ra rằng trong cuộc đời này có rất nhiều, rất nhiều người biết yêu thương, biết chia sẻ, biết sống đẹp.

Nick Vujicic cho rằng những thử thách bạn gặp trong cuộc sống có ý nghĩa nhất định, mọi thách thức xảy ra trong cuộc sống đều vì điều tốt đẹp. Theo Nick, Thượng Đế đặt ra những thách thức trên đường đời của bạn để bạn vượt qua, để bạn tìm ra lẽ sống của mình, tìm ra con đường sống đẹp. Vì thế, nếu bạn bỗng nhiên gặp phải một thách thức, bạn hãy tin rằng sự tồn tại của cái thách thức mà bạn đang đối mặt có lý do của nó và luôn có cơ hội tiềm ẩn trong thách thức đó. Bạn không cần oán trách số phận, không cần oán trách bản thân hay nguyên rủa cái thách thức đang xảy ra với mình. Thay vì thế, bạn hãy tìm kiếm các cơ hội trong thách thức đó, nắm bắt nó để thay đổi hoàn cảnh, thay đổi cuộc sống. Tôi, Nick, và những người đang hàng ngày vượt khó khác dám khẳng định rằng niềm vui của việc vượt qua thách thức đáng để bạn cố gắng, bởi vì vượt qua được những thách thức ấy bạn sẽ thấy cuộc sống, sự tồn tại của mình có ý nghĩa hơn và bạn sẽ yêu đời hơn.

Cảm giác yêu đời đó đáng để bạn cố gắng bởi vì nó là cái mà tôi cho rằng nhiều người trong cuộc sống hiện đại cần phải kiếm tìm và đang kiếm tìm. Cách đây khoảng hai tháng, tôi bất ngờ nghe được tâm sự của một thanh niên hai mươi lăm tuổi. Cậu ấy là người tôi biết từ bé, một người luôn vui vẻ và thường làm người khác vui lây. Vậy mà bỗng dưng cậu nói với tôi rằng cậu mất hết hứng thú với tất cả mọi thứ trong cuộc sống. Công việc cậu không muốn làm, chuyện yêu đương cậu không muốn nghĩ đến, ngay cả môn bóng đá mà cậu say mê giờ đây cũng không khiến cậu quan tâm. Lòng yêu đời của cậu đã trốn đi đâu khi cậu vẫn đang ở độ tuổi thanh xuân đẹp nhất đời người, khi bầu nhiệt huyết tuổi trẻ lẽ ra phải tràn đầy?

Có người mẹ bỗng nhiên rơi vào tâm trạng chán nản đến mức quên cả việc cho đứa con thơ đang khát sữa của mình bú. Có người, sau một chấn động về tinh thần, tự giam mình trong nhà tù của im lặng, từ chối nói chuyện với bất kỳ ai kể cả những người ruột thịt, những người bạn

thân. Có những người khi mất hết lòng yêu đời đã tìm đến cái chết.

Ai mà biết trước được một lúc nào đó lòng yêu đời trong bạn sẽ biến mất. Để phòng ngừa việc đó, cách hữu hiệu nhất là không ngừng làm sâu sắc thêm nhận thức về ý nghĩa của sự tồn tại của bạn trên đời này bằng chính cách sống tích cực, bằng việc luôn chuẩn bị tinh thần để đương đầu với những thách thức, những biến cố. Nếu bạn xác định rằng cuộc sống bao giờ cũng tiềm ẩn những thách thức dành cho tất cả mọi người, không trừ một ai thì bạn sẽ không quá bất ngờ khi thách thức xảy ra với mình. Nếu như đứng trước một thách thức, chúng ta không phí thời gian và tâm trí truy cứu ai, cái gì đã gây ra thách thức cho ta, không uổng phí thời gian vào việc oán trách đối tượng khác mà hoàn toàn tập trung vào việc quan trọng nhất là tìm mọi cách để vượt qua được thách thức thì khả năng vượt qua thách thức là rất lớn.

Quan trọng hơn cả tinh thần chấp nhận thách thức là quyết tâm vượt qua thách thức. Trước một mất mát lớn, bạn thấy mình suy sụp và dường như đã mất tất cả. Nhưng một người dù mất mát lớn đến mức nào cũng không mất tất cả vì ít nhất, người đó vẫn còn đang sống. Tôi đã đọc ở đâu đó câu chuyện kể về một người đàn ông mất vợ và bốn đứa con, mất tất cả nhà cửa và của cải trong một trận động đất. Vào thời điểm sự mất mát khủng khiếp đó xảy ra, bản thân ông và những người khác nghĩ rằng ông đã mất tất cả. Nhưng rồi người đàn ông ấy đã gượng dậy với ý thức rằng mình còn sống. Ông biến nỗi đau mất mát thành sức mạnh để sẻ chia, giúp đỡ các nạn nhân của trận động đất trong vai trò tình nguyện viên. Và chính điều này đã giúp ông gây dựng lại tình yêu đối với cuộc sống.

Tôi và Nick Vujicic không phải đối mặt với những mất mát khủng khiếp như người đàn ông ấy, nhưng chúng tôi đều đã từng có những lúc cảm thấy rằng thách thức mà mình phải đương đầu lớn đến mức không thể vượt qua. Nhưng cuối cùng, chúng tôi đều nhận ra rằng, chỉ cần mình còn sống là còn cơ hội vượt qua thách thức, vươn tới những ngày tốt đẹp hơn. Con người không phải là những chiến binh bất khả chiến bại trong những cuộc đấu tranh với những thách thức đặt ra trong quá trình tồn tại của mình. Nhưng trước những khó khăn và thách thức, mỗi người luôn có ít nhất hai lựa chọn: một là đầu hàng, hai là đấu tranh vượt qua thách thức bằng tất cả nỗ lực của bản thân. Tôi và Nick Vujicic đã lựa chọn điều thứ hai. Và bây giờ, khi nhìn lại những chặng đường đã qua, chúng tôi hài lòng với sự lựa chọn của mình.

Hạnh phúc nho nhỏ, hạnh phúc lớn lao

Hạnh phúc là gì? Nhân loại luôn tìm kiếm định nghĩa thỏa đáng về hạnh phúc. Đối với tôi hạnh phúc là một dải rộng bao gồm những cảm xúc tích cực mà con người, nếu mở rộng lòng mình, có thể nhận thức và nắm bắt được từ mức giản dị nhất cho đến tầm lớn lao nhất. Có niềm hạnh phúc thật đơn sơ nhưng để lại dư vị ngọt ngào suốt cả đời người. Tôi nhớ hồi chị em tôi còn bé, vào những buổi tối có đoàn chiếu bóng về chiếu phim ở sân kho của xã, chị em tôi lại háo hức đi nhận chỗ để xem phim từ ngang chiều. Bà tôi không thích sự ồn ào, không thích ngồi ở bãi chiếu phim giữa đám đông lên tới cả nghìn người để xem một bộ phim, dù bộ phim đó hay đến mức nào. Nhưng nếu chị em chúng tôi đi xem phim thì hầu như lần nào cũng vậy, trước khi buổi chiếu phim kết thúc, bà xuất hiện ở rìa bãi chiếu phim. Bà đứng đó, vừa dùng quạt nan che để khỏi lóa mắt bởi ánh đèn, vừa gọi tên chị em tôi.

Khoảnh khắc chúng tôi phát hiện bà đứng ở rìa đám đông là khoảnh khắc hạnh phúc. Chúng tôi gọi bà rồi rít, ra hiệu bằng mọi cách có thể để bà biết chúng tôi đang ngồi chỗ nào. Chúng tôi mong ngóng từng bước chân của bà, nhìn bà rẽ đám đông, xin lỗi cả trăm người bà đã đi qua để tới được chỗ chị em tôi. Bà đến để đưa cho chúng tôi những thứ quà có thể ăn được mà bà mua ở cổng bãi chiếu phim: vài củ lạc rang, một chiếc bánh đa quạt, vài chiếc kẹo vừng... Bà đến còn để đảm bảo rằng khi bộ phim kết thúc, khi mọi người chen nhau ra cổng bãi chiếu phim, chị em tôi vẫn an toàn. Chúng tôi có thể không thích bộ phim vừa xem, nhưng chưa bao giờ chúng tôi lại không thích cái cảm giác sung sướng khi phát hiện ra bóng áo nâu của bà mình ở rìa của bãi chiếu phim. Trong tuổi thơ của mình, đã nhiều lần tôi cảm nhận được niềm hạnh phúc từ những điều giản dị như thế.



Ảnh chụp cả gia đình của Bích Lan trong chuyến đi Hạ Long.

Số phận đặt ra cho tôi những thử thách to lớn, nhưng chính trong hành trình vượt qua những thử thách đó tôi tìm thấy hạnh phúc. Đương nhiên, tôi cảm thấy hạnh phúc khi đứng trước phần trưng bày về mình tại Bảo tàng Phụ Nữ Việt Nam, khi đứng trên bục nhận giải thưởng của

Hội Nhà văn Việt Nam, khi được trao các giải thưởng khác. Nhưng cảm giác hạnh phúc của những phút được vinh danh ấy không kéo dài và chẳng ai có thể say sưa mãi trong ánh hào quang của nó. Tôi cho rằng hạnh phúc lớn lao và bền vững không nằm ở những bậc cao, không ngự trên những tượng đài mà ở ngay trong cuộc sống đời thường của chúng ta.

Từ khi mắc bệnh nan y, nhiều thứ mà trước kia đối với tôi là bình thường bỗng trở nên quý giá. Có những lúc hạnh phúc đối với tôi chính là điều mà hầu hết các bạn có hàng ngày, có một cách tự nhiên đến nỗi bạn thậm chí không ý thức về sự tồn tại của chúng. Những lúc tôi nằm im lặng, chịu đựng một cơn mệt khủng khiếp, chờ đợi nó dịu đi, chờ đợi nó qua đi, tôi cảm thấy chỉ cần thở được bình thường cũng đủ để tôi cảm thấy hạnh phúc. Những lúc tôi đủ sức để tham gia một cuộc nói chuyện phiếm với gia đình hoặc bạn bè, tôi cũng cảm thấy mình đang được hưởng hạnh phúc.



Bích Lan ngắm những chiếc thuyền trôi trên vịnh Hạ Long.

Hiếm khi tôi có đủ sức khỏe để đi du lịch. Vì vậy mỗi chuyến đi mà tôi có thể tham gia đều mang lại cho tôi cảm giác hạnh phúc và biết ơn cuộc sống. Hè năm 2008, lần đầu tiên tôi đến Vịnh Hạ Long. Dù trên đường đi tôi phải trải qua cảm giác say xe rất khó chịu với những trận nôn khủng khiếp, nhưng khi cảm nhận được không khí của biển, được nhìn thấy biển, mọi cảm giác khó chịu trong tôi dường như tan biến. Đêm đầu tiên ở gần biển tôi thao thức không ngủ được. Tôi nằm nghe những âm thanh của biển. Bốn giờ sáng, tôi lặng lẽ trở dậy, đứng bên cửa sổ phòng khách sạn, ngắm những chiếc thuyền nhỏ trôi chậm chậm trên vịnh trong sương sớm. Tôi cảm thấy mình thật hạnh phúc vì vẫn còn có cơ hội được thấy biển trời mênh mông, được sống những giây phút bình yên bên những người thân của mình. Tháng 6/2009, tôi có một chuyến đi nghỉ cuối tuần cùng gia đình ở Tam Đảo. Khoảnh khắc tôi được tận mắt nhìn thấy một ngọn núi, một cánh rừng lần đầu tiên trong đời thật sự là một khoảnh khắc hạnh phúc. Tôi muốn hét lên thật to: “Tôi đã nhìn thấy núi, tôi đã nhìn thấy rừng rồi!”. Với một người phải đấu tranh với bệnh tật liên miên, trong suốt hai mươi năm trời chỉ có thể quanh quẩn trong một căn phòng mười mét, cảm giác đó tựa như cảm giác của một nhà leo núi đã đặt được chân lên đỉnh Everest và thấm thía đầy đủ ý nghĩa của niềm vui chiến thắng.



Bích Lan và bố trong chuyến đi Tam Đảo cùng gia đình vào năm 2009.

Một trong những niềm hạnh phúc lớn lao và bền vững mà tôi có được trong đời là được làm việc. Tôi không chỉ có việc làm ổn định mà còn được làm những việc mình thích, được quyết định hầu hết mọi điều liên quan đến công việc mình làm. Tôi thích sự độc lập và chủ động mà tôi tạo được trong công việc dịch thuật cũng như việc sáng tác của mình. Đối với bất cứ người trưởng thành nào, công việc luôn là một phần quan trọng của cuộc sống. Mỗi ngày bạn sống với công việc ít nhất tám tiếng đồng hồ. Vì vậy nếu bạn chán ghét công việc của mình hoặc không hứng thú với nó thì rõ ràng phần lớn thời gian trong cuộc đời trưởng thành của bạn chẳng mấy thú vị hoặc thậm chí là nhàm chán. Chính vì thế, có được một công việc để say mê gắn bó, dồn tâm huyết cho nó, sống vì nó và sống được nhờ nó là một niềm hạnh phúc. Bạn sẽ càng hạnh phúc hơn khi công việc khiến bạn say mê, đồng thời mang lại lợi ích nhất định cho người khác, cho cộng đồng, cho xã hội. Vì tôi hầu như tự chọn sách để dịch nên tôi tự cho mình quyền chỉ chọn những cuốn sách góp phần bồi dưỡng tâm hồn của bạn đọc, những cuốn sách chứa đựng những thông điệp hữu ích đối với những ai bỏ thời gian đọc chúng. Khi chúng ta đói, chúng ta lo kiếm thức ăn để làm đầy dạ dày, nhưng khi vấn đề thức ăn cho thể xác đã được giải quyết, chúng ta sẽ quan tâm nhiều hơn đến thức ăn cho tinh thần. Thực ra, thức ăn cho thể xác và thức ăn cho tinh thần phải được quan tâm như nhau và được quan tâm đồng thời mới đúng. Đó là cách con người sống một cuộc sống văn minh. Đó cũng là lý do ở thời nào, ở xã hội nào cũng có những người làm sách đầy tâm huyết.

Với một người mắc bệnh nan y như tôi, có thể sống tự lập là một niềm hạnh phúc. Dù tôi cần phải có người trợ giúp trong sinh hoạt hàng ngày, xét về mặt nào đó tôi vẫn là một người tự lập. Tôi tự lập trong suy nghĩ, trong hành động, trong các quyết định liên quan đến công việc nói riêng và trong cuộc sống của mình nói chung. Thỉnh thoảng, có người hỏi tôi rằng tôi có được hưởng trợ cấp xã hội hay không. Thú thực, trong hơn hai mươi năm sống chung với bệnh tật, tôi được hầu hết mọi người và báo chí gọi là “người khuyết tật”, thậm chí “tật nguyên”, nhưng tôi chưa bao giờ nhận một khoản trợ cấp xã hội nào, ngay cả bảo hiểm y tế tôi cũng tự

bỏ tiền ra mua hằng năm. Chính sách an sinh trong xã hội ta vẫn còn yếu kém và tôi cho rằng những điều này cần phải được cải thiện càng sớm càng tốt. Đó là sự thiếu chủ động trong các chính sách hỗ trợ người gặp khó. Dường như hầu hết những người khuyết tật cần được xã hội hỗ trợ về mặt nào đó trong cuộc sống đều phải vất vả đi tìm kiếm sự hỗ trợ, phải trải qua các thủ tục nhiều khê và phiền toái, giống như đi xin vậy.

Hồi mới bị bệnh, tôi phải nghỉ học, suốt ngày chỉ quanh quẩn giữa bốn bức tường và đối diện với nỗi cô đơn. Nhưng với nỗ lực vượt khó, tôi đã thoát khỏi sự cô đơn ấy. Từ khi tôi tìm thấy tiếng Anh như một nguồn vui, một nguồn sống, từ khi tôi mở lớp dạy học tại nhà và nhất là từ khi bước vào con đường dịch thuật, thế giới của tôi không còn bị giới hạn trong phạm vi của bốn bức tường nữa. Nó càng ngày càng mở rộng với những kết nối mới, những cuộc gặp gỡ đầy bất ngờ.

Khi tôi còn sống ở quê, ngôi nhà nhỏ của tôi là nơi đi về của các học trò đã từng học ở lớp Cây táo ngày nào. Dù các học trò của tôi đều đã đi học, đi làm ở các thành phố lớn, mỗi lần có dịp về quê các em lại ghé thăm tôi. Nhà tôi ở sát đường đi và cứ vào những ngày giáp Tết, tôi lại ở trong tâm trạng mong ngóng. Tôi mong ngóng từng học trò về qua ngõ, giống như hồi còn dạy học tôi mong các em trong mỗi ngày thi. Tôi mừng lắm khi một chiếc xe ô tô chạy qua và tôi nghe thấy tiếng gọi cuống quýt của một học trò cũ vọng tới phòng tôi qua ô cửa sổ hướng ra đường: “Chị ơi! Em đã về!”. Tiếng gọi ngắn ngủi ấy gói trọn cả niềm thân thương. Tôi cảm thấy hạnh phúc trong tiếng gọi báo tin trở về đầy thân thương ấy. Và tôi còn cảm thấy hạnh phúc hơn khi qua mỗi lần gặp lại tôi thấy các học trò của mình thêm trưởng thành.



Một học trò cưng của Bích Lan ở lớp Cây táo đưa con về thăm cô.

Có những người học trò của lớp Cây táo giờ đây đã trở thành giáo viên tiếng Anh. Các em thường kể cho học trò của mình nghe về lớp Cây táo của các em ngày trước và kể về tôi. Nhiều học trò của các em tìm cách liên lạc với tôi. Những em học trò đó không học tôi ngày nào, chỉ được tôi cho mượn vài cuốn sách hoặc chia sẻ chút kinh nghiệm học tiếng Anh cũng gọi tôi là “cô giáo” một cách hết sức tự nhiên. Có một dạo một người học trò cũ của lớp Cây táo đang dạy tiếng Anh ở một trường cấp hai gần nhà tôi không may bị ốm trong khi em đang bồi dưỡng cho

đội tuyển học sinh giỏi tiếng Anh của trường. Em gửi cả đội tuyển ấy lên nhà tôi. Những em học trò giỏi biết tôi sức yếu, không nói được nhiều nên các em cứ lẳng lặng tìm ghế ngồi, lẳng lặng mở sách làm bài tập. Tôi đi quanh chỗ các em ngồi, chỉ thỉnh thoảng nhắc một em xem lại một câu chưa chính xác, hoặc bổ sung một từ cho một bài tập. Những gì tôi làm không giống như việc tôi đang dạy

cho một lớp học lắm. Vậy mà từ đó trở đi, năm nào cũng vậy, cứ đến ngày Nhà giáo Việt Nam và ngày mừng ba Tết Nguyên đán, đội tuyển học sinh giỏi tiếng Anh ấy của học trò tôi lại đến thăm tôi. Từng em từng em lại ngồi vào những chiếc ghế các em đã ngồi làm bài tập ngày trước, hỏi han sức khỏe của tôi, hỏi về những điều mới mẻ trong cuộc sống của tôi. Tôi cảm thấy niềm hạnh phúc từ những lời hỏi han ân cần ấy.

Ngôi nhà của tôi cũng là điểm đến của nhiều độc giả. Tháng 3/2009, đúng mười ngày sau khi phóng sự *“Không gục ngã”* được đăng trên báo *Tuổi Trẻ*, một độc giả tên là Trần Thế Bằng từ huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh đã vượt hơn 2.000 cây số ra thăm tôi. Đó là một bác trai hơn bảy mươi tuổi, đi lại khó khăn vì di chứng của một cơn tai biến mạch máu não. Tôi nhớ buổi sáng hôm ấy tôi đang cặm cụi bên bàn làm việc, thì chợt nghe tiếng gọi “Bích Lan của bác đâu?”. Nhìn ra tôi thấy một người đàn ông tóc bạc khóa ba lô đang đứng trong sân nhà mình. Một tay người đàn ông đó chống ba-toong, tay kia cầm mấy tờ báo. Tôi chậm chậm đi ra cửa đón khách. Chống ba-toong bước lên các bậc thềm, người đàn ông chìa mấy tờ báo về phía tôi, nói: “Bác từ thành phố Hồ Chí Minh ra thăm Bích Lan không gục ngã của bác đây!”. Cảm động quá, tôi nắm tay bác. Tôi có cảm giác trong cái nắm tay bên bậc thềm ấy, người độc giả lớn tuổi đó thấu hiểu được tất cả những khó khăn mà tôi đã vượt qua trong hơn hai mươi năm sống chung với bệnh tật.



Bích Lan và bác Trần Thế Bằng.

Sau khi chúng tôi trò chuyện được một lúc, vị khách đặc biệt của tôi mở ba lô ra. Ôi chao, hóa ra trong chiếc ba lô dùng để đi đường dài của bác chứa rất nhiều các loại thuốc: thuốc bổ dùng để uống, thuốc dùng để xoa bóp. Bác mang những thứ thuốc ấy cho tôi mặc dù bác không biết chắc nó có ích cho tôi hay không. Trong ba lô của bác còn có hai mươi bản sao bài phóng sự

“*Không gục ngã*”. Bác đã tự tay đánh máy tất cả sáu kỳ của phóng sự đó, sao thành nhiều bản để tặng bạn bè. Bác mang cho tôi những tập bản sao vì bác nghĩ ở một làng nhỏ như làng của tôi có thể tôi không kiếm được báo *Tuổi Trẻ*. Người đọc giả, người khách đặc biệt ấy của tôi, chỉ ở lại nhà tôi đúng hai giờ đồng hồ. Nhưng đó là hai giờ quý giá mà tôi không thể nào quên được. Sau khi chia tay bác, tôi lật giở các tập photo bác tặng tôi và tìm thấy một bức thư viết bằng bút chì dài bảy trang đầy cảm xúc mà bác đã viết cho tôi trong những ngày bác đọc phóng sự “*Không gục ngã*”. Cũng trong tập photo đó tôi thấy một tờ giấy cam kết miễn nhiệm đối với các rủi ro về sức khỏe mà bác đã ký với hãng hàng không khi bác thực hiện chuyến bay từ thành phố Hồ Chí Minh ra thăm tôi. Nếu bạn có được một cuộc gặp gỡ như thế trong đời, bạn có hạnh phúc không? Tôi chắc chắn là có.



Bích Lan và người bạn đã từ Bình Dương ra thăm cô vào dịp lễ 30/4 năm 2009.

Sau này tôi được đón những độc giả khác của báo *Tuổi Trẻ* ra thăm. Có một chị lớn hơn tôi gần mười tuổi ở Bình Dương sau khi đọc phóng sự “*Không gục ngã*” đã quyết định dành kỳ nghỉ lễ 30/4 và 1/5 của chị cho tôi. Dù chỉ quen nhau qua báo chí, ngay từ lần gặp đầu tiên chúng tôi đã coi nhau như chị em gái. Trong những ngày chị ra thăm tôi, chúng tôi tâm sự với nhau rất nhiều về cuộc sống. Chúng tôi hứa sẽ giữ liên lạc với nhau cho đến hết cuộc đời. Tôi không thể giải thích được vì sao có những người dù mới chỉ gặp một lần tôi đã biết rằng họ sẽ trở thành một phần trong cuộc sống của tôi. Tôi chỉ biết rằng cuộc sống đã đưa những con người có trái tim ấm áp ấy đến với tôi như một món quà và tôi muốn giữ những món quà đó mãi mãi.

Năm 2010, sau hơn mười lăm năm tự học tiếng Anh, lần đầu tiên tôi được gặp một người nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ. Đó là một người bạn Mỹ hơn tôi một tuổi tên là Nathan Steel. Vào khoảng giữa năm 2008, chúng tôi quen nhau khi cả hai cùng tham gia nhóm trò chuyện trên mạng về chủ đề đọc sách. Khi ấy Nathan đang phải trải qua một chuyện buồn. Anh từ bỏ công việc và cuộc sống đô thị, đến sống ở một khu dân cư thưa thớt và yên tĩnh bên cạnh một khu rừng rộng lớn ở California như một người ở ẩn. Anh bị mất ngủ triền miên và tôi có cảm giác anh đã đánh mất mục đích sống. Dù chỉ trò chuyện trên mạng, chúng tôi mau chóng hiểu nhau. Biết tôi không thể đến trường, phải tự tạo cho mình các cơ hội thực hành môn tiếng Anh bằng mọi cách, Nathan rất muốn giúp tôi luyện kỹ năng nói trong khả năng và điều kiện của anh.

Những đêm mất ngủ của anh trở nên có ích đối với tôi. Chúng tôi trò chuyện qua mạng bằng hệ thống chat voice. Có hôm bộ tai nghe của anh bị hỏng, anh lập tức lái xe vượt hơn hai chục cây số mua một bộ tai nghe mới có chất lượng tốt để trò chuyện với tôi. Trong các buổi trò chuyện chúng tôi kể cho nhau nghe về cuộc sống hiện tại, về tuổi thơ, về những nỗi buồn và những niềm vui mình đã trải qua.

Nathan nói rằng từ khi làm bạn với tôi, anh cảm thấy được truyền nghị lực để vượt qua nỗi buồn riêng. Anh nói rằng sự chăm chỉ và sự cố gắng vượt qua khó khăn của tôi đã tác động tích cực đến suy nghĩ của anh. Anh đã từng rơi vào những ngày chán nản không muốn làm việc, nhưng với sự khuyến khích và động viên của tôi, anh bắt đầu tìm lại được hứng thú với cuộc sống.



Nathan và Bích Lan tại căn hộ của gia đình cô ở Hà Nội.

Năm 2010, tôi động viên Nathan thực hiện một chuyến du lịch đến châu Á. Điểm đến đầu tiên của anh là một tỉnh giáp với Tây Tạng của Trung Quốc, nơi anh được khám phá cuộc sống của các sắc tộc khác nhau và được tìm hiểu về những giống chó ở đó. Sau nửa tháng ở Trung Quốc, anh dành hai ngày cuối cùng của chuyến đi để đến Hà Nội thăm tôi. Anh thuê phòng tại một khách sạn gần nơi chúng tôi sống để có thể đi bộ sang thăm tôi. Trước khi anh đến, tôi không khỏi băn khoăn. Tôi tự hỏi không biết tính cách và con người anh có giống với người mà tôi đã trò chuyện hàng ngày trên mạng không. Người ta vẫn nói những gì diễn ra trên mạng Internet chỉ là “ảo” thôi. Nhưng khi gặp Nathan bằng xương bằng thịt, tôi biết không phải điều gì diễn ra trên mạng cũng là ảo cả. Nathan mà tôi gặp ở Hà Nội đúng như Nathan mà tôi đã biết qua mạng Internet, từ vóc dáng đến tính cách. Gia đình tôi đón anh như đón một người bạn thân của tôi. Biết anh chỉ có hai ngày ở Hà Nội, tôi đã nhờ bạn và em trai tôi đưa anh đi thăm các phố cổ của Hà Nội, thăm làng gốm Bát Tràng và một số địa danh nổi tiếng khác ở thủ đô.

Sau chuyến du lịch châu Á, cuộc sống của Nathan thay đổi một cách bất ngờ. Anh quen một cô gái người Trung Quốc và quyết định sang Trung Quốc dạy tiếng Anh một thời gian. Hiện giờ, anh đã trở về Mỹ, đang tích cực làm việc để bảo lãnh cho người yêu của anh sang bên đó chung sống. Mỗi lần nói chuyện với Nathan trên mạng, tôi lại được anh chia sẻ những dự định mới, những tin vui. Tôi mừng vì giờ đây anh bận rộn và đầy hứng khởi với những kế hoạch cho tương lai.

Cuộc gặp gỡ thứ hai của tôi với một người ngoại quốc cũng rất cảm động. Năm 2011 khi nhà thơ Nguyễn Phan Quế Mai chuẩn bị cho ra tập thơ song ngữ mang tên “*Những ngôi sao hình quang gánh*”, chị mời tôi dịch bài giới thiệu của nhà thơ người Mỹ Bruce Weigl cho tập thơ. Nhiều bạn đọc Việt Nam đã biết đến cái tên Bruce Weigl. Ông không chỉ là chủ tịch hội đồng thơ của National Book Award, là một giáo sư giảng dạy văn học mà còn là một người Mỹ có nhiều duyên nợ với Việt Nam. Ông chính là người cựu binh Mỹ đầu tiên trở lại Việt Nam sau năm 1975 và là người rất tích cực trong các hoạt động hàn gắn vết thương chiến tranh và tăng cường hiểu biết giữa hai dân tộc Việt - Mỹ.



Từ trái sang: mẹ Bích Lan, nhà thơ Bruce Weigl, Bích Lan và nhà thơ Nguyễn Phan Quế Mai.

Trong dịp đến Hà Nội dự buổi ra mắt tập thơ *Những ngôi sao hình quang gánh*, Bruce Weigl đã đến thăm tôi. Qua nhà thơ Quế Mai, ông đã biết tôi tự học tiếng Anh và trở thành dịch giả của nhiều cuốn sách văn học, nhưng khi nghe tôi nói tiếng Anh ông lại có vẻ ngạc nhiên. Ông hỏi tôi học ở đâu mà có thể nói tiếng Anh bằng giọng khá chuẩn như vậy. Tôi trả lời rằng tôi có những hai ông thầy dạy kỹ năng nghe nói, một ông tên là BBC và một ông tên là VOA. Ông cười và không thắc mắc nữa. Trước khi ra về ông hôn tay tôi. Tôi cho rằng đó là một cử chỉ thể hiện sự lịch thiệp đối với phụ nữ của người phương Tây. Sau này, nhà thơ Quế Mai cho tôi hay rằng chị đã đi với Bruce đến nhiều nơi, gặp gỡ nhiều người, nhưng chị chưa thấy ông hôn tay ai bao giờ. Thật cảm động, phải không các bạn?

Có nhiều người bạn tôi chưa bao giờ gặp mặt. Họ biết chuyện đời tôi qua báo chí. Tôi biết chuyện đời họ qua những bức thư, qua những cuộc điện thoại. Mỗi người và tất cả, đều đóng góp cho hạnh phúc đời thường của tôi bằng những cách giản dị mà đầy cảm động. Có một người bạn lớn tuổi sống ở Cần Thơ tuần nào cũng gửi cho tôi một thứ gì đó để thư giãn qua thư điện tử: những bức ảnh về những danh lam thắng cảnh trên thế giới, những mẩu chuyện hài, những bản nhạc, những câu danh ngôn. Có một bạn trẻ đang là sinh viên ở Sài Gòn hầu như vào chiều chủ nhật nào cũng cùng tôi nghe một bản rock ballad trên Internet: tôi chọn một bản tôi thích và bạn đó nghe cùng tôi, rồi đến lượt bạn đó chọn một bản mình thích và tôi nghe cùng bạn. Khi chúng tôi cùng nghe một bản nhạc với nhau, chúng tôi có cảm giác mình đã chiến thắng sự ngăn cách về không gian để đến với nhau, nhân đôi niềm hạnh phúc mà âm nhạc mang đến cho mỗi người.

Tôi sắp kết thúc phần 1 của cuốn tự truyện này - phần kể về cuộc đời tôi từ khi tôi sinh ra cho đến ngày hôm nay. Vào lúc này, khi tôi đang tâm sự với các bạn về hạnh phúc, chắc hẳn có người sẽ hỏi, hạnh phúc lớn nhất trong cuộc đời tôi là gì. Tôi xin trả lời rằng niềm hạnh phúc lớn lao nhất trong cuộc đời tôi là niềm hạnh phúc có được một gia đình giàu tình yêu thương.

Như các bạn đã biết, gia đình của tôi cũng như hầu hết các gia đình khác, cũng có những lúc sóng gió cũng có những giai đoạn thăng trầm, nhưng dù ở bất cứ thời điểm nào, trong bất cứ hoàn cảnh nào, tôi cũng tìm thấy ở gia đình của mình tình yêu thương và sự ấm áp. Tình yêu thương của gia đình là nguồn sức mạnh to lớn giúp tôi vượt qua những lúc cam go nhất, buồn tủi nhất. Tục ngữ có câu “một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ”. Khi tôi ngã bệnh, tôi có cảm giác cuộc sống của từng người và của tất cả mọi người trong gia đình tôi đều bị đảo lộn, bị đe dọa. Mỗi người trong gia đình đều hy sinh những lợi ích của mình, cố gắng chăm sóc, bù đắp cho tôi bằng mọi cách. Trong hai mươi ba năm qua, sáng nào thức dậy tôi cũng phải đối mặt với những khó khăn mà bệnh tật gây ra, nhưng sáng nào cũng vậy, mở mắt ra là tôi nhận thức được rằng mình đang được sống trong tình yêu thương và sự quan tâm của gia đình. Cái khó nhất của một cuộc vượt khó đặt ra đối với bất kỳ cá nhân nào không phải là bản thân sự khó mà là tình trạng phải vượt khó một mình. Khi phải đối mặt với khó khăn, chỉ cần bạn cảm thấy rằng người thân của bạn luôn ở bên bạn, chỉ cần cảm nhận được điều đó thôi, cũng đủ để bạn vững tâm vượt khó.

Nếu được hỏi ai là người đã hy sinh nhiều nhất cho những thành công, cho hạnh phúc của tôi hôm nay, tôi có thể trả lời mà không cần suy nghĩ dù chỉ một giây rằng đó chính là mẹ tôi. Bạn không thể liệt kê bằng những con số những nỗi nhọc nhằn, vất vả của một người mẹ có đứa con mang bệnh nan y suốt hơn hai thập kỷ. Nhưng tôi tin rằng bạn hoàn toàn có thể hiểu được tình yêu lớn lao dành cho đứa con gặp rủi ro của một người mẹ như mẹ của tôi khi bạn nhìn vào những gì tôi đã đạt được trong cuộc sống. Mọi người nói rằng những gì tôi đạt được ngày hôm nay là điều kỳ diệu. Chính tình yêu và sự hy sinh của mẹ tôi đã góp phần đáng kể làm nên điều kỳ diệu đó.



Bích Lan (bìa trái) và mẹ bên tượng đài Người Mẹ tại Bảo tàng Phụ Nữ Việt Nam.

Tháng 10/2010, khi Bảo tàng Phụ Nữ Việt Nam chính thức cho ra mắt phần trưng bày mới về tám người phụ nữ đương đại trong đó có tôi, họ đã trân trọng mời gia đình tôi, đặc biệt là mẹ tôi, đến dự lễ khai trương. Tại buổi lễ hôm đó, khi tôi đứng chụp ảnh với mẹ của mình dưới chân bức tượng Người Mẹ Việt Nam ở trung tâm của bảo tàng, tôi vô cùng xúc động vì tôi có cảm giác rằng từ các câu chuyện về những người mẹ hy sinh những đứa con cho hòa bình, và từ các câu chuyện về những người mẹ âm thầm vun đắp cho những đứa con gặp nhiều thách thức như tôi, người ta đã đúc nên bức tượng đó.



Ngày bình thường của Bích Lan và mẹ.

Mẹ tôi có nhiều điểm chung với những người mẹ giàu tình yêu thương con nhất trên đời. Cuộc đời mà đáng Sáng tạo và ông bà ngoại tôi cho mẹ, mẹ cho lại các con mình, cho trọn vẹn. Nhưng mẹ tôi cũng có những điểm khác so với nhiều bà mẹ thời hiện đại đẻ ít con. Mẹ hầu như không nuông chiều con. Tôi chưa bao giờ thấy mẹ tôi sẵn đón các nhu cầu của chị em tôi. Trừ những lúc chúng tôi ốm đau, còn lại vào những lúc khác mẹ không bao giờ quanh quẩn bên chúng tôi để gạn hỏi chúng tôi muốn ăn gì, có muốn mẹ giúp gì hay không. Đã biết nhận thức, chúng tôi phải tự nói lên các nhu cầu của mình, phải tự phát biểu ý kiến, tự vận động. Nhờ vậy mà cả ba chị em tôi có ý thức tự lập từ nhỏ. Từ nhỏ chúng tôi đã biết rằng học tập là nhiệm vụ của bản thân mình và đương nhiên nhiệm vụ đó phải được thực hiện tốt mà không được để phiền đến người khác. Chúng tôi biết ngoài việc học, chị em tôi phải lao động tùy theo sức của mình, càng lớn càng phải lao động tích cực. Trong hơn hai mươi năm tôi sống chung với bệnh tật, mẹ chăm sóc, lo lắng cho tôi không quản sớm khuya vất vả, nhưng mẹ luôn tạo cho tôi những cơ hội để tôi tự làm những gì tôi có thể làm, khuyến khích tôi tự lựa chọn và quyết định về công việc và cuộc sống của mình. Tôi biết ơn cái cách mẹ yêu thương tôi hết lòng mà không khiến tôi cảm thấy ngọt ngào hoặc trở nên yếu đuối hay có thói quen dựa dẫm, ỷ lại.

Năm nào mẹ tôi cũng tổ chức sinh nhật cho chị em tôi, nhưng chưa bao giờ mẹ nhắc đến ngày sinh của mẹ. Chúng tôi cố gạn hỏi nhưng mẹ không nói. Khi tôi ba mươi tuổi, tôi mới biết ngày sinh nhật của mẹ. Vào ngày hôm đó, trong niềm xúc động tôi đã viết những câu thơ này về người mẹ thân yêu của mình.

"Mong mười chẳng được vẹn mười

Vì con mẹ chắt nụ cười ra môi

Chênh vênh nửa dốc cuộc đời

Vì con mẹ mãi đầy vơi nỗi niềm

Tuổi thơ con gửi theo chiều

Tóc xanh mẹ cũng phải liều hoa râu

Mang bao nhàn nhã đi cầm

Chỉ còn lại những sóng ngầm riêng thôi

Dành cho con trọn khoảng trời

Yêu thương và cả cuộc đời mẹ quên

Con không mơ lắm bạc tiền

Chỉ mong chuộc lại êm đềm mẹ xưa..."



Tôi nghĩ rằng khi cuộc sống cho tôi cái may mắn có thể cảm nhận hạnh phúc từ mức độ giản dị nhất đến tầm lớn lao nhất thì đó cũng chính là cơ hội để tôi chia sẻ hạnh phúc với những người khác. Khi câu chuyện vượt khó của tôi được nhiều phương tiện thông tin đại chúng đăng tải, rất nhiều người đã liên lạc với tôi qua thư. Hầu hết những người viết thư làm quen với tôi đều là những người đang phải đối mặt với những thách thức hoặc đang gặp phải bế tắc trong cuộc sống. Họ tìm đến tôi để tâm sự, để giải bày, để tìm những lời khuyên. Tôi không phải là chiếc chìa khóa vạn năng cho mọi cuộc vượt khó, nhưng chí ít, điều tôi có thể làm cho tất cả những người bạn đã tìm đến tôi là sự lắng nghe. Lắng nghe. Đôi khi tất cả những gì bạn cần là được nói ra và được lắng nghe để biết mình không đơn độc khi đối diện thử thách. Tôi đã lắng nghe tâm sự của những người mẹ có những đứa con mang bệnh. Tôi đã lắng nghe những câu chuyện của những người trưởng thành cảm thấy mình bị mất phương hướng sau một biến cố xảy ra trong đời. Tôi đã lắng nghe nỗi lòng của những người bạn khuyết tật chưa thể tìm được việc làm, chưa tìm thấy con đường đi cho mình để có thể sống trong sự yên tâm và yêu đời. Họ tìm đến tôi vì họ biết rằng tôi đã bước qua lần ranh sinh tử, rằng tôi đã vượt qua những thách thức lớn bằng hoặc lớn hơn của họ và vì thế họ nghĩ tôi hiểu họ, hiểu được những gì họ đang trải qua.

Tôi đã trả lời hàng trăm câu hỏi mà những người đang ở trong hoàn cảnh bế tắc đặt ra.

Nhưng tôi biết hơn ai hết chính họ mới có câu trả lời đầy đủ và chính xác nhất cho các vấn đề của họ. Một bác gái sáu mươi tuổi ở miền Nam viết thư cho tôi nói rằng bác đã về hưu và giờ đây bác dành nhiều thời gian để đi chơi, thăm thú đây đó. Thấy tôi ốm yếu mà vẫn làm việc không ngừng, bác hỏi: “Bác về hưu rồi, toàn chơi, như vậy có đúng không cháu?”. Tôi viết thư trả lời bác gái đó rằng: “Bác đã làm việc mấy chục năm rồi. Bây giờ nếu việc đi chơi thăm thú khiến bác vui để sống khỏe cùng con cháu thì tốt quá. Mẹ của cháu cũng bằng tuổi bác, cháu mong muốn, vô cùng mong muốn mẹ cháu được đi đây đó, nghỉ ngơi và thăm thú nhiều nơi. Nhưng hoàn cảnh của chúng cháu không cho phép. Mẹ cháu giờ đây vẫn bận với trăm việc không tên mỗi ngày. Nhưng với mẹ cháu được chăm lo cho con cháu là một niềm hạnh phúc!”.



Bích Lan vẫn miệt mài làm việc hằng ngày.

Ngay trong hôm nay, khi tôi viết những dòng tự truyện này tôi nhận được thư của một bạn trẻ quê ở Hải Dương. Cậu ấy nói rằng cậu tình cờ xem chương trình Gala *Người đương thời* vào dịp tết 2012 và biết tôi là một trong 30 nhân vật đại diện cho 500 nhân vật của chương trình *Người đương thời* trong 11 năm. Cậu vào Internet tìm các thông tin về tôi và rất cảm động khi biết câu chuyện vượt khó của tôi. Cậu viết rằng: “*Trong chương trình Người đương thời chị nói đến hai từ ‘bình thường’ ấn tượng quá!*”. Chẳng là trong chương trình ấy, khi người dẫn chương trình Tạ Bích Loan hỏi bé Thương, một bé trai bị bệnh tim nhờ những tấm lòng hảo tâm đã được phẫu thuật bảo toàn tính mạng, rằng sức khỏe của bé hiện nay ra sao, bé Thương đã trả lời: “Sức khỏe của em bây giờ bình thường!”. Là người phải đấu tranh với bệnh tật trong suốt hơn hai mươi năm, nghe hai tiếng “bình thường” mà em nhỏ đó thốt ra tôi thấy nó sao mà quý giá thế. Tôi đã nói lên cảm nhận đó ngay tại buổi Gala. Từ khi chương trình Gala kỷ niệm mười một năm chương trình “*Người đương thời*” được phát sóng, tôi thấy nhiều bạn bè của tôi nhắc đến chi tiết đó, nhắc đến sự bình thường quý giá mà tôi nói đến. Trong bức thư gửi tôi ngày hôm nay, bạn trẻ người Hải Dương đã đặt câu hỏi: “*Sao những người bình thường như em mà chưa làm được gì có ích cho gia đình và cho xã hội?*”. Đó là câu hỏi bạn trẻ ấy tự đặt ra cho mình, và việc tự đặt ra cho mình một câu hỏi như vậy đã chứng tỏ có một sự thay đổi đang diễn ra trong cuộc sống của bạn trẻ đó.

Tôi cảm thấy mừng vì bằng chính những gì mình đã sống, tôi đã góp phần tạo ra những thay đổi tích cực ở những người tôi quen biết. Một người bị liệt hai chân từng nghĩ mình là người vô

dụng sau khi trở thành bạn của tôi đã nhận ra rằng cơ hội của anh vẫn còn ở cái đầu tỉnh táo và hai bàn tay lành lặn. Một em gái bỏ học giữa chừng đã tìm cách đi học trở lại sau khi đọc một bài báo nói về cuộc vượt khó của tôi. Một người mẹ có đứa con trai nhỏ bị mắc bệnh loạn dưỡng cơ đã quyết tâm gạt bỏ cảm giác tuyệt vọng để làm tất cả những gì có ích cho con mình sau khi nhận được những lời động viên của tôi. Những dấu hiệu thay đổi ở những con người đang phải đương đầu với thách thức ấy là những món quà vô giá mà cuộc sống đã dành cho tôi.

Cũng như Nick Vujicic, tôi tin rằng tạo hóa tạo ra mỗi con người trên đời này đều có mục đích. Những người như tôi và Nick có mặt trên đời này để chứng minh rằng cuộc sống này rất đáng sống, rằng khó khăn dù to lớn đến đâu cũng không thể ngăn được chúng ta sống một cuộc sống hữu ích, không thể ngăn cản chúng ta vươn tới hạnh phúc nếu như chúng ta thực sự cố gắng. Căn bệnh cùng sự tiến triển quái ác của nó dường như luôn chực đẩy tôi về phía cái chết, nhưng từ lâu lắm rồi tôi đã xếp cái ý nghĩ mình là nạn nhân của căn bệnh ấy xuống đáy sâu ký ức. Điều tôi ưu tiên ghi nhớ hơn hết thảy là tôi đủ mạnh mẽ, đủ may mắn, đủ hạnh phúc để sống một cuộc sống có ý nghĩa. Suy cho cùng, cuộc đời của mỗi người ngắn hay dài không quan trọng. Điều quan trọng là chúng ta sống như thế nào để sự tồn tại của mình trên đời này trở nên có ý nghĩa.

Tôi tin rằng những người hạnh phúc là những người biết sống hết mình cho ngày hôm nay và thanh thản đi về phía ngày mai.

Hà Nội ngày 31/5/2012

PHẦN 2

NHỮNG CHIÊM NGHIỆM CUỘC SỐNG

1

Không đổ lỗi

Tại buổi ghi hình chương trình “*Người đương thời*” vào đầu tháng 5 năm 2010, nhà báo Tạ Bích Loan cho tôi xem kết quả một nghiên cứu tâm lý. Nghiên cứu đó cho thấy, thông thường, một người khi gặp chuyện rủi ro sẽ trải qua 5 giai đoạn tâm lý: (1) bất động hoặc đông cứng, (2) chối bỏ và phủ nhận, (3) tìm người có lỗi, (4) chấp nhận, (5) trở lại cuộc sống bình thường. Chị Tạ Bích Loan hỏi tôi rằng khi ngã bệnh, tôi có trải qua 5 giai đoạn đó không. Tôi thành thực trả lời rằng với tôi giai đoạn 2 và 3 đã không xảy ra. Khi mới bị bệnh, tôi “bị đông cứng” một thời gian nhưng tôi không chối bỏ, không phủ nhận, cũng không tìm người đổ lỗi. Sau đó, tôi chấp nhận căn bệnh, chấp nhận thực tế mà mình đang phải đối mặt và tìm mọi cách để tiến đến giai đoạn thứ 5 bằng hành trình vượt khó.

Như các bạn đã biết, tôi mắc căn bệnh nan y gây thoái hóa toàn bộ hệ thống cơ của cơ thể và là căn bệnh hiện chưa có thuốc chữa. Hai mươi ba năm trước, khi bác sĩ nói rằng căn bệnh của tôi là bệnh di truyền, nếu tôi oán trách bố mẹ đã sinh ra mình thì đó cũng không phải là một điều gây ngạc nhiên lắm. Có những người con oán trách bố mẹ chỉ vì bố mẹ đã đặt cho họ những cái tên không hay. Lại có những người con oán trách bố mẹ vì đã không lo nỗi cho họ những bữa ăn đủ chất khi họ còn bé, để rồi khi lớn lên, họ thấp bé so với bạn bè. Có những người con oán trách bố mẹ đã không cho họ một gốc gác tốt để dễ thăng tiến hơn. Có những đứa con oán trách bố mẹ vì đủ mọi lý do và nếu không oán trách bậc sinh thành thì họ quay ra oán trách ông Trời, oán trách số phận.

Khi chúng ta đổ lỗi cho người khác, oán trách số phận đã khiến ta rơi vào hoàn cảnh mà ta đang phải đối mặt, nghĩa là chúng ta đã tìm được cái cớ để rũ bỏ trách nhiệm với chính bản thân. Vì bạn oán trách và đổ lỗi cho người khác nên bạn không nhận thấy mình phải có trách nhiệm giải quyết vấn đề, không nhất thiết phải tự tìm cách để thoát ra khỏi hoàn cảnh không mong muốn. Vì bạn oán trách và đổ lỗi cho người khác nên bạn chờ đợi sự bù đắp, bồi thường và sửa lỗi từ bên ngoài. Vì bạn oán trách và đổ lỗi cho người khác nên bạn dễ cho phép mình

buông trôi cuộc đời.

Không chỉ oán trách người khác, khi phải chịu đựng sự bất hạnh, con người ta thường có xu hướng đổ lỗi cho hoàn cảnh như một cách biện hộ cho sự thiếu cố gắng của mình. Một bạn sinh viên làm khóa luận không đạt yêu cầu, đã nói với giảng viên rằng: “Máy tính của em bị hỏng nên em không tìm được đủ thông tin và tài liệu để làm tốt khóa luận”. Lý do này rõ ràng rất khó được chấp nhận vì bạn sinh viên đó không thể biện hộ nổi vì sao bạn ấy không thể tìm thông tin và tài liệu bằng các cách khác. Tại sao bạn ấy không chăm đi thư viện hơn để tìm kiếm thông tin qua các cuốn sách? Tại sao không nhờ bạn bè giúp đỡ? Chỉ có một lý do duy nhất lý giải cho việc khóa luận không đạt yêu cầu là vì sinh viên ấy chưa thực sự cố gắng. Ở những hoàn cảnh tương tự, với sự cố gắng cao hơn, một sinh viên khác vẫn có thể làm tốt khóa luận.

Tôi phải sống chung với bệnh tật từng giờ, từng ngày trong suốt hai mươi ba năm qua. Thể trạng của tôi quá yếu, chỉ còn khoảng 20% sức khỏe so với người cùng tuổi. Thêm vào đó, tôi lại gặp khó khăn về vận động. Nếu tôi đổ lỗi cho hoàn cảnh, không tự học, không lao động thì cũng chẳng ai phán xét gì tôi. Thực tế, không ít những người họ hàng thấy tôi gầy yếu quá mà cứ cậm cùi với sách vở đã khuyên tôi ngừng học, ngừng làm việc. Họ nói: “Làm cho vui thôi, nghỉ ngơi cho khỏe!”. Tôi biết họ nói vậy vì lo cho sức khỏe của tôi và vì nghĩ rằng một người ốm yếu như tôi phải dựa vào người khác là điều đương nhiên. Quả thực, nếu tôi không tự học, không lao động, thì gia đình tôi vẫn đủ khả năng lo cho tôi và sẽ không ai trong số những người ruột thịt của tôi từ chối việc chăm sóc và chu cấp cho tôi. Nhưng nếu tôi chấp nhận ngồi không, để mặc cuộc sống của mình phụ thuộc lòng thương và trách nhiệm của mọi người thì tôi sẽ trở thành gánh nặng cho những người tôi yêu thương nhất. Và nếu tôi đổ lỗi cho điều kiện sức khỏe, cho hoàn cảnh khó khăn để rồi cho phép thời gian của mình trôi đi vô ích trong sự trống rỗng triền miên thì tôi sẽ trở thành cái bóng trong góc nhà. Nếu cứ để mặc mình như vậy, rất có thể tôi đã mắc chứng trầm cảm và như thế, ai mà biết được điều tồi tệ gì sẽ xảy ra với tôi.

Không chịu làm cái bóng ở góc nhà, không muốn sự tồn tại của mình trở nên vô nghĩa, không cam lòng chứng kiến những người mình yêu thương vất vả, lo lắng, sầu muộn vì mình, tôi đã tự học với quyết tâm lớn nhất, ý chí cao nhất và sự kiên trì, bền bỉ. Trong những năm tự học, có vô vàn lý do mà tôi có thể dựa vào để bỏ học nửa chừng, để buông xuôi tất cả. Nhưng tôi đã không dựa vào bất cứ lý do nào để từ bỏ hành trình ấy. Tôi đã không đổ lỗi cho điều kiện thiếu thốn sách vở để tự cho phép mình bỏ qua một bài học. Tôi không dựa vào lý do đau yếu để bất tuân thủ thời khóa biểu của mình. Tôi đã vượt qua từng ngày, từng ngày, vượt qua những trở ngại, những nỗi nhọc nhằn và mệt mỏi không thể diễn tả bằng lời. Nhìn lại những ngày đã qua, tôi hiểu rằng ý thức về trách nhiệm đối với chính bản thân, đối với cuộc sống của mình đã đưa tôi

đi qua chặng đường gian khổ để đến được ngày hôm nay.

Đổ lỗi cho hoàn cảnh, cho người khác có nghĩa là bạn từ chối cơ hội được rèn luyện để trưởng thành. Từ kinh nghiệm vượt khó của bản thân, tôi có thể khẳng định rằng khi bạn chủ động thay đổi hoàn cảnh của mình, không trông chờ vào trách nhiệm và lòng thương từ người khác, cơ hội sẽ đến với bạn từ nhiều phía. Khi biết tôi bắt đầu tự học tiếng Anh, em họ của tôi, những người bạn của chị gái tôi, cô tôi... đã gửi cho tôi những cuốn sách mà tôi không thể kiếm nổi trong cái làng nhỏ của mình để phục vụ cho việc tự học. Đó là cơ hội tốt đầu tiên tôi có được trong hành trình tự học bởi mỗi cuốn sách đối với tôi là một người thầy. Cơ hội cũng đã đến với tôi sau năm năm tôi tự học, khi tôi bày tỏ khao khát được chia sẻ vốn tiếng Anh với những em nhỏ ở làng.

Nếu tôi không khát khao chia sẻ những gì học được với người khác, nếu tôi không chủ động đề nghị mẹ tôi rủ các học trò của mẹ ở trường về nhà cho tôi dạy thử thì cơ hội được làm việc đã không đến với tôi. Cơ hội được làm việc đã đến với tôi bắt đầu từ một lớp học nhỏ chỉ có vài học trò. Cơ hội đó lớn dần lên khi nỗ lực sáng tạo trong giảng dạy và sự nhiệt tình của tôi tạo ra uy tín cần thiết khiến hàng chục, hàng trăm học sinh tìm đến lớp học. Tương tự như vậy, sau khi tôi phải nghỉ dạy tiếng Anh vì khủng hoảng sức khỏe, mong muốn được tiếp tục làm việc bằng sức lực còn lại đã đem đến cho tôi cơ hội bước vào con đường dịch thuật.

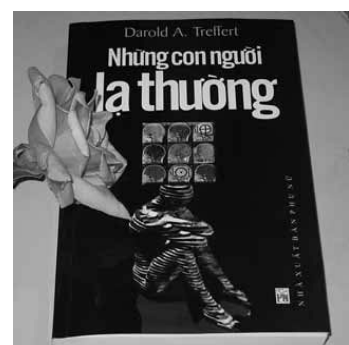
Cuối năm 2004, khi nước ta ký Công ước Berne về bảo hộ bản quyền, tôi không thấy nhà xuất bản giao sách cho tôi dịch. Khi ấy tôi hoàn toàn có thể đổ lỗi cho điều kiện khách quan, cho những khó khăn không mong muốn để từ bỏ việc dịch thuật. Nhưng tôi không muốn đổ lỗi cho điều kiện khách quan, tôi không muốn bỏ nghề, không muốn từ bỏ niềm đam mê của mình. Nếu bạn đang đi trên một con đường và vì một chướng ngại vật nào đó mà bạn buộc phải dừng lại, thì việc đầu tiên bạn sẽ làm là xem xét liệu mình có thể vượt qua chướng ngại vật đó không chứ không phải là vừa mới nhìn thấy chướng ngại vật bạn đã quyết định quay đầu xe để trở về điểm xuất phát. Bạn cũng sẽ không phí phạm thời gian tìm hiểu xem vì sao cái chướng ngại vật ấy lại nằm ở đó, ai đã dựng lên cái chướng ngại ấy. Bạn sẽ tập trung vào điều cần thiết nhất: tìm cách vượt qua nó. Tôi cũng vậy.

Đừng đổ lỗi cho hoàn cảnh hay cho bất kỳ ai khi bạn gặp rủi ro, bất hạnh. Dù sao thì điều không mong muốn cũng đã xảy ra và dù sự oán trách của bạn dữ dội đến mức nào thì cũng không phải là giải pháp cho vấn đề bạn đang gặp phải. Thái độ không oán trách có thể giúp ai đó thay đổi hoàn cảnh theo hướng tích cực. Tôi nghĩ rằng trong cuộc đời này, trong cuộc phấn đấu vươn lên vì tương lai tốt đẹp hơn, chúng ta không cần phải oán trách ai hết bởi vì, không ai khác, chính chúng ta phải chịu trách nhiệm về hạnh phúc của mình. Chúng ta cũng không cần

phải đổ lỗi cho hoàn cảnh vì cuộc sống đặt ra những hoàn cảnh khó khăn để giúp chúng ta rèn luyện bản thân, giúp chúng ta hoàn thiện hơn trong sứ mệnh quan trọng nhất của chúng ta trên đời này: sứ mệnh làm người.

Bắt đầu từ những gì còn lại

Năm 2006, tôi may mắn có được cơ hội dịch cuốn sách “*Extraordinary People*” (*Những con người lạ thường*) của tiến sĩ tâm thần học nổi tiếng người Mỹ Darold A. Treffert. Cuốn sách nói về những người bị thiếu năng trí tuệ hoặc bị tổn thương nghiêm trọng ở hệ thần kinh trung ương nhưng lại sở hữu duy nhất khả năng phi thường về toán học, hội họa, hoặc âm nhạc. Những con người ấy vừa được gọi là người khuyết tật trí tuệ, vừa được gọi là bác học. Khuyết tật trí tuệ ở họ khiến họ thậm chí không thể tự chăm sóc bản thân, không có được nhận thức đơn giản về sự an toàn để tự bảo vệ mình. Họ gần như bị số phận nghiệt ngã tước đi tất cả các cơ hội tồn tại trong thế giới của những người bình thường, ngay cả khi khả năng ở một lĩnh vực duy nhất nào đó mà họ bộc lộ được đánh giá là phi thường.



Bích Lan đã đặt một bông hồng lên bản tiếng Việt cuốn “*Những con người lạ thường*” để tri ân tác giả -

tiến sĩ tâm thần học nổi tiếng người Mỹ Darold A. Treffert - vì những bài học quý giá ông mang đến cho cô và cho độc giả của cô.

Sở dĩ những người đó sống được và sống có ích là nhờ những gia đình phi thường của họ. Những ông bố, bà mẹ của những con người ấy đã không chìm vào nỗi thất vọng, không chăm chăm nghĩ đến những gì số phận đã cướp đi của con họ, mà luôn nhìn vào những gì còn lại, coi những điều còn lại đó là sự may mắn, thậm chí là điểm phúc. Từ những gì còn lại, họ làm tất cả những gì có thể để khiến cho sự tồn tại của đứa con của họ - mà người đời cho là dị biệt - trở nên có ý nghĩa. Đó là một bài học quý giá đối với bản thân những người khuyết tật nói riêng và những người đang phải chịu đựng những mất mát, thiệt thòi trong cuộc sống nói chung cũng như đối với gia đình họ.

Tôi ngã bệnh đúng vào lúc tuổi thanh xuân đẹp đẽ và đầy cảm xúc vừa mới mở ra trước mắt. Căn bệnh loạn dưỡng cơ mà tôi mắc phải là một căn bệnh tiến triển. Điểm đặc trưng của căn bệnh là làm thoái hóa dần hệ thống cơ, gây sụt cân, làm mất một phần khả năng vận động và ảnh hưởng xấu đến hoạt động của tim. Hồi mới phát bệnh, chỉ trong khoảng ba tháng, tôi mất đi 1/3 trọng lượng cơ thể. Từ một đứa con gái mới lớn phổng phao và hồng hào, tôi trở thành

cô bé gầy yếu, xanh xao. Tôi không dám soi gương. Mỗi lần tình cờ thấy hình ảnh gầy mòn của mình trong gương là mỗi lần tôi có cảm giác ghét bỏ bản thân. Tôi nhớ đến hình ảnh của mình trước khi mắc bệnh trong cảm giác tiếc nuối và cay đắng đến nghẹn ngào. Nếu sự sa sút về hình hài, vóc dáng khiến tôi buồn một thì sự bất thường về vận động khiến tôi buồn mười. Các khả năng vận động cứ dần rời bỏ tôi mà tôi và không ai có thể làm gì để ngăn sự mất mát ấy. Đầu tiên, tôi mất khả năng chạy, sau đó tôi mất khả năng tự đứng ngời, mất khả năng đi lại bình thường. Tất cả những mất mát đó, dù được nhìn ở góc độ chân thực và khách quan nhất, cũng đủ khiến bất kỳ ai cũng dễ dàng rơi vào tuyệt vọng.

Ở cái tuổi mới lớn ấy, với những ước mơ lãng mạn và niềm khát khao có được một tương lai tươi đẹp, có lúc tôi còn tự khuếch đại nỗi mất mát của mình, khiến nỗi buồn càng sâu hơn. Trong ý thức về sự mất mát, tôi cứ mong có một phép màu nào đó giúp tìm lại cho tôi hình hài, khả năng vận động mà tôi đã từng có. Nhưng chẳng có một phép màu nào xảy ra cả. Chỉ có sự xuống dốc của sức khỏe và những mất mát mới. Nếu trong cái xu hướng mất mát ấy tôi cứ tiếp tục ghét bỏ bản thân, tiếp tục để mình chìm trong tuyệt vọng, tiếp tục trông ngóng vào phép màu thì đến một thời điểm nào đó rất có thể tôi đã tự kết thúc cuộc sống của mình. Nhưng sau một thời gian buồn tủi, tôi dần dần hiểu ra rằng bởi vì tôi vẫn còn sống, vẫn còn ý thức được về sự tồn tại của mình, tôi vẫn chưa mất đi tất cả. Tôi vẫn còn nhúc nhích tự bước đi được. Tôi có gia đình hết mực yêu thương mình. Tôi nhận ra rằng mình phải chịu những mất mát to lớn, nhưng những gì mình còn lại cũng không phải là ít. Tôi hiểu ra rằng chỉ cần được nhìn thấy ánh sáng của ngày mới đã là may mắn chứ chưa kể được sống với cha mẹ và những người thân yêu của mình. Tôi bắt đầu cố gắng suy nghĩ ít hơn về những gì mình đã mất và không thể lấy lại được, và cố gắng tập nhìn vào những gì mình còn lại, những gì mình đang có trong tay.

Nếu muốn thay đổi hoàn cảnh, bạn hãy bắt đầu bằng cách thay đổi suy nghĩ. Có thể sau một tai ương, một biến cố khủng khiếp nào đó, bạn cảm thấy dường như mình đã mất tất cả, chẳng còn lại gì. Có thể bạn nghĩ cho dù bạn có muốn gượng dậy, bạn cũng không biết phải bắt đầu từ đâu, bắt đầu từ cái gì. Đó là bởi bạn đã cho phép mình dành mọi ý nghĩ cho sự mất mát. Hãy nghĩ đến những gì còn lại, và nghĩ đến những người còn khó khăn hơn mình, những người phải chịu buồn nhiều hơn mình, như thế bạn sẽ thấy mình đủ may mắn để bắt đầu cuộc vượt khó.

Phải bắt đầu từ đâu? Bạn có lẽ sẽ tự hỏi như thế khi ý thức được rằng mình đang ở một xuất phát điểm rất thấp. Tôi may mắn được biết những con người làm nên thành công đáng nể gần như từ hai bàn tay trắng. Thực ra, còn hai bàn tay nghĩa là bạn còn không ít cơ hội để gây dựng tương lai cho bản thân và giúp ích người khác. Hai bàn tay chăm chỉ, một khối óc luôn suy nghĩ để cải thiện cuộc sống và một tấm lòng rộng mở hướng tới những điều tốt đẹp có thể đưa bạn

vượt qua những gian khó, đến với cuộc sống mà bạn mơ ước.

Câu chuyện gây dựng sự nghiệp từ con số 0 của người bạn tôi - chị Nguyễn Thị Hương quê ở Phổ Yên, Thái Nguyên - là một ví dụ. Chị sinh năm 1974, trong một gia đình đông con, rất nghèo. Năm 2001 sau khi hôn nhân đổ vỡ, chị sang Đài Loan làm hộ lý tại một bệnh viện. Lúc đó, chị chỉ có hai bàn tay trắng. Với hai bàn tay ấy, chị chăm sóc những bệnh nhân bị ung thư giai đoạn cuối trong đó có những người đang phải khổ sở với chứng hoại tử. Hai bàn tay ấy đã không quản ngại trước bất cứ một việc cần làm nào đối với các bệnh nhân. Hai bàn tay ấy đã công, bế từng người bệnh, bón những thìa cháo, làm vệ sinh những phần cơ thể bị hoại tử cho bệnh nhân. Hai bàn tay chịu thương chịu khó, sự ân cần và lòng thương người của chị Hương đã khiến gia đình các bệnh nhân rất cảm động. Những đứa con của một bà cụ 90 tuổi được chị Hương chăm sóc tận tình biết chị sinh ra và lớn lên ở vùng đất chuyên canh cây chè, đã dẫn chị tới các cơ sở trồng và chế biến chè sạch của Đài Loan, giúp đỡ tận tình để chị có cơ hội tìm hiểu kỹ thuật trồng chè sạch và công nghệ chế biến chè hiện đại.



Bích Lan (bìa trái) và chị Nguyễn Thị Hương trước phần trưng bày về chị tại Bảo tàng Phụ Nữ Việt

Nam.

Sau sáu năm lao động ở Đài Loan, chị Hương trở về vùng quê Thái Nguyên với lưng vốn khá khá cùng kỹ thuật trồng chè sạch và công nghệ chế biến chè xuất khẩu. Vẫn với hai bàn tay, với lòng kiên nhẫn và khối óc luôn tìm tòi sáng tạo, chị bắt đầu tạo dựng doanh nghiệp trồng và chế biến chè sạch xuất khẩu ngay trên mảnh đất quê hương. Giờ đây, doanh nghiệp chè Vạn Tài của chị Hương đã trở thành một trong những đơn vị xuất khẩu chè sạch nổi tiếng nhất ở đất chè Thái Nguyên. Chị cũng là một trong tám phụ nữ đương đại tiêu biểu được giới thiệu tại Bảo tàng Phụ Nữ Việt Nam.



Bích Lan và tỉ phú Thái Lan Vikrom Kromadit - tác giả tự truyện “Tay không gây dựng cơ đồ” - tại Đại

học Quốc gia Hà Nội vào tháng 4/2012.

Không giống như chị Nguyễn Thị Hương - nhân vật nổi tiếng trong giới doanh nhân ở Thái Lan Vikrom Kromadit có ông bố giàu có. Nhưng Vikrom không muốn dựa vào bố. Ông đã khởi nghiệp chỉ với 25 xu trong túi. Ông thậm chí phải “đi lậu” vé xe buýt. Bắt đầu từ việc môi giới kinh doanh, tìm thị trường xuất khẩu cho các nông phẩm của Thái Lan, ông tích lũy vốn liếng và kinh nghiệm để trở thành nhà xuất khẩu các mặt hàng nông phẩm với số lượng lớn. Từ lĩnh vực xuất khẩu nông phẩm, ông tiến đến xây dựng và kinh doanh các tổ hợp khu công nghiệp. Sau bao nỗ lực, với quyết tâm vươn lên không mệt mỏi, ông đã gây dựng được cơ đồ đáng nể. Từ xuất phát điểm “25 xu”, giờ đây ông là chủ của nhiều khu công nghiệp lớn trong và ngoài nước (trong đó có khu công nghiệp Amata ở Biên Hòa, Đồng Nai). Hiện có tới 900 nhà máy hoạt động trong các khu công nghiệp của Vikrom. Từ một chàng trai lập nghiệp gần như với hai bàn tay trắng, Vikrom trở thành một trong những doanh nhân thành đạt nhất Thái Lan với tổng tài sản trị giá 145 triệu USD, với doanh thu hàng năm bằng 10% GDP của Thái Lan.

Một trường hợp vượt khó phi thường khác mà tôi vô cùng khâm phục là trường hợp của diễn giả người Mỹ Helen Keller. Helen chào đời vốn khỏe mạnh, nhưng chưa đầy hai tuổi, bà bị một cơn sốt kéo dài và di chứng của nó để lại thật khủng khiếp. Nó khiến bà bị mù và điếc vĩnh viễn. Một đứa trẻ ở tuổi ấy vừa bị mù, vừa bị điếc thì làm thế nào có thể học chữ và tiếp thu kiến thức được? Thế giới của đứa trẻ ấy sẽ mãi mãi là bóng tối và sự câm lặng, nhiều người nghĩ thế. Helen đã chứng minh điều ngược lại. Tuy mất đi hai giác quan quan trọng nhất đối với việc giao tiếp và tiếp nhận tri thức, Helen không mất đi mọi niềm hy vọng của mình. Với sự giúp đỡ tận tình và lòng yêu thương của cô giáo Anna Sullivan, Helen Keller đã học đọc, học viết bằng cách sờ. Khi học từ nước bà phải sờ vào nước và học cách đánh vần từ “nước” bằng các ngón tay. Người bình thường không thể nào hình dung hết những khó khăn và nhọc nhằn của cách học ấy. Sau khi Helen phát âm được những từ cơ bản, cô giáo đưa cho Helen bộ chữ nổi in trên những mảnh giấy cứng như một bộ bài. Helen sắp xếp các mảnh giấy theo các cấu trúc để tạo thành những câu đơn giản. Nhẫn nại và đầy quyết tâm, Helen không chỉ đọc thành thạo tiếng

Anh mà còn học đọc được cả tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Hy Lạp, tiếng La tinh bằng hệ thống chữ nổi Braille.

Năm 1900, ở tuổi hai mươi, Helen vào học tại Đại học Radcliffe và trở thành người mù và điếc đầu tiên tốt nghiệp đại học. Sau khi tốt nghiệp đại học, bà trở thành một nhà diễn thuyết và là tác giả của gần hai mươi cuốn sách. Sự phấn đấu vươn lên từ hoàn cảnh tưởng chừng như vô vọng của bà là nguồn khích lệ đối với bất kỳ ai từng biết đến câu chuyện cuộc đời bà.

Khi tôi bắt đầu cuộc vượt khó của mình ở tuổi mười bốn, tôi chưa biết đến Helen Keller, cũng chưa từng nghe nói đến tỉ phú Vikrom Kromadit, và chưa quen biết chị Nguyễn Thị Hương. Tôi chỉ biết rằng mình sẽ phải bắt đầu vươn lên, thoát ra khỏi hoàn cảnh không mong muốn, từ chính những gì còn lại, bằng quyết tâm và nghị lực của mình chứ không thể chờ đợi vào sự may mắn hay phép màu nào. Từ cuốn sách giáo khoa mà tôi có thể sử dụng vào những lúc em trai không cần đến, tôi đã bắt đầu hành trình tự học đầy gian khổ để rồi trở thành cô giáo và dịch giả của nhiều cuốn sách văn học.

Không ai có thể nói gì nhiều về một xuất phát điểm khiêm tốn như cái xuất phát điểm “một cuốn sách giáo khoa”, hay một khoản vốn liếng chỉ vền vẹn có 25 xu, nhưng có được những thứ ít ỏi đó vẫn là có một thứ gì đó trong tay. Với ý chí, lòng quyết tâm và sự kiên trì của con người, những thứ nhỏ bé, ít ỏi đó qua sự lao động bền bỉ và sáng tạo có thể trở thành những hạt giống quý giá làm nên mùa màng. Bạn và tôi không thể biết được bản thân mình chứa đựng những khả năng tiềm ẩn nào, những nguồn sức mạnh to lớn đến mức nào cho đến khi những khả năng đó, những nguồn sức mạnh đó được khơi dậy, được bộc lộ qua sự thúc đẩy của hoàn cảnh, của thách thức.

Đa số bạn trẻ thời nay đang ở một xuất phát điểm tốt hơn cái xuất phát điểm “một cuốn sách” của tôi. Và nhiều bạn trẻ đang có được một xuất phát điểm rất tốt mà hồi mười bốn tuổi tôi có nằm mơ cũng không dám mơ tới. Các bạn được học ở những trường tốt hơn trường mà tôi đã học, có nhiều điều kiện để trau dồi kiến thức hơn, được tiếp cận với những gì các bạn cần học và muốn học theo các cách đa dạng và cuốn hút hơn.

Ngày nay, rất nhiều học sinh, sinh viên được tiếp cận với máy vi tính, với Internet. Một chiếc máy vi tính, nhất là một chiếc máy vi tính có kết nối Internet, là cả một trời cơ hội dành cho người sử dụng nó. Bạn có thể dùng máy tính để chơi game, nghe nhạc, tán gẫu với bạn bè và làm nhiều điều giúp bạn giải trí, khiến bạn vui. Nhưng với một chiếc máy vi tính, bạn có thể làm nhiều việc quan trọng hơn, hữu ích hơn. Internet là kho thông tin và kiến thức có thể nói là vô tận, bởi vì một cá nhân không thể sử dụng hết các nguồn kiến thức có sẵn trên Internet và bởi từng phút, thậm chí từng giây người ta vẫn không ngừng đưa lên mạng Internet những kiến

thức mới, những thông tin mới. Nếu bạn cần tra dồi kiến thức về lĩnh vực nào đó, bạn hoàn toàn có thể tìm được trên Internet những thông tin cần thiết và hữu ích liên quan.

Nếu bạn là học sinh, sinh viên và đang muốn cải thiện trình độ tiếng Anh của mình thì Internet có rất nhiều trang học tiếng Anh miễn phí phù hợp với mọi xuất phát điểm của người học. Bạn chỉ cần chọn cho mình một chương trình học phù hợp và đặt ra một lịch học nghiêm túc và rèn cho mình ý chí, sự tự kỷ luật để tuân thủ lịch học của chính mình thì chắc chắn khả năng sử dụng tiếng Anh của bạn sẽ được cải thiện. Nếu mỗi ngày, thay vì chơi game, bạn dành khoảng ba mươi phút để học một bài học tiếng Anh ngắn gọn và thú vị trên Internet thì trong khoảng ba năm, bạn sẽ có được cái mà bạn có thể tự hào gọi là “biết tiếng Anh”, một khả năng thực sự chứ không phải cái kiểu “biết” khiến bạn lúng túng, ngượng ngịu khi gặp phải một người nói tiếng Anh và cần phải giao tiếp với người ấy. Với các môn học khác cũng vậy, nếu bạn chưa thực sự hiểu một vấn đề nào đó trong bài giảng của giáo viên ở lớp, thì bạn có thể theo dõi bài giảng của một giáo viên khác về chính vấn đề đó qua các video, các bài giảng bằng chữ có sẵn trong các kho học liệu trên Internet. Nếu việc mở rộng kiến thức cho bản thân theo hướng chủ động trở thành thói quen thì chắc chắn bạn sẽ tiến bộ rõ rệt trong học tập, sẽ tự tin trong lớp học, trên giảng đường và cả khi bước vào đời.

Sau khi tôi tự học tiếng Anh được mười hai năm, tôi mới bắt đầu được tiếp cận Internet. Ngay từ lần đầu tiên gõ vào thanh công cụ tìm kiếm Google mấy chữ “tự học tiếng Anh”, tôi đã biết rằng mạng Internet là một cơ hội tốt dành cho bất cứ ai muốn học ngoại ngữ này. Tôi cũng ý thức được rằng con đường tự học của tôi sẽ ngắn hơn, đỡ vất vả hơn nhiều nếu như tôi được tiếp cận với Internet ngay từ đầu. Nói như thế không có nghĩa là giờ đây Internet không giúp gì được tôi trong việc tự học tiếng Anh nữa. Học một ngoại ngữ nào đó nghĩa là học nó suốt đời. Mặc dù không sử dụng Internet để học lại những bài học tiếng Anh thuộc trình độ sơ cấp và trung cấp, tôi đã sử dụng phương tiện hữu ích này để tăng cường vốn tiếng Anh cũng như vốn kiến thức văn hóa nói chung qua các bài giảng về văn hóa, lịch sử, văn học do các giáo sư, các chuyên gia nước ngoài thực hiện được thu hình, ghi âm và đăng tải trên mạng thông tin toàn cầu này. Những kiến thức mà tôi thu được qua những bài giảng trên Internet giúp ích cho tôi rất nhiều trong công việc dịch văn học cũng như trong việc sáng tác.

Ngoài các tiện ích đối với việc học tập, Internet là nguồn thúc đẩy các ý tưởng mới. Khi bạn đọc các thông tin về một người nào đó, một sự kiện nào đó, có thể bạn nghĩ những thông tin ấy chẳng liên quan gì đến bạn, đến cuộc sống của bạn, đến thế giới của bạn. Nhưng điều mà bạn không ngờ tới là, chính những thông tin tưởng như chẳng liên quan gì đến bạn lại có thể là sự kích thích, sự khơi gợi khiến bạn nảy ra một ý tưởng nào đó có ích. Khi tìm kiếm chất liệu cho

cuốn “*Thần đồng thế kỷ 20*”, tôi tình cờ biết đến tác giả khuyết tật Shirley Cheng và tôi nảy ý tưởng tự tìm kiếm sách dịch và liên hệ với các tác giả để giao dịch bản quyền. Nhờ đó, tôi không còn phải ngồi chờ nhà xuất bản giao sách cho dịch nữa mà tự chủ động được nguồn sách dịch cho mình, được dịch những cuốn mình thực sự thích và được quen biết nhiều tác giả trên thế giới.

Ở thời này, với sự phong phú về sách kiến thức và với giá cả ngày càng rẻ của các thiết bị phục vụ học tập như máy tính điện tử, những người phải bỏ học giữa chừng hoặc không thể đến trường vì bệnh tật hoặc vì lý do nào đó vẫn có cơ hội không nhỏ để tiếp tục sự giáo dục của mình. Nếu bạn muốn giải thoát mình khỏi hoàn cảnh không mong muốn, muốn sống hữu ích, muốn đóng góp cho xã hội, bạn phải trang bị cho mình một nền tảng kiến thức nhất định đủ để bạn có thể làm được một công việc nào đó. Hầu hết chúng ta không phải là thần đồng, và để thành thạo một kỹ năng nào đó chúng ta đều phải tìm hiểu và rèn luyện kỹ năng đó trong một khoảng thời gian nhất định. Bạn hãy tự học một cách kiên nhẫn, siêng năng, bền bỉ và đầy quyết tâm từ xuất phát điểm của mình. Dù xuất phát điểm của bạn có khiêm tốn đến mức nào, nó cũng là điểm khởi đầu của những điều lớn lao hơn, ý nghĩa hơn mà bạn sẽ gây dựng được nếu bạn thực sự cố gắng.

Khi buồn hãy nghĩ đến những người còn buồn hơn mình

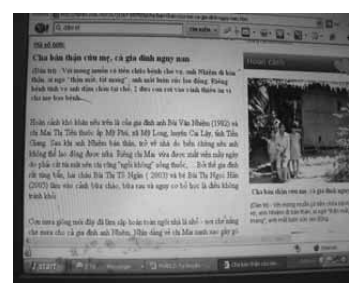
Có ai sống trên đời này không từng trải qua những nỗi buồn? Ngay cả khi cuộc sống của bạn được cho là bình yên và hạnh phúc thì vẫn có những lúc vì một lý do nào đó, vì sự việc nào đó bạn cảm thấy buồn. Với một người gặp biến cố lớn ở tuổi còn rất trẻ như tôi, nỗi buồn dường như là chất keo bám chặt lấy những ý nghĩ. Nếu cứ để nỗi buồn bám chặt vào các ý nghĩ, tôi sẽ gục ngã. Nhưng để thoát ra được khỏi nỗi buồn cũng không dễ dàng gì.

Tuổi mười bốn của tôi được đánh dấu bằng những ngày dài lê thê ở khắp các bệnh viện. Đặt chân đến cổng của một bệnh viện là tôi lại bị nỗi sợ hãi hành hạ. Tôi sợ tất cả những gì liên quan đến bệnh viện, sợ từ bác sĩ, đến khung cảnh lạnh lẽo của các hành lang. Và tôi buồn ghê gớm khi nghĩ đến tình trạng bệnh tật của mình. Tôi cứ thầm hỏi ông Trời rằng tại sao, tại sao tôi lại phải ở đây, giữa những bức tường trắng của bệnh viện, trong nỗi sợ hãi khủng khiếp và nỗi buồn ghê gớm này? Tại sao tôi phải chịu đựng những điều ấy trong khi bạn bè tôi được học hành, được vui vẻ ở trường? Nhưng rồi càng đến bệnh viện nhiều, tôi càng hiểu ra một điều rằng nỗi buồn của mình chưa phải là nỗi buồn tận cùng, rằng ở đời còn có những người khác đang phải buồn hơn mình nhiều.

Trong những lần loay quanh ở các bệnh viện, chờ chực tại các phòng khám, tôi đã tận mắt thấy những con người mà chỉ cần nhìn một lần tôi cũng biết hoàn cảnh của họ còn bi đát, khó khăn hơn mình nhiều. Một lần đi qua một phòng cấp cứu của một bệnh viện lớn, tôi thấy những bệnh nhân nằm trên những chiếc giường cồng với đủ các loại dây nhợ và máy móc gắn vào người. Họ nằm im lìm hoặc vật vã, giãy giụa, kêu rên không ngừng trong những cơn bệnh cấp tính. Bên cạnh họ, những người thân khóc sục sùi hoặc gục đầu xuống thành giường, xuống bệ cửa sổ vì mệt mỏi, căng thẳng và buồn bã. Tôi thấy những gì mình đang trải qua chẳng thấm vào đâu so với những gì mà những người ở trong phòng cấp cứu ấy đang phải chịu đựng. Tôi mới chỉ phải đi qua cửa phòng cấp cứu ấy, chứ chưa phải đặt chân vào trong, chưa phải là một trong những người đang nằm trên những chiếc giường cồng đó.

Cũng tại các bệnh viện, tôi nhìn thấy những em nhỏ mới chỉ hai-ba tuổi, thậm chí nhỏ hơn, phải chịu đựng những đau đớn mà ngay đến cả những người lớn có ý thức chịu đựng cao cũng

khó mà chịu đựng nổi. Các em lắc đầu lia lịa, giãy giụa, không chịu vào các phòng khám bởi vì nỗi sợ bệnh viện, sợ bác sĩ của các em còn lớn gấp ngàn lần nỗi sợ của tôi. Các em khóc ngằn ngặt từ chối những viên thuốc người lớn cố ép các em uống. Những mũi tiêm khiến các em khóc thét lên giữa những bức tường trắng. Ngay cả ở ngoài sân bệnh viện nơi có những bồn hoa, có những chiếc ghế đá, những bức tượng trang trí các bệnh nhi trông cũng thật buồn. Những gương mặt nhăn nhó, ỉu xiu, buồn rầu của các bệnh nhi trong những mảnh sân nhỏ đối với tôi là những hình ảnh ám ảnh nhất tại các bệnh viện mà tôi đã đặt chân đến. Buồn biết bao! Ở tuổi ấy, đáng lẽ các em phải được chạy nhảy tung tăng, nói bi bô, luôn nhoẻn miệng cười. Nhưng bệnh tật đã cướp đi của các em tất cả những điều tự nhiên, dễ thương đó. Thay vào đó, bệnh tật khiến các em phải chịu đựng những điều mà bất cứ ai là người lớn có trái tim đều ước giá mà mình có thể chịu đựng thay cho các em. Mỗi lần nhìn thấy một bệnh nhi, tôi lại nghĩ đến tuổi thơ của mình, đến những ngày được chơi thỏa thích, đến cảm giác vui vẻ, hạnh phúc mà tôi từng được hưởng. Tự nhiên, tôi thấy nỗi buồn của mình vui nhẹ.



Một hoàn cảnh buồn được đăng trên báo điện tử Dân Trí vào tháng 5/2012.

Nếu bạn bị đau chân và bạn chỉ nghĩ đến cái chân đau của mình thôi thì sự đau đớn ấy sẽ lớn hơn nó vốn có nhiều. Vì cái đau được khuếch đại lên trong những ý nghĩ bi quan của bạn nên bạn sẽ cảm thấy khó chịu hơn. Một trong những cách để bạn nhìn nhận đúng về hoàn cảnh của mình, có thể chấp nhận sự đau đớn, khó khăn là nhìn ra xung quanh. Bạn cứ thử nhìn ra xung quanh mà xem, bạn sẽ thấy có những người phải chịu đựng những nỗi đau, những khó khăn lớn hơn những nỗi đau, những khó khăn mà bạn đang phải chịu đựng nhiều.

Nếu bạn là độc giả thường xuyên của báo điện tử *Dân Trí*, bạn sẽ thấy trong những ngày bạn đang sống có những phận người phải đấu tranh, vật lộn với những khó khăn không thể tưởng tượng nổi. Có bà mẹ đơn thân vừa phải chịu đựng căn bệnh ung thư vú vừa phải nuôi ba đứa con thơ. Có cậu bé đã mồ côi cả cha lẫn mẹ giờ lại bị bại liệt toàn thân. Có người thanh niên một mình phải lo cho ba người phụ nữ bị tâm thần trong gia đình. Và còn rất nhiều, rất nhiều những trường hợp thương tâm khác. Chỉ cần đọc một câu giới thiệu ngắn ngủi về hoàn cảnh của họ, bạn cũng có thể hình dung phần nào những khó khăn, những nỗi buồn mà họ đang phải trải qua.

Tôi biết có bạn trẻ vì bố mẹ từ chối không mua cho một món đồ mình thích, đã khóc sưng mắt, bỏ cơm vài ngày, nằm lì trên giường gặm nhấm nỗi buồn. Tôi có thể hiểu được rằng cảm

giác bị từ chối khiến người bạn đó bị tổn thương. Bạn cảm thấy người lớn không hiểu mình, không quan tâm đến sở thích của mình. Từ sự từ chối ấy, bạn có thể sẽ suy ra rằng bạn không được yêu thương. Nhưng tôi có thể khẳng định rằng nếu nhìn nài nhìn ra xung quanh, bạn sẽ thấy trong cuộc đời có những người thậm chí không có thì giờ và không có sức để mà buồn vì những tổn thương tương tự như tổn thương của bạn bởi vì họ đã bị từ chối quá nhiều. Sống cùng thời với bạn có rất nhiều bạn trẻ bị từ chối những thứ quan trọng, lớn lao hơn thứ mà bạn đã bị từ chối. Có những bạn trẻ bị số phận từ chối cơ hội học hành, phải làm lụng vất vả từ khi còn bé để nuôi bản thân và gia đình - những đứa trẻ đi bới rác, đi bán vé số hằng ngày. Có những bạn gái bị lừa bán qua biên giới, phải sống những ngày nhục nhã, ê chề chẳng khác gì địa ngục, bị cuộc sống từ chối bằng nhiều cách, từ nhiều hướng và nặng nề nhất là bị sự thành kiến của xã hội từ chối thừa nhận nhân phẩm. Có những bạn phải đấu tranh với bệnh ung thư khi đang ở tuổi thanh xuân. Rõ ràng, nếu đem so sánh nỗi buồn bị từ chối trước cơ hội được sống thì nỗi buồn bị từ chối trước một món đồ chẳng thấm vào đâu.

Không ai quen được với nỗi buồn, nhất là những nỗi buồn sâu sắc. Giờ đây sau hai mươi ba năm sống chung với căn bệnh, thỉnh thoảng nhìn mình trong gương tôi vẫn không khỏi buồn. Mỗi lần chọn mua quần áo mới, tôi lại cảm thấy buồn vì mình không thể mặc đẹp được vì người quá gầy. Mỗi khi bạn bè rủ đi du lịch, tôi lại thấy buồn vì không đủ sức đi cùng họ. Nhưng đó chỉ là nỗi buồn thoáng qua. Nghĩ đến những người bạn phải nằm liệt giường, đến những người đang phải vật vã trong đau đớn tôi lại thấy nỗi buồn của mình chẳng đáng kể. Thực ra, xét về mặt nào đó, buồn không hẳn là cảm giác tiêu cực. Sống trên đời này con người ta cần phải trải qua nỗi buồn để hiểu được giá trị của niềm vui, để biết trân trọng và nâng niu hạnh phúc. Hãy nhìn ra cuộc đời, và hãy nghĩ đến những người còn buồn hơn mình trong những lúc bạn buồn nhất. Đó có thể là bước đầu tiên giúp bạn vượt qua nỗi buồn.

Không sợ khó

Vào thời điểm tôi đứng trước ngưỡng cửa cuộc đời, không giống như những người khỏe mạnh, tôi không có nhiều sự lựa chọn. Nói đúng hơn, căn bệnh và những bất lợi nó gây ra đã thu hẹp khả năng lựa chọn của tôi. Trong khi những người bạn cùng tuổi được tiếp tục học trung học và chuẩn bị cho những năm học đại học thì tôi chỉ có thể quanh quẩn giữa bốn bức tường. Khi ấy, tôi chỉ có hai sự lựa chọn: hoặc chấm dứt con đường học của mình tại đó, hoặc tự học.

Tôi đã lựa chọn điều thứ hai và như vậy tôi đã chọn đi theo con đường đầy khó khăn, gian khổ. Với những người được đến trường học, có thầy dạy, có bạn học cùng, việc học còn chẳng dễ dàng. Khi tự học, tôi phải đối mặt với vô vàn khó khăn. Như tôi đã kể, tôi khởi đầu việc tự học tiếng Anh bằng cách nghe lỏm, sau đó là bằng những giờ sử dụng chung sách giáo khoa với em trai. Không có người thầy nào giảng giải cho tôi hiểu các cấu trúc câu, dạy tôi cách phát âm, hướng dẫn tôi cách dựng câu, chỉ cho tôi những chỗ sai, chấm điểm những bài tập tôi làm. Rất nhiều lần những khó khăn nảy sinh trong hành trình tự học ấy quá lớn và thách thức sự kiên nhẫn của tôi một cách ghê gớm. Tôi có thể đã bỏ cuộc nếu thiếu tinh thần vượt khó.

Trước cái khó, bạn không thể nôn nóng. Sự nôn nóng chỉ càng làm tình huống phức tạp hơn, khó giải quyết hơn. Khi tự học tiếng Anh, có những mẫu câu phức tạp mà thoát đầu tôi cảm thấy rối rắm quá, không hiểu được. Tôi không cố hiểu một mẫu câu phức tạp bất cứ lúc nào. Tôi chọn lúc mình bình tĩnh nhất, thoải mái nhất để đương đầu với nó. Ngồi trong góc học tập yên tĩnh, tôi viết câu đó ra một tờ giấy, dùng bút gạch chân từng thành phần của câu, phân tích và xác định chức năng của từng thành phần để viết ra được một cấu trúc khung cho mẫu câu. Từ cấu trúc đó, tôi tập đặt các câu mới. Ngày nào tôi cũng tập đặt ít nhất một câu mới dựa trên cấu trúc đó cho đến khi mẫu câu ấy trở nên quen thuộc đối với mình.

Trước một việc khó, bạn hãy tin rằng luôn luôn có cách để giải quyết. Vấn đề là bạn phải chịu khó tìm ra cách. Dịch văn học là việc khó, không phải ai cũng có thể làm. Không phải bạn cứ giỏi tiếng Anh là có thể dịch được một tác phẩm văn học. Có những người giỏi tiếng Anh nhưng không thể dịch nhuần một đoạn văn ngắn trong một cuốn tiểu thuyết. Đó là vì việc dịch văn học không chỉ bắt buộc người dịch có khả năng ngoại ngữ, mà còn đòi hỏi sự nhạy cảm ngôn ngữ, vốn kiến thức về nhiều lĩnh vực khác nhau, khả năng sử dụng tiếng Việt một cách thuần

thực, linh hoạt và cả năng khiếu văn học. Ngoài các yếu tố chuyên môn, việc dịch thuật đòi hỏi sự cẩn thận, kiên nhẫn. Xét ở khía cạnh nào đó, việc dịch thuật chính là việc giải quyết những vấn đề liên quan đến sự bất tương đồng giữa hai ngôn ngữ. Chưa bao giờ việc đó lại dễ dàng đối với bất cứ ai.

Đi trên con đường của người dịch văn học, tôi luôn vấp phải những tình huống khó. Có những lúc tôi đã lần ra được mạch văn và đang đi theo mạch văn đó một cách khá thuận lợi thì gặp phải một cụm từ “gai góc”, giống như tảng đá to chắn ngang đường một chiếc xe đang chạy bon bon. Loay hoay tra từ điển, tôi chọn được một nghĩa cho cụm từ đó, nhưng khi đặt nó vào văn cảnh tôi thấy nó khập khiễng và chẳng ăn nhập gì. Tôi lại phải tìm một phương án khác. Có khi đã sử dụng đủ loại từ điển rồi mà tôi vẫn chưa tìm được nghĩa ưng ý cho một cụm từ phải dịch. Với những người dịch văn học thì nghi ngờ từ điển đôi khi lại là điều cần thiết. Bạn sẽ hỏi, nếu dịch mà nghi ngờ từ điển thì còn biết dựa vào đâu? Hãy dựa vào khả năng phân tích, cảm nhận, thậm chí tin vào trực giác của bạn. Trực giác của tôi đã nhiều lần mách bảo tôi rằng tôi đã lựa chọn không đúng. Và nhờ có sự mách bảo đó mà tôi tiếp tục vắt óc suy nghĩ, tiếp tục tìm kiếm sự lựa chọn khác thích hợp hơn, chính xác hơn.

Xác định được tất cả các hướng mình có thể tìm kiếm giải pháp để tháo gỡ một khó khăn cũng là điều rất quan trọng. Chẳng hạn bạn cần tiền để phẫu thuật cho mẹ và bạn đang chạy đôn chạy đáo để vay tiền. Bạn hãy lên danh sách tất cả những người mà bạn nghĩ có thể cho bạn vay tiền và hãy bắt đầu tìm sự giúp đỡ của từng người và tất cả mọi người trong danh sách nếu cần. Danh sách của bạn càng đầy đủ thì bạn càng có nhiều khả năng vay được đủ số tiền bạn đang cần. Trước những khó khăn nảy sinh trong quá trình dịch, tôi luôn có các hướng sau đây để tìm kiếm giải pháp: từ điển, các tài liệu được tìm thấy qua công cụ tìm kiếm Google, những người bạn là chuyên gia trong các lĩnh vực có liên quan, tác giả của cuốn sách tôi đang dịch. Tất nhiên các nguồn nêu trên chỉ có thể cung cấp các gợi ý cho giải pháp. Người phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án để đi đến giải pháp cuối cùng vẫn là tôi.

Chẳng ai muốn mình gặp khó khăn, nhưng khó khăn chính là cơ hội để chúng ta đánh thức những khả năng tiềm ẩn trong chúng ta, cơ hội để ta rèn luyện ý chí và nghị lực, cơ hội để ta tạo ra những thay đổi trong cuộc sống của mình. Nếu năm mười ba tuổi tôi không bị bệnh tật cắt đứt hẳn con đường đến trường thì tôi đã chẳng quyết tâm tự học để trở thành cô giáo dạy tiếng Anh của lớp Cây táo. Nếu tôi không phải nghỉ dạy vì mắc bệnh tim thì có lẽ tôi đã chẳng có cơ hội bước vào con đường dịch thuật. Nếu năm 2004 tôi không gặp phải những khó khăn khách quan sau khi nước ta ký Công ước Berne về bảo hộ bản quyền và không được giao sách cho dịch nữa, thì tôi đã chẳng mày mò tự tìm sách, tự liên lạc với các tác giả để giao dịch bản

quyền và như thế tôi đã chẳng có cơ hội chủ động được nguồn sách dịch, được dịch những tác phẩm mà mình thực sự muốn chia sẻ với bạn đọc.

Chính những khó khăn đã giúp tôi tôi luyện tinh thần vượt khó. Có được tinh thần vượt khó, bạn sẽ kiểm soát được cuộc sống hiện tại của mình, thậm chí có thể kiểm soát được cả tương lai. Ý tôi muốn nói rằng tinh thần vượt khó sẽ giúp bạn chấp nhận và đương đầu một cách tích cực trước những thách thức sẽ đến trong tương lai. Chúng ta hầu như không phải chuẩn bị cho những may mắn sẽ đến với mình, nhưng chúng ta cần phải chuẩn bị cho những khó khăn sẽ xảy ra trong cuộc sống.

Giữa năm 2007, không biết do sử dụng bàn phím máy tính quá nhiều hay vì nguyên nhân nào đó, tôi bị đau nhức cả hai cánh tay. Triệu chứng đau kéo dài không dứt suốt gần ba tháng. Ngay khi chứng đau xuất hiện, tôi quyết định tôi sẽ nghỉ làm việc vài ngày với hy vọng không phải gõ phím tay tôi sẽ hết đau. Tôi cho tay mình nghỉ ngơi suốt một tuần nhưng vẫn không hết đau. Có lúc thèm làm việc quá tôi thử gõ vài chữ trên bàn phím. Mỗi lần gõ phím, tôi lại thấy cảm giác nhức buốt ở hai cánh tay tăng lên. Tôi đi khám bác sĩ ở địa phương và được tiêm thuốc hằng ngày. Ngoài việc tiêm thuốc, mỗi ngày, tôi ngâm tay trong nước muối ấm ba mươi phút. Sau cả tháng trời, cảm giác đau vẫn không hề thuyên giảm. Tôi bắt đầu lo lắng. Trong lo lắng tôi bắt đầu tính đến khả năng mình không thể sử dụng đôi tay nữa. Bạn đừng nghĩ là tôi quá bi quan. Với căn bệnh loạn dưỡng cơ tôi đang mang trong mình, khả năng đó là một trong những khả năng xấu mà tôi buộc phải tính đến.

Nghĩ đến khả năng đó, tôi tính thế này: nếu tay tôi cứ đau mãi và không thể sử dụng để làm việc được nữa, tốt hơn hết tôi nên bắt đầu tập gõ phím bằng mười ngón chân. Tôi không dừng lại ở suy nghĩ. Tôi đã nhờ người di chuyển bàn phím máy tính của tôi từ trên bàn xuống sàn nhà. Tôi đã thử gõ phím bằng các ngón chân. Việc đó không dễ bởi vì khi tôi tập gõ phím như thế, mắt tôi phải nhìn bàn phím ở dưới chân. Đang quen với việc đánh máy với tốc độ từ 40 - 50 từ/phút không nhìn bàn phím, tôi phải tập gõ phím theo cái cách chậm như rùa trong khi mắt phải nhìn chăm chăm vào bàn phím dưới chân, không thể nhìn lên màn hình để kiểm soát “đầu ra” của hoạt động đánh máy. Tôi cảm thấy khó chịu lắm. Nhưng tôi biết nếu hoàn cảnh bắt buộc, nếu tôi không có sự lựa chọn nào khác, tôi buộc phải chấp nhận và làm quen với việc khó khăn này. Tôi nghĩ nếu như tôi cứ phải đánh máy bằng những ngón chân hằng ngày thì rồi dần dần việc đó cũng trở nên bớt khó khăn.



Người bạn của Bích Lan - Trần Hồng Giang - gõ phím máy tính bằng miệng.

Và tôi nghĩ đến hai người bạn thân của tôi: anh Vũ Anh Tuấn và anh Trần Hồng Giang. Vũ Anh Tuấn bị liệt toàn thân, chỉ có thể cử động được ba ngón tay. Với ba ngón tay đó, mỗi tháng anh viết cả chục bài báo. Mỗi lần thấy anh qua webcam, tôi đều quan sát anh gõ phím với sự kiên nhẫn đáng nể. Tôi biết gõ được một chữ lên màn hình là một việc rất khó khăn đối với anh. Nhưng anh vẫn vượt khó hằng giờ, hằng ngày. Trường hợp của Trần Hồng Giang cũng đáng cảm phục không kém: vì tứ chi của anh đều bị liệt, anh ngậm một chiếc đũa trong miệng để gõ phím máy tính. Bạn có thể hình dung việc ấy không? Bạn có thể hình dung ra những khó khăn, nhọc nhằn mà người bạn thân của tôi phải vượt qua để viết ra được một con chữ? Khó khăn lắm, nhưng mỗi ngày Trần Hồng Giang vẫn viết rất nhiều. Anh làm thơ, làm biên tập cho trang web www.lucbat.com, thiết kế bìa, dịch sách. Nghĩ đến các anh, tôi thấy việc mình tập đánh máy bằng chân không có gì là to tát.



Lưu Vĩ chơi piano bằng chân tại cuộc thi China's Got Talent (Tìm kiếm tài năng Trung Quốc).

Đã bao giờ bạn nghe đến chàng trai người Trung Quốc chơi piano bằng chân tên là Lưu Vĩ? Lưu Vĩ sinh năm 1987, hiện sống ở Bắc Kinh. Năm lên mười, anh bị điện giật và phải cắt bỏ hai cánh tay đến tận vai. Sau biến cố đó anh tập làm mọi việc bằng hai chân. Cách đây khoảng bảy năm, anh tập chơi piano bằng chân. Ban đầu anh học chơi piano dưới sự hướng dẫn của một giáo viên âm nhạc. Sau khi hướng dẫn anh được một thời gian ngắn giáo viên đó đã bỏ cuộc, nói rằng chơi piano bằng chân là một việc không thể. Lưu Vĩ không ngã lòng mà tự mày mò luyện đàn. Chơi đàn bằng chân rất khó. Trong quá trình tập chơi đàn bằng chân Lưu Vĩ thường xuyên phải chịu đựng chứng chuột rút rất đau đớn, bị trầy xước da trong thời gian dài, nhưng anh không bỏ cuộc. Bằng sự khổ luyện và niềm đam mê, anh tự đánh thức được tài năng của mình và gặt hái được những thành công đáng nể. Năm 2010, anh là người giành giải nhất cuộc thi China's Got Talent (Tìm kiếm tài năng Trung Quốc). Những tấm gương như Lưu Vĩ cho chúng ta thấy sự cần thiết và sức mạnh của tinh thần vượt khó trong cuộc sống.

Rèn cho mình thói quen vượt khó là điều rất quan trọng trong cuộc sống bởi trên đường đời ai trong chúng ta rồi cũng phải đối mặt với khó khăn. Tôi dám khẳng định rằng ngay cả người hạnh phúc nhất, may mắn nhất cũng phải vượt khó không ít trong hành trình sống của mình. Sự tồn tại của khó khăn có lý do của nó. Khó khăn giúp con người ta trưởng thành. Vì vậy, thay vì né tránh khó khăn, bạn hãy chấp nhận nó như một cơ hội giúp bạn hoàn thiện bản thân.

Nếu gia đình bạn có con trẻ, bạn hãy rèn cho các em cách vượt khó càng sớm càng tốt. Đứa cháu trai hai tuổi rưỡi của tôi có một đoàn tàu hỏa đồ chơi và có một toa tàu luôn bị rơi bánh xe. Mỗi lần bánh của toa tàu đó rơi ra, cháu tôi cố lắp bánh lại. Qua theo dõi, chúng tôi thấy thường thì cháu chỉ cố lắp đến lần thứ hai là phát cáu và cầu cứu người khác giúp. Chúng tôi thống nhất với nhau rằng không phải lần nào thằng bé cầu cứu chúng tôi cũng giúp cháu lắp bánh tàu lại mặc dù việc đó người lớn có thể làm trong nháy mắt. Thay vì thế, chúng tôi dạy cháu cách tự lắp bánh tàu. Vì cháu tôi còn nhỏ lên bất cứ ai hướng dẫn cháu lắp bánh tàu cũng phải làm thật chậm để cháu có thể theo dõi và ghi nhớ các động tác, đồng thời cũng dạy cho cháu sự kiên nhẫn. Sau vài lần tập làm, cháu tôi đã có thể tự lắp bánh tàu. Mỗi khi bánh tàu rơi ra, cháu không cáu, cũng không cầu cứu người khác giúp mà kiên nhẫn tự lắp bánh lại. Chúng tôi hy vọng từ những việc nhỏ đó, cháu của tôi sẽ phát triển được tinh thần vượt khó. Điều đó sẽ rất hữu ích cho cuộc sống của cháu sau này.

Việc càng khó thì giá trị của sự vượt khó càng lớn lao. Nếu bạn từng theo dõi một cuộc thi điền kinh, bạn có thể sẽ rất ấn tượng với cách vượt khó của vận động viên chạy nhanh nhất trên đường đua. Ở chặng đua cuối cùng, bạn có thể thấy sự cố gắng tưởng chừng như vượt trên cả khả năng ở người đó. Bạn có thể nhận thấy tinh thần vượt khó qua những biểu hiện trên khuôn mặt căng thẳng, thậm chí đau đớn của anh ta, từ đôi vai, khuôn ngực rướn về phía trước, từ những bắp cơ cuộn lên theo những bước chạy, từ những ngón chân bám trên mặt đường đua. Và bạn có thể thấy niềm vui chiến thắng vỡ òa khi người đó về đích đầu tiên. Cảm giác hân hoan, sung sướng đến tột cùng không phải là cảm giác mà giá trị bằng tiền của những giải thưởng có thể tạo nên, mà là cảm nhận rõ rệt và đầy đủ nhất khi con người ta biết mình đã vượt qua được những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua nổi, để đạt được trạng thái thỏa mãn về tinh thần, hài lòng về bản thân.

Học để đổi đời

Tôi thú nhận điều này có thể các bạn không tin: cho đến khi tôi bị bệnh nan y và bắt đầu hành trình tự học, tôi mới biết mình học để làm gì.

Khi tôi mở những trang sách trong cuốn sách giáo khoa tiếng Anh của em tôi, dò tìm mặt chữ của những từ mà tôi đã nghe lỏm được từ cậu ấy, tôi biết rằng tôi sẽ học để thay đổi hoàn cảnh, để làm cho ngày mai của tôi tốt hơn ngày hôm qua. Khi đó “ngày hôm qua” của tôi gần như là những ngày trắng, không có mục đích, chẳng có gì ngoài sự trống rỗng. Tôi tự học để thoát khỏi sự trống rỗng không mục đích đó vì tôi biết nếu tôi cho phép sự trống rỗng đó tiếp tục diễn ra, thì rồi sẽ đến lúc tôi muốn tự kết thúc cuộc sống của mình. Mỗi ngày dồn tâm trí và thời gian cho việc học là mỗi ngày tôi tránh xa khỏi những cảm xúc tiêu cực, đẩy lùi được sự trống rỗng, nỗi cô đơn và thất vọng. Càng học được nhiều tôi càng thêm tin tưởng rằng rồi ngày mai của mình sẽ tốt hơn hôm nay và hôm qua.

Khi đi được một chặng nhất định trong hành trình tự học, tôi bắt đầu dám tin rằng mình không vô dụng. Và không chỉ tin, tôi bắt đầu dám sống một cuộc sống mà trong những ngày lê chân đến khắp các bệnh viện tôi thậm chí không dám mơ tới: Tôi dám sống một cuộc sống có ích. Tôi quan niệm rằng sống có ích nghĩa là làm được những điều có ích cho bản thân và cho người khác. Mấy ai nghĩ rằng một người mang bệnh nặng, gãy trơ xương, đi lại không vững, đứng ngồi không nổi như tôi lại dám sống một cuộc sống có ích? Vả lại, sống có ích bằng cách nào trong hoàn cảnh ấy? Tôi đã trả lời câu hỏi đó trước hết bằng chính việc mở lớp dạy tiếng Anh tại nhà của mình, và sau này bằng việc dịch thuật và việc sáng tác văn học.

Nếu không kiên trì, không quyết tâm tự học, tôi đã không dám và không thể sống một cuộc sống có ích. Tôi nhớ rằng khi tôi bắt đầu quá trình tự học, có người khuyên tôi rằng tôi không phải vội, đợi đến khi nào khỏi bệnh tôi học cũng không muộn. Ấy là người ta nghĩ cuộc chờ đợi một phương thuốc giúp chữa khỏi căn bệnh của tôi cũng giống như chờ đợi một chuyến tàu. Thực tế cho thấy cuộc chờ đợi của tôi không ngắn ngủi như vậy. Nó đã kéo dài tận hai mươi ba năm và sẽ còn tiếp tục kéo dài thêm nữa. Nếu tôi không tự cứu mình bằng cách tìm ra mục đích sống mà cứ ngồi không chờ đợi các nhà khoa học tìm ra phương thuốc chữa trị bệnh cho mình thì chắc chắn tôi không đợi nổi đến hôm nay.

Tôi không học vì những tấm bằng. Tôi chưa bao giờ có nhu cầu về bằng cấp. Hai mươi ba

năm trước, khi tôi ngã bệnh, tôi không có một tấm bằng nào trong tay ngoài tấm bằng tốt nghiệp cấp hai. Hai mươi ba năm sau, khi tôi đã là dịch giả của hơn hai mươi cuốn sách, tôi vẫn chỉ có duy nhất tấm bằng ấy. Khi tôi mở lớp dạy tiếng Anh tại nhà, cũng có người nói rằng tôi không có bằng cấp, học trò không nên học tôi. Vậy nhưng, học trò vẫn tìm đến lớp học Cây táo của tôi ngày một đông. Không có tấm bằng nào, tôi vẫn có thể giúp các em tiến bộ trong môn tiếng Anh, giúp một số em ôn thi đại học. Tám học trò lớp Cây táo của tôi giờ đây đã trở thành giáo viên tiếng Anh tại các trường phổ thông. Họ vẫn tự hào kể cho các học trò và đồng nghiệp của mình nghe về tôi, cô giáo không bằng cấp của lớp học Cây táo ngày nào.

Khi tôi còn duy trì các lớp học Cây táo, tôi thường khuyến khích các học trò của mình theo đuổi sự giáo dục thực chất. Tôi nghĩ sự khuyến khích đó có tác dụng bởi vì bản thân tôi - người đưa ra sự khuyến khích đó - chính là bằng chứng về sự cần thiết của giáo dục thực chất. Việc tôi đứng ở vị trí của người truyền kiến thức đã chứng minh rằng trong quá trình tìm kiếm cơ hội giáo dục, chúng ta không nhất thiết phải kiếm cho được những tấm bằng để chứng tỏ mình là người có kiến thức. Nếu kiến thức của bạn không tương ứng với giá trị hiển thị của một tấm bằng nào đó thì việc sở hữu tấm bằng ấy trong tay là điều hổ thẹn.

Tôi tin rằng trên con đường vươn tới thành công luôn có cơ hội cho những khả năng thực chất, nhưng tôi không dám chắc rằng luôn có cơ hội cho những tấm bằng.

Tôi từng làm việc với nhiều nhà xuất bản trong và ngoài nước, và chưa một nơi nào yêu cầu tôi phải trình ra một tấm bằng. Nếu đòi hỏi bằng cấp cho một công việc phức tạp và công phu như việc dịch sách văn học thì bạn phải có hàng tá bằng cấp về rất nhiều lĩnh vực mới đáp ứng được. Vả lại bằng cấp có nghĩa gì nếu như bản dịch của bạn không đạt chất lượng? Việc theo đuổi một tấm bằng thay vì nuôi dưỡng niềm khát khao hiểu biết sẽ triệt tiêu niềm vui học tập và triệt tiêu luôn cả kết quả của sự học đích thực.

Năm 2010, khi cuốn sách dịch thứ hai mươi của tôi được trao giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam, báo chí trong nước nhắc đến thành công của tôi như một minh chứng cho sự tự học thành công. Trên một trang web văn học được nhiều người tìm đọc, một bạn đọc bình luận về tôi như sau: *“Người ta nhận phần thiệt như thế mà làm được như vậy. Suy ra cái om sòm của người bình thường khi dịch được tác phẩm...thật vớ vẩn. Những việc ấy họ làm tốt thế mà giản tiện sự phiền nhiễu thế. Vậy chúng ta cần và nên như thế nào đây? Du học tốn bọn tiền, du hí tốn bọn tiền của gia đình...”*. Tôi cảm động vì vị độc giả ấy đã ghi nhận những nỗ lực của tôi, đánh giá cao sự vượt khó của tôi, nhưng tôi cũng muốn nói với người đã viết những dòng đó rằng hoàn cảnh của những người không tiếp tục đến trường được như tôi không phải không có những lợi thế. Vì không đến trường nên tôi đã tiết kiệm được khoảng thời gian đi lại, tiết kiệm

được năng lượng mà đáng ra sẽ bị tiêu hao vào việc đi đến lớp. Ở cái làng nhỏ nơi tôi sống, muốn đến cơ sở dạy tiếng Anh gần nhất, người ta phải vượt qua ít nhất bảy cây số và nếu đi xe đạp thì phải mất ít nhất một tiếng rưỡi đồng hồ cả đi và về cho một buổi học. Các bạn thử tính xem tôi đã tiết kiệm được bao nhiêu tiếng đồng hồ trong gần mười lăm năm tôi tự học tiếng Anh trong ngôi nhà nhỏ của mình? Còn nữa, vì tự học nên tôi không bị cuốn vào xu hướng chuộng bằng cấp đang khá phổ biến ở xã hội ta hiện nay. Sự tự học, xét cho cùng, là toàn bộ cơ hội của việc trau dồi kiến thức thực chất.

Nếu đã quyết định tự học môn nào đó, một kỹ năng nào đó, bạn hãy xác định rằng mình học để *biết*, để mở rộng khả năng hiểu biết của mình, để có thể sử dụng sự hiểu biết ấy làm những việc có ích chứ không phải học vì bằng cấp. Và khi đã xác định được như vậy, bạn hãy lập ra một thời khóa biểu thật chi tiết cho mục tiêu tiếp thu kiến thức mà mình đã đặt ra. Bạn hãy coi thời khóa biểu đó như một người phân công công việc đồng thời là người giám sát và duy trì kỷ luật tự học cho bạn. Bạn hãy nghiêm túc tuân theo thời khóa biểu đó. Dần dần, việc đó sẽ giúp bạn hình thành tinh thần tự kỷ luật trong quá trình tự học. Chỉ khi bạn có được tinh thần tự kỷ luật cao, bạn mới chiến thắng được ý muốn bỏ cuộc mỗi lần bạn đối mặt với những khó khăn trong quá trình tự học.



Sau khi đã là dịch giả của nhiều cuốn sách, Bích Lan vẫn luôn có một thời khóa biểu cho việc tự học.

Hành trình tự học của bất kỳ ai cũng đều rất gian nan. Tự học nghĩa là chấp nhận những gian nan. Vậy nên bạn hãy suy nghĩ thật nghiêm túc trước khi bắt đầu tự học một môn nào đó, một kỹ năng nào đó. Một khi đã quyết định bắt đầu hành trình tự học, bạn đừng để cho sự chấp nhận gian nan của mình trở nên vô nghĩa. Hãy tìm đến những tấm gương tự học thành công để tham khảo ý kiến, xin chia sẻ kinh nghiệm tự học. Hãy quyết tâm đến cùng, hãy tìm mọi cách để động viên bản thân mỗi khi việc tự học của bạn có nguy cơ bị ngừng lại, bị bỏ dở. Có thể bạn đang tự học một môn gì đó mà bạn xác định là mình cần phải học và bạn đã học được một thời gian, nhưng vì một khó khăn nào đó bạn dừng việc tự học lại. Có thể bạn sẽ nghĩ rồi sau này khi có điều kiện mình sẽ lại bắt đầu lại. Thực ra việc bắt đầu lại quá trình tự học từ sau lần bỏ ngang đầu tiên rất khó khăn bởi vì ngay từ lần bỏ ngang đầu tiên bạn đã cho phép thói quen bỏ ngang hình thành. Bức tường thành của sự tự kỷ luật đã rạn nứt. Bạn khó mà duy trì được sự tự kỷ luật trong quá trình tự học. Không có sự tự kỷ luật, việc tự học sẽ chẳng đi đến đâu cả.

Nhìn lại những chặng đường đã đi, tôi cảm thấy mừng vì sự gian nan trong hành trình tự học

đã không khiến tôi chùn bước. Ngược lại, gian khổ đã thúc đẩy tôi tiến lên phía trước. Hành trình tự khám phá những chân trời tri thức càng khó khăn thì nó càng khiến tôi thêm quý trọng những gì mình đã học được, càng khiến tôi khao khát học được nhiều hơn nữa, khao khát tìm kiếm cơ hội được sử dụng những gì mình đã học được vào những việc hữu ích.

Tính đến nay, tôi đã tự học được hai mươi mốt năm. Trong những năm gần đây, công việc dịch thuật của tôi quá bận rộn, và sức khỏe của tôi thỉnh thoảng lại rơi vào một đợt khủng hoảng kéo dài, nhưng tôi chưa bao giờ loại bỏ việc tự học khỏi quỹ thời gian của mình. Mỗi ngày, tôi luôn dành ít nhất một tiếng đồng hồ để tự học. Có thể bạn tò mò muốn hỏi giờ đây tôi đang tự học gì? Tôi đang theo một khóa học về tác động của sự toàn cầu hóa đối với văn hóa ở các quốc gia trên thế giới. Đó là mục tiêu tiếp thu kiến thức mà tôi tự đặt ra cho mình chứ không phải là sự bắt buộc từ bất cứ ai, bất cứ điều gì ngoài bản thân tôi. Với mục tiêu cụ thể đó tôi tìm đọc các tài liệu, theo dõi các bài giảng của các giáo sư đang giảng dạy tại các trường đại học ở Mỹ và Anh, các bài diễn thuyết của các nhà nghiên cứu về văn hóa qua các video được đăng tải trên các kho học liệu trên Internet, trong đó có trang chia sẻ video YouTube. Tôi học vì niềm vui của sự học và học để mở rộng vốn kiến thức của mình.

Kinh nghiệm mách bảo tôi rằng những kiến thức tôi học không bao giờ bị uổng phí. Chúng sẽ trở nên hữu dụng đối với công việc và cuộc sống của tôi trong hôm nay và trong tương lai. Tôi học để làm mới ngày của mình. Mỗi ngày bạn học thêm một điều mới, hữu ích nghĩa là mỗi ngày bạn lại có cơ hội làm cho cuộc sống của mình thay đổi theo hướng tích cực hơn, tốt đẹp hơn.

Một trong những mục đích lớn nhất khi tôi viết cuốn tự truyện này là chia sẻ những bí quyết tự học với bạn đọc, nhất là những bạn không có điều kiện đến các cơ sở giáo dục. Những bí quyết của tôi giờ đây thuộc về các bạn. Tôi sẽ rất hạnh phúc nếu những bí quyết đó giúp ích cho các bạn trong quá trình trau dồi kiến thức. Và tôi sẽ còn hạnh phúc hơn nếu như những gì tôi chia sẻ thôi thúc các bạn đúc kết được những bí quyết riêng cho việc tự học của chính mình.

Bài học từ những vết sẹo

Bạn có thể quên điều gì đó nhưng bạn không thể quên một vết sẹo trên cơ thể mình. Không phải lúc nào bạn cũng nghĩ đến nó, nhưng chắc chắn bạn biết rõ nó nằm ở đâu và vì sao nó lại xuất hiện trên cơ thể bạn. Đằng sau một vết sẹo luôn luôn là một câu chuyện để kể.

Vết sẹo đầu tiên xuất hiện trên đầu tôi là dấu vết của cái thời đói văn hóa của những đứa trẻ nông thôn. Khi tôi tám, chín tuổi, làng tôi vẫn chưa có điện dành cho sinh hoạt. Chúng tôi không được xem ti-vi hằng ngày. Đối với tất cả người lớn và trẻ con trong xã, được đi xem phim là cả một niềm hạnh phúc đáng để ngóng trông. Thường thì khoảng hai tháng lại có một đoàn chiếu phim lưu động đến xã tôi, tổ chức chiếu phim phục vụ bà con trong một hoặc hai tối. Các buổi chiếu phim thường diễn ra ở cái sân bãi rộng dùng làm nơi họp chợ của người dân trong xã. Buổi chiếu phim nào cũng vậy, cả nghìn người trong xã đổ đến, chen nhau mua vé vào cổng, ngồi chật kín cả sân bãi, leo lên ngồi trên những bờ tường, những chạc cây, thậm chí những mái nhà ở xung quanh. Bọn trẻ con chúng tôi thường phải đi nhận chỗ xem phim từ ngang chiều. Chẳng ai cấm chúng tôi xem những bộ phim của người lớn. Cũng may phim người lớn hồi đó là những phim chiến tranh, phim hình sự, những bộ phim mà trẻ con không thể hiểu chứ không phải là những bộ phim trẻ con không nên hiểu như các phim đầy rẫy những cảnh sex, cảnh bạo lực của thời này.

Tôi nhớ tối hôm đó đoàn chiếu phim chiếu bộ phim *"Mùa gió chướng"*. Dân trong xã tôi đi xem phim đông hơn đi xem hội. Tối hôm ấy, vì lý do nào đó mà chị gái và em trai tôi không đi xem phim. Tôi đi với một chị hàng xóm hơn tôi sáu tuổi. Chúng tôi nhận được một chỗ ngồi tốt, ở chính giữa bãi chiếu phim. Hai chúng tôi xem phim từ đầu đến cuối, không bỏ sót cảnh nào. Không giống nhiều người khác, chúng tôi không đứng dậy tìm cách chen ra khỏi đám đông trước khi bộ phim chưa kết thúc. Khi những người ngồi xung quanh tôi đã bắt đầu đứng dậy, chúng tôi vẫn cố nghiêng đầu nhìn qua đám đông để theo dõi cảnh cuối cùng của bộ phim. Đèn trong sân vẫn chưa được bật sáng. Bỗng đâu, tôi cảm thấy có vật gì đó rất rắn rơi trúng một điểm gần đỉnh đầu mình. Vật đó đập vào đầu tôi tạo ra một tiếng "bộp". Cảm giác đau đớn nhanh chóng lan ra khắp đầu khiến tôi choáng váng. Chỉ khoảng hai phút sau, từ chỗ vật rắn kia đập vào đầu, tôi cảm thấy có một dòng chất lỏng dính dính lườn qua tóc, chảy xuống gáy tôi. Đèn trên sân bừng sáng. Tôi đưa tay ra sau đầu, sờ vào dòng chất lỏng đó. Máu! Sợ hãi, tôi quay

sang người hàng xóm đang đứng bên cạnh mếu máo: “Em bị vỡ đầu!”.

Lập tức những người ở xung quanh tôi xúm lại. Ai đó cởi áo ngoài của tôi ra để bịt vết thương. Ai đó bế tôi lên chen qua đám đông ra khỏi sân bãi. Lúc tôi được đưa về đến nhà thì chiếc áo quần trên đầu tôi đã chuyển từ màu trắng thành đỏ tươi. Mẹ tôi vừa khóc vừa cắt những lọn tóc bết máu trên đầu tôi bằng những ngón tay run run. Mẹ lấy bông băng rồi tự tay băng vết thương cho tôi. Tôi không khóc, tôi chỉ sợ màu máu trên chiếc áo của mình. Suốt đêm, tôi vật vã vì đau đớn, sợ hãi. Sáng hôm sau, tôi đến trường với một dải băng quấn trên đầu và cái mặt xanh lét vì sợ và vì mất máu. May mắn thay, vết thương của tôi mau lành. Nó chẳng để lại gì ngoài một vết sẹo ở gần đỉnh đầu.

Khoảng nửa tháng sau, có người mách cho chúng tôi biết thủ phạm đã khiến tôi bị vỡ đầu là một đứa con trai mới lớn ở làng bên. Tối hôm đó, cậu ấy ngồi ở phía trước, cách tôi chưa tới chục bước chân. Thằng con trai đó cũng đi xem phim vô tư như tôi. Hết phim, nó vô tư đứng dậy. Khi đứng dậy, nó vô tư quăng nửa viên gạch mà nó kê để ngồi trong suốt buổi chiếu phim về phía sau. Phía sau nó là cả trăm cái đầu, và nửa viên gạch đó rơi trúng đầu tôi. Quăng gạch xong, nó vô tư bước ra khỏi sân bãi, vô tư về nhà. Nó và tôi không hề có thù hằn từ trước, thậm chí không quen nhau. Không biết người trong xã có ai nói cho nó biết về hậu quả của hành động mà nó đã gây ra hay không, còn nhà tôi thì không tìm đến nó để vạch tội hay bắt đền. Dù sao thì nó cũng còn là trẻ con, và dù sao vết thương của tôi cũng đã lành.

Chỉ có vết sẹo là còn mãi. Vết sẹo ấy mang đến cho tôi một bài học quý giá. Từ khi mang vết sẹo đó, tôi luôn ý thức được rằng ở xung quanh mình còn có những người khác, thế nên trước khi mình làm bất cứ điều gì cũng không thể không tính đến những hậu quả mà hành động của mình có thể gây ra cho người khác.

Sau này trên đầu tôi có thêm những vết sẹo khác. Đó là dấu vết của những cú ngã.

Tôi không nhớ nổi mình đã ngã bao nhiêu lần kể từ khi tôi bị bệnh. Vì căn bệnh của tôi gây ảnh hưởng xấu cho khả năng giữ thăng bằng của cơ thể và vì các gốc chi của tôi rất yếu nên lần nào cũng như lần nào, hễ ngã là tôi đều ngã theo cái cách đổ sập người xuống mặt đất. Mỗi cú ngã thường xảy ra rất nhanh nhưng tôi vẫn có đủ thời gian để ý thức được chuyện gì xảy ra với mình. Tôi ý thức rất rõ về cái khoảng cách giữa chiều cao của mình với mặt đất. Tôi ý thức được nơi mình sẽ ngã xuống. Những lần tôi ngã đập đầu xuống một vật cứng, trước khi cơn choáng váng xảy ra tôi luôn bật ra hai tiếng: “Mẹ ơi!”.

Cú ngã khiến tôi đau nhất xảy ra khi tôi hai mươi mốt tuổi, khi tôi cố vượt qua các bậc thang lên xuống được xây bằng gạch cứng để đi từ dưới sân sau lên nhà. Tôi luôn muốn tự làm tất cả

những gì có thể và chỉ khi đã cố gắng hết sức mà vẫn không làm được thì tôi mới nhờ đến sự hỗ trợ của người khác. Mặc dù bước lên các bậc thang là một việc rất cực nhọc, tôi vẫn cố tự đi chứ không nhờ người dìu. Bác họ tôi làm cho tôi những thanh vịn ở bên dãy bậc thang lên xuống để tôi có thể dựa vào đó mà nhắc người lên từng bậc. Lần đó đang cố lết lên bậc thứ tư của dãy bậc lên xuống, tôi bất ngờ ngã sấp xuống. Tôi đập mặt xuống cạnh của bậc cao nhất. Cú va đập giữa mặt tôi và cạnh của bậc cửa đủ mạnh để tạo ra một lực hất ngược tôi trở lại phía sau. Đầu tôi đập xuống cạnh của bậc cuối cùng. Tôi thoáng ngất đi trong vài giây. Trong vài giây người tôi tê dại, như quên, như vô tri. Khi ý thức quay trở lại, tôi thấy có một dòng chất lỏng đang chảy xuống cổ mình. Dòng chất lỏng đó là máu chảy ra từ vết thương phía trên lông mày của tôi. Tôi cảm thấy một dòng chất lỏng khác đang len lỏi chảy qua tóc tôi. Đó là máu từ vết thương trên đầu tôi.

Cú ngã đó để lại trên người tôi hai vết sẹo.

Sau cú ngã đó tôi sợ những cái bậc lên xuống ấy. Những buổi chiều đẹp trời tôi muốn xuống sân đi lại, ngắm trời, ngắm cây cối trong vườn, nhưng hễ cứ đặt tay lên thanh vịn, đặt chân xuống bậc lên xuống là tôi lại thấy run rẩy toàn thân. Tôi nuôi nỗi sợ ấy trong khoảng một tuần. Thế rồi tôi hiểu ra rằng tôi phải chiến thắng nỗi sợ đó. Tôi quyết định rằng nếu phải chọn giữa việc phụ thuộc, nhờ vả người khác để tránh những cú ngã và việc tự đi mặc dù có khả năng tôi phải đối mặt với nguy cơ bị ngã, tôi sẽ chọn điều thứ hai. Và tôi đã làm đúng như thế. Tôi ngã vài lần nữa trên chính cái dãy bậc đó. Những cú ngã nhẹ hơn, nhưng chẳng có cú ngã nào lại không khiến tôi hoảng sợ. Cứ sau một lần ngã, tôi lại phải học cách để vượt qua nỗi sợ.

Tôi từng sợ rằng trong một cú ngã đập đầu xuống một vật cứng, tôi sẽ mất ý thức, mất khả năng suy nghĩ. Tôi biết khả năng đó là khả năng xấu nhất có thể xảy ra. Nhưng tôi cũng biết rằng sống trên đời chúng ta không nên để cho ý nghĩ về những khả năng xấu nhất ám ảnh, chi phối cuộc sống hàng ngày của mình. Nếu chúng ta cho phép điều đó xảy ra, cuộc sống của chúng ta sẽ chẳng còn gì ngoài sự sợ hãi.

Thỉnh thoảng đưa tay sờ lên đầu mình, tôi lại gặp một vết sẹo. Mỗi lần vô tình chạm vào một vết sẹo nào đó là câu chuyện về vết sẹo ấy lại hiện ra trong đầu tôi. Đôi khi tôi cảm thấy một thoáng rùng mình khi tôi nhớ lại cảm giác đau đớn, choáng váng của những cú ngã, những tai nạn đã gây ra vết sẹo. Nhưng ngay khi ấy, tôi cũng cảm thấy thật may mắn vì mình vẫn còn sống, vẫn còn khả năng suy nghĩ, vẫn còn cơ hội để thực hiện những điều mình muốn làm. Những vết sẹo đó cũng nhắc tôi nhớ rằng con người cần phải can đảm vượt qua những nỗi sợ hãi.

Mỗi lần giúp tôi gội đầu, em trai tôi lại nói về những vết sẹo trên đầu tôi. Có lần cậu ấy nói

bằng giọng hài hước: “Em khám phá ra một điều quan trọng. Sau mỗi lần ngã chị lại thông minh hơn!”.

So với nỗi sợ một cú ngã đập đầu xuống đất có thể làm tôi mất khả năng suy nghĩ, khám phá đó của em tôi rõ ràng thú vị hơn nhiều!

Cho và nhận

Trong những lúc khó khăn, tôi đã nhận ra ý nghĩa lớn lao của sự cho và nhận. Ở đây tôi không muốn nói đến việc nhận những khoản tiền trợ giúp trị giá một triệu hoặc vài triệu đồng.

Trong một số trường hợp tiền không giải quyết được vấn đề, gần như không thể giúp cải thiện được tình hình. Tôi từng nhận được những lời đề nghị trợ giúp về tài chính từ những người hảo tâm, những người bạn tốt nhưng chưa bao giờ tôi cho phép mình dựa vào hoàn cảnh khó khăn để nhận một khoản tiền dùng vào việc chi tiêu cho cá nhân tôi. Duy nhất một lần tôi nhận một khoản nhỏ từ một quỹ hỗ trợ sáng tác để phục vụ cho việc hoàn thành một tác phẩm dịch của mình, vì tôi nghĩ khi tác phẩm ra đời, nhiều bạn đọc sẽ được hưởng lợi từ khoản hỗ trợ đó.

Không nhận sự trợ giúp về tài chính từ người khác, không có nghĩa là tôi không biết ghi nhận tấm lòng của những người quan tâm đến tôi. Trong hành trình vượt khó của mình, đã nhiều lần tôi nhận sự giúp đỡ từ người khác. Trong thời gian đầu mò mẫm tự học tiếng Anh, tôi đã nhận được những cuốn sách cũ từ những người thân quen, đặc biệt là từ người em họ của tôi. Trong hoàn cảnh ấy, vào thời điểm đó, những cuốn sách vô cùng quý giá đối với tôi. Chúng quý giá bởi vì chúng thực sự cần cho việc tự học của tôi. Khi đầu óc tôi đang rối tung vì cách học thuộc lòng từng trang từ điển, một bộ giáo trình được soạn một cách khoa học và có hệ thống mà em họ tôi gửi đã giúp tôi xác định được từng bước đi, từng chặng đến của con đường tự học. Gửi cho tôi một bộ giáo trình như vậy là gửi cho tôi một người thầy, một người giúp định lượng kiến thức mà tôi cần phải tiếp thu trong một ngày, một tuần, một tháng tự học, hướng tôi theo sự học bền bỉ và trường kỳ chứ không phải việc học cấp tốc, học xối không phù hợp với điều kiện sức khỏe và hoàn cảnh của tôi. Một cuốn sách bài tập có sẵn đáp án ở cuối sách cũng giống như một người thầy của tôi vậy. Nó giúp tôi luyện cách sử dụng các mẫu câu, giúp tôi phát hiện ra những lỗi sai trong quá trình thực hành, giúp tôi xác định được những lỗ hổng kiến thức mà tôi cần phải lấp đầy trong quá trình tự học. Vào thời điểm đó, những cuốn sách ấy đối với tôi ý nghĩa hơn tiền bạc rất nhiều.

Trong những năm tôi mò mẫm tự học tiếng Anh, có giai đoạn một người bạn từng học chung với tôi ở trường năng khiếu đã giúp tôi cải thiện kỹ năng viết luận. Hồi đó người bạn ấy đã tốt nghiệp đại học ngoại ngữ. Cậu ấy sống ở nơi tận cùng đất nước, cách chỗ tôi ở hơn 2.000 cây số

và vì chưa có điện thoại và Internet, chúng tôi chỉ có một cách liên lạc duy nhất là viết thư tay. Thoạt tiên bạn đề nghị giúp tôi cải thiện vốn tiếng Anh nhưng bạn không biết phải bắt đầu bằng cách nào. Cuối cùng, chúng tôi nghĩ ra cách sẽ viết thư cho nhau bằng tiếng Anh. Cứ khoảng một tháng, tôi lại nhận được một bức thư bằng tiếng Anh của bạn, và tôi hồi âm bằng một bức thư tiếng Anh ngay sau đó. Qua thư, bạn tôi phát hiện ra kỹ năng viết của tôi chưa tốt nên liền gửi cho tôi những bài luận mà cậu ấy đã viết và đã nhận được sự đánh giá của giảng viên ở trường đại học. Khi đọc mỗi bài luận do bạn tôi viết, nghiên cứu từng điểm cần lưu ý, từng chỗ được đánh dấu của giáo viên, tôi vỡ vạc ra nhiều điều. Tôi nhận thấy cây cầu nối giữa lý thuyết và thực hành trong kỹ năng viết của tôi còn sơ sài và thiếu vững chắc. Tôi tập làm những đề luận mà bạn tôi đã từng làm, tự kiểm tra và đánh giá sự tiến bộ của mình một cách khắt khe nhất có thể. Với mỗi đề luận viết một lần chưa ưng, tôi viết lại lần thứ hai, thứ ba. Có những bài luận tôi viết đi viết lại tới sáu lần. Vì bạn tôi phải kiếm sống nên việc giúp tôi học tiếng Anh qua thư của bạn chỉ diễn ra trong vài tháng với khoảng bảy, tám bức thư. Nhưng giá trị của những bức thư ấy còn kéo dài mãi về sau. Đầu tiên đó là giá trị cảnh báo về sự cần phải hoàn thiện kỹ năng viết mà tôi nhận được. Sau đó là những gợi ý giúp tôi tìm ra cách tự cải thiện kỹ năng này trong hoàn cảnh và điều kiện của mình.

Nếu bạn đã đọc cuốn sách này từ đầu, bạn có thể thấy Nhà xuất bản Phụ Nữ là nơi đã cho tôi cơ hội được dịch cuốn sách đầu tiên. Khi cô của tôi đề nghị với nhà xuất bản cho tôi dịch thử một cuốn sách văn học, những người có trách nhiệm ở đó đã không đòi tôi phải trưng ra bất cứ bằng cấp gì. Nếu như khi ấy họ cứ nhất quyết chỉ nhận cộng tác viên là người có trình độ đại học thì tôi đã chẳng có cơ hội bắt đầu việc dịch sách và chẳng thể trở thành dịch giả của hai mươi tư cuốn sách như hôm nay. Họ đã “cho” tôi cái mà tôi cần nhận nhất trong hoàn cảnh đó: họ cho tôi một cơ hội để làm thử, cho tôi cơ hội để bước những bước đầu tiên trên một con đường mà tôi khao khát được đi. Những người biết “cho” thường quan niệm rằng giúp người khác một chiếc cần câu để người đó tự câu cá tốt hơn việc cho họ những con cá.

Trong cuộc sống, không ai chỉ “nhận” mà không “cho”, và ngược lại. Không chỉ là người nhận, bạn có thể là người “cho” ngay cả khi bạn vẫn còn đang trong hoàn cảnh khó khăn. Tôi đã nhận những cuốn sách, những cuốn băng cassette phục vụ cho việc học tiếng Anh của những người thân quen với lòng biết ơn và đã phát huy ở mức tối đa giá trị sử dụng của chúng. Sau này khi không còn dùng đến chúng nữa, tôi chia sẻ chúng với những người đang cần. Mỗi khi cho một người nào đó mượn một cuốn sách học tiếng Anh, tôi không quên nói cho họ biết cuốn sách mà họ sắp có đã từng giúp ích cho tôi như thế nào, không quên nói cho họ biết rằng với cuốn sách ấy, họ có thể cải thiện được trình độ tiếng Anh của mình ra sao.

Và tôi đã chia sẻ vốn tiếng Anh mà mình tích lũy được trong quá trình tự học với những học sinh ở làng quê nơi tôi sống. Khi tôi mở lớp dạy tiếng Anh tại nhà, ở làng tôi các em học sinh cấp hai chưa được học tiếng Anh. Tôi là người đã gieo những con chữ tiếng Anh đầu tiên cho không ít em nhỏ ở quê tôi. Mặc dù khi các lớp Cây táo của cô trò tôi đi vào nề nếp chẳng kém gì những lớp học ở bất cứ trường học nào, tôi có nhận chút học phí của các học trò nhưng những gì tôi đã dành cho các em vượt trên giá trị của đồng tiền. Tôi đã dành cho các em trọn bầu nhiệt tình của một người thầy, tình yêu thương, sự quan tâm và niềm mong mỏi của một người chị gái. Tôi cho đi những thứ mà tiền không mua nổi và cũng được nhận lại những gì còn giá trị hơn tiền nhiều.

Bạn hãy cho đi những gì người khác thực sự cần để giá trị của sự giúp đỡ ấy được phát huy ở mức cao nhất. Bạn hãy tạo ra những phương tiện, những công cụ lao động, chiếc “cần câu” và chia sẻ nó với những người đang cần những thứ ấy để họ tự câu lấy những con cá. Như thế giá trị của việc “cho” sẽ bền vững, sẽ được nhân lên nhiều lần.

Hãy cho những gì người khác muốn nhận hơn là cho cái bạn muốn cho. Một đứa trẻ con nhà giàu ngày nào cũng được ăn đủ các thứ đồ ăn ngon, đủ loại kẹo bánh đắt tiền chắc chắn sẽ không cảm thấy vui sướng khi bạn cho nó một gói kẹo bạn mua ở một cửa hàng bình dân. Nhưng cũng vẫn gói kẹo đó, nếu bạn đem chia cho những đứa trẻ làng nghèo khó trong một chuyến bạn về thăm quê thì vị ngọt ngào từ chút quà ấy và từ tấm lòng thơm thảo của bạn sẽ tạo nên những khoảnh khắc hạnh phúc cho những đứa trẻ ấy và cho cả bạn.

Một người bạn của tôi mới đây được cơ quan phát cho một chiếc máy tính xách tay mới và anh muốn cho đi chiếc máy tính cũ anh đã dùng trong bốn năm. Anh suy nghĩ sẽ cho ai chiếc máy tính cũ đó. Thoạt đầu, anh nghĩ đến đứa cháu họ đang học lớp 6. Anh nghĩ anh sẽ cho nó chiếc máy tính để nó làm những gì nó thích, để học và để giải trí. Nhưng sau khi nghĩ đi nghĩ lại anh nhận thấy rằng điều kiện kinh tế của bố mẹ đứa trẻ không hề khó khăn, nếu không muốn nói là khá giả. Họ sẵn sàng bỏ tiền ra sắm cho con mình một chiếc máy vi tính nếu họ thấy việc đó thực sự cần thiết. Anh nghĩ nếu anh cho đứa cháu của mình chiếc máy tính cũ đó, chưa chắc nó biết sử dụng vật đó cho những việc hữu ích và như thế sự cho đi này của anh trở nên vô nghĩa. Một hôm, anh tình cờ nghe một người bạn kể về một cậu sinh viên - người đang làm gia sư cho con của một người bạn của anh để kiếm tiền mua máy tính bởi cậu không muốn xin tiền người mẹ nghèo ở quê để mua máy. Ngay lập tức, anh quyết định sẽ tặng cậu sinh viên kia chiếc máy tính cũ của mình. Khỏi phải nói chiếc máy tính đó đã phát huy tác dụng, đã có ích thế nào với cậu sinh viên ấy.

Khi tôi đang viết cuốn tự truyện này, tôi nghe nói đến một chương trình tặng máy tính cũ

cho các bạn học viên của một khóa đào tạo lập trình viên ở Hà Nội. Các học viên của khóa học này là những bạn trẻ khuyết tật đến từ nhiều vùng miền, được đào tạo miễn phí và được trợ cấp chi phí sinh hoạt. Vì cơ sở đào tạo không đủ máy tính để trang bị cho từng học viên nên một số người giàu tâm huyết đã tổ chức chương trình tặng máy tính cũ để giúp các bạn khuyết tật bớt khó khăn trong thực hành. Khỏi phải nói các bạn cũng có thể hiểu một chiếc máy tính cũ được đóng góp vào chương trình này có ý nghĩa thiết thực như thế nào. Nó có thể làm thay đổi tương lai, thậm chí thay đổi số phận của một con người. Rất có thể sau này, trong số các học viên được nhận những chiếc máy tính từ chương trình hỗ trợ này sẽ có người trở thành nhà lập trình giỏi.

Bạn hãy nhận lấy những công cụ giúp bạn tự lao động và tự tạo ra thành quả từ chính bàn tay và khối óc của mình. Và khi bạn đã có được thành quả đó, bạn hãy chia những gì đã từng giúp ích cho bạn tới những người đang thực sự cần nó để nhân rộng giá trị của sự chia sẻ. Và bạn hãy chia sẻ những giá trị sống đích thực bạn xây dựng, tích lũy được trong hành trình tồn tại của mình trên đời này. Hãy chia sẻ bài học về sự can đảm, tinh thần vượt khó bằng chính cách bạn đương đầu với khó khăn. Hãy cho đi những bài học về sự quan tâm, tình yêu thương bằng chính cách sống đầy tình người của bạn.

Hãy đọc nhiều sách

Không phải vì tôi dịch sách và viết sách mà tôi hô hào bạn đọc sách. Tôi khuyên tất cả những ai muốn cải thiện cuộc sống của mình hãy đọc sách. Sách là kho kiến thức, là nguồn thức ăn bổ dưỡng cho tinh thần giúp con người ta phát triển nhân cách. Trong nhiều trường hợp, sách là nguồn sức mạnh tiềm ẩn giúp chúng ta thay đổi hoàn cảnh.

Đọc cuốn tự truyện này, bạn có thể thấy tôi mê đọc sách từ nhỏ. Từ khi tôi lén mở tủ sách của ông tôi, để lọt người vào trong ngăn tủ, đọc những trang sách ở trong đó, tôi đã biết đến một niềm vui đặc biệt trên đời này. Những cuốn sách mà cô ruột tôi gửi cho chị em tôi trong những dịp hè khi chúng tôi còn học tiểu học là những món quà tuyệt vời. Đọc những cuốn *“Truyện cổ Andersen”*, *“Truyện cổ Grim”*, tôi cảm thấy như thể mình đang được đi chơi xa, được đến những miền đất lạ. Được đọc những cuốn sách như thế tôi cảm thấy mình hạnh phúc hơn những đứa trẻ làng không có sách đọc hoặc từ chối niềm vui đọc sách.

Tôi không nhớ cho đến khi tôi ngã bệnh, tôi đã đọc bao nhiêu cuốn sách. Số sách tôi đọc có thể không phải là nhiều nhưng cũng đủ để góp phần nâng đỡ tinh thần cho tôi. Nhờ có tinh thần mạnh mẽ mà tôi không rơi vào sự tuyệt vọng, suy sụp. Giá trị nhân văn, những thông điệp đầy khích lệ từ những cuốn sách tôi đọc đã giúp tôi giữ được tình yêu cuộc sống khi mà căn bệnh ập đến, cướp đi cơ hội được đến trường của tôi, thậm chí nhắm nhe cướp đi cả sự sống và tương lai của tôi.

Trong những ngày tôi lang thang khắp các bệnh viện, nếu có lúc nào đó tôi thoát khỏi nỗi sợ hãi thì đó chính là những lúc tôi được vui đầu vào một cuốn sách. Nỗi ngán ngẫm, chán nản và mệt mỏi của việc phải vượt qua gần 200 bậc cầu thang trong một buổi sáng ở một bệnh viện đã vơi đi ít nhiều khi mà đến cuối ngày tôi được ngồi trong một góc yên tĩnh ở nhà cô chú của tôi, đọc một cuốn sách hay. Dù tôi biết ngày hôm sau tôi sẽ lại phải bắt đầu một hành trình vất vả ở một bệnh viện khác, tôi vẫn không trốn chạy, không né tránh những việc cần phải làm. Tôi biết rằng giữa tất cả những phiền hà, mệt mỏi, đau đớn và sợ hãi, tôi vẫn có những phút bình yên với những trang sách.

Những cuốn sách tôi đọc đã thực sự đóng vai trò quan trọng vào thành công của cuộc vượt khó của tôi. Trong những năm tôi tự học, mỗi cuốn sách là một người thầy của tôi. Mặc dù những cuốn sách không thể sinh động bằng những người thầy bằng xương bằng thịt, nhưng lại

là những người thầy mà bất cứ khi nào cần tôi đều có thể tiếp cận được. Trước khi tôi có được chiếc máy tính kết nối Internet, tôi nhờ cậy cả vào những người thầy ấy. Toàn bộ nguồn kiến thức tôi cần đều đến từ những cuốn sách. Dẫn đường cho tôi cũng lại là sách.

Sau khi tôi mắc bệnh tim phải nghỉ dạy tiếng Anh, cô tôi gợi ý tôi thử dịch sách văn học. Tôi đã dám thử bởi vì từ chính cuộc sống của mình mà suy ra, tôi biết sách cần thiết cho cuộc sống đến mức nào và rằng được góp phần đem đến cho cuộc sống những cuốn sách hay là một niềm hạnh phúc. Vậy nên tôi đã thử và làm được ngay từ cuốn đầu tiên. Đó không phải là một sự may mắn hay một điều ngẫu nhiên. Tôi đã không thể làm tốt việc dịch sách văn học ngay từ lần đầu thử sức nếu tôi không chăm đọc sách, nhất là sách văn học, từ khi còn bé. Tôi cũng không thể làm tốt việc ấy ngay từ lần đầu nếu trước đó tôi không đọc nhiều nguyên tác văn học bằng tiếng Anh. Tôi đã không thể dịch thành công những cuốn sách văn học nếu tôi không tích lũy được vốn kiến thức nhất định về văn hóa, chính trị, lịch sử, về các nền văn minh trên thế giới qua quá trình đọc sách lâu dài và bền bỉ, nếu không quen với không khí văn chương mà tôi cảm nhận được qua những tác phẩm văn học đã đọc từ trước. Tôi biết ơn những người đã viết ra những cuốn sách có giá trị cao mà tôi đã đọc. Bằng tài năng và sự lao động nghiêm túc, họ đã góp phần thay đổi cuộc sống của người đọc, trong đó có tôi.



Một góc tủ sách văn học của Bích Lan.

Những cuốn sách cũng chỉ cho tôi biết những tấm gương tôi nên noi theo. Nhờ đọc các cuốn sách như: *“Hương sắc trong vườn văn”*, *“Quảng gánh lo đi mà vui sống”*, bộ *“Lịch sử văn minh thế giới”*, *“Tự học - một nhu cầu thời đại”*... mà tôi kính trọng và quý mến dịch giả, tác giả, nhà văn hóa Nguyễn Hiến Lê. Lần đầu tiên khi tôi nghe nói đến cái tên Nguyễn Hiến Lê, nhân vật đáng kính này đã qua đời. Nhưng những cuốn sách ông để lại thực sự đã thôi thúc tôi vượt qua những khó khăn trở ngại để tự trang bị tri thức cho mình, khuyến khích tôi dấn thân vào con đường dịch thuật, đóng góp vào công việc của những người tạo ra những cuốn sách.

Trong cuộc đời mình, Nguyễn Hiến Lê đã cho xuất bản 120 cuốn sách gồm sách sáng tác, sách dịch, sách biên soạn thuộc nhiều lĩnh vực. Tôi đặc biệt thích những cuốn sách về lịch sử và về triết lý sống mà ông đã dịch. Bộ *“Lịch sử văn minh thế giới”* của tác giả Will Durant do Nguyễn Hiến Lê dịch là kho kiến thức được cô đọng về lịch sử văn minh nhân loại, là một điển hình cho cách viết sách lịch sử đầy hấp dẫn và lôi cuốn, là một minh chứng về sự công phu, tâm

huyết và giỏi nghề của một nhà dịch thuật. Tôi coi Nguyễn Hiến Lê là người thầy trong tâm tưởng của mình vì tôi cho rằng ông đã dành phần lớn cuộc đời để viết sách, dịch sách nhằm khích lệ niềm khát khao sống đẹp ở bạn đọc. Tôi nghĩ ông đã làm được điều đó. Những cuốn sách của ông đã làm được điều đó.

Hãy dám sống với đam mê

Những nghệ sĩ múa ba-lê người Cuba Alicia Alonso bắt đầu học múa từ năm tám tuổi. Ở tuổi mười chín, đang là diễn viên múa ba-lê đầy triển vọng của Cuba, Alicia bị một chứng bệnh về mắt khiến bà gần như bị mù. Bác sĩ khuyên bà nên từ bỏ sự nghiệp, nhưng bà không nghe theo lời khuyên đó bởi vì múa ba-lê là niềm đam mê của cuộc đời bà. Ngay cả khi phải nằm trên giường bệnh, Alicia vẫn luyện tập cho các vai diễn trong các vở kịch bằng cách hình dung trong đầu các động tác di chuyển và dùng ngón tay để mô tả các động tác đó. Dù không nhìn thấy ánh sáng, bà vẫn cố gắng tận dụng tài năng và sự lao động nghệ thuật của mình cho nền ba-lê của Cuba và thế giới. Bà chính là người đã sáng lập ra đoàn ba-lê tiên thân của Đoàn ba-lê quốc gia Cuba, cái nôi sản sinh ra nhiều nghệ sĩ múa ba-lê nổi tiếng. Bà được mệnh danh là huyền thoại ba-lê của đất nước Cuba.

Câu chuyện về Alicia Alonso cho chúng ta thấy sức mạnh của niềm đam mê. Trong hầu hết các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực nghệ thuật, chỉ đam mê mới có thể đưa người ta vượt qua sự gian khổ trên chặng đường luyện nghề để đi đến những chặng đường sáng tạo và cống hiến.

Trên thế giới, những dịch giả văn học được gọi là “những con ngựa thồ văn hóa”. Cách nói đầy hình tượng ấy có thể giúp bạn hình dung phần nào những thách thức đối với những người dịch văn học nói chung. Ở nước ta, một nước mà mặt bằng chung của văn hóa đọc chưa được tốt, những thách thức đối với người dịch văn học rất lớn. Trong một buổi tọa đàm về dịch văn học được tổ chức vào tháng 5/2012, dịch giả Lê Quang, người đã dịch những tác phẩm văn học hiện đại bằng tiếng Đức sang tiếng Việt, đã nói: “Có 100 lý do để các dịch giả bỏ nghề, nhưng họ vẫn dịch...”. Tôi nghĩ rằng chính niềm đam mê đã giúp các dịch giả văn học của nước ta vượt qua cả 100 sự khó để dẫn thân trên con đường của “những con ngựa thồ văn hóa”.

Năm 2005, khi tôi đã dịch được năm cuốn sách văn học, tôi được gặp dịch giả nổi tiếng Thúy Toàn. Ông nói với tôi: “Dịch văn học là phải đam mê”. Với tôi, câu nói của ông như là một sự nhắc nhở hơn là một thông điệp đơn thuần. Tôi nghĩ rằng ông nói như vậy là muốn nhắc nhở tôi hãy lao động dịch thuật bằng niềm đam mê và hãy giữ niềm đam mê qua từng trang sách. Tôi ghi nhớ lời nhắc nhở ấy và luôn ý thức cao về tầm quan trọng của việc nuôi dưỡng niềm đam mê trong công việc. Để có thêm sự phấn khởi mỗi khi bắt đầu dịch một cuốn sách mới, tôi thường nghĩ đến độc giả - những người tìm thấy ích lợi nào đó từ những cuốn sách tôi dịch. Tôi

cũng nghĩ đến những dịch giả lớn, những người đã dành tâm huyết của mình để dịch những tác phẩm văn học có giá trị tư tưởng và tính nhân văn sâu sắc, để cảm thấy mình được khích lệ mỗi khi gặp những thách thức trong quá trình dịch. Nhờ có niềm đam mê mà tôi đã kiên nhẫn đi từng bước trên con đường khó của “một con ngựa gỗ văn hóa” được hơn mười năm, đã không bỏ cuộc trước những thách thức trên con đường ấy.

Sau khi nước ta ký Công ước Berne về bảo hộ bản quyền, tôi không chờ các nhà xuất bản giao sách cho dịch mà chủ động tìm nguồn nguyên tác cho việc dịch thuật của mình. Kể từ đó, tôi ở vị trí được chọn những cuốn sách mà mình thực sự thích dịch chứ không phải ngồi chờ nhà xuất bản giao sách cho dịch nữa. Từ đó, tuy chưa dám thử sức với những tác phẩm văn học kinh điển, tôi đã chọn dịch những cuốn sách văn học giàu hàm lượng văn hóa, có tính nhân văn và tính văn chương cao giúp bồi dưỡng tâm hồn của bạn đọc bởi vì tôi biết công việc của mình là một loại công việc nhọc nhằn. Với một người mang bệnh như tôi, mỗi lần dịch một cuốn sách là một lần vượt khó. Tôi không muốn bỏ công sức cho những cuốn sách rẻ tiền, càng không muốn làm uổng phí thời gian của bạn đọc. Tôi cho rằng một trong những yếu tố quan trọng khiến người dịch văn học có được niềm đam mê với công việc của mình chính là ý thức về sự thanh cao của nghề mình đang theo đuổi, về giá trị của những tác phẩm mà mình đang góp phần tạo nên. Nếu chọn dịch những cuốn sách rẻ tiền, người dịch sẽ không có quyền ý thức về điều đó nữa, và như thế niềm đam mê sẽ chết.

Ở nước ta, nhuận bút dành cho các nhà văn rất khiêm tốn. Nhuận bút dành cho các dịch giả cũng vậy. Nếu chỉ vì tiền, không ai lại đi dịch sách văn học. Một người có đủ khả năng để dịch những cuốn sách văn học có thể kiếm được một công việc khác đem lại thu nhập cao gấp hai-ba lần. Tôi đã từng được mời làm một công việc chủ yếu đòi hỏi khả năng tiếng Anh đơn thuần với mức thù lao cao hơn thù lao của việc dịch văn học, nhưng tôi đã từ chối vì tôi biết tôi không có niềm đam mê dành cho công việc ấy.

Tôi hài lòng với những giá trị mà công việc dịch thuật mang lại cho tôi. Tôi không quy toàn bộ giá trị lao động của mình ra tiền. Tôi xác định rằng giá trị bằng tiền chỉ là 1/3 tổng giá trị lao động dịch thuật của tôi. 2/3 giá trị còn lại là niềm vui được sáng tạo, được cống hiến, được đóng góp vào sự thay đổi tích cực ở người đọc, được đóng góp cho các nền văn hóa. Hai phần ba giá trị đó tôi không thể sờ thấy bằng tay, nhưng tôi có thể cảm nhận được và tôi *biết* nó được thu hoạch. Thực ra 2/3 giá trị đó - giá trị tinh thần mà công việc mang lại - không phải là tiền, nhưng tiền không mua được phần giá trị đó.

Khi bạn có niềm đam mê với việc gì đó, bạn sẽ hứng thú khi thực hiện nó. Bạn sẽ cảm thấy hạnh phúc khi được sống với niềm đam mê ấy, sẽ chấp nhận những thách thức mà công việc

đặt ra, sẽ hài lòng với những gì nó mang lại cho bạn. Hãy giữ niềm đam mê trong trái tim bạn để bạn có thể hài lòng với cuộc sống của mình.

Tự gieo mầm hy vọng

Tôi đã sống chung với căn bệnh loạn dưỡng cơ tiến triển được hơn hai mươi ba năm. Tôi biết rằng trong khi tôi đấu tranh với căn bệnh này, các nhà khoa học ở các nước tiên tiến cũng đang âm thầm chạy đua với thời gian để tìm ra phương pháp chữa trị nó. Hơn ai hết, những nhà nghiên cứu về căn bệnh loạn dưỡng cơ hiểu rằng vì họ chưa thể về đích trong hành trình tìm kiếm của mình, nhiều trẻ em đã bị căn bệnh ấy cướp đi mạng sống.

Tháng 8/2004, tôi truy cập một trang báo mạng của nước ngoài và tình cờ đọc được một bài viết về cậu bé người Mỹ tên là Mattie J. T. Stepanek. Mattie sinh năm 1990 tại bang Maryland, nước Mỹ, trong một gia đình có những người bị mắc bệnh loạn dưỡng cơ. Ba tuổi, cậu phải chịu đựng mất mát lớn lao khi người anh trai qua đời vì căn bệnh này. Dù còn nhỏ tuổi, Mattie đã thấm thía nỗi đau mất người thân và cậu bắt đầu làm thơ như một cách tự an ủi mình. Khi ấy, cậu đã bắt đầu ý thức được rằng mình cũng là nạn nhân của căn bệnh quái ác ấy. Từ đó việc làm thơ trở thành niềm vui đối với Mattie và là một vũ khí giúp cậu chống chọi với căn bệnh. Khi cậu lên mười, bệnh của cậu tiến triển theo chiều hướng rất xấu. Cậu thường xuyên phải nhập viện để điều trị các chứng rối loạn chức năng hô hấp, tiêu hóa, bài tiết, huyết áp, và đặc biệt là những vấn đề về tim. Thay vì khóc lóc và ủ rũ, Mattie đã kiên cường chịu đựng đau đớn và liên tiếp cho ra đời những bài thơ đậm chất tự sự, giản dị nhưng sâu sắc, khiến nhiều người đọc ngạc nhiên. Nhiều bài thơ của cậu được sáng tác ngay trên giường bệnh, trong những cơn đau. Thơ của Mattie được xuất bản và trở thành sách bán chạy ở Mỹ. Mattie được nhiều người gọi là “thần đồng thơ ca” của nước Mỹ.

Dù biết rõ sự sống của mình đang bị đe dọa, Mattie vẫn không nguôi hy vọng. Cậu viết: *“Lớn lên tôi định trở thành một người cha, một nhà văn, một diễn giả, và nhất là một người kiến tạo hòa bình”*. Mattie không kịp thực hiện các dự định đó. Ngày 22/6/2004, cậu bé Stepanek Mattie qua đời tại Bệnh viện Nhi đồng ở Washington trong niềm tiếc thương của hàng triệu người dân Mỹ. Hàng nghìn người đã đến dự tang lễ của cậu tại Maryland. Chỉ sống mười bốn năm ngắn ngủi trên cõi đời nhưng Mattie không chỉ để lại cho thế giới những vần thơ trong sáng, giàu ý nghĩa mà còn để lại những bài học, những thông điệp về lòng dũng cảm phi thường và tình yêu đời tha thiết.

Tôi biết về Mattie sau khi cậu qua đời được vài tuần. Tôi đã khóc với những giọt nước mắt

tiếc thương từ đáy lòng mình. Và tôi đã khóc với những giọt nước mắt sẻ chia nỗi đau của gia đình cậu. Cái chết của một người mắc một căn bệnh giống mình thực sự khiến tôi rất buồn. Nhưng tôi cũng đã tìm thấy sức mạnh và niềm an ủi, những thông điệp quý giá từ những vần thơ Mattie để lại. Mattie đã viết những câu thơ tha thiết này:

Thật vui khi mọi người

Biết bạn có mặt ở đó

Nhưng cũng thật quan trọng khi họ

Nhớ đến bạn khi bạn đi xa

Người ta nói “sự vắng mặt”

Gọi nhiều thương mến hơn

Nhưng chẳng bằng điều này: “sự tồn tại hôm nay”

Gọi nhiều thương mến nhất.

Những vần thơ của Mattie đã nhắc nhở tôi phải biết trân trọng những ngày được sống trên cõi đời này. Được sống thêm dù chỉ một ngày trên cõi đời này cũng đã rất đáng để chúng ta hy vọng. Và một ngày không phải là ít để chúng ta tạ ơn cuộc sống bằng những việc làm có ích của mình.

Cũng giống như Mattie, trong khi chờ đợi các bác sĩ tìm ra phương thuốc trị bệnh cho mình, tôi đã cố gắng bằng tất cả nghị lực, sức lực và khả năng để làm tất cả những gì khiến sự tồn tại của mình trở nên ý nghĩa từng giờ, từng ngày. Sự tồn tại của tôi thêm ý nghĩa khi tôi được biết rằng mình đã ít nhiều tạo nên những thông điệp thuyết phục về giá trị của cuộc sống bằng chính những việc mà mình đã làm được. Rất nhiều người biết về tôi qua báo chí đã viết thư nói rằng câu chuyện vượt khó của tôi đã giúp họ nhận ra sự may mắn của mình, truyền cho họ sức mạnh để vượt qua những thử thách của cuộc sống, khiến họ thêm yêu đời.

Năm 2008, phóng sự sáu kỳ mang tên “*Không gục ngã*” nói về cuộc vượt khó của tôi đăng trên báo *Tuổi Trẻ* đã tạo ra những tác động tích cực đối với nhiều bạn đọc. Rất nhiều bạn đọc đã gửi về tòa soạn những dòng phản hồi đầy xúc động. Sau khi phóng sự kết thúc, báo *Tuổi Trẻ* đã cho trích đăng một số phản hồi tiêu biểu của những bạn đọc thuộc các lứa tuổi khác nhau trong một bản tin mang tên “*Bích Lan truyền hy vọng đến nhiều người*”.

Độc giả Nguyễn Kim Thành ở Đà Nẵng đã viết: “*Nhìn các tấm ảnh chụp Bích Lan gầy yếu, tôi không hiểu ở đâu mà cô có sức lực để dịch được nhiều cuốn sách, làm thơ và viết truyện như thế.*”

Nhưng càng đọc các bài viết, càng hiểu rằng sức lực đó chính là nghị lực của cô, nghị lực của một con người đã vượt qua lần ranh sinh tử để trở lại với cuộc đời. Đó là nghị lực của một cô gái trẻ không bao giờ ngowi hy vọng, và ‘dù ngày mai có chết, hôm nay cũng không được phép gục ngã’.

Những ngày sau khi phóng sự được đăng lên, thư đến với tôi dồn dập, gần như cứ vài phút tôi lại nhận được một bức thư điện tử. Khi lượng thư lên tới hơn 1.200 bức, các anh chị ở báo Tuổi Trẻ sợ tôi đọc thư và hồi âm thư cho bạn đọc nhiều sẽ mệt đã gợi ý rằng tôi nên viết vài dòng gửi tới tất cả những độc giả của báo. Và tôi đã viết ra những dòng tâm huyết nhất, xúc động nhất khi tôi biết rằng câu chuyện của mình được nhiều người chia sẻ, được góp phần làm thay đổi cuộc sống của người khác theo hướng tích cực. Tôi đã viết những dòng này để cảm ơn độc giả của báo Tuổi Trẻ.

“Lan xin gửi lời cảm ơn từ tận đáy lòng tới tất cả các bạn, những người mà trong dòng đời trôi đi đã dừng lại nghe câu chuyện về Lan, nói lên những cảm xúc không thể kìm nén, bày tỏ sự quan tâm, chia sẻ của các bạn và còn hơn thế. Điều khiến Lan vui nhất khi đọc mỗi bức thư của các bạn không phải là những lời ngợi khen dành cho Lan mà là chính điều đã trỗi dậy trong con người các bạn khi biết về Lan, về những gì Lan đã và đang phải trải qua, những gì Lan đã làm được. Qua những dòng thư của các bạn, Lan cảm thấy các bạn đã nhìn thấy bản thân mình rõ hơn, đã thấy cuộc đời của các bạn đáng quý và đáng sống biết nhường nào. Quan trọng hơn, từ trường hợp của Lan các bạn đã có thêm niềm tin vào cơ hội tồn tại trong chính cuộc sống của các bạn cho dù bạn ở vào hoàn cảnh nào.

Chẳng ai muốn mình gặp khó khăn, nhưng Lan muốn nói với các bạn rằng khó khăn chính là cơ hội để chúng ta nhận ra ý nghĩa của cuộc sống, cơ hội để chúng ta đánh thức những khả năng tiềm ẩn trong chúng ta, cơ hội để chúng ta rèn luyện ý chí và nghị lực, cơ hội để chúng ta yêu thương những người đang sống quanh ta và đón nhận tình yêu thương của họ.

Lan tin rằng kể từ đây có thêm các bạn bên Lan, động viên Lan trong những chặng đường sắp tới. Lòng biết ơn của Lan đối với những người đã, đang và sẽ ở bên Lan trong cuộc chiến không bao giờ chấm dứt này giống như lòng biết ơn của một đứa con biết vâng lời cha mẹ, gắng chăm học, chăm làm, chăm tu dưỡng. Nói ‘con yêu cha mẹ’ cũng cần thiết nhưng không ý nghĩa bằng làm những việc tốt”.

Với tác động tích cực mà phóng sự “Không gục ngã” tạo ra, tôi đã được báo Tuổi Trẻ trao giải thưởng “Những câu chuyện làm thay đổi cuộc sống”. Tôi nghĩ rằng sở dĩ câu chuyện vượt khó của tôi có thể góp phần làm thay đổi cuộc sống của những người khác là bởi nó chứa đựng nhiều hy vọng và quan trọng hơn, nó chứng minh một điều rằng dù trong những hoàn cảnh khó khăn con người ta vẫn có thể tạo ra niềm hy vọng, có thể chia sẻ niềm hy vọng với người

khác. Bạn cần tạo được hy vọng cho chính mình thì mới có thể truyền hy vọng cho người khác được. Đó là điều tôi nghiệm ra trong hành trình vượt khó của mình.

Trong số độc giả viết thư cho tôi có những người mẹ có con bị mắc bệnh loạn dưỡng cơ. Khi bác sĩ cho biết con mình mắc căn bệnh nan y đó, bà mẹ nào cũng bị sốc. Hầu như bà mẹ nào trong lá thư đầu gửi cho tôi cũng viết rằng họ không tin con mình mắc phải căn bệnh đó. Họ không thể lập tức chấp nhận sự thật nghiệt ngã đó. Tôi tìm lời an ủi họ, giúp họ bình tâm lại để có thể có được cách nhìn nhận đúng đắn và hợp lý về căn bệnh. Tôi biết rằng thật dễ hiểu khi những người mẹ đó cảm thấy tuyệt vọng khi biết những thông tin không mấy lạc quan về căn bệnh, nhất là tính chất tiến triển của nó. Trong tâm trạng đó, họ kiếm tìm tất cả những gì có thể mang lại cho họ chút hy vọng. Thoạt đầu họ nghĩ nếu tôi sống được với căn bệnh đó trong từng ấy năm thì chắc hẳn tôi phải có phương cách nào đó có thể giúp ích cho con họ.

Tôi không phải là bác sĩ. Tôi chỉ là một trong những nạn nhân của căn bệnh nan y đó. Tôi không có một phép màu nào cả. Tôi nói cho những bà mẹ ấy biết những gì căn bệnh đã gây ra cho tôi, không nói giảm nhẹ đi cũng chẳng cố tình nói quá lên. Tôi nói rằng ngoài ba mươi tuổi tôi chỉ nặng không quá ba mươi cân, và tôi vẫn đang tiếp tục gầy đi. Tôi nói rằng đã hơn mười năm nay căn bệnh gây ra cho tôi những vấn đề về tim, khiến tôi có lúc cận kề cái chết. Tôi nói rằng tôi không giơ tay lên ngang mặt được nữa, không thể bước lên bậc thang, không thể tự đứng lên - ngồi xuống, không thể cúi cong lưng. Có quá nhiều việc đơn giản mà những người bình thường chẳng cần chút cố gắng nào cũng thực hiện được đối với tôi giờ đây trở thành không thể. Tôi cũng là nạn nhân của căn bệnh mà con họ đang mang. Tôi cũng phải chịu đựng những gì mà con họ phải chịu đựng. Nhưng tôi vẫn sống. Bằng chính cuộc sống của mình, tôi đã chứng minh rằng căn bệnh loạn dưỡng cơ không thể ngăn cản tôi sống một cuộc sống có ích với niềm lạc quan, với những đam mê, khát vọng và sự cống hiến. Gia đình tôi từ lâu lắm rồi cũng đã chấp nhận thực tế về căn bệnh của tôi. Thay vì buồn nản và thất vọng, các thành viên của gia đình cùng tập trung chăm sóc tôi bằng mọi cách có thể, tạo mọi điều kiện để tôi có thể làm việc và sống vui.

Tôi kể cho các bà mẹ của những em bé bị bệnh loạn dưỡng cơ nghe về cái cách mẹ tôi đã cùng tôi đương đầu với căn bệnh. Tôi kể cho họ biết khi tôi bị bệnh, mẹ tôi không chỉ phải chịu đựng nỗi buồn giống họ mà còn phải chịu đựng một nỗi buồn to lớn khác. Đó là nỗi buồn khi bố ra đi. Tôi không muốn nhắc đến vết thương lòng của mẹ, tôi chỉ muốn nói đến những nỗi vất vả mà mẹ tôi phải đương đầu. Sau khi bố tôi ra đi, mọi trách nhiệm của gia đình đều dồn lên đôi vai của mẹ. Mẹ tôi đã kiên cường vượt qua mọi khó khăn, chăm lo cho ba chị em tôi trưởng thành. Sự cứng cỏi, nghị lực, và quyết tâm vượt khó của tôi là niềm hy vọng của mẹ. Sự

kiên cường và đức hy sinh của mẹ là niềm hy vọng của tôi.

Vậy nên, tôi muốn nói với các bà mẹ có con bị mắc bệnh loạn dưỡng cơ nói riêng và những người đang phải đối mặt với những rủi ro, những thử thách to lớn trong cuộc sống nói chung rằng: hy vọng không ở đâu xa, hy vọng ở ngay trong mỗi chúng ta. Vậy nên hãy tạo ra hy vọng cho chính mình để truyền hy vọng cho những người chúng ta yêu thương. Trong những lúc khó khăn, gian nguy, nếu không có niềm hy vọng, chúng ta sẽ gục ngã.

Hết

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>